

Agatha Christie[®]

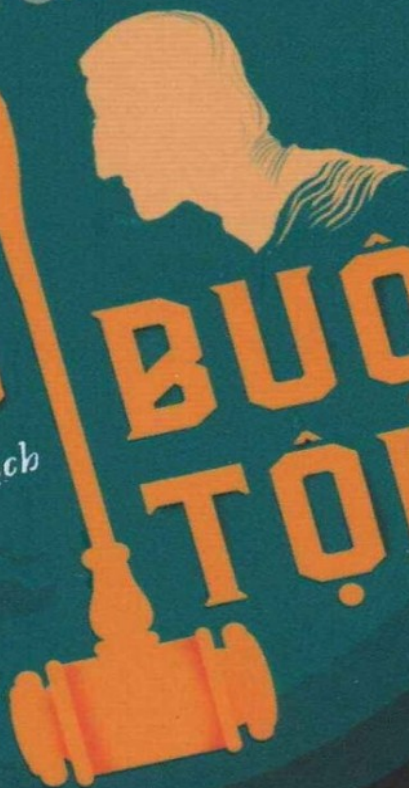
Tập truyện

THE WITNESS FOR THE PROSECUTION
AND OTHER STORIES

**NHÂN
CHỨNG**

Lan Huế dịch

**BUỘC
TỘI**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NHÂN CHỨNG BUỘC TỘI

Tác giả	Agatha Christie
Người dịch	Lan Huế
Nhà xuất bản	Trẻ
Xuất bản	2021

vctvegroup

AGATHA CHRISTIE

(1890–1976) tên thật là Agatha Mary Clarissa Miller, là một nhà văn trinh thám người Anh. Bà còn viết tiểu thuyết lãng mạn với bút danh Mary Westmacott, nhưng vẫn được nhớ đến hơn cả với bút danh Agatha Christie và 80 tiểu thuyết trinh thám. Christie được coi là “Nữ hoàng truyện trinh thám”, là một trong những nhà văn quan trọng và sáng tạo nhất của thể loại này.

Theo Sách kỷ lục Guinness, Agatha Christie là nhà văn có tác phẩm bán chạy nhất mọi thời đại thuộc thể loại trinh thám, và đứng thứ hai nếu tính cả các thể loại khác (chỉ xếp sau William Shakespeare). Sách của bà đã bán được một tỉ bản tiếng Anh, và một tỉ bản nữa bằng 100 thứ tiếng khác.

Phiên tòa xét xử tội phạm giết người trở nên phức tạp khi vợ của bị cáo đứng ra làm chứng buộc tội chồng mình... Giác quan thứ sáu của phụ nữ – và khẩu súng lục đã được lên đạn – chẳng có ý nghĩa gì khác ngoài điềm báo chết chóc... Một gã lái xe bị kẹt giữa đồng không mông quạnh đang tìm chỗ trú chân trong ngôi biệt thự hẻo lánh thì nhận được lời chào đón thảm khốc... Thám tử Hercule Poirot phải đối mặt với thách thức lớn nhất của mình với vụ giết người kỳ lạ trong căn phòng bị khóa kín.

Từ vụ án hồi hộp, hấp dẫn làm tựa đề cho cả tập truyện (gợi cảm hứng làm nên một bộ phim ly kỳ kinh điển) đến những câu chuyện đặc sắc nhất trong dòng tiểu thuyết trinh thám, mười một truyện điều tra rắc rối với các màn suy luận tuyệt vời cho thấy Agatha Christie luôn ở đỉnh cao xuất sắc.

“Không chỉ có Hercule Poirot và Miss Marple, hai chuyên gia phá án ngang ngửa với Sherlock Holmes, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng độc giả, những nút thắt cao trào của *Và rồi chẳng còn ai* và *Nhân chứng buộc tội* cho thấy Agatha Christie chính là đẳng cấp.”

— **MARY JANE CLARK,**
tác giả sách bán chạy theo *The New York Times*

NHÂN CHỨNG BUỘC TỘI

Nhân chứng buộc tội được xuất bản lần đầu ở Mỹ với tựa *Đôi tay của kẻ phản bội* trên *Flynn's Weekly*, ngày 31 tháng 1 năm 1925.

Ông Mayherne chỉnh cặp kính không gọng và khẽ đằng hắng một tiếng khô khốc như thường lệ. Rồi ông nhìn người đàn ông đối diện mình thêm lần nữa, anh ta bị khép tội cố ý giết người.

Ông Mayherne là một người đàn ông nhỏ thó, phong cách chững chạc, gọn gàng, thích chung điện thoại phải nói, ông có cặp mắt nâu lạnh lợi và ánh nhìn xuyên thấu. Đòi nào mà ông dễ bị lừa. Đúng thế, là luật sư, tiếng tăm ông Mayherne nổi như cồn. Khi nói chuyện với thân chủ, giọng ông khô khan nhưng không đáng ghét.

“Tôi phải nhấn mạnh với anh rằng anh đang gặp nguy hiểm chết người, và sự thẳng thắn hết mức là điều cần thiết.”

Leonard Vole, nãy giờ đang sững sờ nhìn vào bức tường trống trước mặt, chuyển ánh mắt sang vị luật sư.

“Tôi biết chứ,” anh đáp vẻ vô vọng. “Ông nhắc đi nhắc lại mãi mà. Nhưng tôi vẫn không tin được mình bị khép tội *giếp người* – giết người. Một tội ác dã man nữa chứ.”

Ông Mayherne là người thực tế chứ chẳng phải dễ xúc động gì. Ông lại ho, gỡ cặp kính không gọng ra, lau cẩn thận rồi đeo lại lên mũi. Đoạn, ông nói. “Vâng, vâng, vâng. Anh Vole thân mến ạ, giờ thì chúng ta phải quyết

tâm nỗ lực để cứu anh ra – và chúng ta sẽ thành công – chúng ta sẽ thành công. Nhưng tôi phải thu thập được tất cả các dữ kiện. Tôi phải biết vụ này gây tổn hại cho anh đến mức nào. Sau đó chúng ta mới có thể chọn lời khai tốt nhất.”

Dù vậy chàng trai trẻ vẫn nhìn ông với vẻ sững sốt và vô vọng như thế. Đối với ông Mayherne, vụ án này đã tối tăm lăm rồi và tội của nạn nhân cũng đã chắc chắn. Nhưng giờ đây, lần đầu tiên ông cảm thấy hồ nghi.

“Ông cho là tôi có tội,” Leonard Vole nói hạ thấp giọng. “Nhưng, thề có Chúa, tôi không có làm! Có vẻ đen tối bất lợi cho tôi, tôi biết chứ. Tôi như người mắc lưới – cạm bẫy bủa vây tôi, vướng vào tôi dù tôi có quay sang ngả nào đi nữa. Nhưng tôi đâu có làm, ông Mayherne ơi, tôi đâu có làm chứ!”

Ai ở vào tình huống ấy chắc chắn cũng sẽ cam đoan mình vô tội. Ông Mayherne biết thế. Tuy nhiên, dù không muốn, ông thấy rất ấn tượng. Rốt cuộc, không chừng Leonard Vole vô tội.

“Anh nói đúng, anh Vole,” ông đáp vẻ trịnh trọng. “Vụ án có vẻ tối tăm bất lợi cho anh. Dù vậy, tôi chấp nhận lời cam đoan của anh. Giờ thì hãy đi vào các sự việc. Tôi muốn chính miệng anh kể chính xác cho tôi nghe anh quen biết bà Emily French như thế nào.”

“Một ngày nọ trên đường Oxford. Tôi thấy một cụ bà băng qua đường. Bà mang rất nhiều gói đồ. Đến giữa đường thì bà làm rơi chúng, đang cố gắng nhặt lên thì nhận ra một chiếc xe buýt sắp cán trúng mình, thế là bà cố gắng leo lên lề đường an toàn, bà vừa bàng hoàng vừa bối rối khi nghe người ta la mình. Tôi nhặt mấy gói đồ, cố gắng lau sạch bùn đất, cột lại dây một cái gói và đưa trả cho bà.”

“Chứ không phải anh cứu sống bà ấy à?”

“Ôi, trời đất, làm gì có. Tôi chỉ làm một việc nhỏ thường tình thôi mà. Bà ấy rất cảm kích nên cảm ơn tôi rồi rít và bà bảo cách hành xử của tôi giờ hiếm thấy ở những người trẻ lắm – tôi không nhớ chính xác lời bà nói. Sau đó tôi nhắc mũ chào rồi đi tiếp. Tôi không hề nghĩ sẽ gặp lại bà. Nhưng cuộc đời đầy bất ngờ. Ngay chiều tối hôm đó, tôi tình cờ gặp lại bà ở bữa tiệc tại nhà một người bạn. Bà nhận ra tôi ngay và bảo tôi giới thiệu về mình cho bà biết. Rồi tôi được biết bà ấy là Emily French sống ở Cricklewood. Tôi nói chuyện với bà một lúc. Tôi nghĩ bà cụ này là người hay đột nhiên vô duyên vô cớ quý mến người khác. Bà yêu quý tôi chỉ vì một hành động cực kỳ nhỏ mà ai cũng có thể làm được. Khi ra về, bà bắt tay tôi thật nồng nhiệt và mời tôi đến chơi nhà bà. Đương nhiên tôi nói mình rất hân hạnh và thế là bà giục tôi chọn ngày nào đó. Tôi cũng chẳng muốn đi nhưng nếu từ chối thì thô lỗ quá nên tôi hẹn ngày thứ Bảy tuần tiếp theo. Khi bà về rồi, tôi biết thêm một vài thông tin về bà từ mấy người bạn. Rằng bà giàu có, lập dị, sống một mình với một bà giúp việc và nuôi ít nhất tám con mèo.”

“Ra thế,” ông Mayherne đáp. “Chuyện bà ấy giàu có được nêu ra lúc đó luôn sao?”

“Nếu ý ông là tôi hỏi...” Leonard Vole lên tiếng vẻ nóng nảy, nhưng ông Mayherne ra dấu cho anh yên lặng.

“Tôi đang nhìn vụ án như khi nó được phía bên kia trình bày. Một người quan sát thông thường sẽ không cho rằng bà French là người phụ nữ có điều kiện. Bà sống khắc khổ, gần như là khiêm nhường. Nếu không phải anh được kể ngược lại thì có thể anh đã nghĩ bà ấy sống khổ cực. Chí ít là thế. Chính xác thì ai là người kể với anh rằng bà ấy giàu có?”

“Anh bạn Harvey của tôi, chủ nhà tổ chức bữa tiệc ấy.”

“Chắc anh ta vẫn nhớ đã kể chuyện đó chứ?”

“Thật sự tôi chẳng biết. Dĩ nhiên là chuyện đó cách nay khá lâu rồi.”

“Thật vậy, anh Vole ạ. Anh thấy đấy. Mục đích đầu tiên của bên nguyên sẽ là chứng minh việc anh không có một xu dính túi – điều đó có đúng hay không?”

Leonard Vole đỏ mặt. “Vâng,” anh đáp khẽ. “Vừa rồi tôi gặp vận đen liên miên.”

“Đúng thế,” ông Mayherne lại đáp. “Như tôi nói đấy, thế là khi không một xu dính túi anh gặp bà cụ giàu có này và chăm chỉ vun vén mối quan hệ với bà ấy. Giờ giả sử chúng ta nói rằng anh không biết bà ấy khá giả và rằng anh thăm viếng bà chỉ đơn thuần là vì lòng tốt...”

“Sự thực là vậy mà.”

“Tôi chắc thế. Không phải tôi nghi ngờ điều đó. Tôi chỉ đang nhìn sự việc từ góc độ của người ngoài. Phụ thuộc rất nhiều vào trí nhớ của anh Harvey. Liệu là anh ta nhớ cuộc nói chuyện đó không? Anh ta có bị luật sư làm cho lẫn lộn rằng nó diễn ra sau đó không?”

Leonard Vole suy nghĩ vài phút. Rồi anh nói với vẻ chắc nịch nhưng nét mặt thì hơi tái đi.

“Tôi nghĩ lời khai đó sẽ không thắng được đâu, ông Mayherne ạ. Nhiều người có mặt ở đó nghe lời nhận xét của anh ta, và vài người trong số họ đùa rằng tôi nên chinh phục vụ bà giàu có đó.”

Ông luật sư cố gắng giấu vẻ thất vọng bằng một cái phẩy tay.

“Tiếc thật,” ông bảo, “Nhưng tôi mừng vì anh đã thắng thắn, anh Vole ạ. Phải nhờ anh dẫn đường chỉ lối cho tôi thôi. Nhận định của anh khá đúng. Cứ đeo bám vào cái lời khai mà tôi nói đó thật là tai họa. Chúng ta phải loại cái ý đó đi. Anh làm quen với bà French, đến thăm bà, mối quan hệ tiến triển thêm lên. Chúng ta cần tìm ra lý do rõ ràng cho tất cả những điều này. Tại sao anh, một người đàn ông trẻ 33 tuổi đẹp trai, yêu thể thao, rất được

bạn bè yêu quý lại đi dành nhiều thì giờ cho một bà già mà anh chẳng có điểm nào tương đồng cả thế?”

Leonard Vole vung tay về căng thẳng.

“Tôi không biết làm sao để giải thích với ông – tôi thật sự không biết làm sao giải thích. Sau lần gặp đầu tiên, bà giục tôi đến thăm bà lần nữa, viện cớ là cô đơn và buồn. Bà khiến tôi thấy khó từ chối. Bà bày tỏ không hề giấu giếm sự yêu mến và tình cảm dành cho tôi đến mức tôi thấy khó xử. Ông biết đấy, ông Mayherne, tôi bản tính yếu đuối – tôi xuôi theo – tôi là người không biết cách từ chối. Ông tin hay không thì tùy, sau ba bốn lần ghé thăm tôi thấy mình yêu quý bà cụ này thật sự. Mẹ mất khi tôi còn nhỏ, dì nuôi tôi khôn lớn và rồi bà cũng qua đời trước khi tôi tròn 15 tuổi. Nếu tôi bảo với ông rằng tôi thật tình thích cảm giác được mẹ chăm sóc và vỗ về, tôi dám chắc ông sẽ cười tôi.”

Ông Mayherne không hề cười. Thay vào đó ông lại gỡ cặp kính không gọng ra lau chùi, luôn là dấu hiệu cho biết ông đang suy nghĩ rất lung.

“Tôi chấp nhận lời giải thích của anh, anh Vole ạ,” cuối cùng ông lên tiếng. “Tôi tin đó chắc là vấn đề tâm lý. Bồi thẩm đoàn sẽ nhìn nhận vấn đề đó như thế nào là chuyện khác. Anh cứ kể tiếp đi. Bà French nhờ anh trông coi chuyện kinh doanh của bà lần đầu tiên là khi nào?”

“Sau khoảng ba hay bốn lần tôi đến thăm bà. Bà chẳng biết gì chuyện tiền bạc, và lo lắng về một số khoản đầu tư của mình.”

Ông Mayherne nhìn lên sắc lẹm.

“Cẩn thận đấy anh Vole. Bà giúp việc Janet Mackenzie khai rằng bà chủ là một người phụ nữ giỏi kinh doanh và tự mình giao dịch tất cả các công việc làm ăn, và điều này đã được xác minh thông qua lời khai từ các chủ ngân hàng của bà ấy.”

“Làm sao tôi biết được,” Vole đáp về thành thật. “Bà ấy bảo với tôi thế mà.”

Ông Mayherne lặng lẽ nhìn anh một lúc. Dù ông không định nói ra nhưng niềm tin rằng Leonard Vole vô tội càng mạnh mẽ hơn vào giây phút đó. Ông biết tâm lý của những bà già. Ông thấy bà French si mê người đàn ông trẻ đẹp trai này, tìm mọi cơ để anh ta tới chơi nhà. Còn cách nào chắc chắn hơn là viện cớ không biết chuyện kinh doanh rồi năn nỉ anh giúp bà lo quản lý tiền bạc? Bà đủ già đời để nhận ra rằng bất kỳ người đàn ông nào cũng cảm thấy đượcâng bốc khi người khác công nhận anh ta giỏi hơn. Leonard Vole cũng đượcâng bốc như thế. Có lẽ bà cũng khoái chí để cho chàng trai trẻ này biết rằng bà có của ăn của để. Emily French là một lão bà có ý chí mạnh mẽ, sẵn sàng trả giá cho những điều mình muốn. Những ý nghĩ này lướt nhanh qua đầu ông Mayherne nhưng ông không nói ra mà thay vào đó ông hỏi tiếp.

“Và thế là anh quản lý chuyện làm ăn theo yêu cầu của bà ấy?”

“Đúng thế.”

“Anh Vole này,” vị luật sư bảo, “tôi sẽ hỏi anh một câu hỏi rất nghiêm túc, và điều quan trọng là tôi phải có được câu trả lời thành thật. Anh không có một xu dính túi. Anh quản lý chuyện làm ăn của bà cụ – một bà cụ mà theo lời bà là biết rất ít hoặc chẳng biết gì về kinh doanh cả. Có lần nào hay ở một phạm vi nào đó anh đã chuyển đổi sổ chứng khoán mà anh đang quản lý để sử dụng vì mục đích riêng không? Anh có tham gia vào vụ giao dịch nào không minh bạch vì lợi ích riêng của mình không?” Ông ngắt câu trả lời của người kia. “Anh khoan hãy trả lời. Trước mắt chúng ta có hai cách. Hoặc là chúng ta nhấn mạnh tính liêm khiết và trung thực của anh trong việc quản lý chuyện kinh doanh của bà cùng lúc chỉ ra rằng anh khó gây tội giết người để chiếm đoạt tiền mà anh có thể đạt được bằng những cách dễ hơn nhiều. Mặt khác, nếu có gì trong giao dịch của anh mà bên nguyên tóm

được – nếu, giả sử trong trường hợp xấu, người ta chứng minh được rằng bằng cách nào đó anh đã lừa đảo bà cụ, chúng ta phải đưa ra lời khai rằng anh không có động cơ nào để giết người cả, vì bà đã là nguồn thu nhập có lợi của anh rồi. Anh nhận thức được sự khác nhau đây. Giờ thì tôi xin anh hãy dành thời gian suy nghĩ trước khi trả lời.”

Nhưng Leonard Vole chẳng dành thời gian suy nghĩ gì cả.

“Những giao dịch của tôi với chuyện làm ăn của bà French đều hoàn toàn hợp lý và thẳng thắn. Nếu ai tìm hiểu vấn đề này sẽ thấy rằng tôi đã cố gắng làm hết sức vì lợi ích của bà.”

“Cảm ơn anh,” ông Mayherne đáp. “Anh khiến đầu óc tôi nhẹ nhõm hơn nhiều. Tôi thật sự tin rằng anh rất thông minh nên sẽ không nói dối tôi một vấn đề quan trọng như thế.”

“Chắc chắn rồi,” Vole hồ hởi đáp, “điểm mạnh nhất mà tôi có là thiếu động cơ. Giả sử tôi tranh thủ mối quan hệ với cụ bà giàu có với hy vọng kiếm tiền từ bà – tôi nghĩ đó là điều mà ông đang nói nãy giờ – thì chắc chắn cái chết của bà đã làm tiêu tan hết những hy vọng của tôi?”

Vị luật sư điềm tĩnh nhìn anh. Rồi ông thông thả lặp lại thói quen đặc trưng với cặp kính không gọng một cách vô thức. Cho tới khi chúng nằm yên trên mũi rồi ông mới cất tiếng.

“Anh không biết bà French để lại di chúc mà trong đó anh là người hưởng tài sản chính hay sao, anh Vole?”

“Gì cơ?” Người tù đứng bật dậy. Vẻ choáng váng của anh ta thật rõ ràng và không chút gượng ép. “Chúa ơi! Ông nói gì cơ? Bà để lại tiền cho tôi sao?”

Ông Mayherne chậm rãi gật đầu. Vole ngồi xuống trở lại, tay ôm lấy đầu.

“Anh giả vờ không biết gì về di chúc này sao?”

“Giả vờ ư? Làm gì có chuyện vờ vịt ở đây. Tôi có biết gì đâu chứ.”

“Thế anh bảo sao khi tôi nói rằng bà giúp việc Janet Mackenzie thề rằng anh đã biết chuyện đó? Rằng bà chủ đã nói rõ ràng với bà rằng bà ấy đã hỏi ý kiến anh về vấn đề đó và nói cho anh biết ý định của bà?”

“Nói ư? Bà ta nói dối đấy! Không, tôi hấp tấp quá. Janet là một bà già. Bà ta là con chó trung thành với chủ, và bà ta không ưa gì tôi. Bà có thói ghen tị và hay nghi ngờ. Tôi đoán là bà French có tiết lộ ý định của mình với bà Janet, và rằng Janet hoặc là hiểu sai điều bà French nói, hoặc bà ta tự nhủ trong đầu rằng tôi đã thuyết phục bà cụ làm điều đó. Tôi dám chắc rằng bà ta tin thế vì chắc là bà French đã kể với bà như vậy.”

“Anh không nghĩ bà ta ghét anh đến độ chủ tâm nói dối về chuyện đó à?”

Leonard Vole trông có vẻ sững sốt và bàng hoàng.

“Đúng đấy! Sao bà ta phải làm thế chứ?”

“Tôi có biết đâu,” ông Mayherne nói vẻ nghi ngờ. “Nhưng bà ta rất thù ghét anh.”

Chàng trai trẻ khốn khổ lại rên rỉ.

“Tôi bắt đầu hiểu ra rồi,” anh ta lẩm bẩm. “Khủng khiếp thật. Họ sẽ bảo là tôi nịnh hót bà cụ, bắt bà làm di chúc để lại tiền cho tôi, và rồi đêm ấy tôi đến đó, không có ai ở nhà – ngày hôm sau họ phát hiện ra bà – ôi! Chúa ơi, khủng khiếp quá!”

“Anh đoán sai chuyện không có ai khác trong nhà rồi.” ông Mayherne bảo. “Nếu anh còn nhớ thì tối đó bà Janet đi ra ngoài. Bà đi rồi nhưng khoảng 9 giờ 30 bà quay lại để lấy mẫu vẽ tay áo mà bà đã hứa với một người bạn. Bà vào nhà bằng cửa sau, đi lên tầng trên và lấy đồ, rồi trở ra. Bà nghe có tiếng người trong phòng khách dù không nghe rõ họ nói gì,

nhưng bà thề rằng một giọng trong đó là của bà French và một là của một người đàn ông.”

“Lúc 9 giờ 30,” Leonard Vole thốt lên. “Lúc 9 giờ 30...” Anh ta đứng bật dậy. “Nhưng như thế thì tôi được cứu rồi – được cứu rồi...”

“Được cứu, ý anh là sao?” ông Mayherne la lên vẻ ngạc nhiên.

— “Khoảng 9 giờ 30 tôi về lại nhà rồi! _ Vợ tôi có thể chứng minh điều đó. Tôi rời khỏi nhà bà French lúc 9 giờ kém 5 phút. Tôi về đến nhà khoảng 9 giờ 20. Vợ tôi đang đợi tôi ở đó. Ôi! Cảm tạ ơn Chúa – cảm tạ ơn Chúa! Và cảm ơn cả mẫu tay áo của bà Janet Mackenzie nữa.”

Đang hồ hởi nên Vole hầu như không để ý vẻ mặt nghiêm trọng của vị luật sư chẳng hề thay đổi. Nhưng những lời nói của người kia khiến anh rơi sầm xuống đất trở lại.

“Thế thì theo anh ai sát hại bà French?”

“Sao, đương nhiên là kẻ trộm rồi, như là ý kiến ban đầu ấy. Ông nhớ mà, cái cửa sổ bị phá đây. Bà cụ chết vì bị nện bằng xà beng, và cái xà beng đó được tìm thấy nằm trên sàn bên cạnh thi thể. Một vài đồ vật bị mất. Nếu không vì bà Janet nghi ngờ tôi vô lý và thù ghét tôi thì cảnh sát đã không đi chệch hướng rồi.”

“Khó mà thề lắm, anh Vole ạ,” vị luật sư đáp. “Đồ bị mất chỉ là những thứ vật vãnh chẳng đáng giá gì, lấy đi như để che mắt thiên hạ thôi. Và những dấu vết trên cửa sổ chẳng có sức thuyết phục gì cả. Ngoài ra, anh thử nghĩ xem. Anh không còn ở trong nhà đó nữa khoảng 9 giờ 30. Vậy thì ai là người đàn ông mà bà Janet nghe đang nói chuyện với bà French trong phòng khách? Bà ấy đời nào nói chuyện thân tình với một tên trộm đúng không?”

“Vâng,” Vole đáp. “Vâng...” Anh ta trông bối rối và có vẻ nhụt chí. “Nhưng dù sao,” anh ta nói tiếp khi đã lấy lại tinh thần, “tôi thoát rồi. Tôi

có chứng cứ ngoại phạm. Ông phải gặp ngay Romaine – vợ tôi.”

“Đương nhiên rồi,” vị luật sư chấp thuận. “Đáng lẽ tôi đã gặp chị Vole nhưng vì chị nhà đi vắng khi anh bị bắt. Tôi đánh điện ngay đến Scotland và được biết chị nhà tối nay sẽ về. Tôi sẽ ghé qua gặp chị ấy ngay khi rời khỏi đây.”

Vole gật đầu, vẻ hài lòng tốt bậc hiện lên trên khuôn mặt anh.

“Vâng, Romaine sẽ kể cho ông nghe. Chúa ơi! Đúng là may thật.”

“Anh Vole này, tôi hỏi khí không phải nhưng anh yêu vợ lắm đúng không?”

“Đương nhiên rồi.”

“Thế còn chị nhà thì sao?”

“Romaine chung thủy với tôi lắm. Cô ấy sẽ làm bất kỳ điều gì trên đời này vì tôi.”

Anh ta hào hứng nói nhưng lòng vị luật sư lại chùng xuống thêm đôi chút. Lời khai của một người vợ chung thủy – có làm cho người ta tin không đây?

“Có ai khác thấy anh về nhà lúc 9 giờ 20 không? Ví dụ người giúp việc chẳng hạn?”

“Chúng tôi không có người hầu ở trong nhà.”

“Anh có gặp ai trên đường về nhà không?”

“Chẳng gặp ai quen cả. Tôi có đi xe buýt một đoạn. Người soát vé có thể vẫn nhớ.”

Ông Mayherne lắc đầu nghi ngại.

“Thế thì không có ai có thể xác nhận lời khai của vợ anh à?”

“Không có. Nhưng đâu cần thiết, đúng không?”

“Tôi không dám nói không. Tôi không dám nói không đâu,” ông Mayherne vội vàng đáp. “Giờ còn thêm một điều này nữa. Bà French có biết anh là người đã có gia đình chưa?”

“Ồ, có chứ.”

“Vậy mà anh chưa bao giờ đưa vợ đến gặp bà ấy. Sao lại thế?”

Lần đầu tiên, Leonard Vole trả lời ngập ngừng và không chắc chắn.

“Ồ – Tôi không biết nữa.”

“Anh có biết bà Janet Mackenzie nói bà chủ của bà ấy tin rằng anh còn độc thân, và đã suy tính sẽ cưới anh trong tương lai không?”

Vole cười lớn.

“Vô lý! Hai chúng tôi cách nhau đến 40 tuổi cơ mà.”

“Chuyện là thế mà,” vị luật sư lạnh lùng đáp. “Sự thật vẫn còn đây. Vợ anh chưa bao giờ gặp bà French sao?”

“Chưa...” Lại cách nói gượng gạo ấy.

“Nói khí không phải chứ,” vị luật sư bảo, “tôi khó mà hiểu được quan điểm của anh trong vấn đề này.”

Vole đỏ mặt, ngập ngừng, rồi nói.

“Tôi sẽ thú nhận hết. Tôi hết sạch tiền, như ông biết đấy. Tôi hy vọng bà French có thể cho tôi mượn ít tiền. Bà yêu quý tôi, nhưng bà chẳng quan tâm gì đến những khó khăn của đôi vợ chồng trẻ cả. Tôi sớm phát hiện ra bà cho rằng tôi và vợ tôi không hòa thuận – đang sống ly thân. Ông Mayherne ạ, tôi cần tiền vì Romaine. Tôi chẳng nói gì, và để bà cụ nghĩ sao tùy bà. Bà có nhắc đến chuyện nhận tôi làm con nuôi. Đời nào có chuyện cưới xin – hẳn là do Janet tưởng tượng ra thôi.”

“Chỉ thế thôi sao?”

“Vâng – chỉ có thế.”

Phải chăng có một thoáng chững lại trong câu nói đó? Vị luật sư tưởng tượng ra thế. Ông đứng dậy và chìa tay ra.

“Tạm biệt anh Vole.” Ông nhìn khuôn mặt hốc hác trẻ măng và đột nhiên thôi thúc nói. “Tôi tin anh vô tội dù có rất nhiều sự việc chống lại anh. Tôi hy vọng sẽ chứng minh được điều đó và minh oan hết cho anh.”

Vole mỉm cười với ông.

“Ông sẽ thấy chúng cứ ngoại phạm đó ồ thôi,” anh hào hứng đáp.

Lần này anh cũng không hề để ý rằng người kia vẫn không phản ứng gì cả.

“Mọi chuyện đều phụ thuộc vào lời khai của bà Janet Mackenzie,” ông Mayherne bảo. “Bà ta ghét anh. Điều đó là rõ rồi.”

“Bà ta làm gì mà ghét tôi chứ,” chàng trai trẻ phản đối.

Vị luật sư lắc đầu khi ra về.

“Giờ thì đến lượt chỉ Vole,” ông lẩm nhẩm một mình.

Ông thực sự lo lắng về tiến triển của các sự việc. Hai vợ chồng Vole sống trong một căn nhà nhỏ tồi tàn gần Paddington Green. Chính là ngôi nhà mà ông Mayherne tìm đến.

Trả lời tiếng bấm chuông của ông là một người đàn bà to con nhếch nhác và bẩn thỉu, rõ ràng là người giúp việc thuê theo giờ, ra mở cửa.

“Bà Vole đâu ạ? Bà ấy đã về chưa?”

“Mới về được một giờ rồi. Nhưng tôi không biết liệu ông có thể gặp cô ấy không.”

“Nếu bà lấy tấm danh thiếp của tôi đưa cho bà ấy,” ông Mayherne nói khe khẽ, “tôi dám chắc là bà ấy sẽ đồng ý gặp.”

Người đàn bà nhìn ông vẻ hoài nghi rồi lau tay vào tạp dề và nhận lấy tấm danh thiếp. Đoạn bà ta đóng cửa lại trước mặt ông và để ông đứng ở

bạc thêm bên ngoài.

Tuy nhiên, vài phút sau, bà trở ra với thái độ có thay đổi đôi chút.

“Mời ông vào nhà.”

Bà dẫn ông vào một căn phòng khách bé tí. Ông Mayherne đang xem bức tranh trên tường thì đột ngột liếc lên và bắt gặp một người phụ nữ cao ráo vẻ mặt nhợt nhạt bước vào phòng lặng lẽ đến độ ông không nghe thấy.

“Ông Mayherne ạ? Ông là luật sư của chồng tôi phải không? Ông mới từ chỗ chồng tôi đến đây à? Mời ông ngồi.”

Ông không nhận ra vợ của Vole không phải là người Anh cho tới khi cô ta nói chuyện. Giờ đây, quan sát cô kỹ hơn, ông để ý thấy đôi gò má cao, mái tóc xanh đen dày, và thỉnh thoảng đôi tay có một vài động tác rất nhỏ chứng tỏ cô ta là người nước ngoài. Một người phụ nữ kỳ lạ, rất trầm lặng. Trầm lặng đến độ khiến người ta cảm thấy khó chịu. Ngay từ đầu ông Mayherne ý thức được rằng ông đang chống lại một cái gì đó mà ông không hề hiểu.

“À, bà Vole thân mến,” ông bắt đầu, “bà đừng suy sụp nhé...” Ông ngừng nói. Rõ ràng Romaine Vole không hề suy sụp chút nào. Cô ta hoàn toàn bình tĩnh và kiềm chế.

“Ông làm ơn kể cho tôi biết với.” Cô bảo. “Tôi phải biết tất cả. Xin đừng nghĩ sẽ giấu bớt điều gì. Tôi muốn biết cả trường hợp xấu nhất.” Cô ngập ngừng rồi lặp lại giọng thấp xuống, vẻ nhấn nhá khác thường khiến vị luật sư không sao hiểu được. “Tôi muốn biết trường hợp xấu nhất.”

Ông Mayherne thuật lại cuộc gặp của ông với Leonard Vole. Cô chăm chú nghe và thỉnh thoảng gật đầu.

“Tôi hiểu rồi,” cô bảo khi ông đã kể xong. “Anh ấy muốn tôi khai rằng anh về nhà lúc 9 giờ 20 tối hôm đó đúng không ạ?”

“Anh ấy về nhà giờ đó đúng không?” ông Mayherne hỏi gay gắt.

“Đó không phải là điều cốt yếu,” cô ta lạnh lùng đáp. “Lời khai của tôi có làm cho anh ấy được tha bổng không? Họ sẽ tin tôi chứ?”

Ông Mayherne sững sốt. Cô ta đi vào cốt lõi vấn đề quá nhanh.

“Đó là điều mà tôi muốn biết,” cô bảo. “Chừng đó có đủ không? Có người nào khác xác nhận chứng cứ của tôi không?”

Có một sự hồ hởi bị đè nén trong thái độ của cô ta khiến ông hơi khó chịu.

“Đến giờ thì chưa có ai khác,” ông miễn cưỡng đáp.

“Tôi hiểu rồi,” Romaine Vole đáp.

Cô ta ngồi yên lặng hoàn toàn trong vài phút. Một nụ cười thoáng qua trên môi cô ta. Cảm giác sợ hãi trong lòng vị luật sư mỗi lúc một tăng thêm.

“Bà Vole này...” ông lên tiếng. “Tôi hiểu bà cảm giác thế nào...”

“Thật ư?” cô hỏi lại. “Tôi không tin đâu.”

“Trong hoàn cảnh như vậy...”

“Trong hoàn cảnh như vậy – Tôi dự định sẽ đơn thương độc mã.”

Ông choáng váng nhìn cô ta.

“Nhưng bà Vole ơi – bà quá nóng nảy rồi. Bà quá chung thủy với chồng...”

“Ông nói gì cơ?”

Giọng nói sắc sảo của cô ta khiến ông giật mình. Ông lặp lại với thái độ dè dặt.

“Bà quá chung thủy với chồng...”

Romaine Vole chậm rãi gật đầu, cái nụ cười kỳ lạ đó lại xuất hiện trên môi.

“Anh ta nói tôi chung thủy với anh ta sao?” Romaine Vole nhẹ nhàng hỏi. “À. Ừ, tôi biết là anh ta đã nói thế. Đám đàn ông thật ngu ngốc! Ngu ngốc – ngu ngốc – ngu ngốc...”

Đột nhiên cô ta đứng dậy. Tất cả những cảm xúc dữ dội mà vị luật sư để ý được trong bầu không khí giờ đây tập trung vào giọng nói của cô ta.

“Ông nghe đây, tôi ghét hắn! Tôi ghét hắn, tôi ghét hắn! Tôi muốn hắn bị treo cổ cho tới chết.”

Vị luật sư giật lùi trước người vợ và con thịnh nộ đang âm ỉ trong mắt cô ta.

Romaine Vole tiến lại gần một bước và tiếp tục vở kịch liệt. “Có lẽ tôi sẽ được chứng kiến chuyện đó. Giả sử tôi nói với ông rằng hắn ta không về nhà vào lúc 9 giờ 20 đêm đó mà là *10 giờ 20* thì sao? Ông bảo là hắn khai với ông hắn chẳng biết tiền sẽ để lại cho hắn. Giả sử tôi nói với ông hắn biết hết, và tin vào điều đó, và thực hiện hành vi giết người để chiếm được tiền? Giả sử tôi nói với ông đêm đó khi về hắn đã thừa nhận với tôi những gì hắn đã làm? Rằng có vết máu trên áo khoác của hắn? Rồi thì sao? Giả sử tôi đứng trước tòa và nói những điều này thì sao?”

Ánh mắt cô ta như thách thức ông. Cố gắng lắm ông mới giấu được cơn choáng váng đang lớn dần trong ông và cố nói bằng một giọng điệu vừa phải.

“Người ta không thể đề nghị bà đưa ra bằng chứng chống lại chính chồng mình được...”

“Hắn đâu phải là chồng tôi!”

Những từ đó tuôn ra quá nhanh đến độ ông tưởng mình hiểu nhầm Romaine Vole.

“Bà bảo sao cơ? Tôi...”

“Hắn không phải là chồng tôi.”

Sự im lặng căng đến độ người ta có thể nghe được tiếng đinh ghim rơi.

“Tôi từng là diễn viên ở Vienna. Chồng tôi vẫn còn sống và đang ở trong nhà thương điên. Vì thế chúng tôi không cưới nhau được. Giờ thì tôi vui rồi.”

Cô ta gật đầu về ngang ngạnh.

“Tôi muốn bà nói cho tôi một điều thôi,” ông Mayherne bảo. Ông cố gắng để tỏ ra bình tĩnh và không bộc lộ cảm xúc gì như ông luôn thế. “Sao bà lại thù ghét Leonard Vole đến thế?”

Cô ta lắc đầu và hé một nụ cười.

“Vâng, ông muốn biết. Nhưng tôi sẽ không nói với ông đâu. Tôi sẽ giữ bí mật của mình...”

Ông Mayherne khẽ ho một tiếng khô khốc và đứng dậy.

“Kéo dài cuộc gặp này chẳng có ích gì cả,” ông nhận xét. “Tôi sẽ liên lạc lại với bà sau khi bàn bạc với thân chủ của mình.”

Romaine Vole tiến đến gần ông, đôi mắt đen tuyệt vời của cô ta nhìn thẳng vào mắt ông.

“Nói cho tôi biết đi,” cô ta bảo, “thật sự, khi đến đây hôm nay, ông có tin rằng hấn vô tội không?”

“Có chứ,” ông Mayherne đáp.

“Ông đúng là người đàn ông nhỏ bé tội nghiệp,” cô ta cười lớn.

“Và tôi vẫn tin như thế,” vị luật sư kết thúc câu. “Chào bà.”

Ông bước ra khỏi phòng, mang theo hình ảnh khuôn mặt chung hững của Romaine Vole.

“Đúng là một vụ quái ác đây,” ông Mayherne lầm bầm một mình khi sải bước trên phố.

Kỳ lạ thật, toàn bộ câu chuyện. Một người đàn bà lạ lùng. Một người đàn bà rất đổi nguy hiểm. Đàn bà đúng là yêu quái một khi họ đã kè dao vào cổ ai.

Phải làm sao đây? Chàng trai trẻ khôn khổ kia không có gì để bào chữa cho mình. Đương nhiên, có khả năng là anh ta phạm tội thật...

“Không đâu,” ông Mayherne tự nhủ. “Không thể – gần như có quá nhiều bằng chứng chống lại anh ta. Mình không tin ả đàn bà này. ả bịa đặt toàn bộ câu chuyện thôi, Nhưng ả sẽ không mang nó ra tòa đâu.”

Ông ước giá mà mình có lòng tin vững chắc hơn về vấn đề này.

Vụ kiện ở tòa án vì cảnh diễn ra ngắn gọn và kịch tính. Những nhân chứng buộc tội chính là Janet Mackenzie, bà giúp việc cho người phụ nữ quá cố, và Romaine Heilger, người Áo và là người tình của tù nhân.

Ông Mayherne ngồi trong phiên tòa và lắng nghe câu chuyện mà người thứ hai kể. Chính là lời khai mà cô ta đã báo trước cho ông biết trong cuộc gặp của họ.

Người tù vẫn bảo lưu lời biện hộ của mình và được đưa lên tòa án cấp cao hơn để xử. Ông Mayherne thì đã vô phương kế. Vụ án buộc tội Leonard Vole vẫn tối tăm không sao tả xiết. Ngay cả luật sư cao cấp Anh tham gia bào chữa cũng tỏ ra ít hy vọng.

“Nếu chúng ta làm lung lay lời khai của người đàn bà gốc Áo đó thì may ra,” ông nói về hoài nghi. “Nhưng vụ này khó chịu thật.”

Ông Mayherne tập trung sức lực vào một điểm duy nhất. Giả sử Leonard Vole nói thật, và đã rời nhà của bà cụ bị sát hại lúc 9 giờ vậy thì người đàn ông mà bà Janet nghe nói chuyện với bà French lúc 9 giờ 30 là ai?

Tia sáng duy nhất là chuyện một đứa cháu ngỗ ngược mà hồi trước đã phỉnh nịnh và đe dọa bà cô của hắn để lấy của bà nhiều món tiền. Vị luật sư

được biết bà Janet Mackenzie rất gần gũi với chàng trai trẻ này, và không ngớt đòi bà chủ đưa phần tiền dành cho hắn. Có thể chính đứa cháu trai này đã ở cùng bà French sau khi Leonard Vole rời đi, đặc biệt là khi hắn không có mặt ở những nơi hắn thường hay lui tới.

Còn những hướng điều tra khác thì những tìm kiếm của vị luật sư chỉ mang lại kết quả tiêu cực mà thôi. Chẳng ai thấy Leonard Vole về nhà của mình hay rời khỏi nhà bà French cả. Cũng chẳng ai thấy người cháu trai kia đến hoặc đi khỏi ngôi nhà ở Cricklewood. Tất cả các cuộc điều tra đều chẳng mang lại kết quả gì.

Ngay trước ngày tòa xét xử thì ông Mayherne nhận được một bức thư đã lái những suy nghĩ của ông sang một hướng hoàn toàn khác.

Nó được gửi đến qua đường bưu điện lúc 6 giờ. Kiểu chữ nguệch ngoạc của kẻ thất học được viết trên một loại giấy thường trong một bì thư bản thủ có con tem dán xiêu vẹo.

Ông Mayherne phải đọc vài lần mới hiểu được nó nói gì.

Kính gửi Ông

Ông là người luật sư đại diện cho chàng trai trẻ. nếu ông muốn con mụ đàn bà ngoại quốc phòng đang ưa tô son trét phấn đó lộ diện là một lũ dối trá ông đến 16 Shaw's Rents Stepney tối nay nhé. Ông fải tốn 200 đồng bạc Hồi gặp Bà Mogson.

Vị luật sư đọc đi đọc lại bức thư kỳ quặc này. Dĩ nhiên đây có thể là một trò chơi khăm nhưng khi suy nghĩ kỹ rồi ông càng tin rằng nó là thật, và cũng tin rằng nó là một tia hy vọng cho gã tù nhân. Chứng cứ của Romaine Heilger hoàn toàn gây bất lợi cho anh ta, còn lời khai mà luật sư bào chữa định theo đuổi, lời khai cho rằng người phụ nữ đó thật sự có một cuộc sống đòi bại thì không đáng tin cậy và may ra chỉ là một chứng cứ không mấy thuyết phục.

Ông Mayherne quyết định rồi. Nhiệm vụ của ông là cứu cho được thân chủ của mình bằng bất cứ giá nào. Ông phải đến Shaw's Rents.

Ông gặp chút khó khăn trong việc tìm ra chỗ đó, một tòa nhà gần như đổ nát nằm trong khu ổ chuột có mùi hôi tanh, nhưng cuối cùng ông cũng tìm được và khi hỏi bà Mogson thì được đưa lên một căn phòng ở tầng ba. Ông đứng trước cửa rồi gõ, chẳng nghe ai trả lời, ông lại gõ tiếp.

Sau lần gõ thứ hai thì ông nghe tiếng lê bước bên trong, rồi ngay lập tức cánh cửa thận trọng hé mở và một dáng người lom khom nhòm ra.

Đột nhiên người đàn bà, đúng là một người đàn bà, cười tủm tỉm và mở cửa rộng hơn.

“Hóa ra là ông à cưng,” bà nói bằng cái giọng khò khè. “Không có ai đi cùng ông chứ, đúng không? Không chơi khăm nhé? Đúng rồi. Ông vào đi – ông vào đi.”

Vị luật sư lưỡng lự bước qua bậc cửa mở vào một căn phòng chật chội bẩn thỉu có cái khò lửa sáng lập lờ. Cái giường bề bộn chưa dọn dẹp ở một góc phòng, một cái bàn gỗ thông đơn giản và hai cái ghế ọp ẹp. Lần đầu tiên ông Mayherne mới nhìn được tổng thể chủ nhân của cái căn hộ gớm ghiếc này. Bà ta cỡ độ tuổi trung niên, lưng khòm, đầu tóc bạc luộm thuộm và quần chật khấn quanh khuôn mặt. Bà thấy ông nhìn bộ dạng của mình và lại cười, cái kiểu cười tủm tỉm nhặt nhẹo khác thường.

“Thắc mắc vì sao tôi che giấu vẻ đẹp của mình hả, cưng? Hi... hi... hi... Sợ nó sẽ cảm dỗ khêu gợi ông sao, hả? Nhưng ông sẽ được thấy – ông sẽ được thấy.”

Bà kéo khăn qua một bên và bắt giắc vị luật sư giật lùi trước một vết đỏ không ra hình thù gì. Bà quần khăn trở lại.

“Vậy ra ông không muốn hôn tôi sao, cưng? Hi... hi... Tôi biết mà. Nhưng tôi đã từng là một cô gái xinh đẹp nhé – cũng không quá lâu như

ông nghĩ đâu. Axit sunfuric đấy chứ ạ, axit sunfuric – nó đã làm ra thế này đấy. À! Nhưng tôi sẽ san bằng tỷ số với chúng...”

Bà ta tuôn ra một tràng những lời tục tĩu ghê tởm mà ông Mayherne cố gắng ngăn lại nhưng vô ích. Cuối cùng bà ta im miệng, đôi tay bà căng thẳng nắm chặt rồi xòe ra.

“Đủ rồi đấy.” vị luật sư lạnh lùng bảo. “Tôi đến đây vì tôi có lý do để tin rằng bà có thể cho tôi thông tin giúp chứng minh thân chủ của tôi, Leonard Vole, vô tội. Có đúng thế không?”

Mắt bà ta nhìn đều ông vẻ xảo quyết.

“Thế còn tiền thì sao, cưng?” bà nói giọng khò khè. “Hai trăm đồng bạc, ông nhớ chứ.”

“Cung cấp chứng cứ là nghĩa vụ của bà, và bà có thể bị yêu cầu làm việc đó.”

“Không được đầu cung. Tôi là một bà già và chẳng biết gì sất. Nhưng nếu ông đưa tôi 200 đồng bạc thì có lẽ tôi sẽ cho ông một hai gợi ý. Hiểu không?”

“Gợi ý gì cơ?”

“Thế một bức thư thì sao? Một bức thư từ cô ả. Giờ đừng bận tâm là làm sao tôi có được nó. Đó là chuyện của tôi. Thế là được. Nhưng tôi muốn 200 đồng bạc của mình.”

Ông Mayherne lạnh lùng nhìn bà rồi quyết định.

“Tôi sẽ đưa cho bà 10 đồng bảng Anh, chừng ấy thôi. Và chỉ với điều kiện là bức thư được như lời bà nói.”

“Mười đồng bảng Anh ư?” Bà ta gào thét và nổi xung lên với ông.

“Hai mươi,” ông Mayherne đáp, “và đó là giá chót rồi.”

Ông đứng lên như thể chuẩn bị bỏ đi. Rồi ông nhìn bà thật kỹ, rút ví ra, và đếm hai mươi tờ một bảng Anh.

“Bà thấy đây,” ông bảo. “Tôi chỉ mang theo có ngân này. Bà lấy thì lấy, không lấy thì thôi.”

Nhưng ông đã biết cái cảnh tiền bạc đó nó quá sức đối với bà. Bà ta chửi thề rồi bất lực nói như mê sảng, nhưng rồi bà nhượng bộ. Bà đi tới chỗ cái giường, lấy gì đó từ dưới tấm nệm rách rưới ra.

“Đây này, đồ khốn kiếp!” bà hăm hè. “Nó là thứ tốt nhất mà ông muốn đây.”

Bà ta quăng cho ông một chồng thư và thế là ông Mayherne mở chúng ra và đọc lướt với vẻ cẩn thận và điềm tĩnh thường lệ. Người đàn bà háo hức nhìn ông nhưng không đoán được gì từ khuôn mặt không lộ chút cảm xúc nào của ông.

Ông đọc lướt qua mỗi bức thư rồi quay lại bức thư quan trọng nhất và đọc lần thứ hai. Sau đó ông cẩn thận buộc chồng thư lại.

Chúng là những bức thư tình do Romaine Heilger viết nhưng người nhận không phải là Leonard Vole. Bức thư quan trọng nhất được đề ngày mà anh ta bị bắt.

“Tôi nói đúng, đúng không nào cung?” người đàn bà tru tréo, “Nó sẽ xử được ả, cái bức thư ấy, đúng không?”

Ông Mayherne cất mấy bức thư vào túi rồi hỏi một câu.

“Làm sao bà có thể lấy được mấy cái thư từ này?”

“Bí mật,” bà ta vừa đáp vừa liếc mắt nhìn về đều cáng. “Nhưng tôi còn biết nhiều hơn nữa cơ. Tôi đã nghe ở tòa con đàn bà phóng đảng đó nói những gì. Tìm nơi ả có mặt lúc 10 giờ 20, thời gian mà ả bảo đang ở nhà. Hỏi ở rạp chiếu phim trên đường Lion ấy. Họ vẫn nhớ – một cô ả đẹp đẽ, khỏe mạnh thế cơ mà – tôi nguyên rửa ả!”

“Người đàn ông đó là ai?” ông Mayherne hỏi. “Chỉ thấy ghi mỗi tên gọi ở đây thôi.”

Giọng người kia trở nên khản đặc và khàn khàn, đôi bàn tay bà ta nắm chặt rồi xòe ra. Cuối cùng bà đưa một bàn tay lên mặt.

“Hắn là cái gã đàn ông đã làm tôi ra thế này đây. Cách đây nhiều năm rồi. Ả cướp hắn từ tay tôi – hồi ấy ả vẫn còn là đồ chíp hôi. Và khi tôi theo đuổi gã – và cả phải lòng gã – thì gã tạt cái chát trời đánh thành vật đó vào mặt tôi! Còn ả thì cười lớn – con ả khôn kiếp! Đã nhiều năm tôi có ý đồ chơi ả một vố. Tôi đã từng đi theo ả, bí mật theo dõi ả. Và giờ thì tôi đã tóm được ả rồi! ả phải chịu đau khổ phải không ông luật sư? ả sẽ phải chịu đau khổ chứ?”

“Có thể cô ta sẽ bị chịu cảnh tù tội vì hành động khai man,” ông Mayherne khẽ nói.

“Nhốt luôn đi – đó là điều tôi muốn đây. Ông sẽ làm thế phải không nào? Tiền của tôi đâu? Số tiền hậu hĩ đó đâu rồi?”

Chẳng nói chẳng rằng, ông Mayherne đặt những tờ tiền xuống bàn. Đoạn ông hít một hơi thật dài rồi quay đi và rời khỏi căn phòng bản thủ. Ngoài nhìn lại, ông thấy bà ta đang ngâm nga với chỗ tiền.

Ông không để phí một giây nào. Ông tìm ra ngay rạp chiếu phim trên đường Lion và đưa ảnh của Romaine Heilger, người gác cửa nhận ra cô ta ngay lập tức. Cô đã đến rạp chiếu phim với một người đàn ông khoảng sau 10 giờ đêm hôm đó. Ông gác cửa không nhớ chính xác người đi cùng cô ta, chỉ nhớ là người phụ nữ đó nói với anh ta về bộ phim đang chiếu. Họ ở lại cho đến lúc kết thúc, khoảng một giờ sau.

Ông Mayherne thấy hài lòng. Bằng chứng Romaine Heilger đưa ra toàn là bịa đặt từ đầu cho đến cuối. Cô ta lấy lòng thù ghét thâm sâu của mình để dựng lên chứng cứ đó. Vị luật sư tự hỏi liệu ông có được biết cái gì nằm

đăng sau lòng thù hận đó không. Leonard Vole đã làm gì cô ta nhỉ? Anh ta điếng người khi vị luật sư thuật lại thái độ của cô ta cho anh nghe. Anh ta thành thật bảo không thể tin nổi – tuy vậy ông Mayherne cảm thấy sau giây phút ngạc nhiên ban đầu những lời cam đoan của anh ta lại thiếu chân thành.

Anh ta *biết rồi*. Ông Mayherne tin thế. Anh ta biết nhưng cố tình không để lộ sự thật. Bí mật giữa hai người đó vẫn là bí mật. Ông Mayherne băn khoăn liệu sẽ có ngày ông biết được bí mật đó là gì không.

Vị luật sư liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Đã muộn nhưng thời gian là tất cả. Ông gọi taxi rồi đưa địa chỉ.

“Ngài Charles phải biết chuyện này ngay,” ông lầm nhảm một mình khi bước lên xe.

Phiên tòa xử Leonard Vole tội ám sát bà Emily French gây xôn xao báo chí. Lý do đầu tiên là người tù trẻ và đẹp trai, tiếp theo là anh ta bị khép vào một vụ án cực kỳ đê hèn và mối quan tâm nhiều nhất là dành cho Romaine Heilger, nhân chứng buộc tội chính. Ảnh của cô xuất hiện trên rất nhiều tờ báo, người ta còn bịa ra một vài câu chuyện liên quan tới lai lịch và tiểu sử của cô.

Vụ xử mở ra khá yên ắng. Nhiều chứng cứ chuyên môn khác nhau được đưa ra trước. Sau đó Janet Mackenzie được gọi lên. Về cơ bản bà ta kể lại câu chuyện như trước đây. Để kiểm tra chéo, luật sư bào chữa đã thành công trong việc khiến bà ta tự mâu thuẫn đôi lần về lời khai liên quan đến mối quan hệ của Vole với bà French, ông ta nhấn mạnh thực tế rằng mặc dù bà có nghe giọng đàn ông trong phòng khách đêm đó nhưng không có gì chứng minh rằng Vole có mặt ở đó, và ông còn cố gắng làm cho người ta cảm thấy sự đồ kỵ và thù ghét bị cáo là căn nguyên lớn trong chứng cứ của bà.

Sau đó nhân chứng tiếp theo được gọi lên.

“Tên của cô là Romaine Heilger à?”

“Vâng.”

“Cô là công dân Áo?”

“Vâng.”

“Có phải ba năm qua cô sống chung với tù nhân và tự nhận mình là vợ anh ta?”

Mắt Romaine Heilger chột chạm vào ánh mắt của người đàn ông ở ghế bị cáo. Nét mặt của cô ta có gì đó kỳ lạ không thể nào dò ra được.

“Vâng.”

Các câu hỏi vẫn tiếp tục. Từng từ từng từ một, những sự thật bất lợi được đưa ra. Vào cái đêm được đề cập đó người tù đã mang theo xà beng. Anh ta quay về nhà lúc 10 giờ 20 và thừa nhận đã giết bà cụ. Hai cổ tay áo dính máu và anh ta đã đốt chúng trong bếp lò. Anh ta đã đe dọa đủ kiểu bắt cô phải im lặng.

Theo chiều hướng tiến triển của câu chuyện, có cảm giác như phiên tòa khi bắt đầu hơi nghiêng về người tù rồi thì mạnh mẽ chống lại anh. Còn anh ta thì ngồi đấy đầu cúi thấp và vẻ ủ rũ như thể anh ta biết mình đã xong đời.

Nhưng cũng có thể lưu ý rằng luật sư riêng của Romaine đã tìm cách kiềm chế sự thù oán của cô. Ông muốn cô là một nhân chứng không thiên vị.

Giữa lúc khó giải quyết ổn thỏa và chậm chạp như vậy, luật sư bào chữa xuất hiện.

Ông nói với cô ta rằng câu chuyện của cô từ đầu đến cuối đều bị đặt để cố ý làm hại người khác, và rằng cô thậm chí còn không ở nhà vào thời gian

đã đề cập, rằng cô đang yêu một người đàn ông khác và chủ tâm tìm cách đưa Vole vào tội chết dù anh không phạm tội.

Romaine bác bỏ những lập luận đó với vẻ vô cùng lão xược.

Tiếp đến là đoạn kết bất ngờ khi bức thư được trình ra. Nó được đọc lớn tại tòa giữa không khí im lặng đến nghẹt thở.

Max thương yêu, số phận đã đưa hấn vào tay đôi ta! Hấn đã bị bắt vì tội sát nhân – nhưng, vâng, sát hại một bà cụ! Đến một con ruồi Leonard còn chưa từng làm hại! Cuối cùng thì em đã trả được thù. Con gà tội nghiệp! Em sẽ nói là đêm đó hấn về trên người có vết máu – rằng hấn đã khai với em thế. Em sẽ treo cổ hấn, Max ạ – và khi bị treo hấn sẽ biết và nhận ra rằng chính Romaine là người đã đưa hấn vào chỗ chết. Và rồi – hạnh phúc, người yêu dấu à! Cuối cùng là hạnh phúc!

Ở tòa có các chuyên gia để xác nhận chữ viết tay kia là của Romaine Heilger nhưng chưa cần đến họ. Khi đối mặt với bức thư đó, Romaine đã sụp đổ hoàn toàn và thú nhận mọi việc. Leonard Vole đã về nhà vào thời gian mà anh ta khai, 9 giờ 20. Cô ta đã bịa ra toàn bộ câu chuyện để hại anh.

Với thất bại của Romaine Heilger, vụ xử ở tòa tối cao cũng thất bại. Ngài Charles gọi một số ít nhân chứng của ông, người tù bước vào chỗ và kể lại câu chuyện của mình với một vẻ thẳng thắn rất đàn ông, không hề bị lay chuyển bởi cuộc đối chất.

Bên nguyên cố gắng đáp trả nhưng không mấy thành công. Kết luận của quan tòa không hoàn toàn nghiêng về người tù nhưng phản ứng đã bắt đầu và bồi thẩm đoàn cần chút thời gian xem xét để đưa ra phán quyết.

“Chúng tôi tuyên bố bị cáo vô tội.”

Leonard Vole được tự do!

Ông Mayherne nhỏ thó vội vàng rời khỏi ghế. Ông phải chúc mừng thân chủ của mình.

Ông để ý thấy mình hăng hái chùi cặp kính không gọng rồi bắt đầu dừng lại. Đêm hôm trước vợ ông bảo rằng ông đang có thói quen đó. Thói quen đúng là những thứ lạ lùng. Người ta thường không biết mình có thói quen.

Một vụ án thú vị – một vụ án rất thú vị. Người phụ nữ đó giờ là Romaine Heilger.

Đối với ông vụ án này vẫn bị nhân vật kỳ lạ Romaine Heilger áp đảo. Trong ngôi nhà ở Paddington trông cô ta như là một người phụ nữ xanh xao, ít nói nhưng ở tòa thì cô ta bùng cháy trên phòng nền mờ nhạt. Cô ta chung diện như một bông hoa vùng nhiệt đới.

Bây giờ nếu có nhắm mắt lại ông vẫn nhìn thấy cô ta, cao ráo và mảnh liệt, thân hình tuyệt đẹp của cô hơi khom về phía trước, bàn tay phải của cô lúc nào cũng vô tình nắm chặt rồi xòe ra. Thói quen ấy, lạ lùng lắm. Động tác bàn tay đó là thói quen của cô ta, ông đoán thế. Tuy vậy gần đây ông đã thấy ai khác làm như thế. Ai thế nhỉ? Gần đây thôi...

Ông há hốc mồm khi đã nhớ ra. *Người đàn bà ở Shaw's Rents...*

Ông đứng sững, đầu quay mòng mòng. Không thể thế được – không thể thế được – Nhưng, Romaine Heilger là diễn viên đây.

Luật sư cao cấp Anh bước đến sau lưng và vỗ vào vai ông. “Chúc mừng chàng trai của chúng ta chưa? Anh ta thoát chết trong gang tấc, ông biết đấy. Đến gặp anh ta đi nào.”

Nhưng vị luật sư nhỏ thó đẩy tay người kia ra.

Ông chỉ muốn một điều duy nhất – mặt đối mặt với Romaine Heilger.

Mãi một lúc sau ông mới gặp được cô ta, và nơi gặp gỡ chẳng ăn nhập gì.

“Thế là ông đã đoán ra,” cô bảo, khi ông nói cho cô biết tất cả suy nghĩ của mình. “Khuôn mặt ư?Ồ! Chuyện đó dễ mà, ánh sáng từ đèn khò quá tệ nên ông không thấy được phần hóa trang thôi.”

“Nhưng tại sao... tại sao...”

“Tại sao tôi phải đơn thương độc mã ư?” Cô ta khẽ cười, nhớ lại lần trước mình đã dùng những từ đó.

“Đúng là một vở hài kịch công phu!”

“Ông bạn ạ – Tôi phải cứu anh ấy. Chứng cứ của một người phụ nữ chung thủy với anh ấy sẽ không đủ thuyết phục – chính ông đã nói bóng gió thế mà. Nhưng tôi còn biết về tâm lý đám đông nữa cơ. Hãy để chứng cứ moi ra từ tôi như là một lời thú nhận, kết tội tôi theo luật pháp, và phản ứng có lợi cho tù nhân ngay lập tức sẽ được kích hoạt.”

“Thế còn chồng thư ấy thì sao?”

“Một cái thôi, cái quan trọng ấy, có thể trông giống như – mình gọi là gì ấy nhỉ? – một sự bày mưu tính kế.”

“Thế còn người đàn ông tên Max thì sao?”

“Chưa hề tồn tại, ông bạn ạ.”

“Tôi vẫn cứ nghĩ,” ông Mayherne nhỏ thó đáp vẻ phẫn uất, “rằng chúng ta có thể cứu anh ta ra bằng – ờ – cách làm thông thường mà.”

“Tôi chẳng dám đánh liều đâu. Ông biết đấy, ông *nghĩ* anh ấy vô tội...”

Thế ra bà *đã biết* rồi ư? Tôi hiểu rồi,” ông Mayherne nhỏ thó đáp.

“Ông Mayherne thân mến ạ,” Romaine đáp, “ông chẳng hiểu gì cả. Tôi đã biết – anh ấy phạm tội!”

BÁO ĐỘNG ĐỎ

Báo động đỏ được đăng lần đầu trên *Grand Magazine*, tháng 6 năm 1924.

“Không, nhưng mà ly kỳ quá,” cô Eversleigh xinh xắn nói, mở trố đôi mắt đẹp nhưng hơi vô hồn. “Người ta luôn bảo phụ nữ có giác quan thứ sáu, ngài nghĩ điều đó có đúng không, thưa ngài Alington?”

Vị bác sĩ tâm lý nổi tiếng cười vẻ mỉa mai. Ông vô cùng khinh miệt những loại đàn bà chân dài nảo ngẩn như vị khách này. Alington West là người cực kỳ có uy tín về bệnh tâm thần, và ông tự biết địa vị và tầm quan trọng của mình. Một người đàn ông hơi mập mạp và vênh váo.

“Tôi biết người ta nói rất nhiều thứ linh tinh, cô Eversleigh ạ. Cái thuật ngữ đó nghĩa là gì – giác quan thứ sáu ấy?”

“Giới khoa học các ngài lúc nào cũng nghiêm trọng thế. Cái cách mà thiên hạ thỉnh thoảng làm như biết chắc điều gì đó thiệt lạ lùng ghê – ý tôi là biết hết, hiểu hết – thật kỳ quặc – thật sự thế. Claire hiểu ý tôi muốn nói gì, phải không Claire?”

Cô kéo cả chủ nhà vào, môi cô hơi trề ra và vai hơi nghiêng.

Claire Trent không đáp ngay. Tham dự bữa ăn tối là một nhóm nhỏ gồm có cô và chồng mình, Violet Eversleigh, ngài Alington West, và cháu trai của ngài là Dermot West, vốn là bạn cũ của Jack Trent. Jack Trent, một người nặng nề có nước da hồng hào, kiểu cười nụ hóm hỉnh, và kiểu cười lớn uể oải dễ mến, tiếp vào câu chuyện.

“Vớ vẩn quá, Violet! Bạn thân của chị chết trong một vụ tai nạn đường sắt mà. Ngay lập tức chị nhớ ngay rằng thứ Ba vừa rồi chị mơ thấy một con mèo đen – hay thật đấy, ngay từ đầu chị đã cảm thấy sẽ có chuyện gì đó xảy ra!”

“Ồ, không đâu, Jack, giờ thì anh lại nhầm linh cảm với khả năng trực giác rồi. Này, ngài Alington, ngài phải công nhận linh cảm là có thật đúng không?”

“Ở một mức độ nào đó, có thể lắm,” vị bác sĩ thận trọng công nhận. “Nhưng sự ngẫu nhiên cũng dự phần nhiều lắm, và rồi còn có khuynh hướng cố định làm nên phần lớn câu chuyện sau đó – mình phải luôn tính cả yếu tố đó nữa.”

“Tôi nghĩ chẳng có cái gì gọi là linh cảm,” Claire Trent lên tiếng, khá đột ngột. “Hay là trực giác, hay giác quan thứ sáu, hay bất cứ điều gì chúng ta nói huyền thiên này giờ. Chúng ta đi qua cuộc đời này giống như một con tàu lao xuyên qua màn đêm đến nơi vô định.”

“So sánh đó khắp khiễng quá, cô Trent ạ,” Dermot West bảo, lần đầu tiên ngẩng đầu lên và tham gia vào cuộc bàn luận. Có ánh sáng lấp lánh hiều kỳ pha chút kỳ quặc trong đôi mắt xám trong veo ngời lên trên khuôn mặt rám nắng. “Cô quên những tín hiệu cảnh báo rồi đấy, cô xem.”

“Tín hiệu ư?”

“Vâng, màu xanh nếu mọi thứ đều ổn, và màu đỏ – để chỉ nguy hiểm!”

“Màu đỏ – để chỉ nguy hiểm – nghe hơi hộp quá!” Violet Eversleigh khẽ thốt lên.

Dermot quay đi về hơi nóng nẩy.

“Đương nhiên đó chỉ là cách miêu tả thôi. Nguy hiểm phía trước! Báo động đỏ! Coi chừng!”

Trent nhìn anh về tò mò.

“Bạn nói như thể đó là một trải nghiệm có thật, bạn cũ Dermot ạ.”

“Đúng thế mà – ý tớ là đã từng xảy ra.”

“Kể chúng tôi nghe một ví dụ đi nào.”

“Tớ sẽ kể ngay một ví dụ. Ở Mesopotamia – ngay sau hiệp định Đình chiến, một tôi nọ trở về lều của mình và có một cảm giác rất mạnh xâm chiếm. Nguy hiểm! Coi chừng! Không hề có dấu hiệu cho biết là chuyện gì. Tớ đi một vòng quanh trại, làm âm cả lên một cách không cần thiết, làm đủ mọi sự phòng bị chống lại một cuộc tấn công của người Ả-rập thù địch. Sau đó tớ về lại lều của mình. Vừa bước vào trong, cảm giác đó lại nổi lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Nguy hiểm! Cuối cùng tớ mang một tấm chăn ra ngoài, cuộn mình trong đó và ngủ.”

“Sao nữa?”

“Sáng hôm sau, khi tớ vào trong lều, điều đầu tiên tớ thấy là một con dao bản lớn – khoảng nửa thước Anh§ – găm xuống giường, ngay chỗ tớ vẫn nằm. Tớ mau chóng biết ra – một trong những đày tớ người Ả-rập. Con trai của ông ấy bị bắn vì làm gián điệp. Chuyện đó, như là một ví dụ về cái mà cháu gọi là báo động đỏ, thì chú phải giải thích sao đây, chú Alington?”

Vị chuyên gia cười kiêu huê cả làng.

“Câu chuyện thú vị quá, cháu Dermot yêu quý à.”

“Nhưng chú không thể đồng ý một cách thẳng thắn điều đó sao ạ?”

“Ừ, ừ, chứ không chút nghi ngờ rằng cháu có linh cảm về nguy hiểm, như cháu nói đấy. Nhưng cái mà chú không đồng tình là nguồn gốc của linh cảm đó. Theo cháu, nó đến từ bên ngoài, bị ấn tượng bởi một nguồn nào đó bên ngoài tác động lên trạng thái tâm lý của cháu. Nhưng ngày nay chúng ta đã phát hiện ra rằng gần như tất cả mọi thứ xuất phát từ bên trong... từ chính tiềm thức của mình.”

“Lại cái tiềm thức cũ rích ấy,” Jack Trent la lên. “Nó giờ là anh thợ đụng.”

Ngài Alington tiếp tục nói mà chẳng màng để ý chuyện bị ngắt lời.

“Chú cho rằng nếu chỉ liếc hoặc nhìn sơ qua thì người Ả-rập này đã tự để lộ mình. Ý thức của cháu không để ý hoặc không nhớ, nhưng tiềm thức của cháu thì ngược lại. Tiềm thức không bao giờ quên. Chúng ta cũng tin rằng nó lập luận hay suy luận khá độc lập với ý chí của ý thức hoặc cao hơn. Thế nên, tiềm thức của cháu tin rằng có âm mưu ám sát cháu, và đã thành công trong việc áp đặt nỗi sợ hãi đó lên nhận thức của cháu.”

“Cháu phải công nhận là nghe có vẻ rất thuyết phục ạ,” Dermot vừa nói vừa cười.

“Nhưng có gì hào hứng đâu chứ,” cô Eversleigh bĩu môi.

“Cũng có thể là trong tiềm thức cháu đã để ý thấy sự căm ghét của người đàn ông đó đối với cháu. Cái mà ngày xưa người ta hay gọi là thần giao cách cảm chắc chắn có thật mặc dù người ta không hiểu mấy về những điều kiện chi phối nó.”

“Có ví dụ nào khác nữa không?” Claire hỏi Dermot.

“Ô! Có chứ, nhưng không có gì mang tính minh họa cả – và tôi nghĩ tất cả đều được giải thích dưới danh nghĩa là sự trùng hợp. Một lần nọ tôi từ chối lời mời đến một ngôi nhà ở miền quê không vì lý do nào khác hơn là sự lôi kéo của ‘báo động đỏ’. Chỗ đó bị thiêu rụi ngay trong tuần. Nhân tiện, chú Alington này, có sự xuất hiện của tiềm thức trong chuyện này không chứ?”

“Chú e là không,” Alington cười đáp.

“Nhưng chủ vừa mới giải thích khá là hay mà. Đi mà chú. Chú không cần phải tỏ ra khách sáo với họ hàng thân thiết đâu ạ.”

“Thế thì, cháu trai ạ, chú mạo muội nhận xét rằng cháu từ chối lời mời vì một lý do thường tình là cháu không muốn đi, và sau vụ hỏa hoạn, cháu tự đưa ra giả thuyết là cháu đã được cảnh báo nguy hiểm, đó là lời giải thích mà giờ cháu đang hoàn toàn tin theo.”

“Cháu chịu chú thật,” Dermot cười lớn, “Đằng nào chú cũng thắng rồi.”

“Dù sao, anh West ạ,” Violet Eversleigh nói lớn. “Tôi hoàn toàn tin Báo Động Đỏ của anh. Có phải thời gian ở Mesopotamia là lần cuối cùng anh nhận được báo động đó không?”

“Vâng – cho đến...”

“Anh bảo sao cơ?”

“Không có gì.”

Dermot ngồi lặng yên. Những từ suýtหลุด khỏi miệng anh là. “Vâng, *cho đến tối nay*.” Suýt nữa chúng bật khỏi miệng anh, nói ra cái ý nghĩ mà anh còn chưa nhận thức được, nhưng cũng cùng lúc đó anh biết nó có thật, Báo Động Đỏ lờ mờ hiện ra trong bóng tối. Nguy hiểm! Nguy hiểm cận kề kìa!

Nhưng tại sao? Có thể có nguy hiểm nào ở đây chứ? Ở đây trong nhà của các bạn anh? Chỉ ít – ờ, vâng, có một loại nguy hiểm. Anh nhìn Claire Trent – nước da trắng ngần, vẻ mảnh mai và mái tóc vàng óng của nàng rủ xuống tuyệt đẹp. Nhưng mối nguy hiểm này đã hiển hiện lâu nay rồi... chắc nó chẳng bao giờ trầm trọng hơn được. Bởi Jack Trent là bạn thân của anh, và còn hơn cả bạn thân, cậu ấy là người đã cứu mạng anh ở Flanders và được đề cử Huân chương chữ thập nhờ hành động đó. Jack là một trong những người đồng đội tốt nhất. Xui xẻo là anh đã phải lòng vợ của Jack. Một ngày nào đó anh sẽ vượt qua chuyện này, anh nghĩ thế. Không thể đón đầu thế này mãi. Phải bóp chết nó – đúng thế, bóp chết nó. Chắc là nàng sẽ không bao giờ đoán được mà dù có đoán được, nàng cũng chẳng quan tâm

đâu. Một bức tượng, một bức tượng đẹp, một vật làm bằng vàng, ngà voi và san hô màu hồng nhạt... một món đồ chơi của vua chúa chứ chẳng phải là người đàn bà bằng xương bằng thịt....

Claire... chỉ nghĩ tới cái tên của nàng thôi, dù là được lặng lẽ thốt lên, cũng khiến anh đau đớn rồi... Anh phải vượt qua thôi. Trước đây anh đã từng quan tâm tới phụ nữ... “Nhưng không giống như thế này!” mới là điều đáng nói. “Không phải như thế này!” Ồ, nó đấy. Không có gì nguy hiểm ở đó – lòng đau nhói, ừ, chứ không phải là hiểm nguy. Không phải là nguy hiểm của Báo Động Đỏ. Mà là của một cái gì khác.

Anh nhìn quanh bàn và lần đầu tiên anh ngạc nhiên khi thấy cái nhóm nhỏ này hơi kỳ lạ. Ví dụ chú anh hiếm khi đi ăn ngoài với một nhóm nhỏ theo kiểu thân mật thế này. Vợ chồng Trent cũng chẳng phải là bạn cũ gì cho cam; cho tới tối nay Dermot mới nhận ra mình chẳng biết gì về họ.

Chắc chắn là, có một nguyên do. Một bà đồng khá tai tiếng sẽ đến sau bữa ăn tối để thực hiện một buổi gọi hồn. Ngài Alington tự nhận mình cũng có quan tâm chút ít đến thuyết duy linh. Vâng, đương nhiên đó là một cái cớ.

Anh để ý thấy từ đó tự bật ra. *Cái cớ*. Phải chăng *cuộc gọi hồn* là một cái cớ để ông chú chuyên gia có mặt ở bữa ăn tối này thật tự nhiên? Nếu thế thì thật sự ông có mặt đây vì mục đích gì? Vô số chi tiết hiện lên chớp nhoáng trong đầu Dermot, đôi khi là những điều vặt vãnh bị bỏ qua, hoặc như chú của anh hay nói, nó bị ý thức bỏ qua.

Vị bác sĩ nhìn Claire cái kiểu kỳ lạ, kỳ cục là đằng khác, không chỉ một lần. Dường như chú ấy đang canh chừng nàng. Nàng có vẻ khó chịu khi bị chú dò xét. Đôi bàn tay nàng hơi co gập. Nàng căng thẳng, cực kỳ căng thẳng, đó có phải là *hoảng sợ* không nhỉ? Tại sao nàng lại hoảng sợ chứ?

Đột nhiên chú quay lại nói chuyện với những người trong bàn. Cô Eversleigh đã khiến người đàn ông cử khôi đó nói về chuyên môn của mình.

“Thưa cô,” ông nói, “bệnh điên là gì chứ? Tôi cam đoan với cô là càng nghiên cứu vấn đề đó, chúng ta càng thấy khó gọi tên nó. Tất cả chúng ta ít nhiều đều tự dối mình, và khi chúng ta đưa nó đi quá xa đến độ tin rằng mình là Sa hoàng Nga, chúng ta bị giam giữ hay kiểm soát. Nhưng đến được đó thì đường còn dài lắm. Đến lúc nào chúng ta mới có thể nhận diện một điểm rồi đóng cọc và bảo, ‘Bên này là bình thường, bên kia là điên loạn chứ?’ Đâu thể làm thế được, cô biết đấy. Và tôi nói cô biết thế này, nếu một người đàn ông bị chúng ảo tưởng vô tình giấu nhẹm bệnh tình của mình thì chúng ta chẳng đời nào phân biệt được anh ta với người bình thường đâu. Sự tinh táo khác thường của người điên là chủ đề thú vị nhất.”

Ngài Alington nhấp một ngụm rượu về am hiểu và mỉm cười với người bên cạnh.

“Tôi nghe bảo là họ rất xảo quyệt,” cô Eversleigh nhận xét. “Ý tôi là mấy người điên ấy.”

“Đúng thế thật. Và sự đè nén chứng ảo tưởng cụ thể của ai đó thường dẫn tới hậu quả thật tai hại. Phân tích tâm lý đã cho chúng tôi biết rằng tất cả những sự đè nén đều nguy hiểm. Một người đàn ông có thói lập dị vô hại và thỏa mãn chừng đó, thì hiếm khi vượt ra khỏi giới hạn. Nhưng người đàn ông” – ông ngừng lại – “hay phụ nữ mà bề ngoài tỏ ra hoàn toàn bình thường thì trong thực tế lại là một nguồn nguy hiểm ghê gớm cho cộng đồng.”

Cái nhìn chăm chú của ông lướt xuống bàn về phía Claire rồi lại quay lên. Ông nhấp thêm một ngụm rượu nữa.

Một nỗi sợ kinh hoàng xâm chiếm Dermot. *Đó có phải là điều ông ấy ám chỉ không? Đó có phải là điều ông ấy nhắm đến không?* Không đời nào, nhưng...

“Và tất cả những chuyện do việc tự đè nén bản thân mình gây ra thì,” cô Eversleigh thở dài. “Tôi hoàn toàn hiểu rằng người ta luôn cần thận trọng trong việc... việc thể hiện tính cách của mình. Mối nguy từ chuyện đó thật đáng sợ.”

“Cô Eversleigh yêu quý ạ,” vị bác sĩ cãi lại. “Cô hoàn toàn hiểu nhầm ý tôi rồi. Nguyên nhân gây ra tổn hại là trong vấn đề bộ não – thỉnh thoảng nổi lên bởi yếu tố bên ngoài ví dụ như một cú sốc; đôi khi, than ôi, lại là do bẩm sinh.”

“Di truyền buồn thật,” người phụ nữ thở dài lơ đãng. “Bệnh lao phổi và tất cả những bệnh khác.”

“Bệnh lao phổi không di truyền,” ngài Alington lạnh lùng đáp.

“Không à? Tôi luôn nghĩ là có chứ. Nhưng bệnh tâm thần thì đúng rồi! Sợ thật. Bệnh gì nữa nhỉ?”

“Bệnh gút,” ngài Alington mỉm cười đáp. “Và bệnh mù màu – bệnh sau khá là thú vị. Nó trực tiếp truyền cho nam giới, nhưng lại tiềm tàng với nữ giới. Thế nên, trong khi rất nhiều đàn ông bị mù màu thì một người phụ nữ chỉ bị mù màu khi mẹ của cô ta tiềm tàng mắc bệnh đó còn bố thì đang mắc bệnh đó – một trường hợp bất thường khá là khó xảy ra. Cái này gọi là di truyền hạn chế bởi giới tính.”

“Thú vị thật. Nhưng mà bệnh tâm thần thì không như thế, đúng không ạ?”

“Bệnh tâm thần có thể di truyền cho đàn ông hoặc đàn bà như nhau,” vị bác sĩ thận trọng đáp.

Claire bất ngờ đứng dậy, đẩy chiếc ghế đột ngột đến độ nó lật ngửa và đổ xuống sàn. Cô trông có vẻ nhột nhạt và những cử động căng thẳng của ngón tay rất rõ ràng.

“Ngài – ngài sẽ không nói lâu chứ ạ?” nàng năn nỉ. “Bà Thompson sắp đến rồi.”

“Thêm một ly Porto nữa rồi tôi sẽ đi cùng cô, là vì,” ngài Alington tuyên bố. “Xem bà Thompson tuyệt vời này biểu diễn là mục đích tôi đến đây còn gì? Ha, ha! Chẳng cần cái gì xui khiến nữa.” Ông chấp thuận.

Claire cười yếu ớt như muốn cảm ơn và đi ra khỏi phòng, tay đặt lên vai cô Eversleigh.

“Tôi e là mình đã mãi nói chuyện nghề nghiệp,” vị bác sĩ nhận xét khi ông ngồi lại xuống ghế. “Thứ lỗi cho tôi nhé, anh bạn yêu quý.”

“Không sao đâu ạ,” Trent đáp chiều lệ.

Anh ta có vẻ căng thẳng và lo lắng. Lần đầu tiên Dermot cảm thấy như người xa lạ khi ở bên cạnh bạn mình. Giữa hai người này hẳn là có một bí mật mà ngay cả người bạn cũ cũng không thể chia sẻ cùng. Tuy vậy, mọi thứ đều kỳ quặc và khó tin quá. Anh có gì để mà phán đoán? Chẳng có gì ngoại trừ một vài cái liếc mắt và vẻ căng thẳng của một người phụ nữ.

Họ nần ná bên ly rượu nhưng chỉ trong chốc lát, rồi họ qua phòng khách ngay khi được báo bà Thompson đến.

Bà đồng là một người phụ nữ trung niên béo tròn, mặc bộ đồ nhung đỏ tía xấu xí, giọng bà ồn ào và khá dung tục, “Hy vọng tôi không đến trễ, cô Trent,” bà ta nói vẻ hồ hởi. “Cô bảo là chín giờ đúng, phải không nhỉ?”

“Bà khá đúng giờ đấy, bà Thompson,” Claire đáp, giọng ngọt ngào và hơi khàn khàn. “Đây là nhóm nhỏ của chúng ta.”

Không giới thiệu gì thêm như thể đó là thông lệ. Bà đồng lướt qua tất cả họ bằng một cái nhìn xuyên thấu và sắc sảo.

“Tôi hy vọng chúng ta sẽ có vài kết quả tốt,” bà ta nhanh nhẩu nhận xét. “Tôi không thể nói hết cho quý vị hiểu tôi chán ghét nhường nào khi ra làm việc mà người ta không hài lòng, là nói thế. Nó khiến tôi bực mình. Nhưng tôi tin Shiromako – thần chủ Nhật Bản của tôi, các ông bà biết đấy – tôi nay sẽ diễn ra tốt đẹp. Tôi chưa bao giờ thấy khỏe khoắn như lúc này, và tôi đã từ chối món bánh mì phô mai nướng chảy§ dù tôi mê món phô mai nướng lắm.”

Dermot lắng nghe, nửa thích thú nửa ghê tởm. Toàn những chuyện dung tục! Tuy vậy, anh đang xét nét một cách ngây ngô sao? Suy cho cùng, mọi thứ đều là tự nhiên – những thế lực được các ông đồng bà cốt tuyên bố đều là những thế lực tự nhiên, cho đến nay vẫn chưa được hiểu đầy đủ. Một bác sĩ phẫu thuật tài ba có thể phải đề phòng chứng khó tiêu vào ngày trước một ca mổ phức tạp. Thì sao bà Thompson lại không thế chứ?

Ghế được xếp thành một vòng tròn, có mấy ngọn đèn điện để tiện cho việc điều chỉnh lên hoặc xuống. Dermot để ý thấy không hề có *kiểm tra* gì cả, hay chuyện ngài Alington thấy thỏa mãn với điều kiện của *buổi gọi hồn*. Không, chuyện bà Thompson chỉ là để che mắt. Ngài Alington có mặt ở đây vì mục đích khác. Theo như Dermot nhớ thì mẹ của Claire qua đời ở nước ngoài. Chuyện về bà có vẻ bí ẩn lắm... Di truyền...

Giật mình một phát, anh ép đầu óc mình quay lại với thực tại xung quanh.

Mọi người đã ngồi vào chỗ, các bóng đèn đã tắt, tất cả ngoại trừ một cây đèn nhỏ ánh đỏ mờ trên cái bàn đằng xa.

Mãi một hồi mà không nghe động tĩnh gì ngoại trừ tiếng thở đều đặn và nặng nề của bà đồng. Dần dà, tiếng thở lớn dần thành tiếng ngáy. Rồi đột ngột có tiếng la mắng lớn giọng từ phía cuối phòng khiến Dermot nhảy dựng lên. Nó được lặp lại ở phía đối diện. Rồi những tiếng la mắng đó đạt

đến đỉnh âm. Chúng nhỏ dần đi, và đột nhiên một tràng cười chế nhạo lạnh lạnh vang lên khắp phòng. Rồi không khí im lặng, bị phá tan bởi một giọng nói hoàn toàn không giống giọng bà Thompson, một giọng nói bị chuyển điệu âm vực cao một cách kỳ quặc.

“Tôi có mặt đây rồi, thưa quý ông,” nó lên tiếng. “Vâng, tôi ở đây rồi. Các ngài muốn hỏi tôi điều gì phải không?”

“Ngài là ai? Shiromako?”

“Vâng. Tôi Shiromako. Tôi qua đời lâu rồi. Tôi làm việc. Tôi rất vui.”

Tiếp theo là những thông tin chi tiết về cuộc đời của Shiromako. Hết sức nhạt nhẽo và nhàm chán, Dermon hay nghe những kiểu đại loại thế này rồi. Mọi người ai cũng vui, vui lắm. Tin nhắn được gửi đến từ những người bà con được miêu tả một cách mơ hồ, miêu tả bằng những từ rời rạc để khớp với hầu hết những sự việc xảy ra ngẫu nhiên. Một bà cụ, mẹ của ai đó đang có mặt, nói huyền thiên một hồi, truyền đạt những câu châm ngôn sao chép từ sách với một vẻ lạ lùng khác thường không hề liên quan đến chủ đề của bà.

“Ai đó muốn nhập vào bây giờ,” Shiromako thông báo. “Có lời nhắn rất quan trọng dành cho một trong các quý ông ở đây.”

Có một thoáng chững lại, rồi một giọng mới cất lên, bắt đầu nói với điệu cười quỷ quái ác độc.

“Ha, ha! Ha, ha, ha! Tốt nhất là đừng về nhà. Tốt nhất là đừng về nhà. Nghe lời tôi đi.”

“Ngài nói với ai thế?” Trent hỏi lại.

“Một trong ba ông. Nếu tôi là ông ta tôi sẽ không về nhà đâu. Nguy hiểm! Máu! Không nhiều máu lắm... cũng kha khá. Đừng, đừng về nhà.” Giọng nói yếu dần. “*Đừng về nhà.*”

Giọng nói tắt lịm. Dermot cảm giác như máu mình sôi lên. Anh tin rằng lời cảnh báo đó dành cho mình. Thế nào đó, có mối nguy hiểm rình rập tối nay.

Bà đồng thở dài, rồi cắn nhần. Bà đang hồi tỉnh. Các ngọn đèn bật lên và giờ đây bà ngồi thẳng dậy, mắt hơi chớp chớp.

“Diễn ra tốt đẹp chứ, bạn thân mến? Tôi hy vọng thế.”

“Thật sự rất tốt, cảm ơn bà Thompson.”

“Là Shiromako, phải vậy không?”

“Vâng, và những người khác.”

Bà Thompson ngáp.

“Tôi là kẻ vô dụng. Hoàn toàn thất cơ lỡ vận. Các ông bà cũng khá mệt đấy. Ồ, tôi mừng vì đã thành công. Tôi hơi sợ là không được việc – sợ có chuyện gì đó không hài lòng. Căn phòng này tối nay có cái vẻ gì kỳ cục quá.”

Bà lần lượt liếc nhìn qua từng bờ vai rộng rồi so vai vẻ không thoải mái.

“Tôi không thích vậy,” bà bảo, “Gần đây có ai trong các ông các bà chết đột ngột không?”

“Trong chúng tôi – ý bà là sao?”

“Bà con gần – bạn bè thân thiết? Không à? Ồ, nếu muốn cường điệu hơn, tôi sẽ nói tối nay có mùi tử khí. Ồ, chắc là tôi chỉ nghĩ vớ vẩn thôi. Tạm biệt, cô Trent. Tôi mừng là cô thấy hài lòng.”

Bà Thompson trong chiếc áo đầm màu đỏ tía ra về.

“Tôi hy vọng ngài cảm thấy thú vị, thưa ngài Alington,” Claire nói khẽ.

“Một buổi tối quá thú vị, thưa cô. Cảm ơn vì đã cho tôi cơ hội này. Xin chúc cô ngủ ngon. Mọi người sẽ đi khiêu vũ hết chứ?”

“Ngài không đi cùng chúng tôi sao ạ?”

“Thôi, thôi. Tôi đặt ra quy định là phải đi ngủ trước 11 giờ 30. Chúc mọi người một buổi tối tốt lành. Một buổi tối tốt lành nhé, cô Eversleigh. A! Dermot, chú có chuyện này muốn nói với cháu. Bây giờ cháu đi cùng chú được không? Cháu có thể gặp lại mọi người ở Grafton Galleries sau.”

“Được chứ, thưa chú. Tớ sẽ gặp cậu ở đó nhé, Trent.”

Suốt quãng thời gian ngắn trên xe về đường Harley, hai chú cháu nói chuyện với nhau rất ít. Ngài Alington xin lỗi Dermot chiếu lệ vì đã lôi anh đi, và trấn an rằng ông chỉ giữ anh vài phút thôi.

“Chú sẽ giữ xe cho cháu nhé, chàng trai?” ông hỏi khi họ xuống xe.

“Ồ, đừng phiền thế, chú. Cháu sẽ bắt taxi.”

“Tốt quá. Chú cũng không muốn giữ Charlson trễ hơn. Ngủ ngon nhé, Charlson. Giờ thì chú để chìa khóa ở chỗ quầy quái nào rồi nhỉ?”

Chiếc xe lướt đi khi ngài Alington đứng ở bậc thềm lục lợi khắp các túi mà chẳng ích gì.

“Chắc là bỏ quên ở áo kia của chú rồi,” sau một hồi ông bảo. “Nhờ cháu bấm chuông giúp chú. Chú dám chắc là Johnson vẫn còn thức đấy.”

Đúng thật, ông Johnson bình tĩnh ra mở cửa trong vòng chỉ sáu mươi giây.

“Để nhầm chìa khóa rồi, Johnson ạ,” ngài Alington giải thích. “Mang cho tôi một vài ly whisky và soda vào phòng đọc sách nhé.”

“Được ạ, thưa ngài Alington.”

Vị bác sĩ sai bước vào phòng đọc sách và bật đèn lên. Vào phòng xong, ông ra hiệu cho Dermot đóng cửa.

“Chú sẽ không giữ cháu lâu đâu, Dermot ạ, nhưng chú có vài điều muốn nói với cháu. Là chú tưởng tượng, hay cháu có – *tendresse*§, chúng ta tạm gọi thế, với phu nhân Jack Trent?”

Máu dồn lên mặt Dermot.

“Jack Trent là bạn thân của cháu.”

“Xin lỗi cháu chứ chuyện đó không giải đáp được câu hỏi của chú đâu. Chú dám chắc cháu cho rằng chú có quan điểm quá khắt khe về ly hôn và những vấn đề như thế, nhưng chú phải nhắc cháu nhớ cháu là người bà con thân thiết duy nhất và là người thừa kế của chú.”

“Làm gì có chuyện ly hôn ạ,” Dermot giận dữ đáp.

“Đương nhiên là không, vì một lý do mà chú hiểu rõ hơn cháu. Cái lý do cụ thể đó chú chưa thể nói với cháu bây giờ, nhưng chú chỉ muốn cảnh báo cháu. Claire Trent không phải dành cho cháu.”

Chàng trai trừng mắt nhìn ông chú của mình không chớp.

“Cháu hiểu chứ – và cho phép cháu nói thẳng là có lẽ cháu hiểu còn rõ hơn chú nghĩ. Cháu biết lý do chú có mặt ở bữa ăn tối nay đây.”

“Hả?” Vị bác sĩ rõ ràng có vẻ bối rối. “Làm sao cháu biết được?”

“Cứ cho là cháu đoán đi, thưa chú. Cháu đã đúng khi nói rằng chú ở đó trong... vai trò khả năng chuyên môn, đúng không ạ?”

Ngài Alington sai bước tới lui.

“Cháu đoán gần đúng rồi đây, Dermot. Đương nhiên chú không thể tự nói với cháu được dù chú e rằng nó sẽ sớm được mọi người biết.”

Trái tim Dermot thất lại. “Ý chú là chú đã... đưa ra quyết định rồi sao ạ?”

“Đúng thế, trong gia đình có bệnh rối loạn tâm thần – phía bên ngoại. Một vụ thương tâm – một vụ thương tâm lắm.”

“Cháu không tin đâu, thưa chú.”

“Chú dám chắc là cháu không tin rồi. Đối với người không có chuyên môn thì sẽ thấy rất ít dấu hiệu rõ ràng nếu có.”

“Còn đối với chuyên gia thì sao ạ?”

“Bằng chứng sẽ quyết định. Trường hợp như thế, bệnh nhân phải bị giam giữ càng sớm càng tốt.”

“Chúa ôi!” Dermot thì thầm. “Nhưng chú không thể giam người ta chẳng vì lý do gì cả.”

“Dermot yêu quý ơi! Có những trường hợp cứ giam giữ khi tình trạng còn tự do của họ gây nguy hiểm cho cộng đồng.”

“Nguy hiểm trầm trọng ấy. Rất có thể là một dạng đặc biệt của chứng cuồng sát. Chính là nó trong vụ án của người mẹ.”

Dermot rên rỉ quay đi, gục mặt vào đôi tay. Claire – nàng Claire trắng ngần và vàng óng!

“Trong hoàn cảnh như vậy,” vị bác sĩ tiếp tục nói về thoải mái, “chú cảm thấy có phận sự phải cảnh báo cho cháu.”

“Claire,” Dermot lầm bầm. “Claire tội nghiệp của tôi.”

“Ừ, đúng thật, chúng ta ai cũng phải thương xót cô ấy.”

Đột nhiên Dermot ngẩng đầu lên.

“Cháu không tin đâu.”

“Gì cơ?”

“Cháu nói cháu không tin. Bác sĩ cũng có thể nhầm lẫn. Ai cũng biết thế mà. Và họ lúc nào cũng chỉ say mê chuyên môn của mình thôi.”

“Này cháu Dermot yêu quý,” ngài Alington giận dữ quát.

“Cháu bảo rồi cháu không tin đâu – và dù sao, ngay cả nếu là như vậy, cháu cũng không quan tâm. Cháu yêu Claire. Nếu cô ấy đến với cháu, cháu sẽ đưa cô ấy đi – thật xa – ra khỏi tầm với của mấy tên bác sĩ ưa can thiệp. Cháu sẽ bảo vệ cô ấy, chăm sóc cô ấy, và che chở cho nàng bằng tình yêu của mình.”

“Cháu không được làm thế. Cháu điên à?”

Dermot cười vẻ khinh bỉ.

“Cháu biết ngay là *chú* sẽ nói thế.”

“Hãy hiểu cho chú, Dermot.” Mặt ngài Alington đỏ gay vì cố dồn nén cảm xúc, “Nếu cháu làm cái việc này... cái việc đáng hổ thẹn này... thì coi như chấm hết. Chú sẽ rút lại số tiền trợ cấp đang cho cháu, và sẽ làm một di chúc mới để lại tất cả gia sản của mình cho nhiều bệnh viện khác nhau.”

“Chú muốn làm gì với tiền của chú thì mặc xác chú,” Dermot hạ giọng đáp. “Cháu sẽ có được người phụ nữ mà cháu yêu.”

“Người phụ nữ mà...”

“Chỉ cần chú nói một từ bất lợi cho cô ấy thì lạy Chúa! Cháu sẽ lấy mạng chú đấy!” Dermot quát.

Tiếng ly leng keng khe khẽ làm cả hai người quay ngoắt lại. Đang tranh cãi gay gắt, họ không nghe thấy tiếng Johnson bê khay bước vào. Khuôn mặt điềm tĩnh của ông là khuôn mặt của một người phục vụ tử tế, nhưng Dermot không biết ông ấy đã tình cờ nghe được những gì.

“Được rồi, Johnson,” ngài Alington đáp cộc lốc. “Đi ngủ đi.”

“Cảm ơn ngài. Chúc ngài ngủ ngon.”

Johnson lui ra.

Hai người đàn ông nhìn nhau. Sự gián đoạn chốc lát đã khiến cơn bão dịu lại.

“Thưa chú,” Dermot bảo. “Đáng lẽ cháu không nên nói với chú như thế. Cháu cũng thấy rằng từ quan điểm của chú, chú hoàn toàn đúng. Nhưng cháu đã yêu Claire Trent lâu rồi. Cho đến nay, chuyện Jack Trent là bạn thân của cháu ngăn trở cháu nói lời yêu Claire. Tuy nhiên trong hoàn cảnh này thì việc đó chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Thật vô lý nếu cho rằng vấn đề

tiền bạc có thể ngăn cản được cháu. Cháu nghĩ cả hai chú cháu mình đã nói hết với nhau những điều cần nói. Chúc chú ngủ ngon.”

“Dermot...”

“Cãi nhau thêm cũng chẳng có ích gì đâu. Chúc chú ngủ ngon, chú Alington. Cháu xin lỗi nhưng chỉ thế thôi ạ.”

Anh vội vàng đi ra và đóng cửa lại. Hành lang tối om. Anh đi qua lối đó, mở cửa chính rồi bước ra đường và đóng cửa thật mạnh.

Một chiếc taxi mới trả khách ở một nhà nằm xa hơn trên cùng con đường và Dermot gọi nó lại và đi tới Grafton Galleries.

Anh đứng hoang mang một lát ở ngưỡng cửa phòng khiêu vũ, đầu quay mòng mòng. Thử nhạc jazz khàn khàn, những người phụ nữ đang tươi cười – như thể anh vừa mới bước vào một thế giới khác.

Anh mộng mị tất thấy những thứ này sao? Thật khó tin cuộc nói chuyện kinh khủng đó với chú của anh lại xảy ra. Claire đang lướt qua như một bông huệ tây trong chiếc váy đầm màu trắng pha bạc vừa như in với dáng hình mảnh mai của nàng. Nàng mỉm cười với anh, khuôn mặt nàng điềm tĩnh và bình yên. Hẳn nhiên tất cả những thứ này là một giấc mơ.

Điệu nhảy đã dứt. Giờ đây nàng đang ở bên cạnh anh, đang nhìn sát mặt anh và cười. Như trong mơ, anh mời nàng khiêu vũ. Giờ nàng đang ở trong vòng tay anh, những giai điệu khàn khàn lại ngân lên.

Anh để ý thấy nàng hơi mệt mỏi.

“Mệt ư? Cô có muốn dừng không?”

“Nếu anh không thấy phiền. Chúng ta đi đâu đó nói chuyện nhé? Tôi có chuyện muốn nói với anh.”

Không phải là mơ. Anh rơi sầm trở xuống đất. Anh đã nghĩ khuôn mặt nàng điềm tĩnh và bình yên sao? Nó ám ảnh bởi nỗi lo lắng, sợ hãi. Nàng đã

biết được bao nhiêu rồi?

Anh tìm được một góc yên tĩnh và thế là họ ngồi xuống cạnh nhau. “Ồ,” anh nói, cố tỏ ra thư thái dù anh không cảm thấy thế. “Cô bảo là có chuyện muốn nói với tôi sao?”

“Vâng.” Đôi mắt nàng sụp xuống. Nàng căng thẳng nghịch núng tua trên váy đầm của mình. “Chuyện khó nói... hơi khó.”

“Nói cho tôi biết đi, Claire.”

“Chuyện chỉ là thế này. Tôi muốn anh đi... đi xa một thời gian.”

Anh kinh ngạc. Đây là điều anh không hề mong đợi. “Cô muốn tôi đi xa sao? Tại sao chứ?”

“Tốt nhất là nên thành thật đúng không ạ? Tôi... tôi biết anh là một... một người đàn ông lịch thiệp và là bạn tôi. Tôi muốn anh đi xa bởi vì tôi... tôi đã phải lòng anh mất rồi.”

“Claire.”

Những lời của cô khiến anh cảm lạnh – lưỡi cứng lại.

“Xin đừng nghĩ tôi tự cao tự đại đến độ nghĩ rằng anh... rằng chắc anh cũng yêu tôi. Chỉ là...tôi không hạnh phúc chút nào... và ôi! Tôi muốn anh đi thật xa.”

“Claire, cô không biết tôi cũng quan tâm... quan tâm cô vô cùng... kể từ khi tôi gặp cô sao?”

Nàng ngược nhìn gương mặt anh vẻ ngỡ ngàng.

“Anh quan tâm sao? Anh đã quan tâm từ lâu rồi sao?”

“Ngay từ giây phút ban đầu.”

“Ôi!” nàng kêu lên. “Thế sao anh không nói với tôi? Hồi ấy? Khi đó tôi có thể đến với anh! Sao lại nói với tôi bây giờ khi đã quá muộn rồi. Không,

tôi mất trí rồi... tôi chẳng biết mình nói gì nữa. Đáng lẽ tôi không nên tìm đến anh.”

“Claire, cô nói ‘giờ thì đã quá muộn rồi’ nghĩa là sao? Có phải... có phải vì chú tôi? Vì những gì mà chú biết? Vì những gì mà chú ấy nghĩ phải không?”

Nàng cảm lạnh gật đầu, nước mắt chảy tràn trên má.

“Nghe này Claire, đừng tin tất cả những chuyện này. Đừng nghĩ đến nó. Hãy đi cùng anh. Chúng ta sẽ đi South Seas, đến những hòn đảo xanh như ngọc bích. Ở đó em sẽ hạnh phúc, và anh sẽ chăm sóc em – sẽ luôn luôn bảo vệ em an toàn.”

Anh vòng tay ôm lấy nàng. Anh kéo nàng sát vào người mình và cảm thấy nàng run lên khi anh chạm vào. Rồi đột nhiên nàng giằng ra.

“Ôi, không được đâu, xin anh đấy. Anh không thấy sao? Bây giờ tôi không thể. Sẽ rất tồi tệ... tồi tệ... tồi tệ. Lúc nào tôi cũng muốn tốt... mà giờ thì... cũng sẽ tồi tệ thôi.”

Anh ngập ngừng, bối rối trước những lời nàng nói. Nàng nhìn anh van lơn.

“Xin anh đấy,” nàng bảo. “Tôi muốn làm người tốt...”

Chẳng nói chẳng rằng, Dermot đứng dậy và bỏ đi. Lúc này những lời nàng nói khiến anh xúc động và đau đớn quá thể, không còn tranh cãi nổi. Anh đi lấy mũ áo, đúng lúc đó lại tông vào người Trent.

“Chào Dermot, cậu về sớm thế.”

“Ừ, tối nay tớ chẳng có hứng nhảy nhót gì cả.”

“Đúng là một đêm tệ thật,” Trent ừ ừ đáp. “Nhưng cậu đâu có lo lắng như tớ.”

Đột nhiên Dermot sợ Trent có thể sắp sửa tâm sự với anh điều gì. Đừng nhé – cái gì cũng được nhưng đừng là chuyện đó!

“Ồ, hẹn gặp lại nhé,” anh vội vàng đáp. “Tớ về nhà đây.”

“Nhà ư? Thế còn cảnh báo của các linh hồn thì sao?”

“Tớ cứ liệu thôi. Chúc cậu ngủ ngon, Jack.”

Căn hộ của Dermot nằm cách đó không xa. Anh đi bộ về, cảm giác cần chút không khí ban đêm mát mẻ để bộ óc đang lên cơn sốt của mình dịu xuống.

Anh vào nhà bằng chìa khóa riêng và bật đèn trong phòng ngủ.

Và đột nhiên, lần thứ hai trong đêm đó, cảm giác mà anh đã được cái tên Báo Động Đỏ chỉ ra lại nổi lên trong anh. Cảm giác lúc đó mạnh đến độ quét sạch cả Claire ra khỏi tâm trí anh.

Nguy hiểm! Anh đang gặp nguy hiểm. Vào thời khắc này, trong chính căn phòng này, anh đang gặp nguy hiểm.

Anh cố chế nhạo mình để thoát khỏi nỗi sợ hãi nhưng vô ích. Dù không nói ra nhưng có lẽ anh chưa cố gắng hết mình. Cho tới nay, Báo Động Đỏ đã đưa ra cảnh báo đúng thời điểm để anh tránh được tai họa. Anh tự cười cái sự mê tín của mình rồi làm một vòng quanh căn hộ. Có thể có tội phạm đột nhập và nằm núp ở đó. Nhưng anh chẳng tìm thấy gì cả. Cậu Milson giúp việc không có nhà nên căn hộ vắng hoe.

Anh quay lại phòng ngủ và chậm rãi cởi áo quần, và nhả nhó một mình. Cảm giác nguy hiểm vẫn mạnh mẽ như thế. Anh đi đến ngăn kéo lấy ra một chiếc khăn tay, và đột nhiên anh đứng bất động. Có một khối lạ lẫm nằm ngay giữa ngăn kéo – cái gì đó cứng ngắc.

Những ngón tay căng thẳng của anh giật nhanh mấy tấm khăn tay và lấy cái vật giấu bên dưới lên. Là một khẩu súng lục.

Ngạc nhiên tột bậc, Dermot hăng hái kiểm tra khẩu súng. Mẫu mã có vẻ lạ, và mới bắn một phát đạn. Ngoài ra, anh không biết gì hơn. Người nào đã đặt nó vào ngăn kéo ngay trong tối nay. Khẩu súng chưa có ở đó khi anh thay đồ đi ăn tối – anh chắc chắn thế.

Anh định đặt nó trở vào ngăn kéo thì giật mình vì tiếng chuông cửa. Nó kêu inh ỏi, to hơn thường lệ trong căn hộ trống trải yên tĩnh.

Giờ này ai có thể đến nhà anh được nhỉ? Chỉ có một đáp án cho câu hỏi đó – một đáp án mang tính bản năng và dai dẳng.

“Nguy hiểm – nguy hiểm – nguy hiểm...”

Được dẫn dắt bởi một bản năng nào đó mà anh không lý giải nổi, Dermot tắt đèn, mặc áo khoác đang vắt trên ghế vào, và mở cửa chính.

Hai người đàn ông đứng bên ngoài, Dermot để ý thấy đằng sau họ là một người mặc đồng phục màu xanh. Một cảnh sát!

“Anh West phải không?” người đứng đầu trong hai người lên tiếng hỏi.

Dermot có cảm giác thời gian dường như trôi qua lâu lắm anh mới trả lời. Thực tế chỉ mới vài giây trước khi anh đáp lại bằng một cái giọng vô cảm mà anh giả gằn giống với giọng người giúp việc của mình. “Cậu West chưa về ạ. Ông cần gì cậu ấy vào đêm hôm khuya khoắt thế này?”

“Chưa về à? Được rồi, vậy thì, tôi nghĩ chúng ta nên vào nhà chờ.”

“Không, không được đâu.”

“Nhìn đây, cậu kia, tôi là thanh tra Verall của Scotland Yard, và tôi có lệnh bắt cậu chủ của cậu. Nếu cậu thích thì cứ xem.”

Dermot đọc kỹ giấy tờ được đưa, hay giả vờ làm thế, rồi hỏi bằng giọng kinh ngạc. “Vì chuyện gì? Cậu ấy đã làm gì thế?”

“Giết người. Ngài Alington West ở đường Harley.”

Đầu óc Dermot xoay vòng vòng, anh rút lui trước hai vị khách ghé thăm của mình. Anh vào phòng khách và bật đèn lên. Viên thanh tra đi theo anh.

“Lục soát một vòng đi,” ông ta ra lệnh cho người kia. Rồi ông ta quay sang Dermot.

“Cậu ở lại đây, cậu giúp việc. Không được chuồn đi báo cho cậu chủ biết đâu đấy. Nhân tiện, tên cậu là gì?”

“Milson, thưa ông.”

“Cậu nghĩ mấy giờ cậu chủ sẽ về, Milson?”

“Tôi không biết, thưa ông, cậu ấy đi khiêu vũ, tôi nghĩ thế. Ở Grafton Galleries.”

“Anh ta đã rời khỏi đó chưa đây một giờ đồng hồ rồi. Có chắc là anh ta chưa về không?”

“Tôi nghĩ là chưa đâu, thưa ông. Tôi tin là tôi hẳn đã nghe tiếng nếu cậu ấy về.” Lúc này, người đàn ông thứ hai bước vào từ phòng kế bên. Trong tay anh ta cầm một khẩu súng lục. Anh ta hào hứng đưa qua cho viên thanh tra. Về hài lòng chuyển sang mặt người kia.

“Thế là chốt hạ rồi,” ông ta nhận xét. “Hẳn là cậu chủ chuồn vào chuồn ra mà cậu không nghe thấy. Cawley, anh ở đây, trong trường hợp anh ta quay lại lần nữa, và trông chừng cậu này luôn. Cậu ta có thể biết nhiều về cậu chủ mà giả vờ không biết đấy.”

Viên thanh tra hồi hả bỏ đi. Dermot cố tiếp cận thông tin chi tiết của vụ việc từ Cawley, ông này có vẻ lăm lờ.

“Một vụ có vẻ rõ ràng rồi,” ông ta tiết lộ. “Vụ án mạng được phát hiện gần như ngay lập tức. Johnson, người giúp việc, chỉ vừa mới lên giường thì ông ấy nghĩ là mình nghe tiếng súng, nên trở xuống lại. Đã thấy ngài

Alington chết rồi, bắn trúng tim. Ông ấy gọi điện ngay và chúng tôi đến nghe thuật lại câu chuyện.”

“Điều gì khiến vụ án khá rõ ràng ạ?” Dermot đánh bạo hỏi.

“Dứt khoát rồi. Chàng West này đến cùng với ông chú rồi họ cãi nhau khi Johnson mang đồ uống vào. Ông già dọa sẽ lập di chúc mới, và thế là cậu chủ của cậu nói sẽ bắn ông kia. Chưa đầy năm phút sau thì nghe tiếng súng. Thế đấy, rõ ràng rồi gì nữa. Thằng ngốc nhãi ranh.”

Đúng là rõ ràng rồi còn gì. Lòng Dermot chùng xuống khi anh nhận ra sự áp đảo của bằng chứng chống lại mình. Đúng là nguy hiểm thật – nguy hiểm khủng khiếp! Và chẳng có cách nào thoát nổi. Anh bắt trí óc phải hoạt động. Trước mắt, anh đề nghị được đi pha trà. Cawley bằng lòng ngay. Ông ta đã khám xét căn hộ và biết là không có cửa hậu.

Dermot được phép đi vào bếp. Khi đã ở đó rồi, anh đặt ấm nước lên, và chăm chú làm cho tách đĩa va vào nhau lanh canh. Rồi anh nhẹ nhàng lén ra cửa sổ và nâng khung kính trượt lên. Căn hộ nằm ở tầng hai, và bên ngoài cửa sổ có thang máy nhỏ bằng sắt kéo lên kéo xuống bằng dây thép do những người buôn bán sử dụng.

Nhanh như chớp, Dermot đã ở bên ngoài cửa sổ và đu mình xuống dây thép. Dây cửa chảy máu hai tay nhưng anh vẫn liềm lĩnh tiếp tục.

Một lát sau anh thận trọng ra khỏi phía sau dãy nhà. Rẽ vào một góc, anh và mạnh vào một người đang đứng trên lề đường. Anh ngạc nhiên tột bậc khi nhận ra đó chính là Jack Trent. Trent hiểu rất rõ hoàn cảnh nguy hiểm.

“Chúa ơi! Dermot! Nhanh lên, đừng luẩn quẩn ở đây nữa.”

Anh ta kéo tay anh và đưa xuống một ngõ nhỏ rồi lại một ngõ khác. Thấy chiếc taxi đứng một mình, họ gọi lại rồi lên xe, Trent nói địa chỉ nhà mình.

“Nơi an toàn nhất lúc này. Ở đó rồi chúng mình sẽ quyết định làm gì tiếp theo để đánh lạc hướng những kẻ ngốc này. Tớ đến đây và hy vọng có thể cảnh báo cho cậu trước khi cảnh sát ập đến, nhưng tớ chậm chân mất rồi.”

“Tớ thậm chí không biết cậu đã hay tin. Jack, cậu không nghĩ là...”

“Đương nhiên là không, anh bạn cũ à, không hề dù là một phút. Tớ biết cậu quá rõ mà. Dù sao đi nữa, đúng là chuyện phiền toái cho cậu rồi. Họ đến và tra hỏi – mấy giờ cậu đến Grafton Galleries, khi nào cậu ra về, v.v... Dermot, ai có thể làm hại ông già chứ?”

“Tớ nghĩ không ra. Tớ đoán người ra tay chính là người đặt khẩu súng lục vào trong ngăn kéo của tớ. Hắn là đã theo dõi hai chú cháu sát sao.”

“Cái vụ gọi *hôn* đó đúng là kỳ quặc thật. *‘Đừng về nhà.’* Đã ứng cho ông già West tội nghiệp. Ông ta về nhà và thế là bị bắn.”

“Nó cũng ứng cho tớ nữa,” Dermot bảo. “Tớ về nhà và thấy một khẩu súng lục đã được cài vào và một thanh tra cảnh sát.”

“Ồ, tớ hy vọng nó không ứng cho tớ luôn,” Trent bảo. “Chúng ta đến rồi.”

Anh ta trả tiền taxi, mở cửa bằng chìa khóa rập nổi, dẫn Dermot lên một cầu thang tối đến phòng làm việc của mình, đó là căn phòng nhỏ ở tầng một.

Trent đẩy cửa và Dermot bước vào trong lúc anh ta bật điện, rồi anh ta vào theo.

“Ở đây khá an toàn trong lúc này,” anh ta nhận xét. “Giờ thì chúng ta có thể cùng nhau bàn tính rồi quyết định làm gì là tốt nhất.”

“Tớ tự biến mình thành thằng ngốc rồi,” đột nhiên Dermot bảo. “Đáng lẽ tớ phải đối mặt chứ. Giờ thì tớ thấy rõ hơn rồi. Mọi chuyện chỉ là một âm mưu. Cậu cười cái quái gì thế?”

Vì lúc này Trent ngồi dựa vào ghế và run lên do phấn khích tột độ. Có cái gì thật ghê rợn trong tiếng cười đó – cái gì đấy ở người đàn ông này cũng đáng sợ. Ánh mắt hắn ta thật kỳ cục.

“Một âm mưu quá tài tình,” hắn thở hồn hển. “Dermot, thằng bạn kia, mày hết đời rồi.”

Hắn ta kéo cái điện thoại về phía mình.

“Cậu làm gì thế?” Dermot hỏi.

“Gọi điện cho Scotland Yard. Báo cho họ biết người của họ đang ở đây – bị khóa kín bùng rồi. Ừ, tao đã khóa cửa khi vào nhà và chìa khóa nằm trong túi tao rồi. Nhìn cánh cửa sau lưng tao cũng chẳng ích gì đâu. Nó dẫn vào phòng Claire, và cô ấy luôn khóa trái cửa. Cô ta sợ tao, mày biết đấy. Đã lâu lắm rồi. Cô ta luôn biết khi nào tao nghĩ đến con dao đó – một con dao dài và sắc. Không, đừng có mà...”

Dermot định lao tới hắn nhưng người kia đột nhiên lôi ra một khẩu súng lục xấu xí.

“Đây là khẩu thứ hai,” Trent tùm tùm cười. “Tao đặt khẩu đầu tiên trong ngăn kéo của mày sau khi dùng nó bắn lão West – Mày nhìn gì phía trên đầu tao thế? Cánh cửa đó à? Chẳng ích gì đâu, ngay cả nếu Claire định mở – và có thể cô ta sẽ làm thế *cho mày* – thì tao sẽ bắn mày trước khi mày tới được đó. Không phải ngay tim – không phải để giết mày mà chỉ làm mày bị thương nhẹ để mày không trốn được. Tao là tay thiện xạ, mày biết mà. Tao đã một lần cứu mạng mày. Tao ngu quá. Không, không đâu, tao muốn mày bị treo cổ – ừ, treo cổ. Con dao đó không phải dành cho mày mà cho Claire. Là Claire – Claire xinh đẹp, trắng ngần và mềm mại. Lão West đã biết chuyện. Thế nên lão có mặt ở đây tối nay, để xem liệu tao có bị điên không. Lão muốn giam tao – để tao không làm hại Claire bằng con dao đó. Tao đã rất xảo quyệt. Tao lấy chìa khóa nhà lão và cả của mày. Tao lên ra khỏi buổi

khiêu vũ ngay khi đến đó. Thấy mày đi ra khỏi nhà lão và thế là tao vào. Bắn lão xong tao chuồn ngay. Rồi tao qua chỗ mày và để lại khẩu súng lục. Tao có mặt ở Grafton Galleries gần kịp lúc với mày, và bỏ cái chìa khóa vào lại trong túi áo khoác của mày khi chào tạm biệt. Tao chẳng ngại phải kể lại tất cả chuyện này cho mày biết. Chẳng có ai khác nghe thấy, và vì mày sẽ bị treo cổ nên tao muốn nói cho mày biết chính tao làm điều đó... Chúa ơi, làm tao buồn cười quá! Mày đang nghĩ gì thế? Mày đang nhìn cái quái gì thế?”

“Tớ đang nghĩ những lời cậu mới vừa nói. Lẽ cậu đã làm tốt hơn nếu không về nhà, Trent à.”

“Ý mày là sao?”

“Nhìn sau lưng cậu đi!” Trent quay lại. Ở ngưỡng cửa phòng liên thông, Claire đã đứng đó – cùng với thanh tra Verall...

Trent rất nhanh. Khẩu súng lục chỉ nổ một tiếng – và trúng đích ngay. Hắn ngã sấp xuống bàn. Viên thanh tra lao đến bên cạnh hắn còn Dermot nhìn Claire chằm chằm như đang trong một giấc mộng. Những mảng ý nghĩ rời rạc lướt nhanh trong đầu anh. Chú của anh – cuộc cãi vã của họ – sự hiểu nhầm quá lớn – luật hôn nhân của nước Anh sẽ không bao giờ cho phép Claire thoát khỏi người chồng bị tâm thần – “chúng ta ai cũng phải thương xót cô ấy” – kế hoạch giữa nàng và ngài Alington đã bị tên Trent xảo quyệt phát hiện – tiếng nàng la lên với anh. “Tội tệ – tội tệ – tội tệ!” Ừ, nhưng giờ đây...

Viên thanh tra viên đứng thẳng dậy.

“Chết rồi,” ông ta nói về bức bối.

“Vâng,” Dermot nghe chính mình nói, “anh ta luôn là một tay thiện xạ mà...”

NGƯỜI ĐÀN ÔNG Ở GÓC THỨ TƯ

Người đàn ông ở góc thứ tư xuất bản lần đầu trên *Pearson's Magazine*, tháng 12 năm 1925.

Cha Canon Parfitt thở khá hỗn hển. Chạy đuổi theo tàu không phải là chuyện mà một người đàn ông ở tuổi ông nên làm. Bởi một lý do là hình dáng ông không còn như xưa và với vóc người mất hẳn vẻ mảnh mai thì chiều hướng bị hụt hơi càng tăng. Cha Canon luôn tự nói đến xu hướng đó, với lòng tự trọng, là: _“Tim của tôi ấy mà, _ ông biết đấy!”

Cha Canon ngồi vào một góc của toa hạng nhất và thở phào nhẹ nhõm. Cái ấm áp trong toa tàu được sưởi này khiến ông cảm thấy rất dễ chịu. Bên ngoài tuyết đang rơi. Có được chỗ ngồi trong góc trên một chuyến tàu đêm dài thật may mắn thay. Nếu không thì khổ sở lắm. Tàu này hẳn phải có toa giường nằm.

Ba góc còn lại đã có người ngồi, và khi để ý điều này thì cha Canon Parfitt phát hiện người đàn ông ở trong góc xa đang mỉm cười với vẻ thoáng nhận ra ông. Đó là một người đàn ông mày râu nhẵn nhụi có vẻ mặt thách đố còn tóc ở hai bên thái dương đã ngả bạc. Nghề nghiệp của ông là luật sư rõ tới mức không ai nhầm lẫn với bất cứ gì khác. Đúng vậy, ngài George Durand là một luật sư rất nổi tiếng.

“Ôi, cha Parfitt,” ông ta ân cần, “cha chạy cho kịp tàu chứ gì?”

“Tôi e là không tốt cho tim,” cha Canon đáp. “Gặp ngài đây đúng là tình cờ quá, ngài George. Ngài đang đi về phía bắc à?”

“Newcastle,” ngài George đáp ngắn gọn. “Nhân tiện,” ông nói thêm, “cha có biết bác sĩ Campbell Clark không?”

Người đàn ông ngồi cùng phía trong toa tàu với cha Canon nghiêng đầu chào thân mật.

“Chúng tôi gặp nhau ở sân ga,” vị luật sư nói tiếp. “Lại là một sự ngẫu nhiên nữa.”

Cha Canon Parfitt nhìn bác sĩ Campbell Clark hết sức thích thú. Đó là cái tên mà ông thường được nghe. Bác sĩ Clark là thầy thuốc và là chuyên gia thần kinh hàng đầu, và quyển sách mới nhất của ông, *Vấn đề về vô thức*, là ấn phẩm được bàn luận nhiều nhất trong năm.

Cha Canon Parfitt thấy người đó quai hàm vuông vức, tóc chưa hề bạc nhưng đang nhanh chóng thưa dần. Ông cũng có ấn tượng đó là người tính cách rất mạnh mẽ.

Nghĩ liền mạch một cách hoàn toàn tự nhiên, cha Canon nhìn sang ghế đối diện, nửa như mong muốn cũng nhận được một cái nhìn quen thuộc ở đó, nhưng chỗ thứ tư trong toa tàu lại là một người hoàn toàn xa lạ – một người ngoại quốc, cha Canon đoán thế. Da anh ta hơi đen, vẻ bề ngoài chẳng có gì nổi bật. Cuộn mình trong cái áo khoác rộng, anh ta có vẻ đang ngủ sâu.

“Cha Canon Parfitt ở Bradchester đây à?” bác sĩ Campbell Clark hỏi giọng dễ mến.

Cha Canon cảm thấy được tăng bốc. “Những bài giảng đầy tính khoa học” của ông thật sự thành công vô cùng – đặc biệt là từ khi báo chí tăng nó lên. Ừ, thì đó là những gì nhà thờ cần – những thứ hết sức cập nhật hiện đại.

“Tôi mới đọc quyển sách của ông và thấy thú vị vô cùng, bác sĩ Campbell Clark ạ,” cha Canon bảo. “Dù có vài thuật ngữ khoa học chỗ này chỗ kia khiến tôi khó hiểu.”

Durand xen vào.

“Cha sẽ nói chuyện hay ngủ hả cha Canon?” ông hỏi. “Tôi phải thú thật ngay là tôi bị chứng mất ngủ và vì thế tôi thích lựa chọn đầu tiên hơn.”

“Ồ! Tất nhiên là nói chuyện chứ. Đương nhiên rồi.” cha Canon đáp. “Tôi hiếm khi ngủ trên những chuyến đi đêm thế này, và quyển sách tôi mang theo bên mình lại chán ngắt.”

“Dù sao đi nữa chúng ta cũng là một nhóm đại diện,” vị bác sĩ mỉm cười nhận xét. “Nhà thờ, luật pháp, nghề y.”

“Chúng ta sẽ không bất đồng ý kiến với nhau lắm đâu nhỉ?” Durand cười lớn. “Nhà thờ ở quan điểm tâm linh, bản thân tôi thì ở góc độ hoàn toàn trần tục và dựa trên pháp luật, còn ông, bác sĩ ạ, với một lĩnh vực rộng nhất trong tất cả, từ bệnh học thuần túy cho đến siêu tâm lý học! Nói nghe này, tôi nghĩ ba người chúng ta hoàn toàn có thể bao quát mọi lĩnh vực kiến thức rồi.”

“Tôi nghĩ không hoàn toàn như ông tưởng tượng đâu.” bác sĩ Clark đáp. “Có một quan điểm khác, ông biết đấy, mà ông đã bỏ sót, và nó khá quan trọng.”

“Gì cơ?” vị luật sư hỏi lại.

“Quan điểm của Người Bình Thường.”

“Nó quan trọng thế à? Chẳng phải Người Bình Thường hay sai sao?”

“Ồ! Hầu như luôn là sai. Nhưng anh ta có một điều mà tất cả ý kiến chuyên gia đều thiếu – quan điểm cá nhân. Ông biết đấy, rốt cuộc, chúng ta không thể không có những mối quan hệ cá nhân. Tôi phát hiện điều đó trong nghề của mình. Bao nhiêu bệnh nhân đau ốm thật sự đến tìm tôi thì ít nhất là năm người chẳng mắc bệnh gì ngoại trừ không thể sống hạnh phúc với những người ở chung dưới một mái nhà. Họ đặt cho nó nhiều cái tên – từ sung đầu gối của người giúp việc cho đến chứng khó đọc chữ của nhà

vấn, nhưng nói gì thì nói, tất cả đều là bề mặt thô ráp do không hòa thuận mà ra.”

“Tôi đoán ông có nhiều bệnh nhân có vấn đề về ‘dây thần kinh’,” cha Canon nhận xét vẻ xem thường. Dây thần kinh của riêng ông thì hoàn hảo.

“A! Cha nói thế ý là sao?” Bác sĩ Clark quay ngoắt lại nhìn cha Canon, nhanh như chớp. “Dây thần kinh! Người ta dùng nó để cười cợt như cha vừa làm. ‘Chẳng có vấn đề gì với cái này cái kia,’ họ bảo. ‘Chỉ là dây thần kinh thôi.’ Nhưng, than ôi, cha này, cha vừa mới chạm tới cốt lõi của tất cả các vấn đề ở đó! Người ta có thể phát hiện ra một chứng bệnh chỉ liên quan tới cơ thể và chữa lành nó. Nhưng ngày nay chúng ta biết thêm được rất ít về những nguyên nhân mờ mịt của một trăm lẻ một dạng bệnh thần kinh chúng ta đã biết vào – ờ, thời Nữ hoàng Elizabeth!”

“Trời ạ,” cha Canon Parfitt thốt lên, có chút hoang mang bởi cuộc tấn công dữ dội này. “Thật vậy sao?”

“Cha nhớ cho đó là ơn phước,” bác sĩ Campbell Clark tiếp tục. “Ngày xưa chúng ta xem con người chỉ là một động vật, nhục thân và tâm hồn – và nhấn mạnh ở phần sau.”

“Nhục thân, tâm hồn và linh hồn,” ông thầy tu nhẹ nhàng sửa lại.

“Linh hồn ư?” vị bác sĩ cười vẻ kỳ quặc. “Ý linh mục các cha thì chính xác linh hồn là gì? Các cha chưa bao giờ làm rõ nó, cha biết đấy. Bao đời nay các cha tránh đưa ra một định nghĩa chính xác.”

Cha Canon hăng giọng chuẩn bị diễn thuyết một bài, nhưng buồn thay ông chẳng có cơ hội nào. Vị bác sĩ tiếp liền.

“Chúng ta có chắc từ đó là một linh hồn không – biết đâu là *những linh hồn* thì sao?”

“Những linh hồn sao?” ngài George Durand hỏi lại, nhướn đôi lông mày vẻ giễu cợt.

“Vâng.” Cái nhìn của Campbell Clark chuyển qua ông luật sư. Ông bác sĩ rướn tới trước và gõ nhẹ nhẹ vào ngực người kia. “Ông có chắc,” vị bác sĩ nghiêm nghị hỏi, “chỉ có một người thuê nhà ở trong công trình xây dựng này, ông biết đấy – ngôi nhà ước mơ này cho thuê với đầy đủ nội thất – trong bảy, hai mươi một, bốn mươi một, bảy mươi một – hay bất kỳ số gì! – năm không? Và cuối cùng người thuê nhà dọn đồ đi – từng chút từng chút một... rồi cuối cùng ra khỏi nhà luôn – và ngôi nhà xuống cấp, chỉ còn là một đồng hoang tàn và mục nát. Ông là chủ của ngôi nhà đó – chúng ta sẽ giả dụ thế, nhưng ông không nhận ra sự có mặt của những người khác – những kẻ hầu hạ đi nhẹ chân, khó ai để ý, ngoại trừ những việc họ làm – những việc mà ông không hề hay biết đã được làm không? Hay bạn bè – khi tâm trạng nổi lên và khiến ông, lúc này đây, thành ‘một người khác’ như người ta vẫn bảo? Ông là chủ của tòa lâu đài, đúng thì có đúng, nhưng cũng phải chắc chắn rằng bọn du côn bản thủ cũng có ở đó.”

“Ông Clark yêu quý ơi,” vị luật sư uể oải nói. “Ông làm tôi hết sức khó chịu. Có thật trí óc tôi là một chiến trường dành cho những nhân cách đối lập nhau không? Có phải là nghiên cứu mới nhất của Khoa học không vậy?”

Đến lượt vị bác sĩ so vai.

“Nhục thân của ông cơ,” ông ta đáp khô khan. “Nếu là nhục thân, sao không thể là trí óc?”

“Thú vị thật,” cha Canon Parfitt nhận xét. “A! khoa học thật tuyệt vời – khoa học thật tuyệt vời.”

Trong thâm tâm ông nghĩ. “Mình có thể làm một bài giảng thú vị nhất lấy từ ý tưởng đó.”

Nhưng bác sĩ Campbell Clark đã dựa vào lưng ghế, sự phấn khích nhất thời của ông tan biến.

“Thật ra,” ông nhận xét bằng thái độ chuyên nghiệp lạnh lùng, “một vụ án hai nhân cách khiến tôi đi Newcastle tối nay. Một vụ rất thú vị. Đương nhiên là chủ đề về bệnh thần kinh. Nhưng là một vụ rất thật.”

“Hai nhân cách,” ngài George Durant nói vẻ nghi ngại, “tôi tin không phải là quá hiếm. Còn xuất hiện sự mất trí nữa, đúng không? Tôi biết vấn đề đó xuất hiện trong một vụ ở Tòa án chứng thực di chúc hôm kia.”

Bác sĩ Clark gật đầu.

“Vụ án kinh điển là vụ Felicie Bault,” ông bảo, “tất nhiên là vụ Felicie Bault. Có lẽ cha vẫn còn nhớ đã nghe về vụ đó nhỉ?”

“Nhớ chứ,” cha Canon Parfitt đáp. “Tôi nhớ đã đọc trên báo – nhưng khá lâu rồi – ít nhất đã bảy năm.”

Bác sĩ Campbell Clark gật đầu.

“Cô gái đó trở thành một trong những nhân vật nổi tiếng nhất nước Pháp. Các nhà khoa học từ khắp nơi trên thế giới đến gặp cô ta. Cô ấy có ít nhất bốn nhân cách riêng biệt. Chúng là Felicie 1, Felicie 2, Felicie 3, v.v...”

“Không phải có ý kiến cho rằng đó chỉ là trò bịp cố ý sao?” ngài George nhanh nhẩu hỏi.

“Nhân cách Felicie 3 và Felicie 4 có chút nghi ngờ,” vị bác sĩ thú nhận. “Nhưng sự việc chính vẫn rành rành ra đây, Felicie Bault là một cô gái quê mùa ở Brittany. Là con thứ ba trong một gia đình có năm người con, con gái của một người cha say xỉn và một bà mẹ bị thiếu năng trí tuệ. Trong một lần nhậu say bí tỉ, người cha đã bóp cổ người mẹ chết và nếu tôi nhớ chính xác thì ông ta bị đi đày chung thân. Lúc ấy Felicie mới lên năm. Một vài người nhân từ quan tâm đến trẻ con và thế là Felicie được một phụ nữ chưa chồng người Anh nuôi nấng và giáo dục, bà ấy có một trại trẻ em cơ nhỡ. Tuy nhiên bà ta chẳng coi Felicie ra gì. Bà nói cô là con bé chậm chạp và gốc

nghech khác thường, chỉ dạy cô đọc và viết thôi đã quá khó khăn rồi, tay chân thì vụng về. Người phụ nữ này, bà Slater, cố gắng kiếm chỗ cho cô gái làm người giúp việc, và thật ra đã tìm cho Felicie vài chỗ khi cô đã đến tuổi có thể đảm nhận được những việc đó. Nhưng Felicie chẳng làm ở đâu được lâu cả do ngu ngốc và cũng vì cái tính lười chây thây.”

Vị bác sĩ ngừng một lát, còn cha Canon, bắt chéo chân trở lại, và quần tằm chần du lịch kín người hơn, đột nhiên để ý thấy người đàn ông đối diện mình hơi động đậy. Mắt anh ta, lúc này còn nhắm, giờ đã mở, và trong đôi mắt đó có cái vẻ gì giấu cợt và khó định nghĩa, khiến cha Canon đáng kính giật mình. Như thể là người đàn ông đó đang lắng nghe và ngấm ngấm hả hê trước những gì anh ta nghe được.

“Có một bức ảnh Felicie Bault chụp năm mười bảy tuổi,” vị bác sĩ nói tiếp. “Nó cho thấy cô ta là một cô gái nhà quê thô kệch, dáng dấp nặng nề. Chẳng có gì trong bức ảnh đó báo hiệu rằng cô sớm trở thành một trong những nhân vật nổi tiếng nhất nước Pháp.

“Năm năm sau, khi hai mươi hai tuổi, Felicie Bault bị bệnh thần kinh trầm trọng, và khi hồi phục thì những hiện tượng kỳ lạ bắt đầu tự xuất hiện. Chuyện sắp kể là những sự việc được nhiều nhà khoa học nổi tiếng chứng thực. Cái nhân cách có tên là Felicie 1 không khác biệt mấy so với Felicie Bault của hai mươi hai năm trước. Felicie 1 viết tiếng Pháp vừa tẻ vừa ngắc ngứ, cô ta chẳng biết ngoại ngữ nào và không chơi được đàn dương cầm. Ngược lại, Felicie 2 nói tiếng Ý lưu loát còn tiếng Đức ở mức độ vừa phải. Chữ viết tay của Felicie 2 hoàn toàn khác với của Felicie 1, và cô viết tiếng Pháp lưu loát và diễn cảm. Cô có thể bàn luận về chính trị và nghệ thuật và vô cùng mê chơi đàn dương cầm. Felicie 3 có rất nhiều điểm chung với Felicie 2. Cô thông minh và rõ ràng rất có trình độ, nhưng về mặt đạo đức thì hoàn toàn ngược lại. Thật vậy, Felicie 3 tỏ ra là một người cực kỳ đồi bại – nhưng đồi bại theo kiểu người Paris chứ không phải tỉnh lẻ. Cô biết tất cả

tiếng lóng của dân Paris, và những kiểu diễn đạt *demi monde* thời thượng. Ngôn ngữ cô nói thật ghê tởm và cô xỉ vả tôn giáo và cái gọi là ‘người tốt’ bằng những cụm từ báng bổ nhất. Cuối cùng là Felicie 4 – một người mơ mộng và gần như nửa vờ, rõ ràng rất sùng đạo và tự nhận mình sáng suốt, nhưng nhân cách thứ tư này rất chưa đạt yêu cầu và khó hiểu và thỉnh thoảng được cho là một sự lừa đảo có chủ ý từ Felicie 3 – một kiểu cô ta đùa với công chúng cả tin. Tôi có thể nói rằng (có thể ngoại trừ Felicie 4), mỗi nhân cách đều rõ ràng và riêng biệt và không hề biết gì về các nhân cách còn lại. Felicie 2 chắc chắn chiếm ưu thế nhất và thỉnh thoảng tồn tại mỗi lần hai tuần, rồi đến Felicie 1 thì sẽ đột ngột xuất hiện một hoặc hai ngày. Sau đó, có lẽ Felicie 3 hoặc 4, nhưng hai cái sau hiếm khi chiếm hơn vài giờ. Mỗi lần thay đổi là kèm theo cơn đau đầu khủng khiếp và giấc ngủ nặng nhọc, và trong mỗi trường hợp thì đều xuất hiện sự mất trí hoàn toàn về những trạng thái khác, nhân cách được đề cập tiếp tục cuộc sống mà mình dừng lại lần trước, không hề có ý thức về thời gian đã qua.”

“Kỳ lạ thật,” cha Canon lẩm nhẩm. “Quá kỳ lạ. Nhưng chúng ta không biết hết sự kỳ diệu của vũ trụ.”

“Chúng ta biết rằng có một vài kẻ mạo danh rất tinh ranh trong đó,” vị luật sư lạnh lùng nhận xét.

“Vụ Felicie Bault được các luật sư cũng như bác sĩ và nhà khoa học tham gia điều tra, bác sĩ Campbell Clark nhanh nhẩu đáp.” Luật sư Quimbellier, ông nhớ không, đã tiến hành một cuộc điều tra cặn kẽ nhất và đã khẳng định những quan điểm của các nhà khoa học. Và tóm lại, sao nó lại khiến chúng ta ngạc nhiên đến thế? Chúng ta đã từng gặp quả trứng hai lòng đỏ đúng không nào? Và chuỗi sinh đôi? Sao lại không có tâm hồn sinh đôi – trong một nhục thân?”

“Tâm hồn sinh đôi sao?” cha Canon cãi lại.

Bác sĩ Campbell Clark đưa đôi mắt xanh nhìn xuyên thấu ông ấy.
“Chúng ta gọi là gì khác đây? Nói cách khác...nếu nhân cách cũng là tâm hồn?”

“May là một tình trạng của các sự việc như thế chỉ có trong bản chất của ‘người điên’,” ngài George nhận xét. “Nếu trường hợp đó mà phổ biến thì nó sẽ làm phát sinh những vấn đề phức tạp.”

“Đương nhiên tình trạng đó là hoàn toàn bất thường.” vị bác sĩ đồng tình. “Điều quá đáng tiếc là người ta không tiến hành nghiên cứu lâu hơn, nhưng tất cả mọi thứ đã kết thúc bởi cái chết đột ngột của Felicie.”

“Nếu tôi nhớ chính xác thì có gì đó khả nghi về vụ này,” vị luật sư từ tốn đáp.

Bác sĩ Campbell Clark gật đầu.

“Một vụ khó hiểu nhất. Một sáng nọ người ta thấy cô gái chết trên giường. Rõ ràng là cô ta bị bóp cổ. Nhưng trước sự sững sốt của mọi người, nó được chứng minh không chút nghi ngờ rằng thật ra cô ấy tự bóp cổ mình. Dấu trên cổ cô ta là chính là dấu các ngón tay của cô. Một phương pháp tự tử không phải là bất khả thi theo quy luật tự nhiên, bắt buộc phải có một sức mạnh cơ bắp khủng khiếp và một sức mạnh ý chí gần như siêu phàm. Người ta chẳng thể nào tìm ra chuyện gì đã dồn cô gái vào đường cùng như thế. Đương nhiên, cân bằng tinh thần của cô hẳn là luôn bất ổn. Tuy nhiên, đã nói thế đó. Bí ẩn về Felicie Bault đã hạ màn vĩnh viễn.”

Đúng lúc đó người đàn ông ở góc xa phá lên cười.

Ba người kia nhảy dựng lên như bị bắn. Họ quên băng sự có mặt của người đàn ông thứ tư trong nhóm. Khi cả ba nhìn chăm chăm về phía chỗ anh ta ngồi, vẫn cuộn mình trong áo khoác, anh ta lại phá lên cười.

“Xin các ngài lượng thứ cho tôi,” anh bảo, bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo nhưng vẫn lai giọng nước ngoài.

Anh ta ngồi dậy, lộ ra khuôn mặt nhợt nhạt và bộ ria mép nhỏ đen nhánh.

“Vâng, xin các ngài lượng thứ,” anh ta nói với vẻ giễu cợt. “Nhưng thật đấy! Trong khoa học, đã từng có kết luận đâu?”

“Anh biết gì về vụ án chúng tôi đang bàn sao?” vị bác sĩ lịch sự hỏi.

“Về vụ án à? Không đâu. Nhưng tôi quen cô ta.”

“Felicie Bault u?”

“Vâng. Và cả Annette Ravel. Các ngài chưa nghe về Annette Ravel chứ gì? Tuy thế, chuyện của người này cũng là chuyện của người kia. Tin tôi đi, các ngài chẳng biết gì về Felicie Bault cả nếu các ngài chưa biết gì về cuộc đời của Annette Ravel.”

Anh ta lôi đồng hồ đeo tay ra xem.

“Chỉ còn nửa giờ nữa là đến trạm tiếp theo. Tôi có đủ thời gian để kể cho các ngài nghe câu chuyện đó – ý là nếu các ngài muốn nghe?”

“Vui lòng kể cho chúng tôi đi,” vị bác sĩ đáp gọn.

“Hay quá,” cha Canon đáp. “Hay quá.”

Ngài George Durand chỉ chỉnh lại tư thế ngồi với vẻ hết sức chăm chú.

Thưa các ngài, tôi tên là Raoul Lepardeau. Vừa rồi các ngài có nhắc đến người phụ nữ Anh, bà Slater, thích làm từ thiện. Tôi được sinh ra trong một làng chài ở vùng Brittany đó và khi bố mẹ tôi qua đời trong một tai nạn đường sắt, chính bà Slater cứu và đưa tôi thoát khỏi nơi tương tự trại tể bần nước Anh các ngài. Có khoảng hai mươi đứa trẻ được bà chăm sóc, cả trai lẫn gái. Trong số đó có Felicie Bault và Annette Ravel. Nếu tôi không thể làm cho các ngài hiểu nhân cách của Annette, thưa các ngài, các ngài sẽ chẳng hiểu gì đâu. Cô ấy là con của người đàn bà mà người ta gọi là “fille de joie”§ chết vì bệnh lao phổi và bị người tình ruồng bỏ. Người mẹ là vũ

công còn Annette cũng có khát khao được nhảy múa. Lần đầu tiên tôi gặp cô ấy là khi cô mới mười một tuổi, một con bé nhỏ tí xiu có đôi mắt khi thì giấu cợt và khi thì đầy triển vọng – một con người nhỏ bé đầy nhiệt huyết và sức sống. Và ngay tức thì – vâng, ngay tức thì – Annette biến tôi thành nô lệ của cô. Như là “Raoul, làm cái này cho em với.” “Raoul, làm cái kia cho em với.” Còn tôi, tôi vâng theo. Tôi đã tôn thờ cô, và cô biết điều đó.

Chúng tôi đi ra bãi biển cùng nhau, ba đứa chúng tôi – vì Felicie cũng sẽ đi theo. Và ở đó Annette sẽ cởi giày cởi tất và nhảy múa trên cát. Và rồi khi cô ngồi xuống thở hổn hển, Cô sẽ kể cho chúng tôi nghe có dự định làm gì và trở thành thế nào.

“Này nhé, em sẽ trở nên nổi tiếng. Vâng, cực kỳ nổi tiếng. Em sẽ có hàng trăm hàng ngàn đôi tất dài bằng lụa – loại lụa hảo hạng nhất. Và em sẽ sống trong một căn hộ tuyệt đẹp. Tất cả những người tình của em sẽ trẻ trung, đẹp trai và giàu có. Và khi em múa, cả Paris sẽ đến xem. Họ sẽ reo hò, kêu tên và la hét và say mê màn nhảy múa của em. Và vào mùa đông em sẽ không múa. Em sẽ đi về miền nam đầy nắng. Sẽ có những căn biệt thự trồng cam. Em sẽ ăn một quả. Em sẽ nằm trên những chiếc gôí bằng lụa sồi nắng, ăn cam. Còn anh, Raoul, em sẽ không đời nào quên anh dù em có giàu và nổi tiếng đến đâu. Em sẽ bảo vệ anh và giúp anh thăng tiến sự nghiệp. Felicie sẽ là hầu gái của em – thôi, tay nó vụng về lắm. Nhìn này, to và thô kệch quá.”

Felicie vì thế sẽ nổi giận. Và rồi Annette sẽ tiếp tục trêu ghẹo cô.

“Felicie rất giống quý cô, rất thanh lịch, rất tao nhã. Nó là công chúa giả thường dân – ha, ha.”

“Cha mẹ tao cưới nhau, còn hơn cha mẹ mày.” Felicie làu bàu về hần học.

“Ồ, còn cha mày giết mẹ mày. Hay quá ha, làm con gái của một kẻ sát nhân.”

“Bố mày thì để mặc mẹ mày chết dần chết mòn,” Felicie cãi lại.

“À! Ủ.” Annette trở nên trầm ngâm. _“Pauvre Maman§. _ Người ta phải giữ cho mình khỏe mạnh. Bằng mọi cách phải giữ cho mình khỏe mạnh.”

“Tao khỏe như trâu ấy,” Felicie khoe khoang.

Mà đúng thật. Cô ta mạnh gấp đôi các cô gái khác trong trại. Và chẳng bao giờ ốm đau.

Nhưng cô ta đàn độn, các ngài biết đấy, đàn độn như một con thú dữ. Tôi thường tự hỏi tại sao cô ta hay lẻo đẻo theo Annette khắp nơi như thế. Đối với cô ta, nó như là một kiểu mê hoặc. Đôi khi tôi nghĩ thật ra cô ta ghét Annette lắm, và thực tế là Annette không tốt với cô ta chút nào. Cô chế nhạo sự chậm chạp và ngu ngốc của cô kia, và trêu chọc cô kia trước mặt những người khác. Tôi thấy Felicie mặt trắng bệch vì tức giận. Thỉnh thoảng tôi nghĩ cô ta sẽ siết mấy ngón tay của mình quanh cổ Annette và bóp cho nghẹt thở chết. Cô ta không đủ nhanh trí để đáp trả những lời chế nhạo của Annette nhưng cuối cùng cô ta học được cách vặn lại mà sẽ không bao giờ thua. Đó là đề cập tới sức khỏe và sức mạnh của mình. Cô ta biết được (chuyện mà tôi luôn biết) rằng Annette ghen tị với thể lực của mình, và một cách bản năng cô ta đã đánh trúng chỗ nhược của kẻ thù.

Một ngày nọ, Annette tìm đến tôi vẻ hân hoan lắm.

“Raoul,” cô bảo. “Hôm nay chúng ta sẽ có trò vui với con Felicie ngu ngốc. Chúng ta sẽ chết cười mất.”

“Em định làm gì đây?”

“Đi ra sau nhà kho nhỏ rồi em kể anh nghe.”

Có vẻ như Annette lấy được một quyển sách hay ho. Có đôi chỗ cô không hiểu, thật ra thì tất cả mọi thứ đều vượt quá khả năng hiểu biết của

cô. Đó là một tác phẩm xa xưa về thời miên.

“Họ bảo chỉ cần một vật sáng bóng. Núm giường bằng đồng của em, nó xoay tròn. Tối qua em bắt Felicie nhìn vào nó rồi. ‘Nhìn chăm chú vào nó đi,’ em bảo. ‘Đừng rời mắt khỏi nó.’ Và rồi em xoay tròn vật đó. Raoul, em đã rất sợ. Mắt của nó nhìn kỳ quặc lắm... kỳ quặc lắm. ‘Felicie, mày sẽ luôn làm những điều tao bảo,’ em nói. ‘Tao sẽ luôn làm những gì mày bảo, Annette,’ nó trả lời. Và rồi... và rồi... em bảo: ‘Ngày mai mày sẽ mang một cây nến bằng mỡ vào sân chơi vào lúc 12 giờ trưa và bắt đầu ăn nó. Và nếu ai hỏi mày thì mày đáp rằng nó là món *galette* ngon nhất mày từng nếm.’ Ôi! Raoul, nghĩ mà xem!”

“Nhưng nó sẽ chẳng làm đâu,” tôi phản đối.

“Sách nói thế mà. Không hẳn em tin – nhưng, ôi! Raoul, nếu sách nói đúng thì sẽ thú lắm đây!”

Tôi cũng nghĩ ý tưởng đó rất khôi hài. Chúng tôi rủ tai đồng bọn và đúng 12 giờ trưa chúng tôi đều có mặt ở sân chơi. Đúng đến từng phút, Felicie xuất hiện với một mẫu nến trên tay. Các ngài có tin tôi không, cô ta bắt đầu gặm nó về nghiêm túc? Cả đám chúng tôi cười ngặt nghẽo! Thỉnh thoảng có đứa bước đến chỗ cô ta và nghiêm nghị hỏi. “Cái mày đang ăn ngon lắm hả, Felicie?” Và cô ta đáp. “Ồ, ừ, nó là món *galette* ngon nhất tao từng nếm.” Và thế là bọn chúng tôi ré lên cười. Cuối cùng chúng tôi cười to quá đến độ dường như tiếng ồn khiến Felicie tỉnh người và nhận ra mình đang làm gì. Cô ta nhấp nháy mắt về chúng hững, nhìn mẫu nến rồi nhìn chúng tôi. Cô hoa tay trước trán.

“Nhưng mình làm gì ở đây thế nhỉ?” cô lẩm nhẩm.

“Mày đang ăn nến đấy,” chúng tôi gào lên.

“Tao bắt mày làm đấy. Tao bắt mày làm đấy,” Annette la lên, nhảy nhót.

Felice nhìn trừng trừng một hồi. Rồi cô ta chậm chậm tiến về phía Annette.

“Thế ra là mày – chính mày làm cho tao trở thành lỗ bịch hả? Đường như tao nhớ ra rồi. A! Tao sẽ giết mày vì chuyện này.”

Cô ta nói bằng một giọng rất khế, nhưng Annette đột nhiên ù té chạy và trốn sau lưng tôi.

“Cứu em, anh Raoul! Em sợ Felicie. Chỉ đùa thôi mà, Felicie. Chỉ đùa thôi.”

“Tao không thích kiểu đùa này,” Felicie đáp. “Mày hiểu không? Tao ghét mày. Tao ghét tất cả chúng mày.”

Đột nhiên cô ta òa khóc và ùa chạy.

Tôi nghĩ Annette sợ kết quả thử nghiệm của mình và không dám làm lại nữa. Nhưng từ ngày đó, uy quyền của cô nàng đối với Felicie dường như ngày một tăng.

Giờ thì tôi tin Felicie luôn ghét Annette nhưng vẫn không thể rời khỏi cô ấy. Cô ta vẫn hay lẻo đẻo theo Annette như một con chó.

Các ngài ạ, ngay sau đó, tôi tìm được việc, và thế là tôi chỉ thỉnh thoảng đến trại vào những kỳ nghỉ. Khao khát trở thành vũ công của Annette không có vẻ nghiêm túc lắm, nhưng cô nàng phát triển một giọng hát rất hay khi lớn lên và bà Slater bằng lòng để cô được huấn luyện thành ca sĩ.

Annette ấy, cô nàng không lười đâu. Cô cuống cuống làm việc, không ngơi nghỉ. Bà Slater buộc phải ngăn cô làm quá sức. Một lần nọ bà kể cho tôi nghe về cô ấy.

“Cháu luôn yêu quý Annette nhỉ,” bà bảo. “Khuyên con bé đừng làm việc nhiều quá. Gần đây nó hơi ho và bà không thích thế.”

Chẳng bao lâu sau công việc khiến tôi đi xa. Lúc đầu tôi nhận được một hai lá thư từ Annette nhưng rồi bất vô âm tín. Sau đó, tôi sống ở nước ngoài năm năm.

Khả tình cờ là một lần quay lại Paris, tôi chú ý đến tờ áp phích quảng cáo Annette Ravelli có hình một quý cô. Tôi nhận ra cô ấy ngay tức thì. Tối đó tôi đến nhà hát kể trên. Annette hát bằng tiếng Pháp và Ý. Trên sân khấu cô thật tuyệt. Sau đó tôi đi vào phòng thay đồ của cô. Cô tiếp tôi ngay.

“Ôi, Raoul,” cô reo lên, chìa đôi tay trắng bệch về phía tôi. “Tuyệt quá. Mấy năm nay anh ở đâu thế?”

Đáng lẽ tôi kể cô ấy nghe, nhưng cô đâu có thật sự muốn nghe.

“Anh thấy đấy, em sắp đến đích rồi!”

Cô vẫy bàn tay chiến thắng quanh phòng chật đầy những bó hoa.

“Bà Slater tốt bụng hẳn phải rất tự hào về thành công của em.”

“Bà già ấy à? Thật ra là không. Anh biết đấy, bà định hướng cho em theo nhạc viện. Thề loại hát thánh phòng tử tế. Nhưng em, em là một nghệ sĩ. Chính nơi đây, trên sân khấu tạp kỹ, em mới bộc lộ được mình.”

Vừa lúc đó một người đàn ông trung niên đẹp trai bước vào. Ông ta rất lịch lãm. Qua phong thái của ông ta tôi nhìn ra ngay ông là người giám hộ của Annette. Ông ta hướng sang tôi, thế là Annette giải thích.

“Một người bạn nối khố của em. Anh ấy ghé qua Paris, thấy ảnh của em trên tờ áp phích *et voila*§!”

Thế là người đàn ông đó tỏ ra rất niềm nở và lịch sự. Trước mặt tôi, ông ta lấy ra một chiếc vòng nam hồng ngọc và kim cương rồi gài nó vào cổ tay Annette. Khi tôi đứng dậy ra về, cô ném cho tôi một ánh nhìn chiến thắng và một lời thì thầm.

“Em tới đích rồi, phải không nào? Anh thấy không? Cả thế giới đang mở ra trước mắt em.”

Nhưng khi tôi rời khỏi phòng, tôi nghe cô ấy ho, một tiếng ho khan buốt nhói. Tôi biết nó có nghĩa là gì, tiếng ho đó. Nó là bệnh di truyền từ người mẹ bị lao phổi của cô.

Lần tiếp theo tôi gặp Annette là hai năm sau. Cô tới lánh nạn ở nhà bà Slater. Sự nghiệp của cô thế là tan tành. Bệnh lao phổi của cô đang ở giai đoạn trầm trọng vì thế các bác sĩ bảo không thể làm gì được nữa.

“A! Tôi sẽ không bao giờ quên Annette khi tôi gặp cô lúc đó! Cô nằm trong một nơi giống như chỗ ỉn nấu ở ngoài vườn. Cô ở ngoài trời cả ngày lẫn đêm. Má cô hóp lại và ửng đỏ, mắt cô sáng rực và xúc động rồi cô ho liên hồi.

Cô chào tôi với một kiểu tuyệt vọng làm tôi sửng sốt.

“Được gặp anh mừng quá, Raoul. Anh biết họ nói gì không – rằng em sẽ không bao giờ khỏe lại? Họ nói thế sau lưng em, anh hiểu chứ. Đối với em họ dịu dàng và an ủi. Nhưng điều đó không đúng, anh Raoul à, không đúng đâu! Em sẽ không cho phép mình chết. Chết ư? Với một cuộc đời đẹp đẽ đang bày ra trước mắt mình sao? Chính ý chí sống mới quan trọng. Tất cả các bác sĩ hàng đầu ngày nay đều nói thế. Em không như những kẻ yếu ớt chịu buông xuôi. Em thấy mình đã khỏe hơn rất nhiều – khỏe hơn rất nhiều, anh có nghe không?”

Cô chống khuỷu tay gượng dậy để nói rõ những lời của mình, rồi nằm ngã xuống lại, một cơn ho tấn công khiến thân hình ốm yếu của cô quặn đau.

“Con ho – nó chẳng là gì cả,” cô thở hắt hên. “Và chuyện xuất huyết chẳng làm em sợ hãi. Em sẽ làm các bác sĩ ngạc nhiên. Ý chí mới quan trọng. Nhớ nhé, anh Raoul, em sẽ sống.”

Đáng thương lắm, các ngài ạ, thật tội nghiệp.

Vừa lúc đó, Felicie Bault bước ra mang theo một cái khay. Một ly sữa nóng. Cô ta đưa nó cho Annette và nhìn cô ấy uống với một thái độ mà tôi không sao hiểu được. Một cái kiểu hài lòng tự mãn trong đó.

Annette cũng thấy được ánh nhìn đó. Cô giận dữ quăng cái ly xuống vỡ tan tành.

“Anh có thấy nó không? Nó hay nhìn em cái kiểu như thế đấy. Nó vui vì em sắp chết! Vâng, nó hả hê lắm. Nó thì khỏe mạnh. Nhìn nó đi, không một ngày ốm đau, nó đó! Mà chẳng để làm gì cả. Cái thân xác tuyệt vời của nó có lợi gì cho nó chứ? Nó có thể làm được gì với cái thân xác của nó chứ?”

Felicie cúi xuống nhặt những mảnh ly vỡ lên.

“Em chẳng để bụng những gì nó nói,” cô ta nhận xét bằng một cái giọng ê a. “Có sao đâu chứ? Em là một cô gái đoan trang, thật mà. Còn về phần nó. Chẳng bao lâu nữa nó sẽ biết được lửa của luyện ngục. Em là người Công giáo, em không đáp trả gì đâu.”

“Mày ghét tao,” Annette gào lên. “Mày luôn ghét tao. Á! Nhưng tao vẫn mê hoặc mày như thường. Tao có thể bắt mày làm những điều tao muốn. Giờ xem nhé, nếu tao bảo, mày sẽ quỳ xuống bãi cỏ trước mặt tao ngay bây giờ.”

“Mày thật vô lý,” Felicie nói vẻ khó chịu.

“Nhưng mà, ừ, mày sẽ làm. Mày sẽ làm. Để chiều lòng tao. Quỳ xuống. Tao ra lệnh cho mày đó, tao, Annette. Quỳ xuống, Felicie.”

Không biết có phải cái kiểu van nài kỳ lạ trong giọng nói, hay vì một động cơ sâu xa nào đó, Felicie tuân theo. Cô ta từ từ quỳ xuống, hai cánh tay dang rộng, khuôn mặt vô hồn và ngờ nghệch.

Annette hất đầu ra sau và cười lớn – từng tràng từng tràng cười.

“Nhìn nó kìa, và cả cái mặt ngờ ngạc của nó nữa! Trông nó buồn cười quá. Giờ mày có thể đứng lên, Felicie, cảm ơn! Cau có với tao chẳng ích gì đâu. Tao là bà chủ của mày. Mày phải làm những gì tao bảo.”

Annette nằm xuống gôi trở lại, mệt lử, Felicie nhặt khay lên và chậm chậm bước đi. Khi cô ngoái lại nhìn, nỗi oán giận âm ỉ trong mắt cô ta khiến tôi hoảng hốt.

Khi Annette qua đời tôi không có ở đó. Nhưng có vẻ như nó khủng khiếp lắm. Cô bám víu vào sự sống. Cô chống chọi lại cái chết như một mù điên. Cô thở hổn hển liên hồi. “Tao sẽ không chết – mày có nghe không? Tao sẽ không chết. Tao sẽ sống... sống...”

Sáu tháng sau, bà Slater kể hết cho tôi nghe những chuyện này khi tôi đến thăm bà.

“Raoul tội nghiệp của ta,” bà nhân từ bảo. “Con đã từng yêu con bé, phải không nào?”

“Mãi mãi... mãi mãi. Nhưng con có làm được gì cho cô ấy đâu? Mình đừng nói chuyện đó nữa. Cô ấy chết rồi – cô ấy thật khác thường, sức sống thật mãnh liệt...”

Bà Slater là một phụ nữ đồng cảm. Bà chuyển sang nói những chuyện khác. Bà rất lo lắng về Felicie, bà bảo tôi thế. Cô ấy bị một loại suy nhược tinh thần kỳ quặc, và từ lúc đó tính khí trở nên rất khác lạ.

“Con biết không,” bà Slater bảo, sau khi ngần ngừ chốc lát, “con bé đang học chơi dương cầm?”

Tôi không biết chuyện đó vì thế rất kinh ngạc khi nghe kể. Felicie – học chơi dương cầm! Tôi phải nói rõ là cô gái ấy chẳng phân biệt nốt này với nốt kia nữa là.

“Họ bảo con bé có năng khiếu,” bà Slater nói tiếp. “Ta không tài nào hiểu nổi. Ta luôn làm nó mất mặt... ờ, Raoul này, chính con cũng biết mà,

con bé luôn là một đứa ngờ nghệch.”

Tôi gật đầu.

“Thỉnh thoảng tính khí nó kỳ lạ lắm... Ta thật sự không hiểu là thế nào.”

Một lát sau tôi vào phòng đọc. Felicie đang chơi dương cầm, Cô ta chơi giai điệu mà tôi đã nghe Annette hát ở Paris. Các ngài biết đấy, nó khiến tôi giật bắn. Và rồi, nghe thấy tôi, cô ấy đột ngột ngưng đàn và quay lại nhìn tôi, mắt cô đầy vẻ giấu cợt và thông minh. Trong thoáng chốc tôi nghĩ... Ồ, tôi sẽ không nói cho các ông biết tôi đã nghĩ gì đâu.

“*Tiens!*” Cô ta nói. “Ra là anh... *Monsieur* Raoul.”

Tôi không thể diễn tả cái cách cô ta phát âm. Đối với Annette, tôi chưa bao giờ thôi là Raoul. Nhưng Felicie thì, từ khi chúng tôi gặp nhau lúc đã lớn rồi, luôn gọi tôi là *Monsieur* Raoul. Nhưng cách cô ta gọi bây giờ khác lắm... như thể *Monsieur* có gì đấy hơi nhấn nhá và có vẻ như rất là thích thú.

“Ôi, Felicie,” tôi lắp bắp. “Hôm nay trông em khác quá.”

“Thế à?” cô ta đáp vẻ nghĩ ngợi. “Kỳ quá, đấy. Nhưng đừng có nghiêm nghị thế. Raoul... Em nhất quyết gọi anh là Raoul... chẳng phải hồi nhỏ chúng ta chơi với nhau sao? Đời là để cười đùa mà. Chúng ta hãy nói về Annette tội nghiệp... nó đã chết và chôn rồi. Em tự hỏi nó đang ở luyện ngục hay nơi nào?”

Rồi cô ta ngâm nga một khúc hát... chẳng ra giai điệu gì, nhưng lời bài hát khiến tôi chú ý.

“Felicie,” tôi ré lên. “Em nói được tiếng Ý sao?”

“Tại sao không chứ, Raoul? Có lẽ em không gốc như em vẫn giả vờ đâu.” Cô ta cười vào sự bối rối của tôi.

“Anh không hiểu...” tôi mở lời.

“Nhưng em sẽ nói cho anh biết. Em là một diễn viên rất tài ba, dù không ai nghi ngờ chuyện đó. Em có thể đóng nhiều vai... và đóng rất đạt.”

Cô ta lại phá lên cười và chạy nhanh ra khỏi phòng trước khi tôi kịp ngăn cô lại.

Tôi gặp lại Felicie trước khi ra về. Cô đang ngủ trên ghế dựa. Đang ngáy vẻ nặng nhọc. Tôi đứng nhìn cô, nửa cảm thấy mê mẩn nửa tỏm lợm. Đột nhiên cô ta giật mình tỉnh dậy. Đôi mắt mờ đục và vô hồn của cô nhìn tôi.

—“Monsieur_ Raoul,” cô ta lẩm bẩm một cách máy móc.

“Ồ, Felicie, anh về đây. Trước khi anh đi, em đàn lại cho anh nghe nhé?”

“Em ư? Đàn ư? Anh đang cười nhạo em đấy à, *Monsieur* Raoul.”

“Em không nhớ đã đàn cho anh nghe sáng nay sao?”

Cô lắc đầu.

“Em đàn ư? Sao một con bé đáng thương như em chơi đàn được chứ?”

Cô ngừng lại một lát như thể đang suy nghĩ, rồi cô ra dấu cho tôi đến gần.

—“Monsieur_ Raoul, có những điều lạ lùng đang xảy ra trong nhà này! Chúng chơi khăm anh. Chúng đổi đồng hồ. Vâng, vâng, em biết em đang nói gì mà. Và tất cả những thứ đó là do nó làm.”

“Ai làm cơ?” tôi hoảng hốt hỏi.

“Con Annette ấy. Cái con ác độc ấy. Khi còn sống nó luôn chòng ghẹo em. Giờ chết rồi, nó quay về từ cõi chết để giày vò em tiếp.”

Tôi trân trối nhìn Felicie. Tôi thấy rằng lúc đó cô ta sợ hãi tột độ, mắt cô ta trợn ngược.

“Nó là kẻ xấu, nó đó. Em nói cho anh biết nó là kẻ xấu. Nó cướp bánh mì từ miệng anh, áo quần trên người anh, *tâm hồn từ nhục thân của anh*...”

Cô ta bắt thần vô lấy tôi.

“Em sợ, em nói anh nghe... sợ lắm. Em nghe tiếng nó... không phải trong tai em... không, không phải ở trong tai. Ở đây này, trong đầu kia...” Cô gõ lên trán mình. “Nó sẽ đuổi em đi... đuổi em đi luôn, và rồi em sẽ làm gì đây, em sẽ ra sao đây?”

Giọng cô ta ré lên như một tiếng thét. Mắt cô nhìn như một ác thú kinh hãi bị dồn vào chân tường...

Đột nhiên cô ta mỉm cười, một nụ cười quê kệch, đầy xảo quyệt, và có cái gì ở nụ cười đó khiến tôi rùng mình.

“Nếu đến nước ấy, *Monsieur* Raoul, em có đôi tay rất mạnh... đôi tay rất mạnh..”

Trước đây tôi chưa bao giờ đặc biệt chú ý đến tay cô ta. Giờ nhìn chúng, tôi run bắn cả người. Những ngón tay bè bè thô bạo, và như Felicie đã nói, cực kỳ mạnh... Tôi không thể giải thích cho các ngài hiểu cái cảm giác buồn nôn thoáng qua trong tôi. Với đôi bàn tay như đôi bàn tay đó hẳn là cha cô đã bóp chết mẹ cô..

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Felicie Bault. Ngay sau đó tôi ra nước ngoài – đến Nam Mỹ. Hai năm sau khi cô ta mất tôi mới trở về. Có điều gì đó tôi đã đọc về cuộc đời và cái chết đột ngột của cô trên báo. Tối nay tôi được nghe chi tiết hơn... từ các ngài... thưa quý ngài! Felicie 3 và Felicie 4 – tôi tự hỏi? Cô ta là một diễn viên giỏi, các ngài biết đấy!

Đột nhiên tàu giảm tốc độ. Người đàn ông ở trong góc ngồi thẳng dậy và cài áo khoác kỹ hơn.

“Các ông có ý kiến gì không?” vị luật sư hỏi, rướn người về phía trước.

“Tôi khó mà tin được...” cha Canon Parfitt mở lời rồi dừng lại.

Vị bác sĩ chẳng nói gì. Ông đang nhìn Raoul Lepardeau chăm chăm.

“*Áo quần trên người anh, tâm hồn từ nhục thân của anh,*” người đàn ông Pháp nhẹ nhàng nhắc lại. Anh ta đứng lên. “Tôi xin thưa với các ngài rằng cuộc đời của Felicie Bault chính là cuộc đời của Annette Ravel. Các ngài chẳng biết gì về cô ta cả, thưa quý ngài. Tôi thì biết. *Cô ấy thiết tha yêu cuộc sống...*”

Anh ta đặt tay lên cửa, chuẩn bị nhảy ra thì đột nhiên anh ta quay lại và cúi xuống gõ vào ngực cha Canon Parfitt.

—“M. le docteur§_ đằng kia, ngài ấy vừa mới nói rằng tất cả *cái này*” — tay anh ta vỗ vào bụng cha Canon, và cha Canon nhăn mặt —”chỉ là nhà. Nói cho tôi biết đi, nếu cha phát hiện một tên trộm trong nhà mình, cha sẽ làm gì? Bắt nó hay là không?”

“Không đâu,” cha Canon la lớn. “Thật đấy... ý tôi là... không phải ở đất nước này.”

Nhưng ông nói những từ cuối cùng vào thinh không. Cửa toa tàu đánh rầm.

Vị linh mục, luật sư và bác sĩ ở lại với nhau. Góc thứ tư đã trống người.

S.O.S

S.O.S được đăng lần đầu trên *Grand Magazine*, tháng 2 năm 1926.

“Khà!” ông Dinsmead thốt lên vẻ tán thưởng.

Ông lùi lại và quan sát chiếc bàn tròn vẻ vừa ý. Ánh lửa chiều lập lòe trên tấm khăn trải bàn vải thô màu trắng, lên dao nĩa và những món đồ khác trên bàn.

“Có... có phải mọi thứ đã sẵn sàng rồi?” bà Dinsmead ngập ngừng hỏi. Bà là một người phụ nữ nhỏ thó tàn tạ, khuôn mặt nhợt nhạt, mái tóc thưa thưa bị cạo nhẵn từ trán ra sau, và thái độ lúc nào cũng căng thẳng.

“Mọi thứ đã sẵn sàng,” ông chồng đáp vẻ vui mừng thái quá.

Ông chồng là người bự con, vai còng, và khuôn mặt to bè ửng đỏ. Đôi mắt ti hí kiêu mắt lợn lấp lánh dưới cặp lông mày rậm rạp, còn cái cằm bạnh nhẵn thín không có lấy một sợi râu.

“Nước chanh nhé?” bà Dinsmead đề nghị, gần như là thì thào.

Ông chồng lắc đầu. “Trà. Kiểu gì cũng tốt hơn nhiều. Nhìn thời tiết kia, mưa gió thế kia. Một tách trà nóng ngon lành là tất cả những gì chúng ta cần cho một bữa ăn vào một tối như thế này.”

Ông nheo mắt bông đùa, rồi lại kiểm tra cái bàn lần nữa.

“Một đĩa đầy trứng, thịt bò muối nguội, kèm với bánh mì và phô mai. Đó là món tôi chọn cho bữa ăn tối. Đến đây và chuẩn bị cho xong đi, mẹ sắp nhỏ, Charlotte ở trong bếp đang chờ để giúp bà một tay đấy.”

Bà Dinsmead đứng dậy, cẩn thận cuộn tròn đám đồ đan móc của mình.

“Con bé lớn lên xinh thật,” bà lầm bầm. “Ý tôi là, rất dễ thương.”

“À!” ông Dinsmead thốt lên. “Chính là hình ảnh của mẹ nó đấy! Thế thì đi đi bà, đừng lãng phí thêm thì giờ nữa.”

Ông chồng đi loanh quanh trong phòng và khẽ ngâm nga một lát. Khi tới gần cửa sổ, ông nhìn ra ngoài.

“Thời tiết dữ dội thật,” ông lầm nhảm một mình. Chắc là tối nay chúng ta chẳng có vị khách nào ghé thăm đâu.”

Rồi ông cũng rời khỏi phòng.

Khoảng mười phút sau, bà Dinsmead bung vào một đĩa trứng rán, Hai đưa con gái theo sau, mang những món còn lại. Ông Dinsmead và cậu con trai Johnnie đi sau rốt. Ông ngồi xuống đầu bàn.

“Cảm tạ vì những thứ chúng ta sắp sửa nhận được, đại loại thế,” ông hài hước nhận xét. “Và chúc phúc cho người đàn ông đầu tiên đã nghĩ ra thực phẩm đóng hộp. Cha muốn biết, ở cái chốn xa xôi cả hàng dặm này, chúng ta sẽ làm gì nếu bây giờ không có đồ hộp và rồi quay lại cái thời khi mà người bán thịt quên đến giao hàng hằng tuần nhỉ?”

Ông bắt đầu khéo léo thái thịt bò muối.

“Con đang tự hỏi ai mà lại nghĩ ra chuyện xây nhà ở cái chốn đồng không mông quạnh thế này,” cô con gái Magdalen của ông hờn dỗi nói. “Không thấy một bóng người.”

“Đúng vậy,” người cha đáp. “Không một bóng người.”

“Con chẳng hiểu cái gì khiến cha lại mua nó, cha à,” Charlotte bảo.

“Không à, con gái của cha? Ừ, cha có lý do của cha – Cha có lý do.”

Mắt ông lạng lẽ tìm kiếm mắt bà vợ, nhưng bà chỉ nhăn mặt.

“Và còn bị ma ám nữa chứ,” Charlotte nói. “Có cho vàng con cũng không ngủ ở đây một mình đâu.”

“Vớ vẩn quá,” cha cô đáp. “Con đã thấy cái gì chưa? Thôi nào con.”

“Có lẽ chưa *thấy* gì, nhưng...”

“Nhưng gì cơ?”

Charlotte không đáp, nhưng cô hơi rùng mình. Một trận mưa rất lớn đến đội vào ô cửa sổ, và bà Dinsmead làm rơi cái muống xuống khay kê leng keng.

“Bà không bị căng thẳng đấy chứ, mẹ sắp nhỏ?” ông Dinsmead hỏi. “Chỉ là một đêm dữ dội, thế thôi. Đừng lo, chúng ta ở đây an toàn bên lò sưởi, và chắc chẳng ai bên ngoài đến làm phiền chúng ta đâu. Sao, nếu có ai thì hẳn đó là phép màu. Và làm gì có phép màu. Không đâu,” ông nói như thể nói với chính mình, với một vẻ thỏa mãn kỳ lạ. “Làm gì có phép màu.”

Mấy từ đó mới vượt ra khỏi miệng ông thì đột nhiên có tiếng gõ cửa. Ông Dinsmead ngồi như chết điếng.

“Cái gì thế nhỉ?” ông căn nhắc. Mồm há hốc. Bà Dinsmead bật ra một tiếng rên nhỏ và kéo chiếc khăn choàng kín người. Mặt Magdalen hồng hào trở lại và cô rướn người về phía trước nói với cha.

“Phép màu xảy ra rồi,” cô nói. “Tốt hơn là cha đi mở cửa cho người ta vào đi ạ.”

Hai mươi phút trước, Mortimer Cleveland đứng trong mưa xối xả và sương mù phủ kín xe hơi của ông. Đúng là đen thật. Chỉ trong mười phút mà có tới hai lỗ thủng, và giờ đây ông đang mắc kẹt giữa đồng không mông quạnh vùng đồi trọc Wiltshire khi trời đang tối dần, và không có triển vọng tìm được chỗ trú chân nào. Đáng đời ông vì đã cố đi đường tắt. Giá mà ông cứ đi theo đường chính! Giờ thì ông bị lạc ở một nơi dường như là đường

mòn chỉ dành cho xe đẩy, và chẳng biết thậm chí có làng mạc nào gần đây không.

Ông bối rối nhìn quanh, và mắt ông bắt gặp một ánh đèn trên sườn đồi. Một giây sau sương mù xuất hiện lần nữa, nhưng ông kiên nhẫn đợi và lò mờ thấy ánh đèn đỏ lần thứ hai. Sau một thoáng ngẫm nghĩ, ông bỏ lại chiếc xe và bắt đầu leo lên sườn đồi.

Chẳng bao lâu đã ra khỏi sương mù, ông thấy có ánh sáng như tỏa ra từ một khung cửa sổ sáng sủa của một ngôi nhà nhỏ. Dù gì đi nữa, đây hẳn là một chỗ trú chân. Mortimer Cleveland bước nhanh, cúi đầu để đối mặt với đợt tấn công dữ dội của mưa gió như đang cố hết sức đẩy lùi ông.

Có vẻ Cleveland đang trên con đường nổi tiếng dù chắc chắn phần đông dân chúng tỏ ra hoàn toàn không biết đến tên tuổi và những thành tựu của ông. Ông là tác giả viết về khoa học thần kinh và đã viết hai cuốn sách giáo khoa xuất sắc về tiềm thức. Ông cũng là thành viên của Hội Nghiên cứu Tâm lý học và là nhà nghiên cứu huyền bí học trong chừng mực mà nó ảnh hưởng đến các kết luận cũng như tuyên nghiên cứu của ông.

Ông vốn nhạy cảm với môi trường, và nhờ chủ tâm rèn luyện ông đã làm năng khiếu bẩm sinh này tăng thêm. Cuối cùng khi ông tới được ngôi nhà nhỏ và gõ cửa, ông nhận thấy một sự phản kích, một sự kích thích hiếm kỳ, như thể tất cả năng khiếu của ông bỗng trở nên sắc bén.

Rõ ràng ông nghe được những tiếng thì thầm trong nhà. Lúc ông gõ cửa thì đột nhiên tiếng thì thầm đó im bật, rồi tiếng đẩy ghế trên sàn nhà. Lát sau một cậu bé chừng 15 tuổi bật mở cửa. Qua vai cậu bé Cleveland nhìn thẳng vào khung cảnh trong nhà.

Nó khiến ông nhớ đến tranh nội thất của một họa sĩ bậc thầy Hà Lan nào đó. Một chiếc bàn tròn bày biện thức ăn, một gia đình ngồi quanh, một vài ngọn nến lung linh và ánh sáng lò sưởi tỏa ra khắp nhà. Người cha, một

người đàn ông to con, ngồi đầu bàn bên này đối diện một người phụ nữ nhỏ nhắn tóc hoa râm có khuôn mặt sợ hãi ở đầu bàn bên kia. Quay mặt ra cửa, nhìn thẳng vào Cleveland là một cô gái. Đôi mắt ngạc nhiên của cô nhìn thẳng vào ông, tay cô cầm một chiếc tách đang đưa lên môi nửa chừng.

Cleveland thấy ngay rằng cô gái có vẻ đẹp cực kỳ hiếm thấy. Tóc cô màu vàng lửa, nổi bật quanh khuôn mặt như sương mù, hai mắt cách xa nhau và có màu xám tinh khiết. Cô có khuôn miệng và chiếc cằm giống Đức Mẹ Maria của nước Ý xa xưa.

Một thoáng im phăng phắc. Rồi Cleveland bước vào phòng và giải thích về tình cảnh khó khăn của mình. Ông kết thúc câu chuyện nhằm chán rồi có một phút ngập ngừng lại càng khó hiểu hơn. Cuối cùng, như thể phải cố gắng lắm, người cha đứng dậy.

“Xin mời ông vào – ông Cleveland, có phải thế không?”

“Đúng là tên tôi,” Mortimer mỉm cười đáp.

“À! Vâng. Xin mời vào, ông Cleveland. Thời tiết tệ quá nhỉ? Thời tiết thế này thì ai mà muốn ở ngoài trời, nhỉ? Mời ông vào ngồi bên cạnh lò sưởi đây. Con đóng cửa lại đi, Johnnie. Đừng đứng suốt đêm ở đó chứ.”

Cleveland bước tới và ngồi xuống một cái ghế đầu bằng gỗ bên cạnh lò sưởi.

Cậu bé Johnnie đóng cửa lại.

“Dinsmead là tên tôi,” ông kia nói. Bây giờ ông rất vui vẻ, “Đây là vợ tôi, hai cô con gái, Charlotte và Magdalen.”

Lần đầu tiên, Cleveland nhìn được khuôn mặt của cô gái ngồi quay lưng về phía ông, và nhận thấy cô ấy đẹp như cô chị nhưng theo cách hoàn toàn khác. Da ngăm đen, khuôn mặt có sắc màu của đá cẩm thạch, chiếc mũi khoằm thanh tú và khuôn miệng nghiêm trang. Vẻ đẹp như đóng băng, khắc khổ và hơi dễ ghét. Cô ta đáp lại lời giới thiệu của người cha bằng cái

nghiêng đầu, và nhìn chăm chăm vào ông như đang dò xem tính cách thế nào. Như thể cô ta đang có ý kiến về ông, đánh giá công bằng cán cân phán xét non trẻ của cô.

“Uông chút gì nhé, ông Cleveland?”

“Cảm ơn ông,” Mortimer đáp. “Một tách trà sẽ hợp cảnh lắm.”

Ông Dinsmead ngáp ngừng chốc lát, rồi ông cầm năm tách trà lên, từng tách một, từ bàn và đổ chúng vào chiếc bát chứa cặn trà.

“Trà nguội rồi,” ông nói về cốc cặn. “Pha thêm cho chúng tôi ít trà nhé, mẹ sắp nhỏ.”

Bà Dinsmead nhanh nhẩu đứng dậy và vội vàng mang bình trà đi.

Mortimer có cảm tưởng bà ta mừng vì được ra khỏi phòng.

Chẳng bao lâu trà được mang lên, và vị khách không mời được tiếp đãi các món ăn.

Ông Dinsmead nói và nói liên hồi. Ông cởi mở, vui vẻ và nói nhiều. Ông kể cho người lạ nghe tất cả về mình.

Ông mới nghỉ hưu nghề xây dựng – ờ, khá là thành công. Ông và bà vợ nghĩ họ thích một chút không khí miền quê – trước đó chưa từng sống ở quê. Đương nhiên, tháng 10 và 11 không phải là thời gian thích hợp trong năm nhưng họ không muốn đợi. “Cuộc sống có gì chắc chắn đâu, thưa ông.” Thế là họ mua ngôi nhà nhỏ này. Trong vòng 8 dặm không có nhà nào khác, và cách nơi giống như thị trấn 19 dặm. Không, họ không phàn nàn gì cả. Mấy đứa con gái thấy hơi buồn chán, nhưng ông và mẹ chúng thích yên tĩnh.

Thế là ông cứ huyên thiên, khiến Mortimer dường như sắp bị thôi miên bởi nhịp đều đều. Chắc chắn ở đây không có gì ngoài cảnh sống gia đình bình thường. Thế nhưng, lúc mới nhìn vào bên trong, ông đoán có cái gì đó khác, cái gì đó căng thẳng, miễn cưỡng, toát ra từ một trong năm người đó

– ông không biết là ai. Chắc chỉ là vợ vắn, dây thần kinh của ông chắc là hỏng hết cả rồi! Sự xuất hiện đột ngột của ông khiến tất thấy họ đều hoảng sợ – chỉ thế thôi.

Ông bắt đầu hỏi xin trọ qua đêm và được trả lời tức thì.

“Ông phải ở lại đây với chúng tôi rồi, ông Cleveland ạ. Hàng dặm quanh đây chẳng có nơi nào khác cả. Chúng tôi có thể cho ông một phòng ngủ, dù vậy mấy bộ pyjamas của tôi có lẽ sẽ hơi rộng, ờ, có còn hơn không, và áo quần của ông sẽ khô vào sáng mai.”

“Ông thật tốt quá.”

“Không có gì đâu,” người kia vui vẻ đáp. “Như tôi nói lúc nãy, ai mà để một người đang cần giúp đỡ phải ra đi trong một đêm như thế này. Magdalen, Charlotte, đi lên và lo dọn phòng đi các con.”

Hai cô gái rời phòng. Mortimer nghe tiếng họ đang đi lại phía trên đầu mình.

“Tôi có thể hiểu vì sao hai cô gái trẻ trung quyen rũ như hai cô con gái của ông thấy buồn tẻ ở đây,” Cleveland bảo.

“Chúng xinh xắn ông nhỉ?” ông Dinsmead đáp với vẻ tự hào của người cha. “Chẳng giống gì mẹ chúng và tôi cả. Chúng tôi là một cặp xấu xí nhưng dính nhau như sam. Thật đấy, ông Cleveland. Ờ, Maggie, phải thế không bà nó?”

Bà Dinsmead cười nghiêm nghị. Bà lại bắt đầu đan len. Que đan thoăn thoắt kêu lách cách. Bà có tài đan len rất nhanh.

Lúc này phòng được báo là đã sẵn sàng, và Mortimer bày tỏ lòng cảm ơn lần nữa, rồi xin phép đi ngủ.

“Các con đã đặt chai nước nóng vào giường chưa?” bà Dinsmead hỏi, đột nhiên chú ý đến niềm tự hào gia chánh của mình.

“Dạ rồi, mẹ ạ, hai chai.”

“Được rồi,” Dinsmead bảo. “Đi lên cùng khách đi, các con, và xem ông có cần thêm gì không.”

Magdalen bước đến cửa sổ và thấy then đã cài chặt. Charlotte thì đưa mắt nhìn đồ đạc trên bồn rửa lần cuối. Rồi cả hai đứng nán lại ở cửa vào.

“Chúc ông ngủ ngon, ông Cleveland. Ông chắc là đủ hết mọi thứ rồi chứ ạ?”

“Vâng, cảm ơn cháu, Magdalen. Làm phiền cả hai cháu ta thấy ngại quá. Ngủ ngon nhé.”

“Chúc ông ngủ ngon ạ.”

Họ đi ra, đóng cửa lại sau lưng. Mortimer Cleveland còn lại một mình. Ông vừa từ từ cởi áo quần vừa suy nghĩ. Khi đã mặc bộ pyjama hồng của ông Dinstead xong, ông gom áo quần ướt lại và để chúng ngoài cửa như chủ nhà đã dặn. Ông có thể nghe tiếng Dinsmead ồm ồm từ dưới lầu. Ông ta đúng là một kẻ ba hoa! Nói chung là kỳ quặc... nhưng đúng là cả gia đình này có cái gì đó kỳ quặc, hay đó chỉ là tưởng tượng của mình nhỉ?

Ông từ từ trở vào phòng và đóng cửa lại. Ông đứng cạnh giường mãi mê suy nghĩ. Và rồi ông giật mình...

Cái bàn gỗ gụ bên cạnh giường phủ đầy bụi. Trên lớp bụi có viết ba chữ cái hiện rõ ràng: *S.O.S.*

Mortimer nhìn chăm chăm như thể không tin vào mắt mình nữa. Nó là lời khẳng định cho tất cả những phỏng đoán mơ hồ và linh tính của ông. Vậy là ông đã đúng. Có điều gì đó không ổn trong ngôi nhà này.

S.O.S. Một lời cầu cứu. Nhưng ngón tay ai đã viết nó lên bụi thế nhỉ? Của Magdalen hay của Charlotte? Ông nhớ cả hai cô đều đứng ở đó một lát trước khi ra khỏi phòng. Tay ai đã đặt xuống bàn và viết ra ba chữ cái kia?

Khuôn mặt của hai cô gái hiện lên trước mắt ông. Của Magdalen thì ngăm đen và hờ hững còn của Charlotte như ông thấy lần đầu, mắt mở to, hoảng hốt với vẻ khó hiểu trong cái liếc mắt của cô...

Ông lại bước đến cửa và mở ra. Không còn nghe thấy giọng nói trầm vang của ông Dinsmead. Ngôi nhà im ắng.

Ông thâm nghĩ.

“Tôi nay mình chẳng thể làm gì. Ngày mai – ờ. Đợi xem thế nào.”

Cleveland thức dậy sớm. Ông xuống nhà, băng qua phòng khách và đi ra vườn. Buổi sáng tươi mát và đẹp đẽ sau cơn mưa. Ai đó cũng dậy sớm. Ở cuối vườn, Charlotte đang dựa vào hàng rào nhìn chằm chằm về phía rừng núi. Mạch ông đập hơi nhanh khi bước đến bên cạnh cô. Ngay từ đầu ông đã thâm tin rằng chính Charlotte viết lời nhắn đó. Khi ông tiến về phía cô, cô quay lại và chúc ông “Buổi sáng tốt lành.” Mắt cô nhìn về bọc trực và trẻ con, chẳng có chút gì bí mật ẩn chứa trong đó cả.

“Chúc cháu một buổi sáng thật tốt lành,” Mortimer mỉm cười đáp. “Thời tiết sáng nay thật trái ngược với tôi qua.”

“Đúng thế ạ.”

Mortimer bẻ một cành từ cái cây cạnh bên. Ông dùng nó bắt đầu vẽ vu vơ trên vạt đất cát mịn dưới chân mình. Ông viết chữ S, rồi O, rồi S, và khi làm thế ông nhìn cô gái thật kỹ. Song ông chẳng phát hiện ra vẻ gì là hiểu ý cả.

“Cháu có biết những chữ cái này tượng trưng cho cái gì không?” ông đột ngột hỏi.

Charlotte hơi nhăn trán. “Chẳng phải chúng là những chữ cái mà các thuyền – các tàu phát đi khi gặp nạn sao ạ?” cô hỏi.

Mortimer gật đầu. “Ai đó đã viết lên cái bàn cạnh giường ta tối qua,” ông dịu dàng nói. “Ta nghĩ có lẽ là *cháu* làm.”

Cô nhìn ông mắt mở to vẻ kinh ngạc. “Cháu ư?Ồ, không đâu ạ.”

Thế thì ông sai rồi. Một nỗi thất vọng sắc lẹm đâm xuyên qua người ông. Thế mà ông đã chắc mẫm – quá chắc mẫm. Chuyện trực giác đưa ông đi lạc lối hiểm khi xảy ra.

“Cháu chắc chứ?” ông khẳng khẳng.

“Ồ, vâng.”

Họ quay lại và cùng nhau đi chậm chậm về nhà. Charlotte dường như đang chú tâm vào chuyện gì đó. Cô trả lời ngẫu nhiên một vài nhận xét của ông. Bất thần cô thốt lên bằng một giọng trầm và vội vã. “Sao – ông lại hỏi về mấy chữ cái đó, S.O.S, kỳ vậy. Đương nhiên là cháu không viết chúng nhưng... không chừng là cháu viết ấy chứ.”

Ông dừng lại nhìn cô, và cô nhanh nhẩu nói tiếp.

“Cháu biết nghe có vẻ ngớ ngẩn nhưng dạo này cháu rất sợ, vô cùng sợ hãi, và khi ông đến tối qua, dường như là một – một câu trả lời cho cái gì đấy.”

“Cháu sợ cái gì?” ông hỏi liền.

“Cháu không biết ạ.”

“Cháu không biết?”

“Cháu nghĩ... do cái nhà. Từ khi gia đình cháu chuyển đến đây thì cảm giác đó ngày càng tăng. Mọi người có vẻ khang khác thế nào ấy. Cha, mẹ, và Magdalen, tất cả đều khác.”

Mortimer không lên tiếng ngay, và trước khi ông kịp mở miệng thì Charlotte đã nói tiếp.

“Ông biết đấy, cái nhà này chắc là bị ma ám ông nhỉ?”

“Gì cơ?” Tất cả hứng thú của ông lại được kích thích.

“Vâng, một người đàn ông sát hại vợ mình ở đó, ờ, cách đây vài năm rồi. Khi đã đến đây gia đình cháu mới biết chuyện. Cha nói làm gì có ma quỷ, nhưng cháu... không biết đâu.”

Mortimer nghĩ thật nhanh.

“Nói cho ta biết,” ông nói giọng rành rọt, “có phải vụ giết người xảy ra trong phòng ta ngủ tối qua không?”

“Cháu không biết gì hết ạ,” Charlotte đáp.

“Giờ thì ta tự hỏi,” Mortimer nửa như nói với chính mình, “ừ, có thể thế.”

Charlotte nhìn ông vẻ khó hiểu.

“Cháu Dinsmead này,” Mortimer dịu dàng nói, “cháu có từng nghĩ mình có năng lực đồng cốt không?”

Cô nhìn ông chăm chăm.

“Ta nghĩ cháu biết mình *đã* viết S.O.S tối qua,” ông bình thản nói. “Ồ! đương nhiên chỉ là vô tình. Có thể nói, tội ác vẫn lớn vồn quanh đây. Một trí óc nhạy cảm như của cháu có thể hành động theo kiểu ấy. Cháu tái hiện lại những cảm giác và ấn tượng của nạn nhân. Nhiều năm trước có lẽ *bà ấy* đã viết S.O.S lên bàn, và tối qua cháu vô tình tái hiện lại hành động của bà ấy.”

Khuôn mặt Charlotte sáng bừng lên.

“Cháu hiểu rồi,” cô đáp. “Ông nghĩ đó là lời giải thích phải không ạ?”

Có tiếng gọi cô từ căn nhà, và cô đi vào để Mortimer ở lại bước tới bước lui trên lối nhỏ trong vườn. Ông đã thỏa mãn với giải thích riêng của mình chưa? Nó đã bao gồm những sự việc mà ông đã biết chưa? Nó có giải thích được sự căng thẳng mà ông cảm nhận khi bước vào nhà tối qua không?

Có lẽ là rồi, nhưng sao ông vẫn có cảm giác kỳ quặc là sự xuất hiện đột ngột của ông đã tạo nên một cái gì đó rất khiếp đảm, ông thầm nghĩ. “Mình không được để cách giải thích mang tính ngoại cảm đó cuốn đi, có thể giải thích được đối với Charlotte... nhưng không thể áp dụng cho những người khác. Chuyện mình đến đã khiến họ vô cùng bối rối, tất cả họ trừ Johnnie. Dù chuyện gì quan trọng đến đâu, Johnnie cũng chẳng can dự.”

Ông khá chắc chắn về điều đó, lạ lùng là ông lạc quan đến thế, nhưng chuyện là thế mà.

Đúng lúc ấy, chính Johnnie đi ra khỏi nhà và tiến về phía vị khách.

“Bữa sáng đã sẵn sàng rồi ạ,” cậu ta nói vẻ ngượng ngịu. “Cháu mời ông vào.”

Mortimer để ý mấy ngón tay thẳng bé rất bản. Johnnie cảm nhận được cái liếc mắt của ông nên cậu cười vẻ tội nghiệp.

“Cháu luôn nghịch các loại hóa chất, ông biết đấy,” cậu bảo. “Đôi khi cha cháu điên tiết với cháu, Cha muốn cháu theo nghề xây dựng, nhưng cháu chỉ muốn học môn hóa và làm công việc nghiên cứu.”

Ông Dinsmead xuất hiện ở cửa sổ đằng trước mặt họ, cởi mở, vui vẻ và tươi cười, và nhìn ông như thế khiến tất cả những sự nghi ngờ và thù địch trong lòng Mortimer lại trôi dạt. Bà Dinsmead đã ngồi vào bàn. Bà chúc ông “Buổi sáng tốt lành.” bằng cái giọng tế nhị, và vì lý do nào đó ông lại có ấn tượng rằng bà ấy sợ ông.

Magdalen vào cuối cùng. Cô gật đầu chào ông qua loa rồi ngồi xuống ghế đối diện.

“Ông ngủ ngon không ạ?” cô đột ngột hỏi. “Giường ngủ có thoải mái không ông?”

Cô nhìn ông rất chân thành, và khi ông lịch sự trả lời rằng có, ông để ý thấy một cái vẻ rất giống như là thoáng thất vọng lướt qua khuôn mặt cô.

Cô muốn ông sẽ trả lời thế nào nhỉ, ông tự hỏi?

Ông quay sang chủ nhà.

“Có vẻ như chàng trai này của ông thích hóa học?” ông vui vẻ nói.

Một tiếng xoảng. Bà Dinsmead đánh rơi tách trà của bà.

“Này Maggie, này,” ông chồng nói.

Mortimer cảm giác như có một sự nhắc nhở, cảnh cáo, trong giọng nói của ông chồng. Ông ta quay sang vị khách của mình và nói thật lưu loát về những ưu điểm của nghề xây dựng, và về việc không để mấy đứa trai trẻ tỏ ra tự phụ.

Sau bữa điểm tâm, Mortimer ra vườn một mình và hút thuốc. Rõ ràng đã tới lúc ông phải rời ngôi nhà này. Xin trú qua đêm là một chuyện, kéo dài chuyện ở lại mà không có cơ gì thì rất khó, và ông có thể đưa ra cơ gì được đây? Và ông chẳng muốn rời đi chút nào.

Trần trở điều đó trong đầu, Mortimer bước xuống lối nhỏ dẫn vòng ra mặt bên kia của ngôi nhà. Ông đi giày đế cao su kép nên ít hoặc không gây ra tiếng động. Đi ngang qua cửa sổ phòng bếp, Mortimer nghe tiếng ông Dinsmead nói vọng ra từ bên trong, và những lời đó khiến ông chú ý tức khắc.

“Nó là một cục tiền kha khá, thật đấy.”

Tiếng bà Dinsmead trả lời. Quá yếu ớt khiến Mortimer không nghe rõ, nhưng Dinsmead đáp.

“Gần cả 60.000 bảng Anh, luật sư bảo thế.”

Mortimer không có ý định nghe lén, nhưng ông thoái lui hết sức thận trọng. Chuyện đề cập đến tiền bạc dường như đã làm rõ sự tình. Có nghi vấn về 60.000 bảng Anh gì đó – nó khiến sự việc rõ ràng hơn – và xấu xa hơn.

Magdalen vừa bước ra khỏi nhà thì cha cô gọi cô lại gần như ngay lập tức, và thế là cô quay vào. Lúc này, chính ông Dinsmead đi ra chỗ vị khách của mình.

“Một buổi sáng hiếm có thật,” ông chủ nhà vui vẻ nói. “Tôi hy vọng xe hơi của ông không bị hư hại gì.”

“Muốn biết lúc nào tôi đi chứ gì,” Mortimer thăm nghĩ.

Một lần nữa ông nói lời cảm ơn Dinsmead đã hiếu khách kịp thời.

“Không có gì, không có gì,” người kia đáp.

Magdalen và Charlotte cùng bước ra khỏi nhà, và quàng tay nhau đi tản bộ đến một chiếc ghế làm bằng gỗ thô cách đó hơi xa một chút. Mái tóc đen và mái tóc vàng tạo nên một sự tương phản dễ chịu, và bất giác Mortimer nói. “Hai cô con gái của ông không giống nhau chút nào, ông Dinsmead.”

Người kia đang đốt tẩu thuốc thì cổ tay giật mạnh và đánh rơi que diêm.

“Ông nghĩ vậy sao?” ông ta hỏi.

“Vâng, ờ, tôi nghĩ đúng là vậy.” Một tia trực giác thoáng qua trong Mortimer. “Nhưng đương nhiên không phải cả hai đứa đều là con gái ông,” Mortimer nói trơn tuột.

Ông thấy Dinsmead nhìn ông, ngập ngừng một lát, và rồi quyết định.

“Ông rất thông minh, thưa ông,” ông ta nói. “Đúng đấy, một trong hai đứa là trẻ bị bỏ rơi, vợ chồng tôi nhận về khi nó còn nhỏ và nuôi dạy nó. Chính con bé cũng không hề biết sự thật, nhưng nó sẽ phải sớm biết thôi.” Ông thở dài.

“Vì chuyện thừa kế à?” Mortimer khẽ ướm hỏi.

Người kia đưa ánh nhìn nghi ngờ về phía ông.

Rồi dường như cho rằng tốt nhất là thẳng thắn với nhau; thái độ ông trở nên thẳng thắn và cởi mở hẳn.

“Thật lạ là ông nói đúng, thưa ông.”

“Một trường hợp thần giao cách cảm, nhỉ?” Mortimer bảo rồi mỉm cười.

“Chuyện là thế này, thưa ông. Chúng tôi nhận nuôi con bé giúp cho người mẹ – để được một số tiền thưởng, vì lúc ấy tôi mới bắt đầu bước vào nghề xây dựng. mấy tháng trước, tôi đề ý một mẫu quảng cáo trên báo, và có vẻ như đứa trẻ được nhắc đến là Magdalen nhà tôi. Tôi đi gặp mấy người luật sư và chúng tôi bàn luận rất nhiều về hướng này hướng khác. Lẽ tự nhiên là họ nghi ngờ, như ông nghĩ, nhưng bây giờ mọi thứ đang rõ ràng hơn rồi. Tuần sau tôi sẽ đưa con bé đi London, tới giờ con bé vẫn chưa biết gì. Có vẻ như cha của con bé là một trong những quý ông Do Thái giàu có. Ông ta chỉ biết đến sự tồn tại của đứa nhỏ vài tháng trước khi qua đời. Ông bố trí người cố gắng tìm kiếm tung tích con bé, và để lại tất cả tiền bạc của mình cho nó khi tìm được.”

Mortimer chăm chú lắng nghe. Ông không có lý do gì để nghi ngờ câu chuyện của ông Dinsmead. Nó giải thích cho vẻ đẹp đen huyền của Magdalen; có lẽ cũng giải thích luôn được thái độ cách biệt của cô. Dù sao đi nữa, dù câu chuyện có thể là thật, điều gì đó ẩn sau nó chưa được tiết lộ.

Nhưng Mortimer không có ý định khiến người kia nghi ngờ thêm. Thay vào đó, ông phải hết sức cố gắng làm giảm bớt nghi ngờ.

“Chuyện thú vị thật, ông Dinsmead,” Mortimer nói. “Tôi chúc mừng cô Magdalen. Vừa là người thừa kế vừa là người đẹp, cô ấy có một cuộc đời tốt lành phía trước.”

“Con bé có thể thật,” người cha ông bố của cô gái nồng nhiệt tán thành, “và nó là một đứa con gái tốt bụng hiếm thấy nữa, ông Cleveland ạ.”

Có mọi bằng chứng cho thấy sự ám áp thành tâm trong thái độ của ông ta.

“Ồ,” Mortimer bảo, “tôi nghĩ tôi phải đi bây giờ. Tôi muốn cảm ơn ông một lần nữa vì đã hiếu khách rất kịp thời, ông Dinsmead.”

Đi cùng chủ nhà, Mortimer vào chào tạm biệt bà Dinsmead. Bà đang đứng bên cửa sổ, lưng quay về phía họ, và không nghe thấy họ vào. Khi chồng bà vui vẻ nói. “Ông Cleveland đây đến chào tạm biệt,” bà giật mình về căng thẳng và quay ngoắt lại, làm rơi thứ gì đấy mà bà đang cầm trên tay. Mortimer nhặt lên cho bà. Đó là hình thu nhỏ của Charlotte được làm theo phong cách cách đây chừng 25 năm. Mortimer lặp lại những lời cảm ơn như ông vừa mới nói với chồng bà. Ông lại để ý thấy vẻ sợ hãi và những cái liếc mắt kín đáo của bà nhìn chồng.

Hai cô gái không có mặt nhưng Mortimer không định gặp họ cho bằng được; ngoài ra ông có một ý riêng mà chẳng bao lâu được chứng minh là đúng.

Ông đi được độ nửa dặm từ nhà tới chỗ ông bỏ lại chiếc xe đêm trước thì mấy bụi cây bên đường bị gạt sang một bên, và Magdalen bước ra trước mặt ông trên con đường mòn.

“Cháu phải gặp ông,” cô bảo.

“Ta cũng đã đợi cháu,” Mortimer bảo. “Chính cháu là người đã viết S.O.S lên bàn trong phòng ta tối qua phải không?”

Magdalen gật đầu.

“Tại sao thế?” Mortimer nhẹ nhàng hỏi.

Cô gái quay qua một bên và bắt đầu bứt lá từ bụi cây. “Cháu không biết nữa,” cô đáp, “thật lòng là cháu không biết.”

“Kể cho ta nghe nào,” Mortimer bảo.

Magdalen hít một hơi thật sâu.

“Cháu là người thực tế,” cô bảo, “không phải là kiểu người hay tưởng tượng hay ảo tưởng gì. Cháu biết, ông tin vào ma và linh hồn. Cháu thì không, và khi cháu nói với ông là có điều gì đó không ổn trong ngôi nhà,” cô chỉ tay lên ngọn đồi, “thì ý cháu là có cái gì đó hữu hình không ổn, chứ không chỉ là tiếng vọng của quá khứ. Nó cứ xuất hiện ngay khi gia đình cháu đến ở. Mỗi ngày một tệ hơn, cha trở nên khác đi, mẹ khác đi, Charlotte cũng khác.”

Mortimer ngắt lời. “Johnnie có khác không?” ông hỏi.

Magdalen nhìn ông, vẻ biết ơn hiện lên trong mắt cô. “Không ạ,” cô đáp, “giờ cháu mới nghĩ tới điều đó. Johnnie không khác. Nó là người duy nhất mà... mà không bị ảnh hưởng gì ở bữa trà tối qua.”

“Còn cháu thì sao?” Mortimer hỏi.

“Cháu sợ... sợ khủng khiếp, như con nít – không biết cái gì khiến cháu sợ. Còn cha thì... kỳ quặc lắm, không có từ nào hơn thế, kỳ quặc. Cha nói về phép màu và rồi khi cháu cầu nguyện – thật sự cầu có phép màu thì ông gõ cửa.”

Cô đột ngột ngừng lại, nhìn ông chăm chăm.

“Cháu nghĩ, chắc ông thấy cháu có vẻ điên điên,” cô nói vẻ ngang ngạnh.

“Không đâu,” Mortimer đáp, “ngược lại, trông cháu vô cùng tỉnh táo. Tất cả những người tỉnh táo đều có linh cảm về nguy hiểm nếu nó đang đến gần họ.”

“Ông chưa hiểu ý cháu,” Magdalen đáp. “Cháu không sợ... cho mình.”

“Vậy thì cho ai?”

Nhưng một lần nữa Magdalen lắc đầu vẻ bối rối. “Cháu không biết.”

Cô nói tiếp. “Cháu bắt giác viết S.O.S. Cháu có cảm tưởng – đúng là vô lý, rằng họ không để cháu nói chuyện với ông... ý cháu tất cả họ. Cháu không biết cháu định nhờ ông làm gì. Giờ cháu vẫn chưa biết.”

“Không sao,” Mortimer đáp. “Ta sẽ giải quyết chuyện đó.”

“Ông có thể làm được gì ạ?”

Mortimer khẽ mỉm cười. “Ta có thể suy nghĩ.”

Cô nhìn ông vẻ nghi ngờ.

“Ừ.” Mortimer bảo, “nhiều chuyện có thể làm theo cách đó, hiệu quả hơn cháu tưởng đấy. Nói cho ta biết, có khả năng là có từ hoặc cụm từ nào khiến cháu chú ý ngay trước bữa ăn tối qua không?”

Magdalen cau mày. “Cháu không nghĩ thế,” cô bảo. “Chỉ ít cháu nghe cha nói gì đó với mẹ rằng Charlotte là bản sao của mẹ, rồi cha cười vẻ kỳ quặc lắm, nhưng – đâu có gì kỳ lạ trong chuyện đó đúng không ạ?”

“Không,” Mortimer từ tốn đáp. “ngoại trừ việc Charlotte đâu có giống gì mẹ cháu đâu.”

Ông lại đắm chiêu suy nghĩ một lát, rồi nhìn lên thấy Magdalen đang ngáp ngừng nhìn ông.

“Về nhà đi, con gái,” ông bảo, “và đừng lo lắng gì, cứ để ta lo.”

Cô ngoan ngoãn bước lên lối nhỏ dẫn về nhà. Mortimer đi tản bộ thêm một đoạn xa hơn, rồi ông nằm rạp xuống bãi cỏ xanh. Ông nhắm mắt để kéo mình ra khỏi những suy nghĩ hoặc cố gắng có chủ ý, và để cho một chuỗi các hình ảnh tùy nghi lướt qua tâm trí.

Johnnie! Ông luôn quay lại với Johnnie. Johnnie, hoàn toàn vô tội, hoàn toàn vô can trong mớ nghi ngờ và mưu đồ ấy, nhưng lại là trung tâm cho mọi thứ xoay quanh. Ông nhớ chuyện chiếc tách của bà Dinsmead va mạnh lên đĩa ở bữa điểm tâm sáng đó. Điều gì khiến bà lo âu? Có phải lúc ông đề

cập đến niềm yêu thích hóa học của cậu bé? Lúc đó ông chưa để ý đến ông Dinsmead, nhưng giờ ông thấy ông ta rất rõ ràng, khi ông ta ngồi, tách trà đang đưa lên môi nửa chừng.

Hình ảnh đó đưa ông về lại với Charlotte, tối qua ông thấy cô lúc cánh cửa mở ra. Cô ngồi nhìn ông chầm chầm qua vành tách trà. Và một ký ức khác thoáng qua nhanh. Ông Dinsmead đổ từng ly trà đi, và bảo “trà nguội rồi.”

Ông nhớ hơi nóng vẫn bốc lên mà. Vậy thì chắc chắn trà đâu có nguội?

Có cái gì đó cựa quậy trong não ông. Ký ức về một cái gì đó ông đã đọc cách đây không lâu, có lẽ trong vòng một tháng. Một bài báo nào đó về cả một gia đình bị ngộ độc do sự bất cẩn của một cậu bé. Một gói arsen để trong chạn bị rỉ ra rơi xuống bánh mì ở bên dưới. Ông đã đọc vụ đó trên báo. Có lẽ ông Dinsmead cũng đã đọc.

Sự việc đang trở nên sáng tỏ hơn...

Nửa giờ sau, Mortimer Cleveland đứng bật dậy.

Lại một buổi tối nữa trong căn nhà nhỏ. Tối nay có món trứng chần nước sôi và giò thủ đóng hộp. Lúc này bà Dinsmead từ bếp bước vào mang theo một bình trà lớn. Cả gia đình ngồi vào chỗ của mình quanh bàn.

“Đổi lập hoàn toàn với thời tiết tối qua,” bà Dinsmead bảo, liếc về phía cửa sổ.

“Ừ,” ông Dinsmead đáp, “tối nay yên lặng đến độ có thể nghe được tiếng đinh ghim rơi. Giờ thì, mẹ sắp nhỏ, rót trà ra đi nào.”

Bà Dinsmead rót trà vào tách và chuyển quanh bàn. Rồi khi bà đặt ấm trà xuống, đột nhiên bà thét lên một tiếng nhỏ và ép tay lên ngực. Ông Dinsmead quay ngoắt lại, nhìn theo hướng đôi mắt khiếp đảm của bà. Mortimer Cleveland đang đứng ở ngưỡng cửa.

Ông bước tới. Thái độ thân mật và tỏ vẻ xin lỗi. “Tôi e là mình đã làm mọi người hoảng hốt,” ông nói. “Tôi phải quay lại vì một thứ.”

“Quay lại vì một thứ,” ông Dinsmead la lên. Mặt ông tím tái và các mạch máu phồng lên. “Tôi muốn biết ông quay lại vì cái gì?”

“Một ít trà,” Mortimer đáp.

Bằng một động tác nhanh nhẹn, ông lấy cái gì đó trong túi ra, và lấy một trong các tách trà trên bàn trút hết vào trong ống nghiệm nhỏ ông cầm bên tay trái.

“Cái gì... ông đang làm cái gì thế?” ông Dinsmead thở hỏn hển. Mặt ông trắng bệch ra, màu tím tái biến mất như có phép lạ.

Bà Dinsmead sợ hãi la lên một tiếng lạnh lạnh và yếu ớt.

“Tôi nghĩ ông có đọc báo, đúng không ông Dinsmead? Tôi chắc chắn là có. Thịnh thoảng người ta đọc những mẩu chuyện về việc cả một gia đình bị đầu độc, một vài người hồi phục con số khác thì không. Trong trường hợp này *một người sẽ không hồi phục*. Lời giải thích thứ nhất là món giò thủ đóng hộp ông đang ăn, nhưng giả sử bác sĩ là người đa nghi, sẽ không dễ dàng tin vào giả thuyết thức ăn đóng hộp thì sao? Có một gói arsen trong chạn của ông. Ở ngăn bên dưới có một gói trà. Có một cái lỗ rất tiện nằm ở ngăn trên cùng, còn gì tự nhiên hơn là cho rằng chất arsen tình cờ rơi xuống trà? Con trai Johnnie của ông sẽ bị tố là bất cẩn, chỉ thế thôi.”

“Tôi... tôi không hiểu ý ông,” Dinsmead thở hỏn hển.

“Tôi nghĩ ông hiểu đấy,” Mortimer cầm tách trà thứ hai lên và đổ vào ống nghiệm thứ hai. Một ống ông dán nhãn đỏ, ống kia nhãn xanh.

“Ống nhãn đỏ,” ông bảo, “chứa trà trong tách của cô con gái Charlotte của ông, còn ông kia là từ cô con gái Magdalen của ông. Tôi dám thề rằng trong ống đầu tiên tôi sẽ thấy lượng arsen nhiều hơn gấp bốn hoặc năm lần ống sau.”

“Ông điên rồi,” Dinsmead bảo.

“Ồ! Trời ạ, không đâu. Tôi không phải loại ấy. Ông Dinsmead ạ, hôm nay ông tiết lộ với tôi rằng Magdalen là con gái ông. Charlotte là đứa trẻ ông nhận nuôi, đứa trẻ này giống mẹ nó đến nỗi hôm nay khi tôi cầm hình thu nhỏ của bà mẹ đó trong tay, tôi nhầm đó chính là hình Charlotte. Ông sẽ đưa con gái riêng của mình đi thừa hưởng gia tài, nhưng vì khó mà giấu đi Charlotte, đứa con gái tưởng như là của ông và là người thừa kế thực sự, rồi ai đó biết về người mẹ sẽ nhận ra sự giống nhau của hai mẹ con, và âm mưu bị vạch trần. Thế là ông quyết định, ờ... một nhúm arsen trắng vào dưới đáy tách uống trà.”

Bà Dinsmead đột nhiên phá lên cười sảng sặc, đung đưa người tới lui trong cơn điên loạn dữ dội.

“Trà,” bà ta kêu lên the thé, “đó là thứ ông ấy bảo, trà, chứ không phải nước chanh.”

“Câm mồm lại ngay.” ông chồng bà gầm lên giận dữ.

Mortimer thấy bên kia bàn Charlotte nhìn ông, mắt mở to và thắc mắc. Rồi ông cảm thấy một bàn tay đặt lên cánh tay mình, và Magdalen kéo ông ra khỏi tầm nghe.

“Những cái đó,” cô chỉ mấy cái ống nghiệm... “Cha. Ông sẽ không...”

Mortimer đặt tay lên vai cô. “Con gái à,” ông bảo, “cháu không tin vào quá khứ. Ta thì có. Ta tin vào cái không khí của căn nhà này. Nếu ông kia không làm thế, có lẽ – ta nói *có lẽ* – cha cháu đã không lên kế hoạch đó. Ta giữ hai ống nghiệm này để bảo vệ cho Charlotte bây giờ và sau này. Ngoài ra, ta sẽ không làm gì khác, để cảm ơn bàn tay đã viết S.O.S.”

ĐÀI VÔ TUYẾN

Đài vô tuyến được đăng lần đầu trên *Sunday Chronicle Annual 1925*, tháng 9 năm 1925.

Điều quan trọng nhất là tránh lo lắng và kích động,” bác sĩ Meynell nói, về thái độ giả tạo của mấy ông bác sĩ.

Cũng như những người hay nghe mấy lời êm dịu nhưng vô nghĩa này, bà Harter có vẻ nghi ngại hơn là nhẹ nhõm.

“Tim hơi yếu,” vị bác sĩ cứ trợn tru nói tiếp, “nhưng không có gì phải lo lắng quá. Tôi có thể cam đoan thế.

“Dù sao,” ông nói thêm, “có thể cũng sẽ cần lắp đặt một cái thang máy. Hử? Thế có được không?”

Bà Harter có vẻ lo lắng.

Ngược lại, bác sĩ Meynell có vẻ mãn nguyện với bản thân. Lý do ông thích thăm nom bệnh nhân giàu có hơn nghèo khổ là vì ông có thể vận dụng óc tưởng tượng thực dụng của mình vào việc kê đơn cho bệnh tình của họ.

“Vâng, một cái thang máy,” bác sĩ Meynell bảo, cố gắng nghĩ ra cái gì khác hấp dẫn hơn... nhưng rồi chịu thua. “Rồi chúng ta sẽ tránh tất cả những gì phải cố gắng quá sức. Tập thể dục hằng ngày đúng mức vào ngày đẹp trời, nhưng tránh leo đồi núi. Và quan trọng nhất,” ông vui vẻ nói thêm, “cho trí óc thanh thoi thật nhiều. Đừng mãi nghĩ về sức khỏe của mình.”

Đối với cháu trai của bà cụ, Charles Ridgeway, bác sĩ có vẻ thẳng thắn hơn.

“Đừng hiểu nhầm ý tôi,” ông bảo. “Dì của cậu có thể sống thêm nhiều năm, có lẽ thế. Tuy nhiên sức và cố gắng quá sức có thể sẽ giết chết bà như thế này!” Ông búng ngón tay. “Bà phải sống một cuộc sống thật yên bình. Không cố gắng quá sức. Không mệt nhọc. Nhưng đương nhiên bà không được phép lo nghĩ. Bà phải luôn vui vẻ và đầu óc được thanh thoi.”

“Được thanh thoi,” Charles Ridgeway đáp vẻ nghĩ ngợi.

Charles là một chàng trai chu đáo. Anh cũng là một chàng trai tin vào việc phát triển những sở thích của riêng mình khi có thể.

Tôi đó anh đề nghị lắp một cái đài vô tuyến.

Bà Harter đã bối rối về ý tưởng cái thang máy nên giờ lo lắng và miễn cưỡng. Charles là người ăn nói lưu loát và có sức thuyết phục.

“Ta nghĩ mình chẳng quan tâm tới những thứ mới mẻ này đâu,” bà Harter nói vẻ thảm thương. “Mấy cái tần sóng, cháu biết đấy... tần sóng điện. Chúng có thể ảnh hưởng tới ta.”

Bằng một vẻ giỏi giang và chân thành, Charles chỉ ra rằng ý tưởng đó thật viễn vông.

Kiến thức của bà Harter về chuyện này hết sức mơ hồ nhưng bà kiên định với ý kiến riêng của mình và vẫn không bị thuyết phục.

“Mấy cái điện đó,” bà sợ sệt lắm bả. “Cháu muốn nói gì tùy cháu, Charles, nhưng có người bị ảnh hưởng bởi điện. Ta luôn bị đau đầu khủng khiếp trước một trận mưa giông sấm sét. Ta biết thế mà.”

Bà gật đầu vẻ đắc thắng.

Charles là một chàng trai kiên nhẫn. Anh cũng là một người cố chấp.

“Dì Mary yêu quý ơi,” anh bảo, “để cháu giải thích cho dì rõ.”

Anh là chuyên gia về vấn đề này. Giờ anh làm một bài thuyết giảng về chủ đề đó; mở đầu công việc, anh nói về van phát sáng, van xin, về tần số cao và tần số thấp, về khuếch đại và các tụ điện.

Bị chìm trong một biển từ ngữ mà mình chẳng hiểu gì, bà Harter đầu hàng.

“Đương nhiên rồi, Charles,” bà lầm bầm, “nếu cháu thật sự nghĩ...”

“Dì Mary yêu quý của cháu,” Charles hào hứng nói. “Nó chính là thứ dì cần, để giúp dì khỏi rầu rĩ hay đại loại thế.”

Thang máy do bác sĩ Meynell đề nghị được lắp đặt chẳng bao lâu sau đó và nó như là cơn hấp hối của bà Harter bởi, giống như những cụ bà khác, bà kiên quyết phản đối mấy người đàn ông lạ mặt trong nhà. Bà nghi ngờ họ, tất cả bọn họ, rắp tâm chiếm đoạt tiền bạc của bà.

Sau cái thang máy, máy vô tuyến được đưa đến. Người ta để bà Harter ở lại nhìn ngắm, đối với bà nó là món đồ ghê tởm – một cái hộp lớn trông vô duyên, đầy những núm vặn.

Charles phải vận dụng hết sự hào hứng của mình mới khiến bà chịu chấp nhận.

Nó hợp với sở trường của Charles, thế là anh vừa xoay những cái núm vừa giảng giải thật rành mạch.

Bà Harter ngồi trên ghế tựa lưng cao, kiên nhẫn và lịch sự, với quan niệm cố hữu rằng những khái niệm mới này hoàn toàn là những mối phiền lòng không hơn không kém.

“Nghe này, dì Mary, chúng ta đang ở kênh Berlin, không tuyệt vời sao ạ? Dì có nghe anh chàng đó không?”

“Ta chẳng nghe gì ngoại trừ rất nhiều tiếng rì rầm và lạch cạch,” bà Harter đáp.

Charles tiếp tục xoay các núm điều khiển. “Brussels,” anh háo hức thông báo.

“Thế sao?” bà Harter hỏi mà chẳng tỏ ra thích thú gì.

Charles lại xoay núm điều khiển và một tiếng hú khủng khiếp vang vọng vào phòng.

“Giờ có vẻ như chúng ta đang ở kênh Nhà của chó,” bà Harter bảo, bà là một cụ bà khá là can đảm.

“Ha, ha!” Charles bảo, “dì mà cũng nói đùa sao, dì Mary? Tốt quá.”

Bà Harter không thể không mỉm cười với anh. Bà rất yêu quý Charles. Cháu gái Mariam Harter sống với bà cũng vài năm. Bà định chọn cô làm người thừa kế của mình nhưng Mariam không thành công. Cô gái không kiên nhẫn và rõ ràng rất chán ngán tầng lớp thượng lưu của bà cô. Con bé lúc nào cũng ra ngoài, theo cách nói của bà Harter là “đi lang thang”. Cuối cùng cô vướng vào một chàng trai mà bà cô cực kỳ phản đối. Mariam quay về với mẹ của mình và để lại một tin nhắn cộc lốc như thể là cô đã được chấp thuận rồi. Cô cưới chàng trai kể trên và bà Harter thường gửi cho cô một hộp khăn tay hoặc đồ trang trí bàn ăn vào dịp Giáng sinh.

Thất vọng về mấy cô cháu gái nên bà quay sang quan tâm đến các cháu trai. Ngay từ ban đầu, Charles là người thành công hoàn toàn. Anh luôn tỏ ra vui vẻ tôn trọng dì của mình, và lắng nghe với vẻ rất quan tâm những hồi tưởng về thời son trẻ của bà. Trong chuyện này thì anh hoàn toàn đối lập với Miriam, cô kia tỏ ra rất chán ngán và thể hiện điều đó ra mặt. Charles thì không bao giờ thấy chán, anh luôn tỏ ra ôn hòa, luôn vui vẻ. Ngày nào anh cũng nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng dì của anh là một bà cụ trên cả tuyệt vời.

Vô cùng hài lòng với người mới chọn được, bà Harter viết cho luật sư các hướng dẫn để lập di chúc mới. Di chúc này được gửi đến cho bà, bà

chấp thuận và ký.

Và giờ đây ngay cả chuyện đài vô tuyến, Charles sớm chứng tỏ rằng anh đã giành được một thành tựu mới.

Lúc đầu bà Harter cảm thấy đối địch, rồi dần chấp nhận và cuối cùng là mê mẩn nó. Bà thích nó nhiều hơn khi Charles đi vắng. Vấn đề của Charles là anh không để cái gì yên. Bà Harter thì sẽ thoải mái ngồi trên ghế nghe biểu diễn nhạc thính phòng hoặc là một bài diễn thuyết về Lucrezia Borgia hay Đời sống ao hồ, khá hài lòng và an yên với mọi thứ. Charles thì không thế. Sự hài hòa bị phá vỡ bởi những tiếng đình tại khi anh ta hào hứng cố gắng bắt cho được các kênh nước ngoài. Nhưng vào những buổi tối Charles đi ăn bên ngoài với bạn bè, bà Harter thực sự tận hưởng cái đài vô tuyến. Bà sẽ bật hai công tắc, ngồi trên chiếc ghế tựa lưng cao và thưởng thức chương trình tối.

Khoảng ba tháng sau khi có đài vô tuyến thì chuyện bí ẩn đầu tiên xảy ra. Charles vắng mặt ở hội chơi bài bridge.

Chương trình tối đó là biểu diễn nhạc nhẹ. Một giọng nữ cao nổi tiếng hát bài *Annie Laurie*, và đang giữa bài *Annie Laurie* thì một điều kỳ quặc xảy ra. Đột nhiên bị ngắt quãng, tiếng nhạc dừng một hồi, tiếng rì rầm và lạch cạch tiếp tục và rồi chúng cũng tắt lịm. Chỉ còn yên lặng như tờ và rồi có một tiếng rì rầm trầm trầm nghe rất khẽ.

Bà Harter có ấn tượng, vì sao thì bà không biết rằng cái máy được chỉnh sóng tới một kênh nào rất xa xôi, và rồi một giọng nói rõ ràng và rành mạch cất lên, một giọng đàn ông với âm điệu Ireland lơ lớ.

—“Mary..._ bà có nghe tôi không, Mary? Patrick đây... Tôi sẽ sớm đến đón bà. Bà sẽ sẵn sàng chứ, Mary?”

Rồi, đột nhiên, khúc nhạc *Annie Laurie* một lần nữa tràn ngập căn phòng. Bà Harter ngồi thẳng đơ trên ghế, hai bàn tay bà bấu chặt vào tay

vịn, Bà vừa mới nằm mơ sao? Patrick! Giọng của Patrick! Giọng của Patrick trong chính căn phòng này, nói chuyện với bà. Không, đó chỉ là một giấc mơ, có lẽ là ảo giác. Hẳn là bà chỉ mới thiêu thiêu ngủ trong một hai phút. Kỳ quặc là bà đã mơ... rằng giọng người chồng quá cố của bà đã nói chuyện với bà trong thinh không. Nó khiến bà hơi hoảng sợ. Ông ấy đã nói những từ gì nhỉ?

“*Tôi sẽ sớm đến đón bà, Mary. Bà sẽ sẵn sàng chứ?*” Có phải đó là, có thể nào đó là điềm báo? Yếu tim. Tim của bà. Xét cho cùng, bà cũng già rồi.

“Đó là một lời cảnh báo... thế đấy,” bà Harter nói, chậm chậm và đau đớn đứng lên khỏi ghế, và nói thêm một câu rất đặc trưng.

“Đồ bao nhiêu tiền vào chuyện lắp đặt cái thang máy thật phí quá!”

Bà không kể chuyện đó với ai cả, nhưng một hai ngày sau bà trở nên trầm tư và hơi lo lắng.

Và rồi đến lần thứ hai. Bà lại ở một mình trong phòng. Đài vô tuyến đang phát một tiết mục hòa nhạc thì đột ngột im bật như lần trước. Rồi lại yên ắng, có cảm giác xa xôi, cuối cùng giọng của Patrick không giống như giọng thật – mà là một chất giọng kiêu kỳ hơn, xa xôi với một vẻ rất kỳ quặc lạ lùng. “*Patrick đây, Mary, tôi sẽ sớm đến đón bà...*”

Rồi rì rầm, lách cách, và tiết mục hòa nhạc lại đến đoạn cao trào.

Bà Harter liếc nhìn đồng hồ. Không, lần này bà đâu có có ngủ thiếp đi. Vẫn thức và vẫn làm chủ mọi giác quan của mình, bà đã nghe giọng Patrick nói mà. Không hề bị ảo giác, bà chắc chắn thế. Giữa lúc rối loạn lộn xộn, bà cố nhớ tất cả những gì Charles đã giải thích cho bà về lý thuyết của các loại sóng.

Có phải Patrick *thật sự* đang nói chuyện với bà không? Có phải giọng nói thật của ông ấy thoảng qua trong không trung? Có những bước sóng bị

mất hoặc đại loại như thế. Bà nhớ Charles nói đến “những khoảng trống trong thang âm.” Có lẽ những bước sóng bị mất giải thích tất cả cái gọi là hiện tượng tâm lý? Không, vốn dĩ chẳng có gì bất khả thi trong ý tưởng đó cả. Patrick đã nói chuyện với bà. Ông đã sử dụng khoa học hiện đại để chuẩn bị cho bà những thứ chắc chắn sắp xảy đến.

Bà Harter rung chuông gọi Elizabeth, người giúp việc của mình.

Elizabeth là một bà 60 tuổi cao và gầy gò.

Bên trong vẻ ngoài nghiêm nghị ấy bà cất giữ vô vàn tình yêu thương và dịu dàng dành cho bà chủ của mình.

“Elizabeth,” bà Harter lên tiếng khi bà quản gia trung thành xuất hiện, “bà có nhớ những gì tôi nói với bà không? Ngăn kéo phía trên cùng bên tay trái bàn viết trong phòng làm việc ấy. Nó đã khóa rồi, cái chìa khóa dài có gắn nhãn trắng. Mọi thứ ở đó đã sẵn sàng.”

“Sẵn sàng ư, thưa bà?”

“Cho hậu sự của ta,” bà Harter khịt mũi. “Bà hiểu ý ta rất rõ mà, Elizabeth. Chính bà giúp ta đặt các thứ vào đó.”

Khuôn mặt Elizabeth bỗng trở nên nhăn nhúm lạ kỳ.

“Ôi, bà ơi,” bà ta than khóc, “bà đừng cứ mãi nghĩ đến những chuyện đó. Tôi nghĩ bà khỏe hơn nhiều mà.”

“Tất cả chúng ta đều phải ra đi không lúc này thì lúc khác,” bà Harter nói về thực tế. “Ta đã quá thất vọng cổ lai hy rồi, Elizabeth. Nào, nào, đừng ngớ ngẩn thế chứ. Nếu bà muốn khóc, đi chỗ khác mà khóc đi.”

Elizabeth lui ra, vẫn còn đang thút thít.

Bà Harter nhìn theo bà ấy lòng đầy thương yêu.

“Bà già ngớ ngẩn, nhưng trung thành,” bà nói, “rất trung thành. Xem nào, mình để lại cho bà ấy 100 bảng Anh hay chỉ 50 bảng nhỉ? Phải là 100.

Bà ấy đã ở với mình lâu rồi.”

Ý nghĩ đó khiến cụ bà lo lắng nên ngày hôm sau bà ngồi viết cho luật sư yêu cầu ông gửi tờ di chúc để bà xem lại. Cùng hôm đó Charles khiến bà hoảng hốt vì những điều anh ta nói vào bữa trưa.

“Nhân tiện, dì Mary này,” anh bảo, “cái gã trong buồn cười ở căn phòng bỏ trống kia là ai thế ạ? Ý cháu là bức tranh trên bệ lò sưởi ấy ạ. Cái gã đội mũ lông hải ly và có râu quai nón ấy?”

Bà Harter khò sở nhìn anh.

“Đó là dựng Patrick của cháu khi còn trẻ đấy,” bà đáp.

“Ồi, trời ơi, dì Mary, cháu thành thật xin lỗi dì. Cháu không có ý thô lỗ ạ.”

Bà Harter chấp nhận lời xin lỗi bằng cái nghiêng đầu trang nghiêm.

Charles tiếp tục nói với vẻ do dự.

“Cháu tự hỏi. Dì biết đấy...”

Anh ta ngừng nói về lưỡng lự nên bà Harter hỏi gắt.

“Hả? Cháu định nói gì cơ?”

“Không có gì ạ,” Charles vội vã đáp. “Ý cháu là chuyện chưa rõ ràng gì cả ạ.”

Lúc này bà cụ chẳng nói gì thêm nhưng sau đó cùng ngày khi chỉ có họ với nhau, bà quay lại chủ đề đó, “Ta mong cháu sẽ nói cho ta biết điều gì khiến cháu hỏi ta về bức ảnh của dựng cháu, Charles à.”

Charles có vẻ bối rối.

“Cháu nói rồi mà, dì Mary. Chẳng có gì chỉ là mấy cái suy nghĩ ngớ ngẩn của cháu thôi – hơi vô lý.”

“Charles,” bà Harter nói giọng chuyên quyền, “ta kiên quyết muốn biết.”

“Ồ, thưa dì, nếu dì cứ khẳng khẳng thì cháu nghĩ cháu đã thấy dượng – ý cháu là người trong bức tranh – nhìn ra từ cửa sổ cuối cùng khi cháu tiến vào lối xe chạy tối qua. Cháu đoán chắc là hiệu ứng ánh sáng thôi. Cháu tự hỏi không biết người đó là ai, khuôn mặt rất... giống đầu thời Victoria, nếu dì hiểu cháu muốn nói gì. Và rồi bà Elizabeth bảo chẳng có ai cả, không khách khứa hay người lạ trong nhà và một lúc sau cũng cùng trong tối đó cháu tình cờ đi lạc vào phòng trống, và ở đó cháu thấy bức tranh trên bệ lò sưởi. Người đàn ông đó thật. Cháu nghĩ thật sự rất dễ lý giải. Tiềm thức và đại loại thế. Hẳn là cháu đã thấy bức họa này trước đó mà không để ý mình đã thấy, và rồi cháu chỉ tưởng tượng ra khuôn mặt trên cửa sổ.”

“Cửa sổ cuối cùng ư?” bà Harter hỏi gắt.

“Vâng, nhưng sao ạ?”

“Không có gì,” bà Harter đáp.

Nhưng thật ra bà thấy hoảng hồn. Căn phòng đó là phòng thay đồ của chồng bà.

Cùng chiều đó, Charles lại vắng nhà, còn bà Harter thì ngồi nghe đài vô tuyến với một vẻ bồn chồn. Nếu lần thứ ba bà nghe giọng nói bí ẩn đó, thì rốt cuộc nó sẽ chứng thực với bà và không chút nghi ngờ gì nữa bà thật sự đã liên lạc được với một thế giới khác nào đó.

Dù nhịp tim bà đập nhanh hơn, nhưng bà không ngạc nhiên khi sự ngắt quãng như lần trước diễn ra, và sau đợt ngắt quãng im phăng phắc như thường lệ cái giọng Ireland xa xăm và yếu ớt đó lại cất lên.

—“Mary_ – bà chuẩn bị rồi chứ gì... Thứ Sáu tôi sẽ đến đón bà... Thứ Sáu vào lúc chín giờ rưỡi... Đừng sợ gì cả... Sẽ không đau đón gì đâu... Sẵn sàng nhé...”

Nhạc giao hưởng lại bất thành linh vang lên, âm ã và chói tai khiến cho từ cuối cùng dường như bị cắt mất.

Bà Harter ngồi yên phăng phắc trong một hai phút. Mặt bà trắng bệch và môi bà thâm tím méo xệch.

Rồi bà đứng dậy và ngồi vào bàn làm việc. Với bàn tay run rẩy, bà viết những dòng sau.

Tối nay, lúc 9 giờ 15, tôi nghe rõ ràng giọng nói của người chồng quá cố. Ông ấy bảo sẽ đến đón tôi vào tối thứ Sáu lúc 9 giờ 30. Nếu tôi chết vào ngày đó và giờ đó tôi muốn sự thật được công bố để chứng minh chắc chắn về khả năng liên lạc với thế giới linh hồn.

Mary Harter.

Bà Harter đọc lại những gì mình mới viết, cho vào phong bì và ghi địa chỉ lên đó. Rồi bà rung chuông và Elizabeth đến ngay lập tức. Bà Harter đứng dậy bên bàn làm việc và đưa bức thư mới viết cho bà quản gia già.

“Elizabeth,” bà bảo, “tối thứ Sáu này nếu ta chết thì ta muốn bức thư này đưa tới cho bác sĩ Meynell. Đừng,” – khi Elizabeth có vẻ như chuẩn bị cự lại – “đừng cãi lời ta. Bà thường hay nói bà tin vào điềm báo. Giờ ta thấy điềm báo rồi. Còn một chuyện nữa. Trong di chúc ta để lại cho bà 50 bảng Anh. Ta muốn cho bà 100 bảng. Nếu ta không thể tự đi ngân hàng trước khi chết thì cậu Charles sẽ làm việc đó.”

Như lần trước, bà Harter cắt nhanh những lời cự nự đầm nước mắt của Elizabeth. Vẫn giữ quyết định của mình, sáng hôm sau bà cự nói với cháu trai về chuyện đó.

“Nhớ nhé, Charles, nếu có chuyện gì xảy đến với ta thì Elizabeth sẽ được thêm 50 bảng Anh nhé.”

“Mấy hôm nay trông dì rầu rĩ quá, dì Mary,” Charles vui vẻ nói. “Có chuyện gì thế ạ? Theo bác sĩ Meynell thì khoảng 20 năm nữa mình sẽ tổ chức sinh nhật lần thứ 100 của dì cơ mà!”

Bà Harter âu yếm mỉm cười với anh nhưng không đáp. Sau một hồi bà bảo.

“Tối thứ Sáu này cháu định làm gì, Charles?”

Charles có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Thật ra gia đình Ewings rủ cháu đến chơi bài bridge, nhưng nếu đi muốn cháu ở nhà hơn...”

“Không đâu,” bà Harter nói vẻ kiên quyết. “Đương nhiên là không. Ta nói thật đấy, Charles. Trong tất cả các đêm thì đêm đó ta thích ở một mình hơn.”

Charles nhìn bà vẻ tò mò nhưng bà Harter không tiết lộ thêm gì cả. Bà là một cụ bà can đảm và cương quyết. Bà cảm thấy bà phải đơn thương độc mã đối mặt với cái trải nghiệm lạ lùng của mình.

Tối thứ Sáu, nhà im phăng phắc. Như thường lệ bà Harter ngồi trên chiếc ghế tựa lưng cao kéo đến sát bên lò sưởi, Tất cả mọi chuẩn bị của bà đã xong. Sáng đó bà đã đi ngân hàng rút ra 50 bảng Anh tiền mặt và đưa cho Elizabeth dù bà kia vừa phản đối vừa khóc. Bà đã phân loại và sắp xếp tất cả tư trang của mình và gắn tên bạn bè hay bà con lên một vài món nữ trang. Bà cũng viết ra một danh sách hướng dẫn cho Charles. Bộ đồ uống trà Worcester dành tặng em họ Emma. Mấy cái bình Sèvres tặng William con, và v.v...

Giờ bà nhìn cái phong bì dài trong tay mình và lôi ra giấy tờ gì đó được gấp nếp. Đây là chúc thư của bà được ông Hopkinson gửi đến theo yêu cầu. Bà đã đọc cẩn thận, nhưng giờ bà đọc lần nữa để nhớ lại. Đó là một chúc thư ngắn gọn và súc tích. Để lại 50 bảng Anh cho Elizabeth Marshall vì đã phục vụ trung thành, để lại cho một em gái và một em họ mỗi người 500 bảng Anh và phần còn lại là dành cho đứa cháu trai yêu quý Charles Ridgeway.

Bà Harter gật đầu vài lần. Charles sẽ là một người rất giàu khi bà qua đời. Ồ, thì anh ta là một đứa cháu tốt và yêu dấu của bà. Luôn luôn tốt bụng, luôn tràn đầy thương yêu, và miệng mồm vui vẻ của cậu ta lúc nào cũng khiến bà hài lòng.

Bà nhìn lên đồng hồ. Còn ba phút nữa là đến chín giờ rưỡi. Ồ, bà đã sẵn sàng rồi. Và bà bình tĩnh... khá bình tĩnh. Dù bà nhắm đi nhắm lại những từ cuối cùng này vài lần, trái tim bà vẫn đập rất kỳ lạ và không đều. Chính bà không nhận ra, nhưng thần kinh bà đang căng thẳng cực độ.

Chín giờ rưỡi. Đài vô tuyến được bật lên. Bà sẽ nghe được gì nhỉ? Một giọng nói quen thuộc đọc dự báo thời tiết hay cái giọng xa xôi của một người đàn ông đã qua đời cách đây 25 năm?

Nhưng bà không nghe thấy cả hai. Thay vào đó, có một tiếng động quen thuộc, một tiếng động bà biết rất rõ nhưng tối nay nó khiến bà cảm thấy như thể một bàn tay lạnh giá đặt lên tim mình. Có tiếng sờ soạng ngoài cửa...

Tiếng sờ soạng lại bắt đầu. Rồi một luồng gió lạnh đột ngột quét qua phòng. Bà Harter giờ không còn nghi ngờ cảm giác của mình nữa. Bà sợ hãi... Còn hơn cả sợ hãi... bà kinh hoàng...

Và đột nhiên bà nghĩ: 25 năm là một *khoảng thời gian dài*. *Patrick giờ đã là người xa lạ đối với mình rồi còn gì.*

Kinh hoàng! Đó là những gì xâm chiếm khắp người bà.

Một bước chân nhẹ ngoài cửa – một bước chân nhẹ ngập ngừng. Rồi cánh cửa lặng lẽ bật mở...

Bà Harter loạng choạng đứng dậy, hơi lảo đảo, mắt bà dán chặt vào ô cửa, có cái gì đó tuột khỏi tay bà rơi vào lò sưởi.

Bà la lên một tiếng ứ nghẹn rồi tắt lại trong cổ họng. Trong ánh sáng lò mờ của ô cửa, một dáng người quen thuộc với bộ ria và râu quai nón màu hạt dẻ và chiếc áo khoác thời Victoria cổ lỗ sĩ.

Patrick đã đến đón bà!

Tim bà giật thót rồi bà đứng sững. Bà ngã Chuối xuống đất thành một đồng co quắp.

Một giờ sau, Elizabeth phát hiện bà nằm đó.

Bác sĩ Meynell được gọi tới ngay tức thì và Charles Ridgeway vội vàng được gọi về từ hội chơi bài bridge. Nhưng chẳng thể làm được gì nữa. Bà Harter đã vượt khỏi tầm cứu vớt của con người.

Phải hai ngày sau Elizabeth mới nhớ ra tờ giấy bà chủ đưa cho bà. Bác sĩ Meynell đọc với vẻ rất thích thú và đưa nó cho Charles Ridgeway.

“Một sự trùng hợp thật kỳ lạ,” ông bảo. “Có vẻ rõ ràng di của anh bị ảo tưởng về giọng nói của người chồng quá cố. Bà đã căng thẳng thần kinh đến độ cơn kích động gây ra chết người và khi thời điểm thật sự đến bà chết vì bị sốc.”

“Chúng tự kỷ ám thị?” Charles hỏi.

“Đại loại thế. Tôi sẽ cho cậu biết kết quả khám nghiệm tử thi càng sớm càng tốt nhưng tôi chắc chắn thế.” Trong trường hợp như vậy, người ta mong muốn khám nghiệm tử thi dù nó chỉ là hình thức.

Charles gật đầu ra về hiểu ý.

Đêm tiếp theo, khi cả nhà đang ngủ, anh ta tháo một sợi dây nào đó chạy từ phía sau tủ đựng máy vô tuyến đến phòng ngủ của mình ở tầng trên. Ngoài ra, vì trời quá lạnh, anh bảo Elizabeth đốt lò sưởi trong phòng riêng, và anh đã đốt bộ ria và râu quai nón màu hạt dẻ trong lò sưởi đó. Áo quần thời Victoria của ông dựng quá cổ thì anh ta đặt lại vào chiếc tủ có ướp long não trên gác xép.

Theo như anh nhận thấy, anh tuyệt đối an toàn. Kế hoạch của anh, cái phác thảo mơ hồ được hình thành trong trí óc khi bác sĩ Meynell nói với

anh rằng bà dì có thể sẽ sống thêm nhiều năm nếu chăm sóc hợp lý, đã thành công tuyệt hảo. Một cú sốc bất ngờ, theo như bác sĩ Meynell đã nói. Charles, chàng trai tràn đầy tình yêu thương đó, người cháu yêu quý của những cụ bà, mỉm cười một mình.

Khi bác sĩ đã ra về, Charles bận rộn lo bốn phận của mình một cách máy móc. Những việc chuẩn bị tang lễ cuối cùng phải được sắp đặt. Bà con từ nơi xa về phải được sắp xếp tàu xe. Một hai trường hợp phải ở lại qua đêm. Charles vừa lo liệu hiệu quả và cẩn thận vừa ngấm ngấm suy nghĩ những ý định riêng.

Đúng là một phi vụ béo bở! Máu chốt của những ý định đó. Không có ai, đặc biệt là bà dì quá cố của anh, biết về tình cảnh nguy hiểm mà Charles đã vướng vào. Những việc làm của anh, cẩn thận giấu đi để không ai hay biết, đã đặt anh vào bóng nhà tù đang lơ mờ hiện ra phía trước.

Nếu anh không kiếm được một số tiền lớn trong vòng một vài tháng ngắn ngủi thì chuyện bị tố giác và phá sản sẽ sờ sờ trước mắt rồi. Ờ – giờ thì mọi chuyện đã ổn. Charles cười một mình. Nhờ – ừ, gọi là cú lừa hiệu quả – chẳng có gì là phạm tội trong đó cả – anh đã được cứu. Giờ anh đã là người rất giàu. Anh chẳng băn khoăn gì về việc đó vì bà Harter không bao giờ giữ bí mật những dự định của mình.

Elizabeth ló đầu vào cửa và thông báo rằng ông Hopkinson đã đến và muốn gặp anh đã ngắt ngang những suy nghĩ này đúng lúc.

Cũng kịp lúc đấy, Charles nghĩ. Kiểm chế cái ý định huýt sáo, anh ta sửa lại vẻ mặt trang nghiêm cho hợp cảnh và đi qua phòng đọc sách. Ở đó anh ta chào đón cụ già làm cố vấn luật cho bà Harter quá cố đã hơn một phần tư thế kỷ.

Theo lời mời của Charles vị luật sư ngồi xuống và ông ho khan một tiếng rồi đi ngay vào việc.

“Tôi chưa hiểu bức thư anh gửi cho tôi lắm, anh Ridgeway. Có vẻ như anh nghĩ chúc thư của bà Harter đang do chúng tôi giữ thì phải?”

Charles trân trối nhìn ông.

“Nhưng chắc chắn thế mà... Tôi nghe dì tôi bảo thế.”

“Ồ! đúng thế, đúng thế. Nhưng chúng tôi *đã từng giữ*.”

—“Đã từng_ư?”

“Đúng thế. Bà Harter viết thư bảo chúng tôi chuyển nó lại cho bà vào thứ Ba vừa rồi.”

Một cảm giác khó chịu râm ran khắp người Charles. Anh ta cảm thấy điềm báo không lành xa xa.

“Không còn nghi ngờ gì nữa mọi chuyện sẽ sáng tỏ trên giấy tờ của bà,” vị luật sư dịu dàng tiếp lời.

Charles không nói gì. Anh sợ phải tin lời ông luật sư. Anh đã xem qua giấy tờ của bà Harter khá kỹ càng, kỹ đến độ hoàn toàn chắc chắn rằng không có di chúc trong số giấy tờ đó. Một lúc sau, khi anh ta trấn tĩnh lại được, anh trình bày như vậy. Giọng anh nghe như hư ảo, và anh ta có cảm giác những giọt nước lạnh đang chảy dọc sống lưng mình.

“Đã có ai xem qua tài sản cá nhân của bà chưa?” vị luật sư hỏi.

Charles đáp rằng người giúp việc riêng của bà là Elizabeth đã làm rồi. Theo đề nghị của ông Hopkinson, Elizabeth được mời tới. Bà ấy đến ngay, nghiêm nghị và thẳng thớm, và trả lời tất cả các câu hỏi dành cho mình.

Bà đã xem qua tất cả áo quần và tư trang của bà chủ. Bà hoàn toàn chắc chắn không hề có một tài liệu pháp lý nào như di chúc nằm trong số đó. Bà biết tờ di chúc trông như thế nào – bà chủ cầm nó trên tay vào buổi sáng cùng ngày bà mất.

“Bà chắc chắn chứ?” vị luật sư gay gắt hỏi.

“Vâng, thưa ngài. Bà bảo với tôi thế, và bà bắt tôi nhận 50 bảng Anh tiền mặt. Di chúc nằm trong một phong bì dài màu xanh.”

“Đúng rồi,” ông Hopkinson đáp.

“Giờ nghĩ tới nó,” Elizabeth tiếp tục nói, “cái phong bì dài màu xanh nằm trên bàn ăn này sáng hôm sau... nhưng trống rỗng. Tôi đặt nó lên bàn làm việc.”

“Tôi nhớ có thấy nó ở đó,” Charles bảo.

Anh ta đứng dậy và đi qua bàn làm việc. Một lát sau anh ta quay lại cầm theo phong bì trên tay và đưa nó cho ông Hopkinson. Người kia xem xét và gật đầu.

“Đúng là phong bì mà tôi dùng để gửi di chúc vào thứ Ba vừa rồi.”

Cả hai người nhìn Elizabeth chăm chăm.

“Ngài cần gì nữa không, thưa ngài?” Elizabeth cung kính hỏi.

“Giờ thì chưa, cảm ơn bà.”

Elizabeth đi ra cửa.

“Đợi một chút,” vị luật sư bảo, “Tối đó có đốt lò sưởi không?”

“Có, thưa ngài, lúc nào cũng đốt.”

“Cảm ơn bà, thế đủ rồi.”

Elizabeth lui ra. Charles chồm người tới, tỉ bàn tay đang run lên bàn.

“Ông nghĩ sao? Ông định làm gì?”

Ông Hopkinson lắc đầu, “Chúng ta vẫn phải hy vọng di chúc đó xuất hiện. Nếu không...”

“Ồ, nếu không thì sao?”

“Tôi e là chỉ có một kết luận hợp lý. Di của anh đòi di chúc đó lại để hủy nó. Không muốn Elizabeth thua thiệt vì chuyện đó nên bà ấy đã đưa cho bà

này số tiền thừa kế bằng tiền mặt.”

“Nhưng tại sao?” Charles điên tiết la lên.

“Tại sao ư?” Ông Hopkinson ho. Một tiếng ho khan.

“Anh không có... ờ... điều gì bất hòa với dì của mình chứ, anh Ridgeway?” ông ta thì thảo hỏi.

Charles há hốc mồm.

“Không, làm gì có,” anh ta la lên vẻ nồng nhiệt. “Mối quan hệ dì cháu tôi tốt nhất và đầy tình yêu thương nhất, cho tới phút chót.”

“À!” ông Hopkinson đáp, không nhìn anh ta.

Charles sốc khi nhận ra rằng vị luật sư không tin anh ta. Ai mà biết được cái que củi già khô khốc này không chừng đã nghe thấy gì? Những lời đồn đại về việc làm của Charles hẳn là đã đến được tai ông. Hiển nhiên ông ta nghĩ rằng những lời đồn đại đó cũng đã đến được tai bà Harter, và hai dì cháu đã cãi vã nhau về vấn đề đó?

Nhưng chuyện không phải như thế! Charles nếm trải một trong những khoảnh khắc cay đắng nhất trong sự nghiệp của anh ta. Những lời nói dối của anh đã được người ta tin. Giờ anh nói thật thì chẳng còn ai tin nữa. Trớ trêu thay!

Đương nhiên dì của anh không bao giờ đốt di chúc. Đương nhiên...

Những suy nghĩ của anh đột nhiên nghẹn lại. Cái hình ảnh kia đang hiện ra trước mắt anh là gì thế? Một bà cụ một tay túm vào ngực mình... có cái gì đó tuột ra... một tờ giấy... rơi xuống những cục than hồng cháy đỏ...

Mặt Charles trở nên tím bầm. Anh ta nghe một giọng khàn khàn... của chính mình... hỏi. “Nếu di chúc đó không được tìm thấy thì...?”

“Có một di chúc cũ của bà Harter vẫn còn tồn tại. Đề tháng 9 năm 1920. Trong đó, bà Harter để lại mọi thứ cho cháu gái của bà, Miriam Harter, giờ

là Miriam Robinson.”

Lão già ngớ ngẩn đang nói gì thế nhỉ? Miriam? Miriam mà có thằng chồng tâm thường và bốn đứa con mè nheo ấy à. Tất cả trò mưu mẹo của anh – đã làm lợi cho Miriam rồi!

Điện thoại reng lên gắt ngay sát cùi chỏ anh. Anh nhắc ống nghe. Đó là giọng của ông bác sĩ, nhiệt tình và tốt bụng.

“Cậu đây à Ridgeway? Tôi nghĩ là cậu muốn biết. Khám nghiệm tử thi vừa mới có kết quả. Nguyên nhân cái chết như tôi phỏng đoán. Nhưng thật ra vấn đề tìm mạch trầm trọng hơn tôi đã nghĩ khi bà còn sống. Nếu chăm sóc tốt hết mức, bà ấy sống nhiều nhất là không quá hai tháng. Tôi nghĩ cậu muốn biết. Có thể ít nhiều an ủi được cậu.”

“Gì cơ,” Charles nói, “ông vui lòng nói lại giúp tôi.”

“Đáng lẽ bà ấy sống không quá hai tháng,” vị bác sĩ nói to hơn một chút. “Cậu biết đấy, mọi chuyện như thế lại hay, chàng trai yêu quý ạ...”

Nhưng Charles đã dập mạnh ống nghe xuống máy điện thoại. Anh nghe giọng của vị luật sư nói như từ một nơi xa xôi.

“Trời ơi, cậu Ridgeway, cậu ốm ư?”

Bọn chết tiệt! Lão luật sư có cái mặt tự mãn. Cái thằng già ác độc Meynell. Vô vọng rồi... chỉ còn nước đối mặt với nhà tù mà thôi....

Anh có cảm giác như Ai Đó đang chơi khăm anh – chơi khăm anh như mèo vờn chuột. Hẳn là ai đó đang cười to...

BÍ ẨN CHIẾC BÌNH MÀU XANH

Bí ẩn chiếc bình màu xanh đăng lần đầu trên *Grand Magazine*, tháng 7 năm 1924.

Jack Hartington buồn bã dõi theo cú bóng anh đánh trượt. Đứng bên cạnh quả bóng, anh nhìn lại điểm phát bóng và ước lượng khoảng cách. Gương mặt anh biểu lộ sự khinh miệt ghê tởm đang chất chứa trong lòng. Thả một tiếng thở dài, anh rút gậy golf ra và hần học tung hai cú gạt, lần lượt quét sạch một cây bồ công anh và một đám cỏ, và rồi nhắm vào quả bóng một cách chắc chắn.

Thật khó khi đã hai mươi bốn tuổi rồi mà mục tiêu duy nhất của cuộc đời bạn là cố gắng giảm số gậy golf, là bị ép phải dành thời gian và sự chú ý cho chuyện kiếm sống. Tuần bảy ngày thì hết năm ngày rưỡi Jack bị cầm tù trong căn nhà gỗ gụ ở thành phố. Chiều thứ bảy và ngày chủ nhật mới dành để sống thật sự, và trong cơn nhiệt tâm thái quá, anh thuê luôn phòng ở một khách sạn nhỏ gần sân golf Stourton Heath, và mỗi ngày vào lúc 6 giờ sáng anh thức dậy để luyện tập một tiếng trước khi bắt chuyến tàu 8 giờ 40 phút vào thị trấn.

Điều bất tiện duy nhất của kế hoạch đó là anh dường như không đủ sức để đánh bóng đánh biếc gì trong một giờ đồng hồ sáng sớm. Sau một gậy golf hỏng là một cú gạt trượt. Những cú đánh bằng gậy golf đầu sắt vui vẻ chạy dọc sân, và lỗ golf nào anh cũng phải mất ít nhất bốn cú gạt nhẹ.

Jack thở dài, nắm gậy golf thật chặt và thì thầm lặp lại những từ thần thánh, “cánh tay trái thẳng, và đừng nhìn lên.”

Anh xoay người ra đằng sau – và rồi dừng lại, điếng người vì một tiếng thét chói tai xé tan cái yên tĩnh của một buổi sáng mùa hè.

“Giết người,” tiếng kêu cất lên. “Cứu! Giết người!”

Là giọng của phụ nữ, và đoạn cuối nhỏ dần như tiếng vi vu riu rít.

Jack quăng gậy chạy về phía tiếng kêu. Nó phát ra từ một nơi nào đó rất gần đây thôi. Riêng phần này của sân golf là một vùng đồng quê khá hoang dã, và chỉ có lác đác vài ngôi nhà. Thật thế, chỉ có một ngôi nhà duy nhất ở gần đây, một ngôi nhà nhỏ nhắn tuyệt đẹp mà Jack thường để ý bởi vẻ xinh xắn cổ điển. Anh chạy về phía ngôi nhà này. Một con dốc phủ đầy hoa thạch thảo che khuất ngôi nhà, nhưng anh đi vòng qua con dốc và chỉ chưa đầy một phút anh đã đứng tựa tay vào cánh cổng nhỏ có cài then.

Một cô gái đang đứng trong vườn, và trong thoáng chốc Jack vội vàng đưa ra kết luận hiển nhiên rằng chính cô là người đã kêu cứu. Nhưng rồi anh đổi ý ngay tức thì.

Cô cầm một cái giỏ nhỏ trên tay, cỏ đã đầy tới nửa giỏ, và rõ ràng cô mới đứng thẳng người dậy sau khi nhổ cỏ trên một luống hoa pansée. Jack để ý thấy đôi mắt cô giống như những bông hoa pansée, mượt mà, mềm mại và đen nhánh, có sắc tím nhiều hơn sắc xanh da trời. Trong bộ váy vải lanh màu tím trắng thơm, cả người cô giống như một bông hoa pansée.

“Này cô gì ơi,” chàng trai mở lời. “Ban nãy cô mới la lớn có phải không?”

“Tôi ư. Đâu có.”

Vẻ ngạc nhiên của cô thành thực đến độ Jack cảm thấy bối rối. Giọng nói của cô rất nhẹ và hay, và có chút trầm bổng như tiếng nước ngoài.

“Nhưng hẳn là cô có nghe thấy chứ,” anh thốt lên. “Tiếng la phát ra từ nơi nào đó gần đây thôi.”

Cô chăm chăm nhìn anh.

“Tôi có nghe thấy gì đâu.”

Đến lượt Jack nhìn cô chăm chăm. Thật không thể tin nổi là cô không nghe thấy tiếng kêu cứu thảm thiết đó. Tuy vậy, vẻ bình tĩnh của cô quá rõ ràng khiến anh tin cô không nói dối.

“Nó phát ra từ nơi nào đó gần đây thôi,” anh khẳng khái.

Giờ thì cô nhìn anh vẻ nghi ngờ.

“Tiếng kêu gì cơ?” cô hỏi.

“Giết người...! Cứu! Giết người!”

“Giết người...! Cứu! Giết người,” cô gái lặp lại. “Chắc ai đó chơi khăm ông thôi, Monsieur. Ai có thể bị giết ở đây chứ?”

Đầu óc rối bời suy nghĩ, Jack nhìn quanh tìm kiếm một thi thể trên lối đi trong vườn. Tuy vậy anh vẫn tin chắc như đinh đóng cột rằng tiếng kêu anh nghe thấy đó là có thật chứ không phải do anh tưởng tượng.

Anh nhìn lên các cửa sổ của ngôi nhà. Mọi thứ dường như rất đổi tĩnh lặng và yên bình.

“Ông có muốn khám xét nhà chúng tôi không?” cô gái hỏi tỉnh khô.

Rõ ràng cô ta hoài nghi nhiều đến độ khiến Jack càng bối rối thêm. Anh quay đi.

“Tôi xin lỗi,” anh bảo. “Chắc là tiếng kêu vọng đến từ một nơi cao hơn ở trong mấy khu rừng nhỏ.”

Anh giở mũ chào rồi ra về. Anh liếc ra sau và thấy cô gái từ tốn quay lại việc nhỏ cỏ.

Anh lùng sục trong các khu rừng nhưng không tìm thấy dấu vết bất thường nào cả. Tuy vậy anh vẫn khẳng định mình thật sự đã nghe thấy tiếng kêu đó. Cuối cùng, anh thôi tìm kiếm và hối hả trở về nhà để nuốt vội bữa ăn sáng rồi bắt chuyến tàu 8 giờ 46 phút thường chỉ xê xích một vài giây. Khi ngồi trên tàu rồi anh thấy lương tâm hơi ray rứt. Anh có nên báo cáo ngay những gì anh nghe được cho cảnh sát không? Anh đã không làm thế chỉ vì cô gái pansée không tin. Rõ ràng cô cho rằng anh đang bịa đặt – có thể cảnh sát cũng nghĩ thế. Liệu anh có chắc chắn như đinh đóng cột mình đã nghe thấy tiếng kêu không?

Giờ đây, anh không còn chắc chắn như lúc nãy – kết quả hiển nhiên của việc cố gắng cưỡng tượng lại cảm giác đã mất. Có phải là tiếng kêu của một con chim nào đó ở xa mà anh bóp méo thành cái gì giống giống tiếng của một người phụ nữ chẳng?

Nhưng rồi anh giận dữ gạt phăng cái ý đó đi. Là giọng một phụ nữ và anh đã nghe thấy thế. Anh nhớ anh đang nhìn đồng hồ của mình ngay trước khi tiếng kêu vọng đến. Có lẽ khoảng 7 giờ 25 phút khi anh nghe thấy tiếng kêu. Có thể thông tin đó có ích cho cảnh sát nếu – có gì đó được phát hiện.

Tối đó về nhà, anh băn khoăn lướt qua mấy tờ báo buổi chiều để xem thử có nhắc gì đến một vụ án mới xảy ra không. Nhưng chẳng có gì cả, và anh cũng không rõ mình nên thờ phào nhẹ nhõm hay thất vọng.

Sáng hôm sau trời ẩm ướt – ẩm ướt đến độ ngay cả tay golf hăng hái nhất cũng bị dập tắt hết lòng nhiệt tình. Jack nán lại đến phút chót mới thức dậy, ăn vội bữa sáng, chạy đuổi theo tàu và lại hồ hởi lướt xem mấy tờ báo, Vẫn không thấy nhắc gì đến bất kỳ phát hiện đáng sợ nào. Mấy tờ báo buổi chiều cũng thế.

“Kỳ lạ thật,” Jack nhủ thầm, “nhưng có tiếng kêu mà. Chắc là mấy thằng nhóc con chơi đùa với nhau trong rừng thôi.”

Sáng hôm sau anh ra ngoài thật sớm. Khi đi ngang qua ngôi nhà, anh liếc thấy cô gái đã ở trong vườn nhỏ cỏ. Rõ ràng đó là thói quen của cô gái, Anh đánh một cú bóng tiếp cận khá hay và hy vọng cô ấy để ý thấy. Khi anh phát bóng ở điểm tiếp theo, anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay.

“Vừa đúng 7 giờ 25 phút,” anh lẩm bẩm. “Mình tự hỏi...”

Những từ đó bị đóng băng ngay trên môi anh. Từ đằng sau, tiếng thét đã từng khiến anh giật mình lại vọng đến. Giọng một người phụ nữ, cực kỳ đau khổ.

“Giết người...! Cứu! Giết người!”

Jack vội chạy lại. Cô gái pansée đang đứng cạnh cánh cổng. Trông cô có vẻ hoảng hốt còn Jack thì chạy lại phía cô về đặc thắng, anh la lớn.

“Chỉ ít, lần này thì cô nghe thấy rồi chứ.”

Đôi mắt cô mở to với một xúc cảm mà anh không tài nào hiểu nổi nhưng anh để ý thấy cô giật lùi lại khi anh đến gần, và thậm chí cô còn liếc ra đằng sau về hướng ngôi nhà như thể định chạy về đó để nấp.

Cô lắc đầu, nhìn anh chằm chằm.

“Tôi đâu có nghe thấy gì đâu,” cô ngạc nhiên đáp.

Trông như thể cô gái mới giáng cho anh một cú vào giữa trán. Sự thành thật của cô quá rõ đến độ anh không thể không tin cô. Nhưng anh không thể tưởng tượng ra tiếng kêu đó... không thể... không thể...

Anh nghe cô nhỏ nhẹ nói – dường như đầy vẻ cảm thông.

“Ông bị chứng rối loạn sau chấn thương à?”

Anh hiểu ngay lập tức vẻ sợ hãi của cô, cái liếc mắt ra đằng sau về phía ngôi nhà. Cô nghĩ anh bị ảo giác...

Và rồi, như một gáo nước lạnh, cái ý nghĩ đáng sợ xuất hiện, phải chăng cô nói đúng? Anh bị ảo giác chăng? Bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ ghê sợ đó, anh

quay người loạng choạng bước đi không hề nói một lời. Cô gái nhìn anh bỏ đi, thở dài, lắc đầu, rồi lại cúi xuống nhỏ cỏ.

Jack cố gắng tìm cách làm rõ chuyện. “Nếu mình lại nghe cái tiếng kêu khốn nạn đó vào lúc 7 giờ 25 phút,” anh nhủ thầm, “thì rõ ràng mình bị ảo tưởng hay đại loại thế. Nhưng mình sẽ chẳng nghe thấy đâu.”

Cả ngày đó anh căng thẳng, và đi ngủ sớm, quyết tâm phải chứng minh cho được vụ việc vào ngày hôm sau.

Trong hoàn cảnh như thế, hiển nhiên là anh vẫn thức cho tới nửa đêm rồi cuối cùng ngủ thiếp đi. Khi anh ra khỏi khách sạn và chạy về phía sân golf thì đã 7 giờ 20 phút. Anh nhận ra anh sẽ không tài nào đến được cái chỗ tai họa đó vào khoảng 7 giờ 25, nhưng chắc chắn nếu tiếng kêu đó đơn giản và thuần túy chỉ là ảo giác, thì ở đâu anh cũng sẽ nghe được. Anh cứ chạy tiếp, mắt dán vào kim đồng hồ đeo tay.

7 giờ 25 phút. Từ xa xa, giọng của một người phụ nữ vọng lại. Không rõ lời nhưng anh tin là của cùng cái tiếng kêu mà anh đã nghe trước đó, và nó vọng lại từ cùng một chỗ, đâu đó xung quanh ngôi nhà ấy.

Lạ lùng là chuyện đó làm anh yên tâm. Hóa ra, nó chỉ là một trò chơi khăm. Không chừng trông vậy nhưng biết đâu chính cô gái đang chơi xỏ anh. Anh kiên quyết chinh đồn lại tư thế, và lấy gậy đánh golf ra. Anh sẽ chơi một vài lỗ golf cho tới tận ngôi nhà đó.

Cô gái vẫn ở trong vườn như thường lệ. Sáng nay cô nhìn lên, và khi anh nhấc mũ chào cô, cô chào lại với vẻ khá ngượng ngùng... Anh nghĩ trông cô xinh xắn hơn bao giờ hết.

“Hôm nay trời đẹp nhỉ?” Jack vui vẻ reo lên, rồi thầm rửa câu nhận xét rõ sáo rỗng của mình.

“Vâng, đúng thế thật, trời đẹp quá.”

“Chắc là tốt cho khu vườn, nhỉ?”

Cô gái khẽ mỉm cười, để lộ cái lúm đồng tiền thật quyến rũ.

“Trời ơi, không đâu! Đối với hoa của tôi thì cần mưa hơn. Ông thấy đây, chúng khô héo hết đây này.”

Jack xem cử chỉ của cô gái là một lời mời nên bước đến hàng rào thấp chắn giữa khu vườn và sân golf, anh nhìn qua hàng rào vào khu vườn.

“Nhìn chúng có vẻ ớn mà,” anh lúng túng nhận xét, khi nói anh nhận thấy cô gái đang liếc nhìn anh khắp lượt vẻ thương hại.

“Ánh nắng mặt trời tốt thật, nhỉ?” cô bảo, “Người ta luôn có thể tưới nước cho hoa. Nhưng mặt trời cho ta sức mạnh và phục hồi sức khỏe. Tôi cảm thấy hôm nay trông ông khỏe hơn nhiều.”

Cái giọng điệu khích lệ của cô khiến Jack vô cùng bức dọc.

“Khôn nạn thật,” anh nhủ thầm. “Mình tin chắc cô ta đang cố gắng gợi ý mình đi chữa bệnh đây mà.”

“Tôi hoàn toàn khỏe mạnh,” anh bảo.

“Vậy thì tốt rồi,” cô gái đáp nhanh và dịu dàng. Jack có cảm giác bức dọc rằng cô không tin anh.

Anh đánh một vài lỗ golf nữa rồi vội vàng quay về dùng bữa sáng. Khi ăn, anh để ý thấy, không phải là lần đầu tiên, người đàn ông ngồi bàn kế bên dò xét anh rất kỹ. Ông ta trạc tuổi trung niên, khuôn mặt có sức thuyết phục và quyền lực. Ông ta để bộ râu đen nhỏ và đôi mắt xám nhìn như xuyên thấu, thái độ dễ chịu và tự tin khiến ông được tôn lên vị trí cao trong giới chuyên môn. Jack được biết ông ta tên là Lavington, và nghe đồn phong thanh ông là chuyên gia y khoa nổi tiếng, nhưng vì Jack không phải là người hay lui tới đường Harley nên cái tên đó chẳng hề gợi lên cho anh điều gì cả.

Nhưng sáng nay anh rất để ý đến chuyện anh bị ngăm quan sát, và nó khiến anh hơi sợ. Hay là bí mật của anh hiện lồ lộ trên mặt ai cũng thấy?

Người đàn ông này, do bản năng nghề nghiệp, biết được có điều gì đó sai sai được giấu kín trong trí óc?

Jack rùng mình khi nghĩ đến đây. Có thật không nhỉ? Có thật anh đang bị điên? Mọi chuyện chỉ là ảo tưởng hay là một vô lừa lớn?

Và đột nhiên có một cách đơn giản để thử giải quyết nảy ra trong đầu anh. Cho đến nay anh đều chơi golf một mình. Giả sử có ai khác chơi cùng anh thì sao nhỉ? Thế thì một trong ba điều sau sẽ xảy ra. Tiếng kêu đó sẽ im bật. Có thể cả hai sẽ nghe thấy. Hoặc... chỉ có mình anh nghe thấy.

Tôi đó anh xúc tiến kế hoạch của mình. Lavington là người anh muốn chơi cùng. Họ dễ dàng bắt chuyện với nhau... người đàn ông lớn tuổi hơn hẳn cũng đang đợi sự mở lời này. Không hiểu sao Jack khiến ông ta quan tâm. Người kia có thể dễ dàng và tự nhiên nhận lời đề nghị chơi vài lỗ golf cùng nhau trước bữa ăn sáng. Thế là việc chuẩn bị cho sáng hôm sau đã xong xuôi.

Họ bắt đầu trước 7 giờ sáng một chút. Đó là một ngày hoàn hảo, yên tĩnh và không gợn mây, nhưng cũng không quá nóng bức. Ông bác sĩ chơi rất hay còn Jack chơi thật vất vả. Toàn bộ tâm trí anh đều tập trung vào lần lên cơn sắp xảy ra. Anh liên tục lén liếc đồng hồ đeo tay. Khoảng 7 giờ 20 phút, họ đến được điểm phát bóng thứ bảy, nằm giữa họ và lỗ golf là ngôi nhà.

Như thường lệ, cô gái đang ở trong vườn khi họ đi qua. Cô không ngẩng lên nhìn.

Hai quả bóng nằm trên hõm golf, bóng của Jack nằm gần lỗ, của ông bác sĩ thì nằm hơi xa hơn một chút.

“Tôi sẽ gạt bóng vào lỗ,” Lavington bảo. “Tôi phải làm được, tôi nghĩ thế.” Ông cúi xuống, tính hướng bóng mà ông phải đánh. Jack đứng chờ người ra, dán mắt vào đồng hồ đeo tay. Lúc đó đúng 7 giờ 25 phút.

Bóng lăn nhanh trên cỏ, dừng lại ngay mép lỗ, trù trù rồi rơi xuống.

“Cú gây bóng hay quá,” Jack bảo. Giọng anh có vẻ khàn khàn và không giống anh chút nào... Anh kéo cái đồng hồ ở cổ tay lên phía trên cánh tay và thở phào vô cùng nhẹ nhõm. Không có chuyện gì xảy ra cả. Đã phá được bùa chú.

“Nếu ông không phiền thì chờ tôi một lát,” anh bảo, “tôi hút một tàu thuốc đã.”

Họ dừng một lát ở điểm phát bóng thứ tám. Jack nhồi tàu thuốc rồi châm lửa bằng những ngón tay hơi run dù anh không hề muốn thế. Một khối nặng khổng lồ dường như mới được nhắc ra khỏi tâm trí anh.

“Chúa ôi, đúng là một ngày đẹp trời,” anh nhận xét, nhìn chằm chằm vào cảnh vật trước mắt với vẻ vô cùng mãn nguyện. “Tiếp tục đi, ông Lavington, đến lượt ông đây.”

Và rồi tiếng kêu vọng đến. Đúng cái giây phút ông bác sĩ phát bóng. Giọng phụ nữ, cao và thảm thiết.

“Giết người...! Cứu! Giết người!”

Tàu thuốc rơi khỏi bàn tay cứng đờ của Jack khi anh quay về hướng tiếng kêu, và rồi sực nhớ ra, anh nín thở chằm chằm nhìn người chơi cùng.

Lavington đang nhìn ra đằng xa sân golf, che lấy mắt. “Hơi ngắn... nhưng tôi nghĩ chỉ vừa thoát khỏi hố cát.”

Ông ta chẳng nghe thấy gì.

Thế giới như xoay tròn theo Jack. Anh bước một hai bước rồi đi loạng choạng về nặng nhọc. Khi anh tỉnh lại, anh đã nằm trên bãi cỏ cọng ngắn còn Lavington thì đang cúi xuống người anh.

“Nào, giờ thì không sao rồi, không sao đâu.”

“Tôi đã làm gì thế?”

“Anh vừa ngất xỉu, chàng trai ạ – hay đã cố làm thế rất tốt.”

“Chúa ơi!” Jack kêu lên, rồi rên rỉ.

“Sao thế? Anh đang nghĩ gì sao?”

“Tôi sẽ nói ngay cho ông biết nhưng tôi muốn hỏi ông trước.”

Ông bác sĩ đốt tẩu thuốc của mình và ngồi xuống bờ đất.

“Anh hỏi gì cũng được,” ông ta thoải mái đáp.

“Hai ngày qua ông cứ theo dõi tôi. Vì sao thế?”

Mắt Lavington hơi nhấp nháy.

“Câu hỏi có vẻ kỳ quặc. Anh biết đấy, ai cũng có quyền nhìn chứ.”

“Đừng lảng tránh tôi. Tôi thành thật đấy. Vì sao thế? Tôi hỏi vì có lý do quan trọng.”

Mắt Lavington trở nên nghiêm túc.

“Tôi cũng sẽ thành thật trả lời anh. Tôi nhận thấy anh có những dấu hiệu của người đang chịu đựng một sức ép lớn, và khiến tôi tò mò không biết sức ép đó là gì.”

“Tôi có thể dễ dàng kể với ông ngay,” Jack cay đắng đáp. “Tôi đang bị điên.”

Anh dừng đột ngột nhưng lời nói của anh dường như không lôi cuốn được sự quan tâm và khiếp sợ như anh nghĩ, anh lặp lại.

“Tôi bảo tôi đang bị điên đấy.”

“Kỳ lạ thật,” Lavington lầm bầm. “Kỳ lạ quá.”

Jack cảm thấy phần nộ.

“Tôi đoán tất cả những gì các ông nghĩ chỉ có thể thôi. Bác sĩ các ông thật quá tàn nhẫn.”

“Nào, nào anh bạn trẻ, anh chỉ đang nói hú họa vậy thôi. Thứ nhất, dù tôi có bằng cấp nhưng tôi không hành nghề y. Nói nghiêm túc thì tôi chẳng

phải là bác sĩ – không phải bác sĩ chữa bệnh thân thể, thể đây.”

Jack nhìn ông háo hức.

“Thế thì trí óc?”

“Ừ, ở một khía cạnh nào đó, mà đúng hơn tôi gọi mình là bác sĩ tâm hồn.”

“Ồ!”

“Tôi nhận thấy giọng điệu của anh có vẻ coi thường, tuy thế chúng ta phải dùng một từ nào đó để biểu thị cái nguyên tắc hoạt động không thể tách rời và tồn tại độc lập với ngôi nhà xác thịt của nó, cái nhục thân ấy. Anh phải chấp nhận tâm hồn, anh biết đấy, chàng trai, nó không chỉ là một thuật ngữ tôn giáo do các vị linh mục nghĩ ra. Nhưng chúng ta sẽ gọi nó là trí óc, hay tiềm thức, hay bất kỳ thuật ngữ nào phù hợp với anh hơn. Anh thấy khó chịu với giọng điệu của tôi lúc này, nhưng tôi có thể cam đoan với anh rằng thật sự tôi rất hiếu kỳ khi một chàng trai đúng mực và hoàn toàn bình thường như anh lại mắc chứng ảo giác nặng đến độ sắp phát điên.”

“Tôi mất trí thật. Điên loạn thật rồi.”

“Anh bỏ qua cho tôi khi nói thế này, nhưng tôi không tin.”

“Tôi bị ảo giác thật mà.”

“Sau bữa ăn tối ư?”

“Không, vào buổi sáng.”

“Không thể nào,” ông bác sĩ bảo, đốt lại tẩu thuốc đã tắt ngúm.

“Tôi bảo tôi nghe thấy những thứ mà người khác không nghe thấy.”

“Chỉ một trong số 1.000 người có thể thấy được các mặt trăng của sao Mộc. Vì 999 người không thấy chúng thì không phải là lý do để nghi ngờ rằng các mặt trăng của sao Mộc không tồn tại, và đương nhiên không có lý do gì gọi người thứ 1.000 là điên rồ cả.”

“Các mặt trăng của sao Mộc được khoa học chứng minh hẳn hoi rồi.”

“Rất có thể chuyện hôm nay bị coi là ảo tưởng không chừng ngày mai lại được khoa học chứng minh là chân lý.”

Dù muốn hay không, thái độ thản nhiên của Lavington ảnh hưởng đến Jack ngay. Anh cảm thấy vô cùng dễ chịu và lên tinh thần. Ông bác sĩ chăm chú nhìn anh một lát rồi gật đầu.

“Tốt hơn rồi đấy,” ông bảo. “Vấn đề với những người trẻ các anh là quá tự phụ cho rằng không có cái gì tồn tại bên ngoài tầm hiểu biết của các anh đến độ bị kích động khi một cái gì xuất hiện hắt văng anh ra khỏi quan điểm đó. Kể nghe xem những lý do để tin rằng anh bị điên đi, rồi chúng ta sẽ quyết định có nên bắt giam anh hay không.”

Cố gắng chính xác nhất có thể, Jack thuật lại toàn bộ chuỗi sự việc xảy ra.

“Nhưng điều mà tôi không hiểu nổi,” anh kết luận, “là tại sao sáng nay tiếng kêu vang lên vào lúc 7 giờ 30 – trễ năm phút.”

Lavington suy nghĩ một lát. Rồi...

“Bây giờ đồng hồ của anh chỉ mấy giờ?” ông hỏi.

“8 giờ kém 15,” Jack nhìn đồng hồ rồi đáp.

“Vậy thì thật đơn giản. Đồng hồ của tôi chỉ 8 giờ kém 20. Đồng hồ của anh nhanh năm phút. Theo tôi, đó là một điểm rất thú vị và quan trọng. Thật ra, nó vô giá.”

“Như thế nào cơ?”

Jack bắt đầu cảm thấy thích thú.

“À, lời giải thích rõ ràng nằm ở sáng đầu tiên khi anh đã nghe thấy tiếng kêu – có thể là một trò đùa mà cũng có thể không phải. Những buổi sáng tiếp theo, anh tự cho rằng mình nghe nó vào đúng thời gian như trước.”

“Tôi tin là mình không làm thế.”

“Đương nhiên là không phải theo ý thức mà tiềm thức đã bày trò với chúng ta, anh ạ. Nhưng dù sao lời giải thích đó không xuôi lắm. Nếu trường hợp này là do sự ám thị thì đáng ra anh đã nghe tiếng kêu vào lúc 7 giờ 25 phút theo đồng hồ của anh, chứ anh không bao giờ nghe thấy nó khi đã quá giờ mà anh đã nghĩ.”

“Ồ, vậy thì sao ạ?”

“À... vậy thì rõ rồi còn gì? Tiếng kêu cứu xảy ra vào địa điểm chính xác và thời gian nhất định trong không gian. Chỗ này nằm quanh ngôi nhà đó và thời gian là 7 giờ 25 phút.”

“Vâng, nhưng tại sao tôi lại là người nghe thấy? Tôi không tin có ma và tất cả những chuyện tương tự ma quỷ gọi hồn hay đại loại thế. Tại sao tôi nghe được mấy cái tiếng kêu chết tiệt đó?”

“À! Cái đó thì bây giờ chúng ta chưa thể biết được. Điều kỳ lạ là nhiều ông đồng bà cốt giỏi nhất lại là những người không hề có đức tin, Không phải ai quan tâm đến hiện tượng huyền bí mới thấy được sự hiện hồn. Một vài người thấy và nghe những điều mà người khác không thể – chúng ta không biết vì sao, và cứ mười người thì hết chín là không muốn thấy hoặc nghe, và họ tin rằng họ bị ảo giác – cũng như anh vậy. Giống như điện ấy. Một số chất dẫn điện tốt, số khác thì không, và trong một thời gian dài chúng ta không biết vì sao, và phải bằng lòng với việc chấp nhận chuyện đó. Ngày nay chúng ta đã biết lý do. Chấn chấn, rồi sẽ có ngày chúng ta biết tại sao anh nghe được tiếng kêu đó còn tôi và cô gái thì không. Vạn vật đều vận hành theo quy luật tự nhiên, anh biết đấy không có cái gì thật sự là siêu nhiên. Tìm ra quy luật vận hành cái gọi là hiện tượng tâm lý sẽ là một công việc khó khăn – nhưng được chừng nào hay chừng đấy thôi.”

“Nhưng tôi phải làm gì đây?” Jack hỏi.

Lavington tùm tùm cười.

“Câu hỏi thực tế lắm, tôi hiểu rồi. Ồ, anh bạn trẻ của tôi, anh đi ăn một bữa sáng thật ngon rồi vào thành phố và đừng để trí óc lo nghĩ về điều mình không hiểu. Mặt khác, tôi sẽ lục lọi xem thử mình có thể tìm thấy gì từ căn nhà đằng đó không. Trung tâm của bí ẩn nằm ở đây, tôi dám chắc thế.”

Jack đứng dậy, “Đúng thế, thưa ông, tôi đồng ý, nhưng, tôi bảo này...”

“Gì cơ?”

Jack đỏ mặt bối rối.

“Tôi chắc chắn cô gái đó không có vấn đề gì đâu,” anh lẩm bẩm.

Lavington có vẻ thích thú.

“Anh đừng bảo tôi là cô ấy xinh xắn nhé! Ồ, vui lên nào, tôi nghĩ điều bí ẩn đó bắt đầu trước khi cô ấy đến cơ.”

Tối đó Jack về nhà lòng sôi sục tò mò. Giờ đây anh mù quáng đặt hết niềm tin vào Lavington. Ông bác sĩ chấp nhận sự thật một cách quá hiển nhiên, ông quá thản nhiên và chẳng lo lắng gì khiến Jack ấn tượng.

Anh đi xuống ăn tối thì thấy người bạn mới đang đợi mình ở sảnh, và ông bác sĩ đề nghị họ dùng bữa chung bàn.

“Có tin tức gì không ạ?” Jack băn khoăn hỏi.

“Tôi thu thập được khá nhiều thông tin về lịch sử của ngôi nhà Heather. Ban đầu nó được một cụ ông làm vườn và bà vợ thuê. Ông cụ qua đời còn bà cụ đến ở với đứa con gái. Rồi một người thợ xây sở hữu nó, và rất thành công trong việc cải tạo cho nó hiện đại hơn, và bán cho một quý ông thành thị dùng để ở vào cuối tuần. Một năm trước, ông ta bán nó cho mấy người có họ là Turner – ông và bà Turner. Từ những gì tôi thu thập được thì có vẻ họ là một cặp vợ chồng kỳ lạ. Ông chồng là người Anh, còn theo nhiều người bà vợ có vẻ như lai dòng máu Nga, và bà có một vẻ đẹp rất lạ. Họ

sống rất lặng lẽ, không gặp gỡ ai, và hiếm khi ra khỏi vườn nhà. Người dân đồn đại họ sợ cái gì đó – nhưng tôi nghĩ mình không nên dựa vào chi tiết ấy.

“Và rồi đột nhiên một ngày họ ra đi, bỏ đi vào một buổi sáng sớm, và không bao giờ quay trở lại. Những người môi giới ở đây nhận được một bức thư từ ông Turner, viết từ London, hướng dẫn bán tháo ngôi nhà càng sớm càng tốt. Đồ đạc cũng bán, còn ngôi nhà thì bán cho ông Mauleverer. Thật ra ông ta chỉ sống ở đó có hai tuần... rồi ông quảng cáo cho thuê nhà kèm nội thất. Bây giờ người ở nhà đó là một giáo sư người Pháp bị bệnh lao và cô con gái. Họ mới ở đó được mười ngày.”

Jack lặng lẽ nghiền ngẫm mớ thông tin này.

“Tôi chẳng thấy nó đưa mình theo hướng nào cả,” cuối cùng anh nói. “Ông có thấy không?”

“Tôi vẫn muốn tìm hiểu về gia đình Turner nhiều hơn.” Lavington bình thản nói. “Anh nhớ đấy, họ bỏ đi vào sáng sớm. Theo như tôi khám phá, không một ai trông thấy họ đi. Trước đó người ta còn thấy ông Turner... nhưng tôi không thể tìm ra ai thấy bà Turner cả.”

Jack tái mặt, “Không thể là... ông không có ý là...”

“Đừng hào hứng quá thế, chàng trai. Ảnh hưởng của ai đó vào thời điểm qua đời – và đặc biệt là một cái chết dữ dội – lên môi trường xung quanh rất mạnh mẽ. Có thể hiểu được môi trường xung quanh có thể hấp thụ ảnh hưởng đó rồi lần lượt truyền nó vào một người nhận có tần số phù hợp – trong trường hợp này chính là anh.”

“Nhưng sao lại là tôi?” Jack lẩm bẩm về mặt kiểm soát. “Sao không phải là người nào khác có ích hơn?”

“Anh đang cho rằng cái thể lực đó thông minh và có chủ tâm chứ không mù quáng và máy móc. Tôi không tin những linh hồn ở địa cầu ám lấy một điểm vì một lý do nhất định nào đó. Nhưng điều mà tôi thấy lặp đi lặp lại

đến khó mà tin chỉ là ngẫu nhiên, đó là một sự mò mẫm mù quáng tìm đến công lý – các thế lực khuất mày khuất mặt, âm thầm làm tới cùng...”

Ông ta rùng mình – như thể trút bỏ điều ám ảnh nào đó đang xâm chiếm lấy ông, và rồi quay sang Jack với nụ cười thường trực.

“Dù thế nào mặc lòng, tối nay chúng ta hãy gác chủ đề này lại đã,” ông đề nghị.

Jack đồng ý ngay, nhưng anh thấy khó xua đuổi chủ đề đó ra khỏi tâm trí.

Suốt cuối tuần, anh hăng hái tự điều tra nhưng chẳng tìm ra được gì hơn những thứ mà ông bác sĩ đã biết. Anh chủ ý bỏ chơi golf trước bữa ăn sáng.

Mất xích tiếp theo trong chuỗi sự việc đến từ một nơi không ngờ tới. Một hôm Jack quay về và được báo rằng có một phụ nữ trẻ đang đợi gặp anh. Anh vô cùng ngạc nhiên khi biết đó là cô gái bên vườn – cô gái pensée, như anh vẫn luôn gọi cô như thế trong đầu. Trông cô rất căng thẳng và bối rối.

“Xin thứ lỗi cho tôi vì đã đến tìm ông như thế này, Monsieur. Nhưng tôi có chuyện cần nói với ông... Tôi...”

Cô nhìn quanh vẻ ngập ngừng.

“Mời cô vào đây,” Jack nói ngay, dẫn lối vào “Phòng Khách Quý Cô” của khách sạn giờ đây đang vắng người, một căn phòng âm đạm trang trí bằng nhiều vải nhung lông màu đỏ. “Giờ, mời cô ngồi xuống, cô...”

“Marchaud, thưa ông, Felise Marchaud.”

“Mời cô ngồi xuống, Mademoiselle§ Marchaud, rồi kể hết tôi nghe nào.”

Felise vâng lời ngồi xuống. Hôm nay cô diện đồ màu xanh lá cây đậm, vẻ đẹp và quyến rũ từ khuôn mặt nhỏ nhắn kiêu kỳ của cô hiện rõ hơn bao giờ hết. Tim Jack đập nhanh hơn khi anh ngồi xuống bên cạnh cô.

“Chuyện là thế này,” Felise giải thích. “Chúng tôi đã đến đây ở được một thời gian ngắn, và từ đầu chúng tôi đã nghe nói ngôi nhà... ngôi nhà nhỏ xinh xắn của chúng tôi... bị ma ám. Không có người giúp việc nào ở lại cả. Chuyện đó cũng chẳng hề gì... tôi, tôi có thể dễ dàng làm *menage*§ và nấu ăn.”

“Thiên thần,” chàng trai đang si mê nghĩ, “Cô ấy thật tuyệt.”

Nhưng bề ngoài anh vẫn giữ vẻ như đang nghiêm túc chú ý.

“Chuyện về ma quỷ này, tôi nghĩ tất cả chỉ là chuyện ngu xuẩn cho tới bốn ngày trước. Thưa ông, bốn đêm liên tiếp tôi thấy cùng một giấc mơ. Một người phụ nữ đứng đó – bà ấy xinh đẹp, cao ráo và rất trắng trẻo, Bà cầm một cái bình gốm màu xanh da trời trong tay. Bà đang đau đớn... rất đau đớn, bà cứ đưa cái bình về phía tôi, như thể đang van nài tôi làm điều gì đấy với nó – nhưng than ôi! Bà không thể nói được, và tôi... tôi không biết bà ấy yêu cầu điều gì. Đó là giấc mơ tôi thấy trong hai đêm đầu... nhưng đêm trước đêm cuối cùng, còn có nhiều chuyện hơn. Bà và chiếc bình xanh biến mất, và đột nhiên tôi nghe tiếng bà kêu lên... Tôi biết đó là giọng của bà, ông biết đấy... và, ôi! Thưa ông, những lời mà bà ấy nói chính là những lời mà ông đã kể với tôi sáng đó. Giết người! Tôi bàng hoàng tỉnh giấc. Tôi tự nhủ... chỉ là một cơn ác mộng, những lời ông nghe chỉ là trùng hợp. Nhưng tôi qua giấc mơ đó lại đến nữa. Thưa ông, điều đó nghĩa là gì? Ông cũng nghe thấy mà. Chúng ta phải làm gì đây?”

Khuôn mặt Felise hoảng sợ. Đôi bàn tay nhỏ nhắn của cô đan vào nhau, và cô nhìn Jack chăm chăm đầy vẻ tội nghiệp. Anh cảm thấy mình không thể hững hờ.

“Không sao đâu, Mademoiselle Marchaud, cô không việc gì phải lo lắng. Nếu cô không ngại tôi sẽ nói cô biết tôi muốn cô làm gì, đó là thuật lại toàn

bộ câu chuyện cho bác sĩ Lavington, một người bạn của tôi cũng đang ở đây.”

Felise ra dấu cho biết cô bằng lòng làm theo, và thế là Jack bỏ ra ngoài tìm Lavington. Một lát sau, anh quay lại cùng ông ấy.

Lavington thích thú dò xét cô gái khi ông nghe Jack giới thiệu qua quýt họ với nhau. Chỉ một vài lời an ủi, chẳng bao lâu ông khiến cô gái thấy dễ chịu hơn, và đến lượt mình, ông chăm chú lắng nghe câu chuyện cô kể.

“Kỳ lạ thật,” ông bảo, khi cô đã kể xong. “Thế cô đã kể với cha cô chuyện này chưa?”

Felise lắc đầu.

“Tôi không muốn làm cha lo lắng. Cha vẫn còn đang ốm lắm” – cô rung rung nước mắt” – “Tôi giấu cha những chuyện có thể làm cha bị hưng phấn hoặc kích động.”

“Tôi hiểu rồi,” Lavington ân cần đáp. “Và tôi mừng vì cô đã tìm đến chúng tôi, Mademoiselle Marchaud. Như cô biết đấy, anh Hartington đây cũng có một vài trải nghiệm tương tự như cô. Tôi nghĩ chúng ta đang đi đúng hướng. Cô còn nghĩ đến điều gì khác không?”

Felise giật mình.

“Đương nhiên rồi! Tôi ngốc quá. Đây là điểm mấu chốt của toàn câu chuyện. Monsieur, ông nhìn xem thứ gì bị tuột xuống đằng sau kệ mà tôi tìm thấy được ở phía sau tủ này.”

Cô đưa cho họ một bức vẽ bụi bặm trên đó phác họa một người phụ nữ bằng màu nước. Chỉ là một bức tranh vẽ nguệch ngoạc, mức độ giống cũng kha khá. Miêu tả một người phụ nữ trắng trẻo và cao ráo, khuôn mặt bà có đôi chút không giống người Anh. Bà đứng cạnh cái bàn trên đó có một cái bình gốm màu xanh da trời.

“Tôi mới thấy nó sáng nay thôi,” Felise giải thích. “Monsieur le docteur,§_ đó chính là khuôn mặt người phụ nữ tôi đã thấy trong giấc mơ, và cái bình gốm xanh cũng giống y hệt.”

“Kỳ lạ thật,” Lavington nhận xét. “Rõ ràng chìa khóa mở bí mật này là chiếc bình xanh. Tôi thấy trông nó giống bình gốm Trung Quốc, có lẽ là bình cổ. Hình như trên bề mặt có những họa tiết nổi kỳ lạ.”

“Nó là đồ Trung Quốc đấy,” Jack khẳng định. “Tôi từng thấy một cái y như thế trong bộ sưu tập của chú tôi – ông biết đấy, chú tôi là người sưu tập đồ sứ Trung Quốc cự phách và tôi nhớ đã thấy một chiếc bình như cái này cách đây không lâu.”

“Chiếc bình Trung Quốc,” Lavington trầm ngâm nói một mình. Ông ngồi trầm tư một lát rồi đột ngột ngẩng đầu, một tia sáng kỳ lạ lóe lên trong mắt ông.

“Hartington, chú của anh có chiếc bình đó bao lâu rồi?”

“Bao lâu ? Thật sự tôi không biết.”

“Hãy suy nghĩ thử. Ông ấy mới mua gần đây à?”

“Tôi không biết... vâng, tôi nghĩ là thế, giờ tôi mới nghĩ ra. Bản thân tôi không quan tâm đến đồ gốm sứ lắm, nhưng tôi nhớ chú có khoe tôi mấy thứ chú mới sưu tập được gần đây, và món này nằm trong số đó.”

“Chưa tới hai tháng trước đúng không? Vợ chồng Turner rời nhà Heather cỡ hai tháng trước thôi.”

“Vâng, tôi nghĩ thế.”

“Chú anh thỉnh thoảng có đến những nơi bán hàng giảm giá ở miền quê à?”

“Chú tôi hay lượn lờ đến những nơi đó lắm.”

“Vậy thì chẳng phải là chuyện đâu đâu khi chúng ta cho rằng ông ấy mua món đồ sứ cụ thể này ở đợt bán hàng giảm giá của vợ chồng nhà Turner. Một sự trùng hợp kỳ lạ... hay cái mà tôi có thể gọi là sự mò mẫm công lý. Hartington, anh phải hỏi chú anh ngay xem ông ấy đã mua cái bình đó ở đâu.”

Jack xụ mặt.

“Tôi e là không thể được. Chú George đang đi châu Âu lục địa. Tôi không biết chú ở đâu mà viết thư cho chú.”

“Ông ấy sẽ vắng nhà trong bao lâu?”

“Chỉ ít là ba tuần đến một tháng.”

Ai nấy lặng yên. Felise bắn khoả nhìn hết người này sang người kia.

“Mình không làm được gì sao ạ?” cô rụt rè hỏi.

“Có chứ, có một điều,” Lavington đáp, giọng như đang đè nén sự hào hứng. “Có lẽ nghe có vẻ bất thường nhưng tôi tin sẽ thành công. Hartington, anh phải lấy cái bình đó, mang nó đến đây và nếu Mademoiselle đây cho phép, chúng ta sẽ ở lại đêm trong nhà Heather, mang chiếc bình màu xanh theo nữa.”

Jack cảm thấy da mình rần rần khó chịu.

“Ông nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra?” anh hỏi về bực bội.

“Tôi cũng chẳng biết – nhưng tôi thật lòng tin rằng điều bí ẩn sẽ được giải mã và hồn ma sẽ lắng xuống. Có khả năng là có một cái đáy giả gắn vào chiếc bình và có cái gì đó giấu bên trong. Nếu không xảy ra hiện tượng nào cả, chúng ta phải dùng mưu trí của mình thôi.”

Felise vỗ tay.

“Ý tưởng tuyệt vời quá,” cô kêu lên.

Mắt cô bừng sáng về nồng nhiệt. Jack chẳng thấy nhiệt tình đến thế... thật ra, trong lòng anh thấy sợ hãi vô cùng, nhưng anh không muốn thừa nhận điều đó trước mặt Felise. Ông bác sĩ làm như ý kiến của ông ta là điều tự nhiên nhất trên đời vậy.

“Khi nào ông lấy được chiếc bình?” Felise hỏi, quay sang Jack.

“Ngày mai,” người kia miễn cưỡng đáp.

Giờ anh phải làm theo, những ký ức về tiếng kêu cứu như điên cuồng đã ám ảnh anh mỗi sáng là thứ sẽ phải đẩy lui chứ không phải để mãi nghĩ tới nó quá mức cần thiết.

Tối hôm sau, anh đến nhà ông chú và lấy đi chiếc bình kê trên. Anh chắc chắn nó giống y hệt chiếc bình được vẽ bằng màu nước, nhưng khi anh thận trọng xem kỹ lưỡng anh chẳng thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ nó có ngăn chứa bí mật nào cả.

11 giờ đúng, anh và Lavington đến nhà Heather. Felise đang đợi họ, và nhẹ nhàng mở cửa trước khi họ kịp gõ.

“Xin mời vào,” cô thì thầm. “Cha tôi ngủ trên lầu, và chúng ta không được đánh thức ông ấy. Tôi sẽ pha cà phê cho các ông ở đây.”

Cô dẫn họ vào một căn phòng nhỏ ấm cúng. Có một ngọn đèn còn đặt trên lò sưởi, và cô đứng khom mình pha cho hai người một ít cà phê thơm tho.

Sau đó Jack mở nhiều lớp bọc chiếc bình Trung Quốc ra. Felise há hốc mồm khi trông thấy nó.

“Đúng rồi, đúng rồi,” cô hào hứng kêu lên. “Là nó đây...dù có ở đâu tôi cũng nhận ra.”

Trong khi đó Lavington sắp soạn riêng. Ông dẹp tất cả những đồ trang trí trên một chiếc bàn nhỏ và đặt nó ra ngay chính giữa phòng. Xung quanh

bàn ông đặt ba chiếc ghế. Rồi ông lấy chiếc bình xanh từ tay Jack và đặt nó ngay giữa bàn.

“Giờ thì,” ông bảo, “chúng ta đã sẵn sàng. Tắt đèn đi, và hãy ngồi quanh bàn trong bóng tối.”

Những người kia làm theo lời ông. Giọng Lavington lại cất lên trong bóng tối.

“Hãy đừng nghĩ gì cả – hoặc nghĩ đủ thứ. Đừng cố ép trí óc mình. Có thể một người trong chúng ta có năng lực đồng cốt. Nếu thế, người đó sẽ lên đồng. Phải nhớ là chẳng có gì phải sợ cả. Hãy đuổi hết nỗi sợ hãi trong tâm, và trôi đi... trôi đi...”

Giọng ông tắt hẳn và chỉ còn im lặng. Từng phút trôi qua sự im lặng dường như đang thai nghén nên cái gì đấy. Lavington nói “Đuổi hết nỗi sợ hãi” thì dễ lắm. Không phải Jack đang thấy sợ hãi – mà là đang hoảng loạn. Và anh khá chắc chắn rằng Felise cũng cảm thấy như thế.

Đột nhiên anh nghe giọng cô, trầm và hoảng sợ.

“Chuyện gì đó khủng khiếp sắp xảy ra. Tôi cảm thấy thế.”

“Đuổi hết nỗi sợ hãi đi,” Lavington bảo. “Đừng cố chống lại sức mạnh đó.”

Bóng tối dường như đen kịt hơn và sự im lặng càng tăng thêm. Và cảm giác nguy hiểm không sao cắt nghĩa được đang đến mỗi lúc một gần hơn.

Jack cảm thấy như mình đang nghẹt thở... ngọt ngào... cái gì đó xấu xa đang đến rất gần...

Và rồi giây phút giằng co qua đi. Anh đang trôi đi, trôi theo dòng suối... mi mắt đóng lại... bình an... bóng tối...

Jack khẽ động đậy. Đầu anh nặng... nặng như chì. Anh ở đâu thế này?

Ánh nắng... chim chóc... Anh nằm ngửa nhìn chằm chằm lên trời.

Rồi anh nhớ lại. Chuyện ngôi quay quần. Căn phòng nhỏ. Felise và ông bác sĩ. Chuyện gì xảy ra thế nhỉ?

Anh ngồi dậy, đầu nhức nhối khó chịu và anh nhìn quanh. Anh đang nằm trong khu rừng nhỏ cách ngôi nhà không xa. Không có ai bên cạnh anh. Anh lấy đồng hồ ra. Ngạc nhiên khi thấy nó chỉ 12 giờ rưỡi.

Jack chột vật đứng dậy, và cố gắng hết sức chạy nhanh về phía ngôi nhà. Hẳn là họ rất sợ hãi vì anh không ra khỏi cơn lên đồng nên họ đưa anh ra ngoài trời.

Đến được ngôi nhà, anh gõ cửa âm ỉ. Nhưng không ai trả lời, không có dấu hiệu gì của sự sống ở ngôi nhà đó cả. Hẳn là họ đi tìm sự trợ giúp rồi. Hoặc giả... Jack cảm thấy một nỗi sợ hãi không tài nào cắt nghĩa được đang xâm chiếm lấy anh. Chuyện gì xảy ra đêm qua thế nhỉ?

Anh tìm đường về khách sạn càng nhanh càng tốt. Đang định hỏi công việc ở văn phòng thì anh bị ai đó thoi mạnh vào xương sườn khiến anh suýt ngã nhào. Đang phân nộ thì anh thấy một ông già tóc bạc đang kêu khó khè vẻ thích thú.

“Không ngờ là ta, hả cháu trai. Không ngờ là ta, hả?” quý ông này nói.

“Ừa, chú George, cháu nghĩ chú còn ở xa lắm mà... ở Ý hay nơi nào đó.”

“À! Nhưng không phải thế. Cập bến Dover tối qua. Ta tính lái xe vào thị trấn và dừng lại đây để gặp cháu trên đường đi. Và ta nhìn thấy gì đây. Ở ngoài suốt đêm, hả? Giỏi nhỉ...”

“Chú George,” Jack dùng lời ông chú lại vẻ cương quyết. “Cháu có một chuyện hết sức kỳ lạ muốn kể chú nghe. Cháu cam đoan chú sẽ không tin đâu.”

“Ta chắc thế,” ông cụ cười lớn, “Kể nghe thử đi, cháu trai.”

“Nhưng cháu phải kiếm cái gì để ăn đã,” Jack nói tiếp. “Cháu chết đói rồi đây.”

Anh dẫn đường vào phòng ăn, và trước một bữa ăn ngon ngon, anh bắt đầu thuật lại toàn bộ câu chuyện.

“Và chỉ có Chúa mới biết chuyện gì đã xảy ra với họ,” anh dứt lời.

Chú anh trông như sắp bị đột quỵ tới nơi.

“Chiếc bình,” cuối cùng ông cụ chật vật thốt lên. “CHIẾC BÌNH MÀU XANH! Nó sao rồi?”

Jack trân trối nhìn ông chẳng hiểu gì, nhưng sau khi ngập ngựa trong hàng tràng từ ngữ tiếp theo anh bắt đầu hiểu ra.

Tràng từ ngữ tuôn ra ào ào. “Thời nhà Minh... độc đáo... vật quý giá nhất trong bộ sưu tập của ta... trị giá ít nhất là 10.000 bảng Anh... giá đòi mua từ Hoggenheimer, một nhà tỉ phú Mỹ... cái độc nhất trong dòng đó trên thế giới... Đồ chết tiệt, thưa ngài, ngài làm gì với CHIẾC BÌNH MÀU XANH của ta rồi?”

Jack chạy ra khỏi phòng. Anh phải tìm Lavington. Người phụ nữ trẻ ở văn phòng lạnh lùng nhìn anh.

“Bác sĩ Lavington đã đi khuya hôm qua rồi... bằng ô tô. Ông ấy để lại cho ông một bức thư ngắn.”

Jack xé phong bì. Bức thư ngắn và đi ngay vào trọng tâm.

Anh bạn trẻ thân mến,

Ngày của thế lực siêu nhiên đã qua chưa? Chắc chưa... đặc biệt là khi bị lừa bằng thứ ngôn ngữ khoa học mới. Gửi lời chào thân ái từ Felise, người cha đau ốm, và tôi. Chúng tôi có 12 giờ đồng hồ để lên đường, hẳn là dư rồi.

Thân mến,

AMBROSE LAVINGTON

Bác sĩ Tâm hồn

HÁT BÀI ĐỒNG SÁU XU

Hát bài đồng sáu xu đăng lần đầu trên *Holly Leaves* (Illustrated Sporting and Dramatic News xuất bản), ngày 2 tháng 12 năm 1929.

Ngài Edward Palliser, K.C.§, sống ở số 9 Queen Anne's Close. Queen Anne's Close là một cul-de-sac§. Nằm ngay khu trung tâm Westminster, con ngõ này vẫn cố nín giữ không khí xưa cũ yên bình tách biệt với sự náo động của thế kỷ 20. Vô cùng hợp với ngài Edward Palliser.

Ngài Edward từng là một trong những luật sư hình sự nổi tiếng nhất thời đó và giờ đây không còn hành nghề nên ông giải khuây với việc thu thập một thư viện về tội phạm học rất tuyệt. Đồng thời ông còn là tác giả của tuyển tập *Hồi ức của những tên tội phạm khét tiếng*.

Tối nay, ngài Edward ngồi trước lò sưởi trong phòng thư viện nhâm nháp một loại cà phê đen thượng hạng, và lật đầu trước bộ sách của Lombroso. Thật là những giả thuyết tài tình nhưng đã quá lỗi thời rồi.

Cánh cửa mở ra gần như không gây nên một tiếng động nào và người phục vụ được đào tạo kỹ lưỡng băng qua tấm thảm dày và thì thầm vẻ kín đáo. “Một phụ nữ trẻ muốn gặp ngài, thưa ngài.”

“Một phụ nữ trẻ ư?”

Ngài Edward ngạc nhiên lắm. Hoàn toàn không giống chuyện thường xảy ra. Rồi ông nghĩ có lẽ là cô cháu gái Ethel... nhưng nếu thế thì Armour đã nói rồi.

Ông thận trọng hỏi.

“Người phụ nữ đó không cho biết tên sao?”

“Không, thưa ngài, nhưng cô ấy bảo cô hoàn toàn chắc chắn rằng ngài sẽ sẵn sàng tiếp cô.”

“Mời cô ấy vào,” ngài Edward Palliser bảo. Ông thấy tò mò thích thú.

Một cô gái da ngăm đen, cao ráo chừng 30 tuổi, mặc áo khoác và váy màu đen cắt may tỉ mỉ, đội một chiếc mũ nhỏ cũng màu đen, tiến về phía ngài Edward, bàn tay cô chìa ra và vẻ mặt hào hứng quen biết. Armour lui ra, nhẹ nhàng đóng cửa lại sau lưng mình.

“Ngài Edward... ngài nhận ra tôi chứ ạ? Tôi là Magdalen Vaughan.”

“Sao cơ, đương nhiên rồi.” Ông nồng nhiệt nắm bàn tay cô đang chìa ra.

Giờ thì ông hoàn toàn nhớ ra cô, Cái chuyến tàu *Siluric* từ Mỹ trở về nhà đó! Cô bé quyến rũ này – bởi hồi đó cô chỉ lớn hơn đứa con nít một chút thôi. Ông vẫn còn nhớ mình đã ân ái với cô theo kiểu đàn ông từng trải già dặn và kín đáo. Hồi ấy cô trẻ và đáng yêu vô cùng... rất hào hứng... tràn ngập lòng ngưỡng mộ và thần tượng một vị anh hùng... đủ để níu giữ trái tim một người đàn ông xấp xỉ tuổi 60. Ký ức khiến cái bắt tay của ông càng thêm nồng nhiệt.

“Hân hạnh quá. Mời cô ngồi.” Ông đặt một chiếc ghế dựa cho cô, nói chuyện thật thoải mái và suôn sẻ, và cứ mãi thắc mắc tại sao cô đến tìm mình. Cuối cùng khi ông kết được màn thăm hỏi thoải mái ấy, cả hai im lặng.

Bàn tay cô nắm vào tay ghế rồi lại thả ra, cô liếm môi. Đột nhiên, cô cất tiếng – bất ngờ,

“Ngài Edward... tôi muốn nhờ ngài giúp tôi.”

Ông ngạc nhiên và lăm bắm một cách máy móc.

“Vâng?”

Cô tiếp luôn, nói với vẻ căng thẳng hơn. “Ngài từng nói rằng khi nào tôi cần giúp đỡ... rằng nếu có gì trên đời này ngài có thể làm cho tôi... thì ngài sẽ làm.”

Ừ, ông *đã* nói thế. Đó là điều mà người ta nói... đặc biệt là vào những lúc chia ly. Ông còn nhớ giọng nói đứt quãng của mình – cái cách ông đã nâng bàn tay cô lên môi mình.

“Nếu có bất kỳ điều gì tôi có thể làm được, nhớ nhé, tôi nói thật đấy...”

Ừ, thì người ta nói những câu đại loại như thế... Nhưng rất, rất hiếm khi người ta giữ lời! Và đương nhiên là không sau... bao nhiêu nhỉ?... chín hay mười năm. Ông liếc vội sang cô – cô vẫn rất xinh đẹp nhưng đã mất đi cái vẻ mà ông cho là nét quyến rũ của cô – vẻ trẻ trung ngây thơ và nguyên trinh. Giờ khuôn mặt đó thú vị hơn, có lẽ – một người đàn ông trẻ hơn sẽ nghĩ thế nhưng ngài Edward chẳng hề cảm thấy cơn sóng âm áp và đầy xúc cảm mà ông đã từng cảm nhận vào cuối chuyến hải trình Đại Tây Dương đó.

Mặt ông trở nên hình sự và thận trọng. Ông nói với vẻ khá sôi nổi.

“Đương nhiên rồi, cô gái thân yêu của tôi. Tôi rất vui được làm bất kỳ điều gì trong khả năng của mình... dẫu tôi không tin rằng giờ tôi còn có ích gì cho ai nữa.”

Nếu ông có ý định tìm đường thoái thác thì cô cũng chẳng nhận ra. Cô là kiểu người chỉ thấy từng việc một và điều mà cô thấy lúc này là nhu cầu của chính cô thôi. Cô cho chuyện ngài Edward sẵn sàng giúp cô là đương nhiên.

“Chúng tôi đang gặp rắc rối lớn, ngài Edward ạ.”

— “Chúng tôi? _ Cô kết hôn rồi sao?”

“Chưa ạ – Ý tôi là em trai tôi và tôi.Ồ! về chuyện này thì có cả chú họ William và thím Emily nữa. Nhưng tôi phải giải thích. Tôi có... tôi đã từng

có một bà cô – bà Crabtree. Hẳn ông đã đọc về bà trên báo. Khủng khiếp lắm. Bà chết rồi – bị giết.”

“À!” Một tia thích thú ngời lên gương mặt ngài Edward. “Khoảng một tháng trước, đúng không?”

Cô gái gật đầu.

“Ít hơn thế – ba tuần ạ.”

“Ừ, tôi có nhớ. Bà bị đập vào đầu ngay chính trong nhà mình. Họ không bắt được cái tên đã gây ra vụ đó.”

Magdalen Vaughan lại gật đầu.

“Họ không bắt được gã đó – Tôi tin họ chẳng đời nào bắt được gã đó đâu. Ông thấy đây – có thể là chẳng có gã nào để bắt.”

“Gì cơ?”

“Vâng... khủng khiếp lắm. Chẳng có kết quả gì về vụ án trên báo cả. Nhưng đó là những gì cảnh sát nghĩ. Họ biết chẳng có ai đến nhà vào đêm đó cả.”

“Ý cô là...?”

“Tức là kẻ đó nằm trong số bốn chúng tôi. *Hẳn* là thế. Họ không biết ai làm – và chúng tôi cũng không... *Chúng tôi không hề biết*. Thế là mỗi ngày chúng tôi ngồi đó lén lút nhìn nhau và tự hỏi, Ôi! Giá mà đó là một người ngoài nhĩ – nhưng tôi thấy không thể là như thế...”

Ngài Edward chăm chăm nhìn cô, nỗi tò mò của ông đang tăng lên.

“Ý cô là các thành viên trong gia đình bị nghi ngờ sao?”

“Vâng, ý tôi là thế. Đương nhiên cảnh sát không bảo vậy. Họ rất lịch sự và tử tế. Nhưng họ lục soát nhà cửa, họ chất vấn tất cả chúng tôi và Martha hết lần này đến lần khác... Và vì họ không biết là ai nên họ cũng giấu nhem luôn. Tôi hoảng sợ quá... sợ khủng khiếp...”

“Cô bé thân mến à. Thôi mà, chắc chắn bây giờ cô đang phóng đại lên thôi.”

“Không đâu ạ. Là người trong bốn chúng tôi – hẳn là thế.”

“Bốn người cô nhắc đến là những ai?”

Magdalen ngồi thẳng dậy và nói với vẻ điềm tĩnh hơn.

“Là tôi và Matthew. Bà Lily là bà cô của chúng tôi. Bà là em gái của bà nội tôi. Chúng tôi sống với bà từ khi chúng tôi 14 tuổi (hai đứa tôi là chị em sinh đôi, thừa ngài). Tiếp theo là chú họ William Crabtree. Chú là cháu trai của bà – con của em trai bà. Chú cũng sống ở đó cùng với vợ là thím Emily.”

“Bà ấy chu cấp họ à?”

“Đại loại là thế. Chú ấy cũng có một ít tiền riêng, nhưng chú không được khỏe mạnh và phải ở nhà. Chú là kiểu người ít nói và mơ mộng. Tôi chắc chắn không đời nào chú ấy... ôi!... Chỉ nghĩ đến thôi đã thấy khủng khiếp rồi!”

“Tôi vẫn chưa hiểu được tình hình. Có lẽ nhờ cô kể lại cho tôi các dữ kiện... nếu không làm cô đau khổ quá.”

“Ôi! Không sao đâu... Tôi muốn kể ngài nghe ạ. Và tất cả vẫn còn vô cùng rõ ràng trong trí óc tôi – rõ ràng khủng khiếp. Chúng tôi có buổi uống trà, ngài biết đấy, rồi chúng tôi ai nấy đi làm việc riêng của mình. Tôi may áo váy. Matthew thì đánh máy một bài báo – em nó có viết báo; chú William thì chơi tem. Thím Emily không xuống uống trà. Thím phải uống thuốc đau đầu và nằm nghỉ. Thế là chúng tôi ở đó, tất cả chúng tôi, ai cũng bận và có việc riêng. Và khi bà Martha đến để chuẩn bị dọn bữa tối vào lúc 7 giờ 30 phút, thì bà cô Lily đã nằm đó... chết rồi. Đầu của bà... ôi! khủng khiếp lắm... bị đập nát hết.”

“Tôi đoán là có tìm thấy hung khí, đúng không?”

“Vâng. Đó là cái chặn giấy nặng, nó hay nằm trên bàn cạnh cửa ra vào. Cảnh sát kiểm tra dấu vân tay trên đó, nhưng không có gì. Nó đã được lau sạch.”

“Và phỏng đoán đầu tiên của cô là gì?”

“Đương nhiên chúng tôi nghĩ đó là một tên trộm. Có hai ba ngăn tủ bàn làm việc bị kéo ra như thể tên trộm đã tìm kiếm cái gì đó. Đương nhiên chúng tôi nghĩ đó là một tên trộm! Rồi cảnh sát đến – và họ bảo bà chết ít nhất một giờ rồi, và hỏi Martha ai đã đến nhà, và Martha đáp không có ai. Và tất cả các cửa sổ đều được cài then bên trong, và dường như không có dấu hiệu nào cho thấy có sự can thiệp. Và rồi họ bắt đầu tra hỏi chúng tôi...”

Cô ngừng lại. Ngực cô phập phồng. Mắt cô sợ hãi và van nài, chúng tìm kiếm ánh mắt của ngài Edward để mong được trấn an.

“Ví dụ nhé, ai sẽ được hưởng lợi từ cái chết của bà cô?”

“Đơn giản thôi. Tất cả chúng tôi đều được hưởng lợi như nhau. Bà để lại một số tiền chia đều cho bốn chúng tôi.”

“Còn tài sản của bà ấy trị giá bao nhiêu?”

“Luật sư bảo với chúng tôi nó sẽ khoảng 80.000 bảng Anh sau khi trả xong thuế tử.”

Ngài Edward mở to mắt vẻ hơi ngạc nhiên.

“Khoản tiền đó lớn đấy chứ. Tôi đoán là cô biết tổng tài sản của bà cô đúng không?”

Magdalen lắc đầu.

“Không ạ... nó khá bất ngờ đối với chúng tôi. Bà cố Lily luôn cực kỳ cẩn thận với chuyện tiền bạc. Bà chỉ nuôi một người giúp việc và luôn nói nhiều về chuyện tiết kiệm.”

Ngài Edward gật đầu về trầm tư. Magdalen hơi rướn người ra khỏi ghế.

“Ông sẽ giúp tôi... phải không ạ?”

Những lời cô nói gây ra một cú sốc khó chịu cho ngài Edward đúng lúc ông bắt đầu quan tâm đến câu chuyện của cô vì bản thân câu chuyện đó mà thôi.

“Cô gái yêu quý của tôi. Tôi có thể làm gì được chứ? Nếu cô cần tư vấn pháp lý, tôi có thể giới thiệu tên...”

Cô ngắt lời ông.

“Ôi! Tôi không muốn thứ đó! Tôi muốn ngài giúp tôi như với tư cách cá nhân – như một người bạn.”

“Cô thật dễ mến, nhưng...”

“Tôi muốn ngài đến nhà tôi. Tôi muốn ngài thăm vấn. Tôi muốn ngài xem và tự đưa ra phán xét.”

“Nhưng cô gái trẻ yêu quý của tôi...”

“Xin nhớ cho, ngài đã từng hứa. Bất kỳ ở đâu... bất kỳ khi nào... ngài bảo thế, nếu tôi cần giúp đỡ...”

Đôi mắt cô nhìn ông vẻ van xin nhưng đầy tự tin. Ông thấy xấu hổ và cảm động lạ lùng. Sự chân thành quá đời của cô, niềm tin tuyệt đối vào một lời hứa suông, mười năm rồi, như là một sự ràng buộc thiêng liêng. Gã đàn ông nào mà chưa từng nói những lời y hệt thế – những lời gần như *sáo rỗng!* – và bao nhiêu người trong số họ bị yêu cầu phải thực hiện cho bằng được.

Ông nói về hơi yếu ớt. “Tôi chắc là có nhiều người có thể tư vấn cho cô tốt hơn tôi.”

“Đương nhiên tôi có rất nhiều bạn bè.” (Ông thấy thú vị bởi sự tự tin ngây ngô trong câu nói đó.) “Nhưng ngài ạ, không ai trong số đó thông

minh cả. Không như ngài. Ngài quen việc chất vấn người khác. Và với tất cả những kinh nghiệm của mình ngài hẳn phải *biết*.”

“Biết gì cơ?”

“Liệu họ vô tội hay có tội.”

Ông cười một mình vẻ nghiêm nghị. Ông tự mãn rằng nói chung ông đã luôn biết! Dù thế, trong nhiều trường hợp, ý kiến riêng của ông chẳng giống gì với bồi thẩm đoàn.

Đẩy chiếc mũ lên khỏi trán vẻ căng thẳng, Magdalen nhìn quanh phòng và bảo. “Ở đây yên tĩnh quá. Có khi nào ngài ước có tiếng ồn nào đó không ạ?”

Cul-de-sac mà! Những lời vô tình cô ngẫu nhiên nói ra khiến ông phật lòng. Một cái *cul-de-sac*. Ồ, nhưng lúc nào cũng có một lối ra – con đường mà người ta đã đến – con đường mà người ta quay trở lại với thế giới này... Có cái gì đó bốc đồng và trẻ trung khuấy động trong lòng ông. Niềm tin giản dị của cô đã lôi cuốn phần tốt đẹp nhất trong bản chất của ông – và tình cảnh mà cô gặp phải lại lôi kéo thứ khác – nhà tội phạm học bẩm sinh trong ông. Ông muốn gặp những người mà cô kể. Ông muốn tự mình phán xét lấy.

Ông bảo. “Nếu cô thật sự tin rằng tôi có thể giúp được... Nhớ cho là tôi không cam đoan gì đâu nhé.”

Ông tưởng cô sẽ vui sướng đến phát ngất nhưng cô lại rất bình tĩnh khi nghe thế.

“Tôi biết ngài sẽ làm vậy. Tôi luôn nghĩ ngài là một người bạn chân chính. Giờ ngài về cùng tôi nhé.”

“Không. Tôi nghĩ nếu tôi đến thăm cô ngày mai thì phải hơn. Cô vui lòng cho tôi xin tên và địa chỉ luật sư của bà Crabtree nhé. Có thể tôi muốn hỏi ông ta vài điều.”

Cô viết ra và đưa cho ông. Rồi cô đứng lên và nói hơi bền lên. “Tôi... Tôi thật sự vô cùng biết ơn ngài. Xin tạm biệt.”

“Còn địa chỉ của cô?”

“Tôi gốc quá. 18 Palatine Walk, Chelsea.”

3 giờ chiều hôm sau, ngài Edward Palliser đến 18 Palatine Walk với dáng vẻ nghiêm trang và chùng mực. Trước đó ông đã phát hiện vài điều. Buổi sáng ông đã ghé qua Scotland Yard, Ủy viên Cảnh sát ở đó là bạn cũ của ông, và ông cũng có cuộc nói chuyện với luật sư của bà Crabtree quá cố. Kết quả là ông có một cái nhìn rõ hơn về các tình huống. Cách bà Crabtree quản lý tiền bạc cũng hơi kỳ lạ. Bà không bao giờ sử dụng séc. Thay vào đó, bà có thói quen viết thư cho luật sư và yêu cầu ông để sẵn cho bà một số tiền toàn những đồng 5 bảng Anh. Lúc nào số tiền cũng chùng ấy cả. 300 bảng Anh bốn lần trong một năm. Bà tự mình đến lấy bằng xe bốn bánh mà bà cho là phương tiện chuyên chở an toàn duy nhất. Ngoài những lúc đó ra thì bà chẳng bao giờ rời khỏi nhà.

Ở Scotland Yard, ngài Edward biết vấn đề tài chính đã được điều tra rất cẩn trọng. Bà Crabtree hẳn đã đến kỳ nhận số tiền tiếp theo. Có lẽ 300 trước đã tiêu hết – hay gần hết. Nhưng đây cũng chính là điểm khó mà biết chắc chắn. Bằng cách kiểm tra việc chi tiêu trong nhà, người ta sớm khẳng định rằng chuyện chi tiêu của bà Crabtree từng quý thì còn lâu mới đạt mức 300 bảng Anh. Ngoài ra, bà còn có thói quen gửi những đồng 5 bảng Anh cho bạn bè hoặc bà con nghèo. Chuyện có nhiều hay ít tiền trong nhà vào thời điểm bà qua đời là một điều còn phải bàn cãi. Chưa tìm ra được manh mối nào.

Ra mở cửa chính của ngôi nhà (không có tầng hầm) là một bà già nhỏ nhắn có ánh nhìn lạnh lợi. Ông được đưa vào căn phòng đôi bên trái lối đi

nhỏ và ở đó Magdalen tiếp đón ông. Ông thấy nét căng thẳng lộ rõ trên khuôn mặt cô hơn lần trước.

“Cô nhờ tôi chắt vụn vậy nên tôi đến để làm đây,” ngài Edward bảo, mỉm cười khi bắt tay cô. “Đầu tiên tôi muốn biết ai là người thấy bà cô của cô cuối cùng và chính xác lúc đó là mấy giờ?”

“Lúc ấy là sau bữa uống trà – 5 giờ đúng. Martha là người cuối cùng ở lại với bà cô. Chiều đó bà ấy làm sổ sách và mang đến cho bà cô Lily tiền thừa và bản báo cáo.”

“Cô tin tưởng bà Martha chứ?”

“Ồ, đương nhiên rồi. Bà ở với bà cô Lily chừng... Ồ! 30 năm, tôi nghĩ thế. Bà thật thà như đêm ấy.”

Ngài Edward gật đầu.

“Một câu hỏi khác. Tại sao thím họ của cô, bà Crabtree, lại uống thuốc đau đầu?”

“À, bởi vì thím ấy bị đau đầu ạ.”

“Hiển nhiên rồi, nhưng có lý do đặc biệt nào khiến bà ấy *bị* đau đầu không?”

“À, có ạ, theo một cách nào đó. Có một trận cãi cọ lúc ăn trưa. Thím Emily dễ bị kích động và thần kinh rất căng thẳng. Thím và bà cô Lily thỉnh thoảng hay cãi nhau.”

“Và bữa ăn trưa hôm đó họ cãi nhau?”

“Vâng. Bà cô Lily khá khó chịu về những chuyện nhỏ nhặt. Tất cả bắt đầu từ chuyện chẳng có gì... và rồi họ cãi nhau kịch liệt... lúc đó thím Emily nói toàn những điều mà có thể là thím ấy không có ý như thế... rằng thím sẽ bỏ nhà ra đi và không bao giờ trở lại... rằng thím ăn gì thím cũng đắn đo... ôi! Toàn là những điều vớ vẩn. Còn bà cô Lily thì bảo thím và

chồng thím cuốn gói ra đi càng sớm càng tốt. Nhưng tất cả chẳng có nghĩa gì hết, thật đấy ạ.”

“Vì ông bà Crabtree không có khả năng cuốn gói ra đi sao?”

“Ồ, không phải thế. Chú William rất yêu quý bà cô Emily. Thật sự thế.”

“Không có ngày nào họ không cãi nhau sao?”

Mặt Magdalen ửng đỏ.

“Ý ngài là tôi ư? Om sòm về chuyện tôi muốn làm người mẫu thời trang ư?”

“Bà cô của cô không đồng ý sao?”

“Không ạ.”

“Sao cô lại muốn trở thành người mẫu, cô Magdalen? Cô cho rằng cuộc sống đó hấp dẫn đến thế sao?”

“Không ạ, nhưng cái gì cũng được miễn là không sống đây nữa.”

“Ừ, thì vậy. Nhưng giờ cô đã có thu nhập thoải mái rồi còn gì?”

“Ồ! Vâng, *giờ* thì khác rồi.”

Cô khiến lời thú nhận vô cùng đơn giản.

Ông mỉm cười nhưng không đi sâu vào vấn đề. Thay vào đó, ông bảo. “Thế còn em trai cô thì sao? Cậu ấy có cãi cọ không?”

“Matthew ư? Làm gì có ạ.”

“Vậy thì chẳng ai có thể nói cậu ấy có động cơ để trừ khử bà cô của mình cả.”

Ông nhanh chóng nhận ra vẻ choáng váng thoáng hiện lên trên khuôn mặt cô.

“Tôi quên,” ông tình cờ nói. “Cậu ấy nợ nhiều tiền lắm đúng không?”

“Vâng, tội nghiệp Matthew.”

“Cũng vậy, giờ mọi chuyện ổn rồi.”

“Vâng...” Cô thở phào. “Thật là_ nhẹ nhõm.”

Vậy là cô chẳng hiểu ra cái gì cả! Ông vội vàng đổi chủ đề.

“Chú thím và em trai cô có ở nhà không?”

“Có ạ; tôi báo với họ ngài sẽ đến. Tất cả đều nóng lòng muốn giúp. Ôi, ngài Edward... Tôi có cảm giác ngài sẽ nhận ra mọi thứ đều ổn cả... rằng không ai trong chúng tôi có liên quan đến vụ đó... rằng cuối cùng đó là một người ngoài.”

“Tôi đâu biết hóa phép. Có thể tôi sẽ tìm ra sự thật, nhưng không thể tạo nên cái sự thật mà cô muốn.”

“Không được sao ạ? Tôi có cảm giác ngài làm được bất kỳ điều gì... bất kỳ điều gì.”

Cô bỏ ra khỏi phòng. Bối rối, ông nghĩ. “Ý cô ấy là gì nhỉ? Có phải cô muốn mình đề xuất một lời phản biện không? Cho ai chứ?”

Một người đàn ông trạc 50 tuổi bước vào làm gián đoạn dòng suy nghĩ của ông. Ông ta có vóc người mạnh mẽ tự nhiên nhưng dáng hơi còng. Áo quần ông ta luộm thuộm còn tóc tai thì chải chuốt sơ sài. Trông ông có vẻ là người tốt nhưng hơi lơ đãng.

“Ngài Edward Palliser ạ? Ôi, rất hân hạnh được gặp ngài. Magdalen bảo tôi vào đây. Tôi biết ngài thật tốt bụng khi nhận lời giúp đỡ chúng tôi. Mặc dù tôi nghĩ chắc sẽ không tìm ra được manh mối nào đâu. Ý tôi là họ sẽ không bắt được kẻ đó đâu.”

“Thế ra ông cho đó là một tên trộm... ai đó từ bên ngoài sao?”

“Ồ, hẳn là thế rồi, Làm gì có chuyện ai trong nhà này được. Thời buổi này, mấy tên đó rất ranh mãnh, bọn chúng leo trèo giỏi như mèo và vào ra tùy ý.”

“Ông Crabtree này, ông đã ở đâu khi bị kịch xảy ra?”

“Tôi đang bận với mấy con tem... trong phòng khách nhỏ của tôi trên gác.”

“Ông không nghe gì cả sao?”

“Không... nhưng mà tôi không bao giờ nghe thấy gì lúc đang chú tâm. Tôi ngốc nghếch quá nhưng sự thật là thế.”

“Phòng khách mà ông nhắc đến nằm phía trên căn phòng này à?”

“Không, nó nằm phía sau.”

Cánh cửa ra vào lại bật mở. Một người phụ nữ đẹp, nhỏ nhắn bước vào. Đôi tay bà đang co giật về căng thẳng. Trông bà có vẻ cẩu kính và bị kích động.

“William, sao anh không đợi em? Em bảo đợi mà.”

“Xin lỗi, em yêu, anh quên mất. Ngài Edward Palliser... đây là vợ tôi.”

“Rất hân hạnh được gặp bà, bà Crabtree. Tôi hy vọng bà sẽ không thấy phiền khi tôi hỏi vài điều. Tôi biết tất cả mọi người đều nóng lòng làm sáng tỏ sự việc.”

“Hiển nhiên rồi ạ. Nhưng tôi không thể nói với ngài điều gì cả... Đúng không nào, William? Tôi đang ngủ... trên giường mình... Tôi chỉ thức dậy khi Martha hét lên.”

Đôi tay bà tiếp tục co giật.

“Phòng của bà ở đâu, bà Crabtree?”

“Nó nằm ngay phía trên phòng này. Nhưng tôi chẳng nghe thấy gì cả... Làm sao tôi nghe được chứ? Tôi đang ngủ mà.”

Ông chẳng thể khai thác được gì từ bà ngoại trừ chừng đó. Bà chẳng biết gì... chẳng nghe thấy gì... bà đang ngủ. Bà lặp đi lặp lại với vẻ ngoan cố

của một người đàn bà đang sợ hãi. Tuy thế, ngài Edward biết rất rõ rằng có thể dễ là – có thể là – một sự thật trần trụi.

Cuối cùng ông xin kiêu từ – bảo rằng ông muốn hỏi bà Martha một số câu hỏi. William Crabtree tình nguyện đưa ông vào bếp. Ở hành lang, ngài Edward suýt đâm vào một chàng trai cao ráo da ngăm đen đang sai bước về phía cửa chính.

“Cậu Matthew Vaughan đây à?”

“Vâng... nhưng mà, tôi không chờ được. Tôi có một cuộc hẹn.”

“Matthew!” Đó là tiếng chị cậu ta gọi vọng xuống từ cầu thang. “Ôi! Matthew, em đã hứa...”

“Em biết, chị à. Nhưng em không thể. Em phải đi gặp một người. Và, dù sao, cứ nói đi nói lại cái chuyện khốn nạn đó liệu có ích gì. Chúng ta đã làm đủ thứ với cảnh sát rồi. Em chán lắm.”

Cửa chính đánh rầm. Anh Matthew Vaughan đã bỏ đi.

Ngài Edward được dẫn vào bếp. Bà Martha đang ủi đồ. Bà dừng lại, tay vẫn cầm bàn ủi. Ngài Edward đóng cửa lại.

“Cô Vaughan nhờ tôi giúp cô ấy,” ông bảo. “Tôi hy vọng bà sẽ không phản đối chuyện tôi hỏi bà vài câu.”

Bà nhìn ông, rồi lắc đầu.

“Không ai trong số họ làm đâu, thưa ngài. Tôi biết ngài đang nghĩ gì, nhưng chuyện không phải thế. Một nhóm phụ nữ và quý ông tử tế mà người ta ao ước được gặp đây ạ.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng sự tử tế của họ không phải là cái mà chúng ta gọi là bằng chứng, bà ạ.”

“Có lẽ là không, thưa ngài. Luật pháp buồn cười thật. Nhưng có chứng cứ – theo như cách ngài gọi đây, thưa ngài. Không ai trong số họ có thể làm

gì mà tôi không biết.”

“Nhưng chắc là...”

“Tôi biết mình đang nói gì thưa ngài. Đây, ngài nghe nhé...”

“Đây” là tiếng kêu cọt két trên đầu họ.

“Cái cầu thang đây, thưa ngài. Mỗi khi có người lên xuống cầu thang, nó kêu cọt két ghê lắm. Dù cho người ta đi nhẹ nhàng cỡ nào đi nữa. Bà Crabtree, bà ấy ngủ trên giường, còn ông Crabtree thì đang nghịch mấy con tem chết tiệt của ông ấy, cô Magdalen ở trên lầu đang may máy, và nếu có ai trong số ba người họ xuống cầu thang thì tôi đã biết rồi. Nhưng họ đâu có đi xuống!”

Bà nói vẻ chắc nịch khiến vị luật sư rất ấn tượng. Ông nghĩ. “Một nhân chứng tốt. Bà ấy quan trọng lắm đây.”

“Nhờ bà không để ý thì sao.”

“Có chứ ạ. Tôi để ý mà chẳng cần chú ý, có thể nói vậy. Như ngài để ý khi cửa đóng và ai đó đi ra.”

Ngài Edward đổi ý.

“Ba người thì giải thích được rồi, nhưng còn người thứ tư nữa. Anh Matthew Vaughan cũng ở trên lầu sao?”

“Không, cậu ấy ở trong một căn phòng nhỏ tầng dưới. Cạnh bên. Và cậu đang đánh máy chữ. Ngài có thể nghe rõ mồn một từ trong này. Tiếng đánh máy của cậu ấy không hề dừng một giây. Không một giây, thưa ngài, tôi có thể thề. Một thứ tiếng gõ gây bức mình khó chịu mà ồn ào nữa chứ.”

Ngài Edward ngừng một lát.

“Bà chính là người phát hiện ra bà ấy, đúng không?”

“Vâng, thưa ngài, đúng thế. Nằm ở đó tóc bê bết máu. Và chẳng ai nghe tiếng động gì chỉ tại tiếng gõ lách cách từ cái máy đánh chữ của cậu

Matthew.”

“Theo tôi hiểu thì bà khẳng định rằng không ai vào nhà cả đúng không?”

“Làm sao họ vào được mà tôi lại không biết chứ, thưa ngài? Chuông reo trong đây mà. Và kia là cửa chính duy nhất.”

Ông nhìn thẳng bà. “Bà rất gần bó với bà Crabtree đúng không?”

Một vẻ bừng sáng âm áp... chân thành... không lẫn vào đâu được... hiện lên trên gương mặt bà.

“Vâng, thật thế, đúng thế, thưa ngài. Nhưng về bà Crabtree... Ừ, tôi sống hòa hợp và bây giờ tôi không ngại phải kể ra. Hồi con gái tôi lỡ chữa hoang, thưa ngài, và bà Crabtree đã bênh vực tôi... đưa tôi về làm việc cho bà, bà đã làm thế, khi mọi chuyện đã xong xuôi. Ví thử chết thay bà... nói thật là tôi cũng sẽ làm.”

Ngài Edward nghe là biết bà nói chân thành. Martha là người ngay thật.

“Theo bà biết thì không ai đến cửa chính cả...?”

“Không có ai cả ạ.”

“Tôi nói *theo bà biết*. Nhưng nếu bà Crabtree đang đợi ai đó... nếu tự bà ấy mở cửa chính cho người đó...”

“Ồ!” Martha có vẻ bất ngờ.

“Tôi nghĩ có thể thế lắm chứ?” ngài Edward gặng.

“Có thể lắm... vâng... nhưng không chắc lắm. Ý tôi là...”

Rõ ràng là bà rất bất ngờ. Bà không thể chối bỏ dù rất muốn. Tại sao thế? Bởi vì bà biết sự thật nằm ở chỗ khác. Phải thế không nhỉ? Bốn người trong một nhà... một trong số họ là kẻ có tội? Có phải Martha muốn che giấu kẻ có tội đó không? Cầu thang đã kêu cọt két ư? Có ai đó đã lén lút đi xuống và bà Martha có biết người đó là ai không?

Bà ấy là người chân thật... Ngài Edward tin như thế.

Ông vừa khẳng khái với ý kiến của mình vừa quan sát bà.

“Tôi đoán không chừng là bà Crabtree đã làm vậy, nhỉ? Cửa của căn phòng đó hướng ra đường. Từ cửa sổ bà ấy hẳn đã nhìn thấy người mà bà đang đợi nên bước ra hành lang và mở cửa cho anh ta... hay cô ta... vào nhà. Thậm chí có thể bà ấy còn mong không có ai trông thấy người đó.”

Bà Martha có vẻ lo âu. Cuối cùng bà miễn cưỡng đáp.

“Vâng, có thể ngài nói đúng, thưa ngài. Tôi không hề nghĩ đến chuyện đó. Rằng bà ấy đang đợi một quý ông nào đấy... vâng, có thể thế lắm chứ.”

Như thể bà bắt đầu hiểu những điểm có lợi trong ý tưởng đó.

“Bà là người cuối cùng thấy bà ấy, đúng không?”

“Vâng, thưa ngài. Sau khi tôi dọn dẹp bữa trà. Tôi mang sổ sách biên nhận đến cho bà và cả tiền lẻ từ số tiền mà bà đưa cho tôi.”

“Bà ấy đã đưa tiền loại tờ 5 bảng Anh cho bà sao?”

“Tờ 5 bảng ư, thưa ngài,” Martha đáp giọng hoảng hốt. “Sổ sách chưa bao giờ lên đến 5 bảng đâu ạ. Tôi rất cẩn thận.”

“Bà ấy cất tiền ở đâu?”

“Tôi không biết chính xác lắm, thưa ngài. Tôi đoán bà mang nó theo mình... trong một chiếc túi nhung màu đen. Nhưng đương nhiên là có thể cất nó vào một trong các ngăn kéo khóa chặt ở phòng ngủ. Bà rất thích khóa đồ đạc dù bà hay làm mất chìa khóa.”

Ngài Edward gật đầu.

“Bà không biết bà ấy có bao nhiêu tiền... ý tôi là loại tờ 5 bảng ấy?”

“Không, thưa ngài, tôi không đoán được số tiền chính xác là bao nhiêu.”

“Và bà ấy không có nói gì khiến bà nghĩ rằng bà ấy đang đợi ai à?”

“Không, thưa ngài.”

“Bà chắc chứ? Thế chính xác bà ấy đã nói những gì?”

“Ồ,” Martha dẫn đo, “bà ấy bảo người bán thịt không khác gì một thằng xỏ lá và lừa đảo, và bảo tôi mua thêm một phần tư số trà mà tôi phải mua, rồi bà chê bà Crabtree là đồ vớ vẩn khi không thích ăn bơ thực vật, và bảo trong mấy đồng 6 xu mà tôi mang về cho bà thì có một đồng bà không thích – một đồng mới có hình lá sồi – bà bảo nó xấu quá, và tôi phải nhọc công lắm mới thuyết phục được bà. Rồi bà bảo... ôi, rằng người bán cá gửi đến cá tuyết chấm đen chứ không phải cá whiting§, và rằng tôi đã báo lại với ông ta chuyện đó chưa, và tôi đáp tôi đã báo rồi... và, thật ra, tôi nghĩ chỉ có chừng ấy thôi, thưa ngài.”

Đối với ngài Edwards, mấy lời của bà Martha đã khiến người phụ nữ quá cố hiện ra còn rõ hơn một bảng miêu tả chi tiết. Ông nói về tình cờ.

“Một bà chủ hơi khó chiều, nhỉ?”

“Hơi cầu kỳ, nhưng đây, bà cụ đáng thương, hiếm khi đi chơi mà chỉ ru rú trong nhà nên phải kiểm cái gì đấy đại loại là để tự tiêu khiển. Bà khó tính nhưng nhân từ – không bao giờ để một người ăn mày đến rồi về tay không. Cầu kỳ nhưng là một người phụ nữ rất độ lượng.”

“Bà Martha ạ, tôi mừng vì bà ấy có một người thương tiếc bà.”

Người hầu già nín thở để lấy hơi.

“Ý ông... ôi, nhưng tất cả họ đều yêu quý bà ấy... thật đấy... trong thâm tâm ấy. Tất cả họ ai cũng thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại với bà ấy, nhưng chẳng có chuyện gì lớn cả.”

Ngài Edward ngẩng đầu lên. Có tiếng cọt két phía trên.

“Là cô Magdalen đang đi xuống đấy.”

“Sao bà biết?” ông nhìn bà.

Bà già đỏ mặt. “Tôi biết tiếng bước chân của cô ấy,” bà thì thầm.

Ngài Edward vội vàng rời khỏi bếp. Martha nói đúng. Magdalen vừa bước xuống tới cuối cầu thang. Cô nhìn ông đầy hy vọng.

“Chưa đâu đến đâu cả,” ngài Edward bảo, đáp lại cái nhìn của cô, rồi nói thêm, “Cô có biết những thư từ nào bà cô đã nhận vào ngày bà qua đời không?”

“Chúng vẫn còn cả đấy. Đương nhiên, cảnh sát đã xem qua.”

Cô đưa ông sang phòng khách đôi lớn, và mở khóa một ngăn kéo và lấy ra cái túi nhung to màu đen có móc khóa bằng bạc cũ kỹ.

“Đây là túi của bà cô. Mọi thứ đều ở trong đó như ngày bà mất. Tôi vẫn giữ nguyên thế.”

Ngài Edward cảm ơn cô rồi bắt đầu xỏ những thứ trong túi xách ra bàn. Ông nghĩ đó là một loại túi xách dành cho một cụ bà lập dị.

Có vài đồng xu bạc lẻ, hai cái bánh quy gừng, ba mẫu báo về chiếc rương của Joanna Southcott, một bài thơ in vớ vẩn về những người thất nghiệp, một quyển *Old Moore's Almanack*, một miếng long não to, vài cặp kính đeo mắt, và ba phong thư. Một lá thư chữ viết nghều ngoào gửi từ người có tên là “Em họ Lucy”, một hóa đơn sửa đồng hồ, và giấy kêu gọi giúp đỡ của một hội từ thiện.

Ngài Edward kiểm tra mọi thứ rất cẩn thận, rồi bỏ đồ trở vào túi và đưa lại cho Magdalen kèm một tiếng thở dài.

“Cảm ơn, cô Magdalen. Tôi e là trong đó chẳng có gì nhiều.”

Ông đứng dậy, quan sát thấy rằng từ cửa sổ người ta có thể nhìn rõ các bậc thềm cửa trước, rồi ông nắm lấy bàn tay Magdalen.

“Ngài về ư?”

“Vâng.”

“Nhưng mọi chuyện... mọi chuyện sẽ ổn chứ ạ?”

“Không ai trong ngành luật dám khẳng định một cách cầu thả như thế,” ngài Edward nghiêm nghị đáp rồi ra về.

Ông đi bộ trên con đường và trầm tư suy nghĩ. Câu đố đã nằm trong tay... vậy mà ông vẫn chưa giải được. Cần thêm cái gì đấy... cái gì đấy nhỏ thôi. Vừa đủ để chỉ cho đúng hướng.

Một bàn tay đặt lên vai khiến ông giật mình. Đó là Matthew Vaughan, có vẻ đang thờ dốt.

“Tôi vừa mới chạy đuổi theo ngài, thưa ngài Edward. Tôi muốn xin lỗi. Về thái độ rất tệ của tôi nửa giờ trước. Nhưng tôi e là tâm trạng mình không được tốt. Ngài thật quá tốt bụng khi phải bận tâm chuyện này. Xin cứ hỏi tôi bất kỳ điều gì ngài muốn. Nếu có điều gì tôi có thể làm để giúp đỡ...”

Đột nhiên ngài Edward đơ ra. Cái liếc mắt của ông dán chặt – không phải vào Matthew – mà vào phía bên kia đường. Có vẻ hơi hoang mang, Matthew lặp lại.

“Nếu có điều gì tôi có thể làm để giúp...”

“Cậu mới giúp rồi đấy, chàng trai yêu quý ạ,” ngài Edward đáp. “Vì đã dừng tôi lại đúng vị trí này và kéo sự quan tâm của tôi vào một thứ, mà nếu không thì tôi đã bỏ sót.”

Ông chỉ vào một nhà hàng nhỏ bên kia đường.

“*Hai Tư Chú Sáo Đen?*” Matthew hỏi, giọng hoang mang.

“Chính xác.”

“Cái tên kỳ cục thật... nhưng thức ăn ở đó ngon lắm, tôi nghĩ thế.”

“Tôi sẽ không dám đánh liều ăn thử đâu,” ngài Edward bảo. “Tôi đã qua cái thời đi mẫu giáo trước cậu lâu lắm rồi, anh bạn ạ, có lẽ tôi lại nhớ những giai điệu mẫu giáo tốt hơn. Nếu tôi nhớ đúng thì có một bài đồng dao cô hát thế này:

*Hát bài đồng sáu xu
Lúa mạch đen đầy lu
Sáo đen hai tư chú
Nướng trong bánh ú nù.*

...và v.v... Phần còn lại không liên quan đến chúng ta.”

Ông quay ngoắt người.

“Ngài đi đâu thế ạ?” Matthew Vaughan hỏi.

“Quay lại nhà cậu, anh bạn ạ.”

Họ lặng lẽ đi bộ đến đó, Matthew Vaughan bối rối liếc nhìn người đi cùng. Ngài Edward vào nhà, sải bước tới ngăn kéo, lấy cái túi nhung đen và mở nó ra. Ông nhìn Matthew thế là chàng trai miễn cưỡng rời phòng.

Ngài Edward trút mấy đồng xu bạc lẻ lên bàn. Rồi ông gật đầu. Trí nhớ của ông đã không hề sai.

Ông đứng lên và nhấn chuông, và trong khi làm thế, ông chuôi cái gì đấy vào lòng bàn tay mình.

Martha xuất hiện.

“Martha, nếu tôi nhớ không nhầm thì bà nói với tôi là có cái cọ đôi chút với bà chủ quá cổ về một trong những đồng 6 xu mới.”

“Vâng, thưa ngài.”

“À! Nhưng Martha này, điều lạ lùng là trong số tiền lẻ này, không có đồng 6 xu mới nào cả. Có hai đồng 6 xu nhưng cả hai đều cũ rồi.”

Bà trở mắt nhìn ông về bối rối.

“Bà biết điều đó nghĩa là gì không? *Ai đấy đã đến nhà tôi đó... ai đấy đã được bà chủ của bà cho đồng 6 xu...* Tôi nghĩ bà cho anh ta để lấy cái này...”

Bằng một động tác nhanh nhẹn, ông vung tay đưa ra mấy vản thơ vụng về viết về chuyện thất nghiệp.

Chỉ thoáng nhìn qua khuôn mặt bà là đã đủ.

“Kết thúc trò chơi rồi, Martha... bà thấy đấy, tôi biết hết. Có lẽ bà nên nói cho tôi biết mọi chuyện.”

Bà ngồi thụp xuống ghế... nước mắt thì nhau chảy giàn giụa.

“Đúng thế... Đúng thế... cái chuông không hoạt động bình thường. Tôi cũng không chắc, và rồi tôi nghĩ tốt nhất nên đi xem xét. Tới đến cửa thì hấn ta vừa đánh gục bà ấy. Cuộn tiền tờ 5 đồng nằm trên bàn trước mặt bà... Chính cái cảnh tiền bạc đó đã khiến hấn làm thế... cái đó và suy nghĩ rằng bà chỉ có một mình ở nhà khi bà cho hấn vào. Tôi không la lên được. Tôi quá tê liệt và rồi hấn quay lại... và tôi thấy đó là thằng con trai tôi...”

“Ôi, nó luôn là thằng con hư đốn. Có bao nhiêu tiền tôi cho nó hết. Nó ở tù hai lần rồi. Hấn là nó đến tìm tôi, và rồi bà Crabtree thấy có vẻ như tôi không ra mở cửa thì tự mình đi mở, và nó ngạc nhiên nên lôi ra một trong mấy cái tờ rơi về thất nghiệp, và vì là người rộng lượng, bà chủ bảo hấn vào nhà và lấy ra một đồng 6 xu. Và suốt thời gian đó cọc tiền nằm trên bàn như nó vẫn nằm khi tôi đưa tiền thôi lại cho bà. Và rồi ma quỷ nhập vào thằng Ben của tôi và nó đi tới đằng sau bà và đánh gục bà.”

“Rồi sao nữa?” ngài Edward hỏi.

“Ôi, ngài ơi, tôi có thể làm gì được chứ? Máu mủ ruột rà của tôi mà. Cha nó là thằng tôi và Ben học đòi theo... nhưng nó là con trai tôi. Tôi xua nó đi và rồi tôi quay vào bếp và đi dọn bữa ăn tối vào thời gian như thường lệ. Ngài nghĩ rằng tôi rất ranh mãnh phải không, thưa ngài? Tôi cố gắng không nói dối ngài khi ngài chất vấn tôi.”

Ngài Edward đứng dậy.

“Người đàn bà tội nghiệp ơi,” ông nói giọng xúc động, “Tôi thấy rất tiếc cho bà. Dù vậy, luật pháp sẽ phải thực thi thôi, bà biết đấy.”

“Nó trốn ra nước ngoài rồi, thưa ngài. Tôi không biết nó đang ở đâu.”

“Vậy thì cậu ta có cơ hội thoát được giá treo cổ nhưng đừng y y vào đó. Bà đi mời cô Magdalen đến cho tôi gặp nhé.”

“Ôi, thưa ngài Edward. Ngài quả là tuyệt vời... quả là tuyệt vời,” Magdalen reo lên khi ông kể sơ qua câu chuyện. “Ngài đã cứu tất cả chúng tôi đây. Biết làm sao để cảm ơn ngài cho hết đây?”

Ngài Edward nhìn cô và mỉm cười rồi nhẹ nhàng vỗ vào cánh tay cô. Ông thật là một người đàn ông vĩ đại. Magdalen nhỏ nhắn hồi ở trên tàu *Siluric* rất quyến rũ. Vẻ nở rộ của tuổi 17... thật tuyệt vời! Đương nhiên, giờ cô mất hết nét đẹp đó rồi.

“Lần sau nếu cô có cần một người bạn...” ông bảo.

“Tôi sẽ đến tìm ngài ngay.”

“Đừng, đừng,” ngài Edward hoảng hốt la lên. “Đó là điều duy nhất tôi không muốn cô làm. Cô tìm một người đàn ông trẻ hơn ấy.”

Ông khéo léo giải thoát mình ra khỏi cái gia đình đang cảm thấy biết ơn ông rồi gọi một chiếc taxi, ngồi vào xe và thở phào nhẹ nhõm.

Ngay cả vẻ quyến rũ của tuổi 17 ngày thơ xem ra còn chưa nhằm nhò gì nữa là.

Nó làm sao có thể sánh với một cái thư viện đồ sộ về tội phạm học được.

Taxi rẽ vào Queen Anne's Close.

Cul-de-sac của ông.

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA CHÀNG EASTWOOD

Cuộc phiêu lưu của chàng Eastwood được đăng lần đầu với tựa đề Bí ẩn quả dưa leo thứ hai trên The Novel Magazine vào tháng 8 năm 1924. Sau đó, truyện còn xuất hiện với tựa Bí ẩn chiếc khăn choàng Tây Ban Nha.

Chàng Eastwood ngược lên trần nhà. Rồi lại nhìn xuống sàn. Từ sàn nhà anh chậm rãi đưa mắt nhìn lên bức tường bên phải. Sau đó, đột nhiên bằng một nỗ lực nghiêm túc, anh tập trung nhìn chăm chăm vào cái máy đánh chữ trước mặt mình lần nữa.

Tờ giấy trắng tinh bị cái tựa đề viết in hoa làm xấu đi. “BÍ ẨN QUẢ DƯA LEO THỨ HAI” là cái tựa đó. Một cái tựa nghe cũng êm tai. Anthony Eastwood cảm thấy như ai đọc cũng sẽ bị cái tựa đó làm cho tò mò và cuốn hút. “Bí ẩn quả dưa leo thứ hai,” họ sẽ thốt lên. _“Có thể_ là chuyện gì nhỉ? Một *quả dưa leo*? *Quả dưa leo* thứ hai? Chắc chắn mình phải đọc truyện đó mới được.” Và họ sẽ hồi hộp và bị mê hoặc bởi sự thư giãn tốt bậc mà nhờ đó bậc thầy về thể loại tiểu thuyết trinh thám này đã dệt nên một cốt truyện thú vị xoay quanh thứ rau củ bình dị đó.

Thế là tạm ổn. Anthony Eastwood thừa biết câu chuyện sẽ phải như thế nào – điều phiền toái là dù có làm gì anh cũng không tài nào viết tiếp được. Hai thứ cốt lõi trong một câu chuyện là tựa đề và cốt truyện – phần còn lại là cày cuốc vất vả, đôi khi thế nào đấy mà tựa đề tự dẫn vào cốt truyện, và rồi tất cả trở nên thuận buồm xuôi gió – nhưng trong trường hợp này cái tựa

đề tiếp tục trang trí cho phần đầu của tờ giấy chứ chẳng thấy một chút cốt truyện nào sắp được viết ra cả.

Anthony Eastwood lại nhìn trần nhà, sàn nhà, và giấy dán tường để tìm cảm hứng nhưng chẳng nghĩ ra cái gì cả.

“Mình sẽ gọi nhân vật nữ chính là Sonia,” Anthony nói để thúc giục chính mình. “Sonia hay có thể là Dolores – nàng sẽ có làn da màu ngà nhợt nhạt – không phải kiểu như của người ốm yếu, còn mắt sẽ như những hồ nước sâu thăm thẳm. Nhân vật nam chính sẽ được đặt tên là George, hoặc có thể là John – một cái tên nào đó ngắn và đậm chất Anh. Tiếp theo là người làm vườn – mình nghĩ sẽ phải có một người làm vườn, bằng cách nào đó phải kéo cho được quả dưa leo đáng ghét kia ra – người làm vườn có thể là người Scotland và bi quan về sương sớm rất buồn cười.”

Đôi khi phương pháp này hiệu quả, nhưng sáng nay có vẻ là không. Dù Anthony đã thấy được Sonia và George và ông làm vườn khô hài khá rõ ràng, họ chẳng tỏ ra muốn làm gì cả.

“Dĩ nhiên mình có thể thay bằng một quả chuối,” Anthony suy nghĩ tuyệt vọng. “Hay là một cây xà lách hay cải Brussels – cải Brussels, bây giờ, như thế thì sao? Thật thế, một mật thư dành cho *Brussels* – những trái phiếu vô danh bị đánh cắp – nam tước nham hiểm người Bỉ.”

Một tia sáng dường như lóe lên phút chốc rồi lại tắt lịm. Vị nam tước người Bỉ cũng chưa nên hình nên vóc, và đột nhiên Anthony nhớ ra rằng sương sớm và dưa leo không hợp nhau, xem ra đập tắt những bình luận gây cười của ông làm vườn người Scotland rồi.

“Ôi! Khốn kiếp thật!” chàng Eastwood thốt lên.

Anh đứng dậy và chộp lấy tờ *Daily Mail*. Biết đâu chừng ai đó đã giết người theo cách có thể tạo cảm hứng cho một nhà văn đang ướm đắm mò

hôi. Nhưng sáng nay chủ yếu toàn là tin chính trị và nước ngoài. Chàng Eastwood quăng tờ báo xuống về kinh tởm.

Tiếp theo, anh chộp lấy một cuốn tiểu thuyết trên bàn, nhắm mắt lại và quệt ngón tay vào một trang giấy. Thế là Định mệnh chọn ra cái từ “con cừu”. Ngay lập tức, thông minh đến kinh ngạc, toàn bộ câu chuyện tự mở ra trong đầu chàng Eastwood. Một cô gái dễ thương... người yêu chết trận, tâm trí cô rối bời, chẵn cừu trên những vùng đồi Scotland... cuộc gặp gỡ thần bí với người yêu đã khuất, hiệu ứng cuối cùng của cừu và ánh trăng như điện ảnh hàn lâm với cảnh cô gái nằm chết trên tuyết, và *hai dấu chân*...

Câu chuyện thật đẹp. Anthony rút mình ra khỏi những ý tưởng đó bằng một tiếng thở dài và cái lắc đầu buồn bã. Anh biết quá rõ lão biên tập ấy không thích thể loại truyện thể này... dù có hay ho cỡ nào đi nữa. Loại truyện mà lão muốn và đòi có (và có khả năng sẽ trả hậu hĩnh để có được), là về những người phụ nữ da đen bí ẩn, bị đâm trúng tim, một vị anh hùng trẻ tuổi bị nghi oan, và chuyên đột ngột làm sáng tỏ bí ẩn đó và buộc tội người ít có khả năng gây án nhất, bằng những manh mối hoàn toàn không thỏa đáng... đó là “BÍ ẨN QUẢ DƯA LEO THỨ HAI.”

“Mặc dù,” Anthony suy nghĩ, “chắc chắn, lão sẽ đổi tựa và gọi nó bằng một cái tên gì đấy thật khó chịu như là ‘*Án mạng bản thủ nhất*’ mà thậm chí còn không thêm hỏi ý kiến mình! Ôi, cái điện thoại khôn kiếp kia.”

Anh giận dữ bước đến bên cái điện thoại, và nhắc ống nghe. Trong vòng một giờ đồng hồ mà anh phải nghe điện thoại hai lần – một lần là gọi nhầm số, và lần nữa là bị dụ dỗ đến bữa ăn tối của một mục đàn bà ông ẹo giới thượng lưu mà anh ghét cay ghét đắng nhưng mục quá ngoan cố đến độ anh không tài nào đánh bại được.

“Alo!” anh làu bàu vào ống nghe.

Giọng một phụ nữ trả lời anh, một giọng nói nhẹ nhàng âu yếm có kiểu phát âm lơ lớ tiếng nước ngoài.

“Anh đây à, anh yêu?” giọng nói cất lên nhẹ nhàng.

“À... Ờ... tôi không biết,” chàng Eastwood thận trọng đáp. “Ai đầu dây thế ạ?”

“Em đây. Carmen. Nghe này, anh yêu. Em đang bị theo dõi – đang gặp nguy hiểm – anh phải đến đây ngay lập tức. Giờ là chuyện sống còn rồi.”

“Xin lỗi cô,” chàng Eastwood lịch sự đáp. “Tôi e là cô gọi nhầm số...”

Cô ta cắt ngang trước khi anh kịp nói hết câu.

“*Madre de Dios!*” § Họ đang đến rồi. Nếu họ truy ra em làm gì, họ sẽ giết em mất. Đừng làm em thất vọng nhé. Đến ngay đi. Nếu anh không đến thì em chết mất. Anh biết đấy, 320 Phố Kirt. Mật khẩu là quả dưa leo... Suyt...”

Anh nghe một tiếng *tách* rất khê khi cô cúp máy ở đầu dây bên kia.

“Ồi, chết tôi rồi,” chàng Eastwood thốt lên, vô cùng kinh ngạc.

Anh bước đến chỗ hộp thuốc lá, nhồi tẩu thuốc thật cẩn thận.

“Mình đoán,” anh trầm ngâm, “đó hẳn là ảnh hưởng lạ lùng do tiềm thức của mình thôi. Cô ta không thể *nói* từ ‘quả dưa leo’ được. Toàn bộ câu chuyện rất khác thường. Cô ta đã nói từ ‘quả dưa leo’ ư?” anh bước tới bước lui, về lưỡng lự.

“320 Phố Kirt. Không biết là chuyện gì đây? Có thể cô ta đợi một người đàn ông khác đến. Giá mà mình có thể giải thích được. 320 Phố Kirt. Mật khẩu là quả dưa leo... ôi, không thể nào, vô lý quá... chúng ảo tưởng của bộ não bạn rộn đây mà.”

Anh hần học liếc nhìn cái máy đánh chữ.

“Mày được tích sự gì chứ, tao muốn biết? Tao nhìn mày cả buổi sáng mà có làm được tích sự gì đâu. Một nhà văn nên lấy cốt truyện từ trong cuộc sống... từ trong cuộc sống, mày có nghe không? Giờ tao sẽ đi ra ngoài kiếm một cái đây.”

Anh đội mũ lên đầu, đăm đăm nhìn bộ sưu tập đồ trắng men vô giá của mình rồi rời căn hộ.

Hầu hết người London đều biết Phố Kirt là con phố lớn dài và lộn xộn, chủ yếu là dành cho các cửa hàng bán đồ cổ, ở đó có tất cả các loại đồ giả được chào bán với giá cao quá mức. Ở đó còn có cửa hàng bán đồ đồng cũ, cửa hàng đồ thủy tinh, cửa hàng bán đồ cũ mục nát và những người bán quần áo cũ.

Số nhà 320 chỉ bày bán đồ thủy tinh cũ. Đủ loại đồ thủy tinh tràn ngập trong cửa hàng. Anthony phải rón rén trên lối đi giữa hai dãy ly uống rượu còn đèn trang trí và đèn chùm đang đung đưa và lấp lánh trên đầu. Một bà rất già đang ngồi ở cuối cửa hàng. Bà có râu mép lún phún sẽ khiến cậu sinh viên nào đấy phải ghen tị, và thái độ hung hăng.

Bà nhìn Anthony rồi bảo, “Hử?” bằng cái giọng không lấy gì làm thân thiện.

Anthony là một chàng trai trẻ nên có phần dễ bị luống cuống. Anh lập tức hỏi giá mấy cái ly uống rượu vang.

“45 shilling sáu cái.”

“Ồ, vậy à,” Anthony đáp. “Khá đẹp, đúng không ạ? Mấy cái này thì bao nhiêu ạ?”

“Chúng đẹp thật, loại Waterford cũ đấy. Tôi sẽ để cho cậu 18 đồng guinea một cặp.”

Chàng Eastwood có cảm giác mình đã tự chuốc phiền vào thân. Bị đôi mắt của bà già dữ dằn này thôi miên, anh sẽ mua một thứ gì đó ngay thôi.

Nhưng anh không tài nào rời khỏi cái cửa hàng đó được.

“Thế cái kia thì sao?” anh hỏi, và chỉ vào một cây đèn chùm.

“35 đồng guinea.”

“Á!” chàng Eastwood đáp vẻ tiếc rẻ. “Hơi đắt, tôi không đủ tiền mua.”

“Thế cậu muốn cái gì?” bà già hỏi lại. “Cái gì đó làm quà cưới hả?”

“Đúng thế ạ,” Anthony đáp, tóm ngay lời giải thích. “Nhưng khó phù hợp lắm.”

“À, ờ,” bà già đáp, cao giọng tỏ vẻ quyết tâm. “Một món đồ thủy tinh đẹp sao lại không thể hợp với ai được chứ. Tôi có một vài bình lọc rượu cũ ở đây... và có một bộ ly rượu mùi nhỏ xinh xắn, đúng là thứ dành cho cô dâu...”

Anthony chịu khổ cả mười phút tiếp theo. Bà già đã tóm chặt anh trong lòng bàn tay. Cơ man là phong cách nghệ thuật của nghệ nhân thủy tinh được bày ra trước mắt anh. Anh trở nên bất lực.

“Đẹp thật, đẹp thật,” anh khen chiếu lệ, khi đặt một cái cốc thủy tinh lớn mà anh buộc phải chú ý xuống. Rồi anh buột miệng nói nhanh, “Này bà ơi, ở đây có điện thoại không ạ?”

“Không, chúng tôi không có. Có buồng điện thoại ở bưu điện ngay đối diện đây. Giờ, thì thế nào, cái cốc có đế... hay mấy cái ly rummer§ cũ xinh đẹp này?”

Không phải là phụ nữ nên Anthony không mấy kinh nghiệm trong nghệ thuật nhẹ nhàng rời khỏi cửa hàng mà không phải mua gì.

“Tốt hơn là tôi chọn bộ ly rượu mùi,” anh rầu rĩ đáp.

Có vẻ là món nhỏ nhất. Anh thấy phát sợ nếu bị ấn cho cái đèn chùm đó.

Anh đành ngậm đắng nuốt cay trả tiền cho món hàng của mình. Và rồi, khi bà già đang gói món đồ, đột nhiên anh lấy lại can đảm. Dù sao bà ấy sẽ

chỉ nghĩ anh lập dị và dù bà ta nghĩ gì thì có sao đâu chứ?

“Dưa leo,” anh nói thật rõ ràng và quả quyết.

Bà già đột ngột dừng việc gói đồ lại.

“Hở? Cậu nói gì cơ?”

“Không có gì,” Anthony nói dối vẻ ngang ngạnh.

“Ồ! Thế mà tôi nghĩ cậu nói dưa leo.”

“Tôi nói đấy,” Anthony đáp vẻ thách thức.

“Ồi,” bà già đáp. “Sao không nói sớm? Mất thì giờ của tôi. Đi qua cánh cửa kia rồi lên tầng trên. Cô ta đang chờ cậu đấy.”

Như trong một giấc mơ, Anthony bước qua cánh cửa được chỉ, và trèo lên mấy bậc cấp cực kỳ bẩn thỉu. Ở bậc trên cùng, một cánh cửa hé mở bày ra một căn phòng khách nhỏ.

Ngồi trên ghế là một cô gái, đôi mắt cô dán chặt vào cánh cửa và gương mặt biểu lộ vẻ háo hức mong chờ.

Cái cô gái này thiệt là! Cô thật sự có làn da màu ngà nhợt nhạt mà Anthony thường miêu tả. Còn đôi mắt! Đôi mắt đó! Cô không phải là người Anh, chỉ liếc nhìn thôi cũng có thể nhận ra. Cô có cái vẻ lạ kỳ kiểu người nước ngoài mà thậm chí còn được thể hiện qua chiếc đầm giản dị nhưng đắt đỏ cô đang mặc.

Anthony dừng lại ở ngưỡng cửa, có đôi chút bối rối. Thời khắc phải giải thích dường như đã đến. Nhưng cô gái reo lên sung sướng, đứng dậy và sà vào lòng anh.

“Anh đến rồi,” cô gái reo lên. “Anh đến rồi. Ôi, lạy các thánh thần và Đức Mẹ Maria.”

Không bỏ qua cơ hội, Anthony nhiệt tình ôm lại cô. Cuối cùng cô buông anh ra và nhìn lên khuôn mặt anh với vẻ e lệ đầy quyến rũ.

“Em chẳng thể nào nhận ra anh,” cô bảo. “Thật đấy, không nhận ra anh được.”

“Không ư?” Anthony yếu ớt đáp.

“Không, ngay cả đôi mắt anh dường như khác hẳn – và anh đẹp trai hơn em nghĩ đến mười lần ấy.”

“Thế ư?”

Còn với chính mình, Anthony tự nhủ, “Bình tĩnh nào, chàng trai, bình tĩnh nào. Tình hình đang tiến triển rất tốt, nhưng đừng mất bình tĩnh.”

“Em hôn anh lần nữa, nhé?”

“Đương nhiên là được chứ,” Anthony nồng nhiệt đáp. “Em muốn bao nhiêu lần cũng được.”

Thời gian tạm ngừng cho nụ hôn thật dễ chịu.

“Mình tự hỏi mình là ác quỷ nào thế nhỉ?” Anthony nghĩ. “Lạy trời cái gã thật đó sẽ không xuất hiện. Cô nàng mới đáng yêu làm sao.”

Đột nhiên cô gái buông anh ra, và một sự kinh sợ thoáng hiện lên khuôn mặt cô.

“Anh đi đến đây không bị ai theo dõi chứ?”

“Chúa ơi, làm gì có.”

“À, nhưng họ rất xảo quyệt. Anh không rành họ bằng em đâu. Boris, hẳn là gã tàn ác.”

“Anh sẽ sớm giải quyết Boris cho em.”

“Anh thật gan dạ – vâng, gan dạ. Còn bọn chúng, bọn chúng là *canaille*§ – tất cả bọn chúng. Nghe này anh, *em biết rồi!* Nếu chúng biết chúng sẽ giết em mất. Em sợ lắm... Em không biết phải làm gì và rồi em nhớ tới anh... Suyt, gì thế nhỉ?”

Có tiếng động ở cửa hàng bên dưới. Ra dấu cho anh đứng yên tại chỗ, cô nhón chân bước ra cầu thang. Cô quay lại với khuôn mặt trắng bệch và đôi mắt mở trừng trừng.

—“Madre de Dios! _ Cảnh sát đấy. Họ đang lên đây. Anh có dao không? Một khẩu súng lục? Có cái nào?”

“Cô gái yêu dấu ơi, em không định bảo tôi giết cảnh sát thật đấy chứ?”

“Ôi, nhưng anh điên rồi... điên rồi! Họ sẽ đưa anh đi và treo cổ anh cho đến chết.”

“Họ sẽ gì cơ?” chàng Eastwood hỏi, với một cảm giác rất khó chịu chạy lên chạy xuống dọc sống lưng.

Có tiếng bước chân trên cầu thang.

“Họ đến rồi đấy,” cô gái thì thầm. “Phủ nhận hết mọi thứ nhé. Đó là hy vọng duy nhất.”

“Chuyện đó dễ ẹc,” chàng Eastwood thú thật, *sotto voce*.§

Một lát sau hai người đàn ông đã vào tới phòng. Họ mặc thường phục nhưng có huy hiệu chính thức chứng tỏ đã được đào tạo lâu năm. Người thấp bé hơn trong hai người, da hơi ngăm đen và có đôi mắt xám kín đáo, là người phát ngôn.

“Tôi được lệnh bắt anh, Conrad Fleckman,” anh ta bảo, “vì tội sát hại Anna Rosenburg. Bất kỳ lời khai nào của anh sẽ được dùng làm bằng chứng chống lại anh. Đây là lệnh bắt và anh sẽ ổn nếu yên lặng làm theo.”

Tiếng thét nửa như bị bóp nghẹt thốt ra từ miệng cô gái. Anthony bước tới trước với một nụ cười điềm tĩnh.

“Anh nhầm rồi, thưa anh cảnh sát,” anh vui vẻ đáp. “Tôi tên là Anthony Eastwood.”

Hai viên thám tử hoàn toàn chẳng bị tác động gì bởi lời tuyên bố của anh.

“Chúng tôi sẽ xem xét việc đó sau,” một trong hai người bảo, người mà nãy giờ chưa lên tiếng. “Trong lúc này thì anh cứ đi theo chúng tôi đã.”

“Conrad,” cô gái than khóc. “Conrad, đừng để họ đưa anh đi.”

Anthony nhìn hai viên thám tử.

“Tôi tin các anh sẽ cho phép tôi chào tạm biệt cô gái này chứ?”

Còn lịch sự hơn anh nghĩ, hai người đàn ông tiến về phía cửa. Anthony kéo cô gái vào một góc cạnh cửa sổ, và thì thầm nói với cô thật nhanh.

“Nghe anh nói này. Những gì anh nói là sự thật. Anh không phải là Conrad Fleckman. Sáng nay khi em gọi điện, ắt hẳn họ đã nói nhầm số cho em. Anh tên là Anthony Eastwood. Anh đến theo lời thỉnh cầu của em bởi vì... Ồ, anh cứ đến thôi.”

Cô nhìn anh chăm chăm ngờ vực.

“Anh không phải là Conrad Fleckman sao?”

“Không.”

“Ồi!” Cô la lên, bằng một giọng điệu vô cùng đau khổ. “Thế mà em đã hôn anh!”

“Không sao đâu,” chàng Eastwood trấn an cô. “Những người Kitô giáo sơ khai cũng làm điều tương tự thế. Hoàn toàn hợp lý. Giờ em nghe đây, anh sẽ đi theo những người này. Anh sẽ sớm chứng minh được nhân thân của mình. Trong lúc đó, họ sẽ không quấy rầy em nữa nên em có thể cảnh báo cho Conrad yêu quý của em. Sau đó...”

“Vâng?”

“Ồ... thế thôi. Số điện thoại của anh là Tây-Bắc 1743 – và lưu ý để họ không nói nhầm số cho em nữa.”

Cô liếc nhìn anh thật quyến rũ, vừa khóc vừa cười.

“Em sẽ không quên đâu... thật đấy, em sẽ không quên.”

“Vậy thì tốt rồi. Tạm biệt em. À này...”

“Vâng?”

“Nói tới những người Kitô giáo sơ khai... thêm một lần nữa cũng không sao, đúng không?”

Cô đưa hai cánh tay choàng quanh cổ anh. Môi cô chỉ chạm vào môi anh.

“Em thích anh... vâng, em thích anh thật mà. Anh sẽ nhớ như thế dù có chuyện gì xảy ra đúng không?”

Anthony miễn cưỡng buông ra và đi về phía hai người bắt giữ.

“Tôi sẵn sàng đi cùng các anh rồi. Tôi nghĩ các anh sẽ không giam giữ cô gái này đúng không?”

“Không, thưa anh, sẽ không sao đâu,” người đàn ông nhỏ thó lịch sự đáp.

“Mấy anh chàng của Scotland Yard này đúng là những gã tử tế,” Anthony thầm nghĩ khi theo họ xuống lối cầu thang hẹp.

Không thấy bóng dáng bà già trong cửa hàng nhưng Anthony nghe tiếng thở nặng nề từ cánh cửa phía sau nên đoán bà ta đang đứng sau đó, thận trọng quan sát sự việc.

Khi đã ra tới Phố Kirk bản thủ, Anthony hít một hơi thật sâu, và gọi người đàn ông thấp bé hơn trong hai người.

“Giờ thì, thưa thanh tra... tôi đoán anh là thanh tra?”

“Vâng, thưa anh. Thanh tra—thám tử Verrall. Đây là trung sĩ—thám tử Carter.”

“Ồ, thưa thanh tra Verrall, đã đến lúc phải nói chuyện phải trái rồi – và cả lắng nghe nữa. Tôi không phải là Conrad Họ-gì-ấy-nhỉ đâu. Tôi tên là Anthony Eastwood, như tôi nói với các anh, và tôi làm nghề viết văn. Nếu các anh đi theo tôi về nhà, tôi tin sẽ thuyết phục được các anh về nhân thân của tôi.”

Cái vẻ hiển nhiên trong cách Anthony nói dường như tác động đến các thám tử. Lần đầu tiên khuôn mặt Verrall thoáng một nét nghi ngờ.

Rõ ràng Carter thì khó thuyết phục hơn.

“Tôi đồng ý,” anh ta cười nhếch mép. “Nhưng anh nhớ cho cô gái ấy gọi anh là ‘Conrad’ cơ mà.”

“À! Đó là chuyện khác. Tôi không ngại khi phải thú thực với hai anh rằng vì... Ồ... một vài lý do riêng, tôi mạo nhận với cô gái đó tôi là Conrad. Chuyện riêng, các anh ạ.”

“Chuyện cứ như thật, nhỉ?” Carter nhận xét. “Không đâu, thưa anh, anh cứ đi theo chúng tôi. Vẫy chiếc taxi đó lại đi, Joe.”

Một chiếc taxi chạy qua bị dừng lại, và ba người đàn ông lên xe. Anthony cố gắng lần chót, anh nhắm vào Verrall vì dễ thuyết phục nhất trong hai người.

“Nghe này anh bạn thanh tra thân mến, có hại gì đâu nếu hai anh đi theo về căn hộ của tôi và xem liệu tôi nói có đúng không? Anh có thể giữ taxi nếu muốn – lời đề nghị rộng rãi thế còn gì! Đằng nào cũng không mất quá năm phút đâu.”

Verrall nhìn xoáy vào anh.

“Tôi đồng ý,” đột nhiên anh ta bảo. “Có vẻ hơi lạ lùng nhưng tôi tin anh nói thật. Chúng tôi không muốn tự biến mình thành trò cười tại đồn vì bắt nhầm người. Địa chỉ ở đâu?”

“48 Brandenburg Mansions.”

Verrall nghiêng người ra§ và đọc lớn địa chỉ nhà cho tài xế taxi.

Cả ba ngồi lặng yên cho tới khi đến nơi rồi Carter nhảy ra còn Verrall ra hiệu cho Anthony đi theo anh ta.

“Không cần phải tỏ ra khó chịu với nhau,” anh ta giải thích khi Anthony cũng xuống xe. “Chúng ta sẽ đi vào thân thiện như thể anh Eastwood đưa một vài người bạn về nhà.”

Anthony cảm thấy vô cùng biết ơn lời đề nghị đó và suy nghĩ của anh về Cục Điều tra Hình sự mỗi lúc một tốt hơn.

Họ may mắn gặp Rogers, người gác cổng, ở hành lang. Anthony dừng lại.

“A! Chào Rogers,” anh bất giác chào.

“Chào ông Eastwood,” người gác cổng kính cẩn chào lại.

Người gác cổng tòa nhà thân với Anthony, một tấm gương về sự hào phóng nhưng không mấy khi được lắng nghe theo.

Anthony dừng chân ở bậc cấp đầu tiên của cầu thang. “Mà này, Rogers,” anh bất giác nói. “Tôi sống ở đây bao lâu rồi nhỉ? Tôi mới nói sơ về chuyện đó với mấy người bạn của tôi đây.”

“Để tôi tính xem, thưa ông, cho đến giờ hẳn phải gần bốn năm rồi.”

“Tôi cũng nghĩ chừng đó.”

Anthony ném một ánh nhìn đắc thắng về phía hai thám tử. Carter làu bàu còn Verrall thì cười toe toét.

“Tốt quá, nhưng vẫn chưa đủ, thưa anh,” anh ta nhận xét. “Chúng ta đi lên nhé?”

Anthony mở cửa căn hộ bằng chìa khóa rập ngoài. Anh thấy biết ơn khi nhớ ra rằng Seamark, anh chàng giúp việc của mình, không có ở nhà. Càng có ít người chứng kiến thảm họa này càng tốt.

Cải máy đánh chữ vẫn nguyên như thế từ lúc anh đi. Carter sai bước đến bàn và đọc cái tựa đề trên tờ giấy. “BÍ ÁN QUẢ DƯA LEO THỨ HAI.” Anh ta đọc bằng giọng điệu chán nản.

“Truyện của tôi ấy mà,” Anthony bình thản giải thích.

“Lại thêm một điểm khả quan nữa, thưa anh,” Verrall bảo, gật đầu và mắt sáng long lanh. “Nhân tiện, thưa anh, nó kể về chuyện gì thế? Bí án quả dưa leo thứ hai là gì?”

“À, tôi chưa biết,” Anthony đáp, “Quả dưa leo thứ hai đó là nguồn cơn của tất cả rắc rối này.”

Carter chăm chú nhìn Anthony. Đột nhiên anh ta lắc đầu và gõ lên trán vẻ nghiêm trọng.

“Đúng là anh chàng kỳ dị tội nghiệp,” anh ta lẩm bẩm một câu nhận xét nghe rất rõ.

“Giờ, thưa các anh,” chàng Eastwood nhanh nhẹn bảo. “Quay trở lại công việc. Đây là những lá thư gửi tới cho tôi, sổ ngân hàng, những thư từ liên lạc với các biên tập. Các anh cần thêm gì nữa không?”

Verrall xem xét các giấy tờ Anthony đẩy về phía mình. “Theo ý riêng của tôi, thưa anh,” anh ta kính cẩn nói, “tôi không muốn thêm gì nữa. Tôi hoàn toàn tin rồi. Nhưng tự mình thả anh thì tôi không gánh nổi trách nhiệm. Anh thấy đấy, dù có vẻ chắc chắn rằng anh sống ở đây với tư cách là ông Eastwood trong những năm qua, nhưng cũng có khả năng Conrad Freckman và Anthony Eastwood là cùng một người. Tôi phải khám xét kỹ căn hộ này, lấy dấu vân tay của anh và gọi điện thoại về sở chỉ huy.”

“Có vẻ như đó là một kế hoạch toàn diện nhỉ,” Anthony nhận xét, “Tôi cam đoan nếu các anh tìm được những bí mật gây án của tôi thì cứ thoải mái lấy.”

Viên thanh tra nhe răng cười. Là một thám tử thì anh này kỳ quặc thật.

“Anh có thể đi vào phòng nhỏ ở cuối kia cùng Carter khi tôi đang bận được không, thưa anh?”

“Được chứ,” Anthony miễn cưỡng đáp. “Tôi cho là không thể làm ngược lại được đâu, đúng không ạ?”

“Nghĩa là sao?”

“Là anh và tôi làm một vài ly whisky và soda trong khi ông bạn của chúng ta, anh trung úy, khám xét kỹ càng.”

“Nếu anh thích thế hơn, thưa anh?”

“Tôi thích thế hơn.”

Họ để Carter điều tra những thứ trên bàn với vẻ khéo léo và chuyên nghiệp. Khi họ rời khỏi phòng, họ nghe anh ta lấy điện thoại xuống và gọi cho Scotland Yard.

“Không đến nỗi quá tệ,” Anthony bảo, ngồi xuống với một ly whisky và soda bên cạnh và chăm sóc những mong muốn của thanh tra Verrall với vẻ hiếu khách. “Tôi sẽ uống trước, chỉ để chứng minh cho anh thấy whisky không có độc nhé?”

Viên thanh tra mỉm cười.

“Rất là bất thường, tất cả chuyện này,” anh ta nhận xét. “Nhưng theo nghiệp vụ thì chúng tôi biết vài điều rồi. Ngay từ đầu tôi nhận ra chúng tôi đã sai. Nhưng dĩ nhiên người ta phải trông coi tất cả những thủ tục thông thường. Đâu thể tránh khỏi các thủ tục hành chính, đúng không, thưa anh?”

“Đúng thế,” Anthony đáp vẻ nuôi tiếc. “Anh trung úy có vẻ chưa thân thiện mấy, nhỉ?”

“À, anh ấy đang hoảng lắm, anh trung úy–thám tử ấy. Thuyết phục được anh ta không dễ đâu.”

“Tôi đề ý thấy thế,” Anthony đáp.

“Nhân tiện đây, thưa thanh tra,” Anthony nói thêm, “anh không phản đối khi tôi muốn nghe về chính mình chứ?”

“Là sao, thưa anh?”

“Thôi mà, anh không nhận ra tôi đang rất đổi tò mò sao? Anna Rosenberg là ai thế và tại sao tôi giết cô ta?”

“Anh sẽ đọc được tất cả thông tin về vụ đó trên các báo sáng mai, thưa anh.”

“Ngày mai tôi sẽ là Minh với một vạn năm của Ngày hôm qua rồi,” Anthony trích dẫn. “Tôi thật sự nghĩ anh có thể thỏa mãn cơn hiếu kỳ hoàn toàn hợp pháp của tôi, thưa thanh tra. Gạt bỏ hết sự dè dặt trịnh trọng của anh và kể hết cho tôi đi ạ.”

“Rất không hợp lệ, thưa anh.”

“Anh thanh tra yêu quý ơi, khi chúng ta nhanh chóng trở thành đôi bạn thân thiết ư?”

“Ồ, thưa anh, Anna Rosenberg là một người Do Thái gốc Đức sống ở Hampstead. Chẳng hề có phương tiện sinh kế gì rõ ràng thế mà cô ta giàu lên mỗi năm.”

“Tôi thì ngược lại,” Anthony bình luận. “Tôi có phương tiện sinh kế rõ ràng thế mà mỗi năm tôi mỗi nghèo đi. Có lẽ tôi sẽ làm tốt hơn nếu sống ở Hampstead. Tôi hay nghe nói rằng Hampstead rất năng động.”

“Trước đây,” Verrall nói tiếp, “cô ta là dân buôn áo quần hàng thùng...”

“Hèn gì,” Anthony cắt ngang. “Tôi nhớ mình bán bộ đồng phục của mình sau chiến tranh – không phải đồ kaki, thứ khác. Cả căn hộ tràn ngập quần màu đỏ và ren bằng vàng, trải ra để khoe góc đẹp nhất của chúng. Một người đàn ông mập mặc bộ vest kẻ ô đến bằng xe Rolls Royce cùng một anh thợ đựng xách theo cái túi. Ông ta trả một bảng Anh 10 shilling cho đồng đồ đó. Cuối cùng, tôi ném vào một cái áo choàng đi săn và cặp kính

Zeiss để thành hai bảng Anh, tên thợ đựng được ra hiệu mở túi và nhét đồng đồ vào, rồi lão mập đưa tôi tờ 10 bảng Anh và đòi tôi thối lại tiền thừa.”

“Mười năm trước,” viên thanh tra kể tiếp, “có một vài người Tây Ban Nha tị nạn chính trị ở London – trong số đó có ông Don Fernando Ferrarez nào đó cùng người vợ trẻ và một đứa con. Họ nghèo lắm và người vợ lại bị ốm. Anna Rosenburg đến thăm nơi họ ở trọ và hỏi xem họ có gì để bán không. Don Fernando không có nhà và thế là bà vợ quyết định chia tay chiếc khăn choàng Tây Ban Nha tuyệt đẹp, được thêu vô cùng xuất sắc, là một trong những món quà ông chồng tặng bà trước khi rời khỏi Tây Ban Nha, Khi Don Fernando quay lại, nghe chiếc khăn đã bị bán ông vô cùng giận dữ và cố gắng lấy lại nó nhưng vô vọng. Cuối cùng khi ông tìm được người phụ nữ mua áo quần hàng thùng kể trên, bà ta bảo đã bán chiếc khăn lại cho một người phụ nữ khác mà bà không biết tên, Don Fernando mất hết hy vọng. Hai tháng sau ông bị đâm ngoài đường và chết vì vết thương quá nặng. Từ đó trở đi, dường như Anna Rosenburg có nhiều tiền một cách đáng ngờ. Mười năm sau đó, nhà bà ta bị mất trộm ít nhất là tám lần. Bốn lần trong đó không thành công và không bị mất gì, bốn lần còn lại thì một chiếc khăn choàng thêu nằm trong số chiến lợi phẩm.”

Viên thanh tra dừng lại và rồi lại vâng lời kể tiếp khi thấy Anthony ra dấu giục anh ta tiếp tục.

“Tuần trước, Carmen Ferrarez, con gái của Don Fernando, từ một nữ tu viện ở Pháp sang đây. Việc đầu tiên cô ấy làm là tìm Anna Rosenburg ở Hampstead. Nghe báo cáo lại rằng ở đó cô ta cãi cọ rất dữ với bà già ấy, và một trong những người hầu nghe được cô ta nói trước lúc ra về.

“‘Bà vẫn giữ nó,’ cô ta hét lên. ‘Bao năm qua bà giàu lên nhờ nó – nhưng tôi trịnh trọng tuyên bố cho bà hay rằng cuối cùng nó sẽ mang đến cho bà rủi ro thôi. Bà không có quyền nhân thân đối với nó, và sẽ có ngày bà ước mình chưa từng thấy Chiếc khăn choàng ngàn hoa.’”

“Ba ngày sau, Carmen Ferrarez bí mật biến khỏi khách sạn cô ở. Trong phòng cô chỉ thấy có một cái tên và địa chỉ – tên của Conrad Fleckman, cùng một bức thư từ một người đàn ông tự xưng là người buôn bán đồ cổ hỏi liệu cô có sẵn sàng chia tay với cái khăn choàng thêu mà ông tin cô đang sở hữu. Địa chỉ ghi trên thư là giả.

“Rõ ràng chiếc khăn là trung tâm của toàn bộ bí ẩn. Sáng hôm qua Conrad Fleckman đến gặp Anna Rosenburg. Bà đóng cửa nói chuyện với ông ta khoảng chừng một giờ đồng hồ, và khi ông ta về rồi bà phải đi ngủ, cả người bà trắng bệch và run rẩy sau cuộc nói chuyện. Nhưng bà ra lệnh rằng nếu ông ta quay lại gặp bà ông ta vẫn được đón tiếp. Tối qua bà thức dậy và đi ra ngoài lúc 9 giờ, rồi không trở về. Sáng nay người ta tìm thấy bà bị đâm trúng tim trong căn nhà mà Conrad Fleckman ở. Bên cạnh bà trên sàn nhà là – anh đoán coi xem?”

“Chiếc khăn choàng?” Anthony thốt lên. “Chiếc khăn choàng ngàn hoa.”

“Có cái gì đó còn dã man hơn thế. Thứ giải thích được toàn bộ bí ẩn của chiếc khăn choàng và làm cho giá trị tiềm ẩn của nó trở nên sáng tỏ... Xin lỗi nhé, tôi nghĩ là trưởng...”

Thật vậy có tiếng chuông cửa. Anthony cố gắng hết sức kiên nhẫn và đợi thanh tra quay lại. Anh thấy khá yên tâm về tình hình của mình lúc này. Ngay khi họ lấy dấu vân tay xong thì họ sẽ biết họ nhầm.

Và rồi, có lẽ, Carmen sẽ gọi điện...

Chiếc khăn choàng ngàn hoa! Câu chuyện ly kỳ thật – vừa đúng loại chuyện hợp làm nền cho vẻ đẹp bí ẩn tuyệt trần của cô gái.

Carmen Ferrarez...

Anh giật mình tỉnh dậy khỏi cơn mộng mị ban ngày. Gã thanh tra đó hay chuyện thật đấy. Anh đứng dậy và mở cửa ra. Căn hộ im lặng một cách kỳ lạ. Họ đi rồi sao? Thế mà chẳng nói với anh một lời nào.

Anh sai bước sang phòng kế bên. Nó trống không – phòng khách cũng thế. Trống vắng một cách lạ kỳ! Có vẻ xộc xệch vô cùng. Trời đất ơi! Máy món đồ tráng men của anh – đồ bạc!

Anh lòng lộn chạy khắp căn hộ. Chỗ nào cũng thế. Chỗ nào cũng bị lấy sạch hết. Mọi món đồ có giá trị đã bị lấy sạch, phải nói thêm rằng Anthony có gu thẩm mỹ của một nhà sưu tập sành các món đồ nhỏ.

Anthony rên rỉ rồi loạng choạng bước tới ghế ngồi, hai tay ôm lấy đầu. Anh bị tiếng chuông cửa trước làm cho tỉnh người. Anh mở cửa thì thấy Rogers.

“Xin phép ngài,” Rogers bảo. “Nhưng các quý ông đó nghĩ có thể ông cần gì đây.”

“Quý ông ư?”

“Hai người bạn của ông đây, thưa ông. Tôi cố gắng hết sức để gói ghém đồ đạc cho họ. Rất may là tôi tình cờ tìm được cho họ hai cái thùng trong tầng hầm.” Mắt anh ta nhìn xuống sàn nhà. “Tôi còn cố gắng quét hết mấy cọng rơm nữa, thưa ông.”

“Anh gói đồ trong này sao?” Anthony rên rỉ.

“Vâng, thưa ông. Đó chẳng phải ý ông sao, thưa ông? Quý ông cao cao bảo tôi làm, thưa ông, và thấy ông đang bận nói chuyện với quý ông kia trong căn phòng nhỏ phía cuối, nên tôi không muốn làm phiền ông.”

“Tôi đâu có nói chuyện với hần đâu,” Anthony bảo. “Hần nói chuyện với tôi đấy chứ – thằng khốn nạn.”

Rogers ho.

“Thật tình tôi rất lấy làm tiếc về những món đồ thiết yếu đó, thưa ông,” anh ta lầm bầm.

“Món đồ thiết yếu ư?”

“Chia tay mấy món đồ nhỏ quý giá của ông ấy, thưa ông.”

“Ồ? Ồ, phải. Ha ha!” Anh rầu rĩ cười. “Tôi đoán giờ họ cao bay xa chạy rồi. Ý tôi là những... những người bạn ấy?”

“Ồ, vâng, thưa ông, cũng khá lâu rồi. Tôi đặt mấy cái thùng lên taxi và quý ông cao lớn đi trở lên tầng trên, và rồi cả hai chạy xuống và bỏ đi ngay... Xin lỗi ông, có gì không đúng sao, thưa ông?”

Rogers hỏi thế cũng đúng thôi. Tiếng rên rỉ vang vọng mà Anthony thốt lên khiến ai mà chẳng đoán ra.

“Hồng hết rồi, cảm ơn Rogers. Nhưng tôi thấy rõ ràng là anh không đáng trách. Để tôi ở lại một mình nhé. Tôi muốn nói chuyện điện thoại một lát.”

Năm phút sau Anthony kể hết chuyện của mình cho thanh tra Driver, ngồi đối diện anh, tay cầm cuốn sổ. Cái ông thanh tra Driver ấy, chẳng tỏ vẻ cảm thông gì và (theo như Anthony nghĩ) không giống gì với một thanh tra thật cả! Thật vậy, rõ ràng rất kịch cỡm. Lại là một ví dụ cho thấy Nghệ thuật thắng Tự nhiên.

Anthony kể hết đoạn cuối câu chuyện rồi. Viên thanh tra gấp cuốn sổ lại.

“Sao nào?” Anthony băn khoăn hỏi.

“Rõ rồi,” viên thanh tra đáp. “Chính là băng Patterson đấy. Gần đây bọn chúng làm nhiều vụ khéo lắm. Một người đàn ông da trắng to lớn, một người đàn ông da đen nhỏ thó, và một cô gái.”

“Cô gái ư?”

“Đúng thế, da ngăm đen và cực kỳ xinh đẹp. Thường đóng vai con môi.”

“Một... một cô gái Tây Ban Nha?”

“Có thể cô ta tự nhận như thế. Cô ta sinh ra ở Hampstead.”

“Tôi đã *bảo* đó là một chốn sôi động mà,” Anthony lẩm bẩm.

“Vâng, rõ ràng rồi,” viên thanh tra đáp, đứng dậy để ra về. “Cô ta gọi điện cho anh và bịa cho anh một câu chuyện – cô ta đoán anh sẽ tới ngay. Rồi cô đến nhà bà Má già Gibson, bà ta thế nào cũng nhận một món tiền nhỏ để cho họ dùng phòng của bà nếu họ thấy gặp ở nơi công cộng thì bất tiện – những đôi tình nhân ấy, anh ạ, chứ không phải tội phạm. Anh rơi vào bẫy luôn, họ đưa anh về lại đây, và trong khi một trong hai người bịa chuyện cho anh nghe, người kia chuẩn bị với đồ chôm được. Bọn chúng là băng Patterson đây – chỉ có thể là phong cách của bọn đây thôi.”

“Thế còn đồ của tôi thì sao?” Anthony băn khoăn hỏi.

“Chúng tôi sẽ làm hết sức mình thừa anh. Nhưng băng Patterson ma mãnh vô cùng.”

“Có vẻ thế thật,” Anthony cay đắng đáp.

Viên thanh tra ra về, và ông ta đi chưa được bao lâu thì chuông cửa lại reo, Anthony mở cửa. Một thằng bé đứng đó, tay cầm một cái gói.

“Thưa ông, gói hàng gửi cho ông đây ạ.”

Anthony nhận với vẻ hơi ngạc nhiên. Anh đâu có đợi nhận món hàng nào đâu. Mang nó vào phòng khách, anh cắt sợi dây cột gói hàng ra.

Bộ ly rượu mùi!

“Khốn nạn!” Anthony chửi.

Rồi anh để ý dưới đáy của mỗi cái ly có một đóa hồng giả nhỏ xíu. Trí óc anh quay về căn phòng trên lầu ở Phố Kirk.

“Em thích anh... vâng, em thích anh thật mà. Anh sẽ nhớ như thế dù có chuyện gì xảy ra đúng không?”

Là những gì cô ta đã nói. *Dù có chuyện gì xảy ra...* Ý cô ta là...

Anthony cứng cổ kiểm chế bản thân.

“Không thể thế được,” anh tự mắng mình.

Mắt anh nhìn vào cái máy đánh chữ, và anh ngồi xuống với vẻ mặt cương quyết.

BÍ ẨN QUẢ DUA LEO THỨ HAI.

Gương mặt anh lại trở nên mơ màng. Chiếc khăn choàng ngàn hoa. Cái gì nằm bên cạnh xác chết trên sàn nhà nhỉ? Một thứ rất khủng khiếp có thể giải thích toàn bộ bí ẩn?

Đương nhiên là chẳng có cái gì cả vì nó chỉ là câu chuyện bịa đặt để lấy sự chú ý của anh, và người kể đã dùng mẹo truyện cổ *Nghìn lẻ một đêm* của người Ả-rập để tạm ngưng câu chuyện vào thời điểm gay cấn nhất. Nhưng chẳng có gì khủng khiếp để giải thích cho toàn bộ bí ẩn sao? Giờ cũng chẳng có luôn sao? Nếu người ta cố gắng dồn hết trí lực để suy nghĩ?

Anthony xé tờ giấy trên máy đánh chữ và thay tờ khác. Anh gõ tựa đề:

BÍ ẨN CHIẾC KHĂN CHOÀNG TÂY BAN NHA

Anh im lặng quan sát nó một hồi.

Rồi anh bắt đầu gõ lia lịa...

PHILOMEL COTTAGE

Philomel Cottage được đăng lần đầu trên *Grand Magazine*, tháng 11 năm 1924.

“Tạm biệt, em yêu.”

“Tạm biệt, anh yêu.”

Alix Martin đứng tựa vào cái cổng nhỏ bằng gỗ thô, dõi nhìn hình dáng người chồng xa dần khi anh bước đi trên con đường dẫn về phía ngôi làng.

Lúc này đây anh rẽ vào một khúc cua và khuất dạng, nhưng Alix vẫn đứng nguyên chỗ cũ, lơ đãng vuốt lại lọn tóc nâu dày bị gió thổi vương lên mặt, đôi mắt mơ màng nhìn xa xăm.

Alix Martin không đẹp, thậm chí nói thẳng ra là chẳng xinh xắn gì. Nhưng khuôn mặt cô, khuôn mặt của một người phụ nữ đã bước qua thời thanh xuân, bừng sáng và dịu dàng đến độ đồng nghiệp cũ ở văn phòng cũng khó mà nhận ra cô. Cô Alex King là một phụ nữ trẻ chuyên nghiệp và gọn gàng, có năng lực, thái độ hơi cộc cằn, rõ ràng là người có năng lực và óc thực tế.

Alix tốt nghiệp rồi vào trường đời khắc nghiệt. Trong 15 năm qua, từ lúc 18 cho đến 33 tuổi, cô ít giao thiệp (và ốm đau triền miên suốt bảy năm) bởi công việc thợ đánh máy chữ. Chính cuộc đấu tranh sinh tồn đã làm cho những đường nét mềm mại trên khuôn mặt trẻ con của cô cứng cõi lên.

Thật ra, cũng có chuyện yêu đương... có thì có thật... Dick Windyford, một anh bạn đồng nghiệp. Là một người rất đàn bà nên Alix lúc nào cũng

biết anh quan tâm mình dù cô giả vờ như không hề biết. Ngoài mặt thì họ tỏ ra là bạn bè, không hơn không kém. Với đồng lương ít ỏi Dick khó lòng mà chu cấp đủ tiền học cho đứa em trai. Lúc này đây anh chẳng thể nào nghĩ đến chuyện cưới xin.

Và rồi đột nhiên chẳng ai ngờ cô gái được thoát khỏi công việc cực nhọc thường nhật. Một người chị bà con xa qua đời và để lại tiền cho Alix – vài nghìn bảng Anh, đủ để sinh lời một hai trăm đồng mỗi năm. Đối với Alix, đó là tự do, là sự sống và tự lập. Giờ thì cô và Dick chẳng cần phải đợi chờ gì nữa.

Nhưng phản ứng của Dick thật bất ngờ. Anh chưa bao giờ nói thẳng tình cảm của mình với Alix; nay thì anh dường như càng ít có ý muốn thổ lộ hơn. Anh tránh mặt cô và trở nên ủ dột và buồn bã. Alix sớm nhận ra ngay sự thật. Cô đã trở thành người phụ nữ giàu có, sự tế nhị và lòng tự trọng đã ngăn trở Dick hỏi cưới cô làm vợ.

Chuyện đó chẳng hại gì, dù sao cô vẫn thích anh, và thật vậy cô đang cân nhắc liệu cô có nên bắt đầu trước thì chuyện bất ngờ thứ hai ập đến.

Cô gặp Gerald Martin ở nhà một người bạn. Anh ta đem lòng yêu cô tha thiết và trong vòng một tuần họ đính hôn. Alix, hay cho rằng mình “không phải là loại người dễ yêu”, lại bị xiêu lòng luôn.

Vô tình cô đã tìm được cách thức tình người tình cũ. Dick Windyford đến gặp cô và lắp bắp nói trong cơn thịnh nộ.

“Anh ta hoàn toàn xa lạ với em! Em có biết gì về anh ta đâu chứ?”

“Em biết em yêu anh ấy.”

“Làm sao em biết được... chỉ trong một tuần?”

“Có phải ai cũng mất 11 năm mới nhận ra họ yêu một cô gái đâu chứ,” Alix giận dữ thét lên.

Mặt anh trắng bệch.

“Anh đã quan tâm em từ ngày anh gặp em. Anh đã nghĩ em cũng thế.”

Alix thành thật.

“Em cũng đã nghĩ thế,” cô thừa nhận. “Nhưng đó là vì em chẳng biết tình yêu là gì.”

Rồi Dick lại bùng lên. Cầu nguyện, van xin, thậm chí là đe dọa – đe dọa người đàn ông đã hắt cẳng mình. Alix kinh ngạc thấy ngọn núi lửa tồn tại bên dưới vẻ bề ngoài dè dặt của người đàn ông mà cô ngỡ mình biết rất rõ.

Những suy nghĩ của cô giờ đây, vào một buổi sáng nắng ráo như thế này, lại quay về với cuộc nói chuyện đó khi cô đứng dựa cổng nhà. Cô đã cưới chồng được một tháng, và cô vui một niềm vui rất đổi bình dị. Tuy thế, những lúc vắng chồng, người mà đối với cô là tất cả, trong chốc lát như thế này, một thoáng lo lắng lại xâm chiếm niềm hạnh phúc tuyệt vời của cô. Và nguyên nhân của nỗi lo đó là Dick Windyford.

Kể từ khi kết hôn, cô đã ba lần mơ cùng một giấc mơ. Chỉ khác không gian thôi chứ các sự kiện chính vẫn thế. *Cô thấy chồng mình nằm chết còn Dick Windyford đứng bên cạnh anh ấy, còn cô thì biết rất rõ ràng và rành rọt rằng chính anh đã ra tay thực hiện cú đánh chí mạng đó.*

Nhưng chuyện kinh khủng như thế mà còn có thứ còn kinh khủng hơn – thật kinh khủng khi tỉnh dậy vì trong giấc mơ điều đó có cảm giác rất đổi tự nhiên và không thể tránh được. Cô, Alix Martin, mừng vui khi chồng mình chết, cô đưa đôi tay biết ơn về phía kẻ giết người, đôi khi cô còn cảm ơn anh ta nữa. Lúc nào giấc mơ cũng kết thúc giống nhau với hình ảnh cô được Dick Windyford ôm chặt vào lòng.

Cô chẳng hé một lời nào về giấc mơ này với chồng, nhưng nó khiến cô lo lắng dù cô không muốn thừa nhận. Đó có phải là một lời cảnh báo – một lời cảnh báo chống lại Dick Windyford không nhỉ?

Alix bị tiếng chuông điện thoại the thé từ trong nhà kéo ra khỏi mớ suy nghĩ trong đầu. Cô bước vào nhà và nhấc ống nghe lên. Đột nhiên người cô loạng choạng nên cô đưa tay chống vào tường.

“Anh bảo anh là ai?”

“Sao cơ, Alix, giọng em sao thế? Anh không nhận ra luôn đây. Dick đây mà.”

“Ồi!” Alix thốt lên. “Ồi! Ở đâu – anh đang ở đâu thế?”

“Ở Traveller’s Arms – đúng tên rồi nhỉ? Hay em thậm chí còn không biết sự tồn tại của quán rượu trong làng hủ? Anh đang đi nghỉ – đang đi câu cá ở vùng này. Tối nay anh ghé thăm vợ chồng em sau bữa ăn tối được không?”

“Không được,” Alix gay gắt đáp. “Anh đừng đến.”

Ngừng một lát, và rồi giọng Dick khéo léo thay đổi, lại nói tiếp.

“Em bảo sao cơ,” anh trịnh trọng bảo. “Đương nhiên anh sẽ không làm phiền em...”

Alix vội vàng chen ngang. Chắc hẳn anh nghĩ hành vi của cô kỳ lạ quá. Kỳ lạ *thật* mà. Thần kinh của cô hẳn là suy sụp mất rồi.

“Em chỉ có ý là tối nay vợ chồng em... bận việc rồi,” cô giải thích, cố gắng giữ cho giọng nói càng tự nhiên càng tốt. “Hay là... hay là tối mai anh đến dùng cơm nhé?”

Nhưng rõ ràng Dick đã nhận ra vẻ thiếu chân thành trong giọng nói của cô.

“Cảm ơn em nhiều,” anh đáp, vẫn giữ giọng trịnh trọng như thế, nhưng có thể anh phải đi tiếp bất kỳ lúc nào. Tùy thuộc vào người bạn của anh có đến hay không. Tạm biệt em, Alix.” Anh dừng lại rồi vội vàng nói thêm bằng một giọng hơi khác. “Chúc em may mắn, em yêu dấu.”

Alix gác máy và cảm thấy nhẹ nhõm.

“Anh ấy không được đến đây,” cô nhắc lại một mình. “Anh ấy không được đến đây. Ôi, mình đúng là đồ ngốc! Khi tưởng tượng mình lâm vào hoàn cảnh này. Dù sao, mình mừng vì anh ấy không đến.”

Cô với lấy cái mũ cói thô trên bàn và đi ra vườn lần nữa, cô dừng lại và nhìn lên cái tên khắc trên cổng vòm: Philomel Cottage. §

“Cái tên có kỳ lạ quá không anh?” có lần cô hỏi Gerald trước khi họ cưới nhau. Anh cười lớn.

“Em đúng là gái London,” anh nói với vẻ trêu mến. “Anh đoán là em chưa bao giờ nghe chim họa mi hát. Anh mừng vì em chưa được nghe. Chim họa mi chỉ hát cho những người yêu nhau thôi. Vợ chồng mình sẽ cùng nhau nghe chúng hát bên ngoài nhà mình vào những đêm hè.”

Và nhớ đến chuyện họ đã được nghe chúng hát, Alix, đứng ở ngưỡng cửa nhà mình, má ửng hồng vì hạnh phúc.

Chính Gerald đã tìm ra Philomel Cottage. Anh đến gặp Alix vỡ òa niềm phấn khích, Anh đã tìm được nơi thích hợp cho hai người – độc đáo – một viên ngọc quý – cơ hội ngàn năm có một. Và khi Alix nhìn thấy ngôi nhà, cô cũng bị nó mê hoặc. Đúng là vị trí hơi biệt lập – họ ở cách ngôi làng gần nhất cỡ hai dặm – nhưng riêng ngôi nhà thì đẹp cực kỳ với vẻ cổ điển và có những tiện nghi đồng bộ như phòng tắm, hệ thống nước nóng, đèn điện và điện thoại, thế nên cô chịu thua vẻ quyến rũ ấy ngay lập tức. Và rồi một khó khăn tạm thời xuất hiện. Chủ nhà, một người đàn ông giàu có đột ngột thay đổi ý kiến, từ chối cho thuê nhà. Ông chỉ muốn bán.

Mặc dù có thu nhập tốt nhưng Gerald Martin không thể đụng vào vốn liếng của mình. Anh có thể huy động được nhiều nhất là một ngàn bảng Anh. Chủ nhà đòi ba ngàn. Nhưng Alix quá mê nơi này nên cô giúp một tay. Có năm giữ trái phiếu nên vốn của cô dễ dàng bán ra thành tiền. Cô

đóng góp một nửa số tiền để mua ngôi nhà đó. Thế là Philomel Cottage trở thành của riêng họ và Alix chẳng hề hối tiếc về lựa chọn của mình một chút nào. Những người giúp việc đúng là chẳng thích thú gì sự cô độc của chốn thôn dã – thật thế, hiện tại vợ chồng cô chẳng có người giúp việc nào cả – nhưng Alix lại thêm khát cuộc sống nội trợ nên cô vô cùng yêu thích chuyện nấu những bữa ăn đơn giản ngon lành và chăm nom nhà cửa.

Khu vườn trồng cơ man nào là hoa và được một cụ già sống trong làng đến chăm hai lần một tuần.

Khi Alix đi vòng qua góc ngôi nhà, cô ngạc nhiên thấy ông cụ làm vườn ấy đang bận rộn với mấy luống hoa. Cô ngạc nhiên bởi ngày làm việc của ông là các thứ Hai và thứ Sáu, còn hôm nay là thứ Tư.

“Sao, ông George ời, ông đang làm gì ở đây thế?” cô vừa hỏi vừa đi về phía ông.

Ông cụ đứng thẳng dậy và chồm chồm cười, tay sờ vành chiếc mũ lưỡi trai đã cũ.

“Tôi nghĩ thế nào cô cũng sẽ ngạc nhiên, thưa cô. Nhưng chuyện là thế này. Có tiệc ở nhà ông địa chủ vào thứ Sáu, và tôi *noái* với mình rằng, tôi *noái*, ông Martin và bà chủ sẽ không thấy có gì sai nếu tôi đến làm vào thứ Tư một lần thay vì thứ Sáu.”

“Không sao đâu,” Alix đáp. “Tôi hy vọng ông dự tiệc vui vẻ.”

“Tôi cũng mong thế,” ông George hồn nhiên nói. “Thật là sướng khi có thể ăn no căng bụng và luôn biết rằng mình không phải trả một đồng nào. Ông địa chủ luôn luôn có tiệc trà chín chu dành cho tá điền của ông. Rồi tôi cũng nghĩ, thưa cô, rằng tôi có thể sẽ gặp được cô trước khi cô đi để hỏi xem cô muốn làm thế nào với mấy luống hoa. Tôi đoán là cô không biết lúc nào mình về phải không, thưa cô?”

“Nhưng tôi có đi đâu đâu.”

Ông George nhìn trần trời.

“Chớ *chẳng* phải ngày mai cô đi *Lunnon* sao?”

“Đâu có. Điều gì khiến ông nghĩ thế?”

Ông George ngửa đầu ra sau.

“Gặp cậu *chụ* dưới làng hôm qua. Cậu bảo tôi rằng cô cậu sẽ đi *Lunnon* ngày mai và chưa biết chắc lúc nào sẽ về.”

“Vớ vẩn quá,” Alix đáp rồi cười lớn. “Hẳn là ông hiểu nhầm ý anh ấy rồi.”

Dù sao đi nữa, cô thắc mắc không biết chính xác Gerald đã nói những gì mà khiến ông cụ nhầm lẫn lạ kỳ đến thế. Đi London sao? Cô chưa bao giờ muốn đi London lần nữa.

“Tôi ghét London,” cô đột ngột nói gay gắt.

“A?” ông George bình thản đáp. “Chắc vì một lý do nào đó khiến tôi hiểu nhầm, nhưng tôi nghĩ rõ ràng cậu ấy nói thế mà. May mà cô ghé lại đây. Tôi không đem chuyện này mà đi rêu rao khắp nơi, và tôi chẳng nghĩ gì về *Lunnon* cả. Tôi chẳng bao giờ cần phải đi đến đó. Nhiều xe hơi xe hiếc quá – đó là vấn đề của thời nay đó. Một khi người ta có xe hơi xe hiếc thì đổ mà họ có thể ở yên một chỗ được. Ông Ames, chủ *tróc* của ngôi nhà này – là kiểu quý ông trầm lặng và tốt bụng cho tới khi ông mua một trong mấy cái xe đó. Có nó chưa đầy một tháng thì đã dựng bảng bán nhà rồi. Ông bỏ ra cũng khá nhiều tiền vào đây, với các vòi nước được bắt khắp tất cả các phòng ngủ, rồi đèn điện và những thứ khác, ‘Ông sẽ không đời nào lấy lại được tiền đâu,’ tôi *noái* với ông. ‘Nhưng,’ ông *noái* với tôi, ‘tôi sẽ lấy được hết hai nghìn bảng Anh từ ngôi nhà này.’ Và, đúng y chang, ông đã làm được thế.”

“Ông ấy lấy ba nghìn mà,” Alix vừa đáp vừa cười.

“Hai nghìn chớ,” ông George lặp lại. “Số tiền mà ông ta đòi được người ta bàn tán suốt đó thôi.”

“Thật ra là ba nghìn mà,” Alix bảo.

“Phụ nữ chẳng hiểu số siếc gì cả,” ông George đáp, vẫn không tin. “Cô đừng nói tôi là ông Ames dám đứng chườm mặt ra trước cô mà trâng tráo lớn tiếng nói ba nghìn chứ?”

“Ông ấy không nói trực tiếp với tôi,” Alix đáp. “ông nói với chồng tôi.”

Ông George lại khom mình trên luống hoa.

“Giá là hai nghìn mà,” ông vẫn ngoan cô đáp.

Alix chẳng màng cãi với ông. Cô bước đến những vòng hoa xa hơn và bắt đầu hái một ôm hoa.

Khi cô quay đi cùng bó hoa thơm ngát, Alix để ý thấy trên vòng hoa có một vật nhỏ màu xanh lá đậm ló ra giữa những chiếc lá. Cô cúi xuống nhặt lên, nhận ra đó là nhật ký bỏ túi của chồng.

Cô mở ra, liếc nhìn những đề mục với vẻ thích thú. Ngay từ những ngày đầu trong cuộc sống hôn nhân cô đã nhận ra chàng Gerald bốc đồng và dễ xúc động lại có tính gọn gàng và có phương pháp một cách lạ lùng đến thế. Anh hết sức cầu kỳ về chuyện ăn uống đúng giờ, và luôn lập kế hoạch mỗi ngày trước theo thời khóa biểu chính xác.

Nhìn qua sổ nhật ký, cô thích thú khi nhận ra mục đề ngày 14 tháng 5. “Cưới Alix ở St. Peter 2 giờ 30 phút.”

“Ngốc thật,” Alix lầm nhảm một mình khi lật các trang giấy.

Đột nhiên cô dừng lại. ““Thứ tư, ngày 18 tháng 6’ – sao, là hôm nay mà.”

Ở chỗ trống cho ngày đó được Gerald viết gọn gàng và chính xác: “9 giờ tối.” Thế thôi. Gerald lập kế hoạch làm gì lúc 9 giờ tối thế nhỉ? Alix băn

khoản. Cô mỉm cười một mình khi nhận ra rằng nếu đây là một câu chuyện, như những câu chuyện cô thường đọc được, thì không còn nghi ngờ gì nữa cuốn nhật ký sẽ cho cô biết một phát hiện động trời nào đó. Trong đó chắc hẳn sẽ có tên của một người phụ nữ khác. Cô vu vơ lật những trang cuối. Trong đó có ngày tháng, những cuộc hẹn, những ghi chú khó hiểu về các thương vụ làm ăn, nhưng chỉ có tên của một người phụ nữ – tên của một mình cô.

Tuy vậy, khi cô Chuỗi cuốn sổ vào túi và tiếp tục mang hoa vào nhà, cô cảm thấy mơ hồ khó chịu. Những lời Dick Windyford nói tái hiện trong cô như thể anh đang đứng sát bên cô và lặp lại. “Anh ta hoàn toàn xa lạ với em! Em có biết gì về anh ta đâu chứ?”

Thật thế. Cô có biết gì về chồng đâu? Dù sao đi nữa, Gerald 40 tuổi rồi. Trong 40 năm đó hẳn là có những người phụ nữ đi qua đời anh...

Alix giật mình về sốt ruột. Cô không được nhường chỗ cho những suy nghĩ này. Cô còn một mối bận tâm cấp bách cần giải quyết. Cô nên hay là không nên kể với chồng chuyện Dick Windyford đã gọi điện cho cô nhỉ?

Phải tính đến khả năng Gerald có thể đã tình cờ gặp anh ấy ở trong làng. Nhưng trong trường hợp đó hẳn là anh sẽ kể cho cô nghe ngay khi về nhà, và sự việc sẽ nằm ngoài tầm kiểm soát của cô. Ngược lại – sao nhỉ? Alix thấy mình chẳng hề muốn phải kể ra chuyện đó.

Nếu cô kể với anh, chắc chắn anh sẽ đề nghị mời Dick Windyford đến Philomel Cottage. Rồi cô sẽ phải giải thích rằng Dick tự đề nghị đến, và rằng cô đã kiếm có ngăn anh ấy đến. Và khi anh hỏi cô tại sao lại làm thế thì cô biết trả lời sao? Kể cho anh giấc mơ của mình ư? Nhưng anh sẽ chỉ cười lớn hoặc tệ hơn, sẽ cho rằng cô quan trọng hóa vấn đề mà anh chẳng hề thấy quan trọng.

Cuối cùng, Alix ngượng ngùng quyết định sẽ giữ kín. Đó là bí mật đầu tiên cô giấu chồng, và suy nghĩ đó khiến cô lo lắng.

Khi cô nghe tiếng Gerald từ làng trở về không lâu trước bữa ăn trưa, cô vội vàng vào bếp và giả vờ bận rộn nấu nướng để giấu đi vẻ bối rối.

Rõ ràng ngay rằng Gerald đã không gặp Dick Windyford. Alix lập tức thấy nhẹ nhõm và xấu hổ. Giờ đây cô nhất định giấu nhem chuyện đó.

Cho tới sau bữa ăn tối đơn giản của hai vợ chồng, khi họ ngồi trong phòng khách có băng ghế gỗ sồi với mấy cánh cửa mở toang để đón không khí ban đêm ngọt ngào hương hoa hoàng anh trắng và hoa cẩm quỳ vào nhà, Alix mới nhớ đến cuốn nhật ký bỏ túi.

“Đây là đồ anh dùng tưới hoa nè anh,” cô bảo, và ném nó lên đùi anh.

“Anh làm rơi nó ở luống hoa chứ gì?”

“Vâng. Giờ em biết hết bí mật của anh rồi nhé.”

“Không phạm lỗi gì đâu,” Gerald đáp, lắc đầu.

“Thế cuộc hẹn hò bí mật vào lúc 9 giờ tối nay thì sao?”

“Ô! cái đó...” anh có vẻ ngạc nhiên một lát, rồi mỉm cười như thể có chuyện gì khiến anh thấy đặc biệt thích thú. “Đó là một cuộc hẹn hò bí mật với một cô gái xinh đẹp nào đó, Alix ạ. Cô ấy có mái tóc nâu và đôi mắt màu xanh da trời, và cô rất giống em.”

“Em không hiểu gì cả,” Alix đáp, giả vờ nghiêm nghị. “Anh đang tránh trả lời ý chính đây.”

“Không, đâu có. Thật ra, nó nhắc anh nhớ tối nay đi rửa phim, và anh muốn em giúp.”

Gerald Martin say mê nhiếp ảnh. Anh có một cái máy ảnh trông cổ lỗ sĩ nhưng có thấu kính xuất sắc, và anh tự tráng phim rửa ảnh trong căn hầm nhỏ mà anh trang bị thành phòng tối.

“Và nó phải được thực hiện vào đúng 9 giờ tối,” Alix nói đùa.

Gerald tỏ vẻ hơi bực mình.

“Cung ơi,” anh bảo, thái độ có chút cáu kỉnh, “ai cũng nên lập kế hoạch làm việc vào một thời gian nhất định. Rồi thì người ta mới hoàn thành công việc đó trọn vẹn.”

Alix ngồi im lặng một lát, ngắm nhìn chồng nằm trên ghế hút thuốc, mái tóc đen hất về phía sau và những đường nét gãy gọn trên khuôn mặt cao râu nhẵn nhụi của anh nổi bật lên nền tối. Và đột nhiên, không biết từ đâu, một cơn hoảng sợ trào dâng trong lòng khiến cô buột miệng kêu lên, “Ôi, Gerald, em ước giá mình hiểu anh rõ hơn!”

Anh chồng ngạc nhiên quay sang.

“Nhưng, Alix yêu dấu ơi, em biết hết về anh rồi còn gì. Anh đã kể cho em nghe thời niên thiếu của anh ở Northumberland, về cuộc sống của anh ở Nam Mỹ, và 10 năm cuối cùng ở Canada đã mang lại thành công cho anh như thế nào rồi cơ mà.”

“Ôi! Lại chuyện làm ăn!” Alix đáp vẻ khinh bỉ.

Đột nhiên Gerald cười lớn.

“Anh hiểu ý em nói gì rồi – chuyện yêu đương. Phụ nữ các cô ai cũng thế. Chẳng có gì khiến các cô quan tâm ngoại trừ chuyện riêng tư.”

Alix thấy cổ mình khô khốc khi cô lẩm bẩm về mơ hồ. “Ồ, nhưng phải có... chuyện yêu đương chứ. Ý em... giá mà em biết...”

Im lặng một lát. Gerald Martin cau mày, vẻ mặt không quyết đoán. Khi anh nói thì nghiêm túc, chẳng còn chút gì vẻ trêu ghẹo như ban nãy.

“Em có thấy khôn ngoan không, cái chuyện bí mật này ấy? Đã từng có những người phụ nữ trong đời anh; ừ, anh không chối bỏ. Em sẽ không tin

anh nếu anh chối cãi. Nhưng anh có thể thành thật thề với em rằng chẳng ai có ý nghĩa gì với anh cả.”

Giọng anh nói có vẻ chân thành khiến cho người vợ đang lắng nghe thấy như được an ủi.

“Vừa lòng chưa nào, Alix?” anh vừa hỏi vừa mỉm cười. Rồi anh nhìn cô vẻ tò mò.

“Điều gì khiến đầu óc em suy nghĩ những chủ đề khó chịu này, tối nay chứ không phải những tối khác?”

Alix đứng dậy, và bắt đầu bồn chồn đi lui đi tới.

“Ôi, em cũng không biết nữa,” cô đáp. “Cả ngày hôm nay em thấy bức bối suốt.”

“Lạ thật,” Gerald nói bằng một giọng thấp như thể nói với chính mình. “Kỳ lạ quá.”

“Sao lại lạ ạ?”

“Ôi, cô gái yêu dấu ơi, đừng nổi cáu với anh như thế. Anh chỉ bảo lạ kỳ thôi mà, bởi vì, thông thường em rất ngọt ngào và điềm đạm.”

Alix cố nặn ra một nụ cười.

“Hôm nay mọi thứ hiệp nhau lại để làm em khó chịu,” cô thú thật. “Ngay cả ông già George cũng có ý tưởng kỳ quặc trong đầu rằng vợ chồng mình sẽ đi London. Ông bảo anh nói với ông thế.”

“Em gặp ông ấy ở đâu?” Gerald gắt hỏi.

“Ông đến làm hôm nay chứ không phải thứ Sáu.”

“Lão già ngu ngốc khôn kiếp,” Gerald tức giận nói.

Alix trở mặt ngạc nhiên. Mặt chồng cô run lên vì phẫn nộ. Chưa bao giờ cô thấy anh giận đến thế. Thấy vẻ kinh ngạc của cô, Gerald cố giữ bình tĩnh.

“Ồ, lão đúng là ông già ngu ngốc,” anh chống chế.

“Anh đã nói gì khiến ông ấy nghĩ thế?”

“Anh? Anh có nói gì đâu. Dù sao đi nữa... Ồ, đúng rồi, anh nhớ rồi, anh có nói vài câu đùa nhặt về chuyện đi London sáng nay, và anh đoán ông ấy tưởng thật. Hoặc giả ông ấy nghe không hết. Đương nhiên là em giải thích rõ với ông ấy rồi chứ?”

Anh bắn khoăn đợi cô trả lời.

“Dĩ nhiên rồi ạ, nhưng ông ấy là kiểu ông già mà một khi đã tiêm nhiễm ý nghĩ gì vào đầu rồi... Ừ, thì không dễ mà lấy nó ra lại được.”

Rồi cô kể cho anh chuyện ông George khẳng khẳng về số tiền mua ngôi nhà.

Gerald im lặng một lát rồi chậm rãi nói. “Ames bằng lòng lấy hai nghìn tiền mặt và phần còn lại là khoản vay thế chấp. Anh nghĩ đó là căn nguyên của sự nhảm lẫn.”

“Chắc thế,” Alix đồng ý.

Rồi cô nhìn lên đồng hồ và chỉ ngón tay tinh nghịch vào nó.

“Mình nên bắt đầu thôi, anh Gerald. Trễ năm phút rồi đấy.”

Một nụ cười rất kỳ lạ bao trùm lên khuôn mặt Gerald Martin.

“Anh đổi ý rồi,” anh khề đáp. “tối nay anh sẽ không làm ảnh ọt gì đâu.”

Trí óc của đàn bà kỳ lạ thật. Tối thứ Tư đó trí óc Alix thấy vui vẻ và thoải mái khi cô đi ngủ. Niềm hạnh phúc dồn dập trong chốc lát lại tràn đầy, tung bừng như ngày xưa.

Nhưng tối hôm sau cô nhận ra có những thế lực tinh vi nào đó đang cố gắng ngấm ngầm phá hoại. Dick Windyford không gọi lại nữa, thế nhưng cô cảm nhận được cái mà cô cho có lẽ là ảnh hưởng của anh ấy đang có tác dụng. Những lời anh nói cứ hiện đi hiện lại trong cô. “*Anh ta hoàn toàn xa*

lạ với em! Em có biết gì về anh ta đâu chứ!” Cùng với chúng, cô nhớ lại khuôn mặt người chồng, được chụp một cách rõ nét trong tâm trí cô khi anh nói. “Em có thấy khôn ngoan không, Alix – cái chuyện bí mật này ấy?” Sao anh lại nói thế nhỉ?

Có điều gì như cảnh cáo trong những lời nói đó – một dấu hiệu nguy hiểm. Như thể thực ra ý anh ấy nói là. “Tốt nhất em đừng soi mói vào đời tư của anh, Alix. Nếu em làm thế thì em sẽ bị sốc thê thảm đấy.”

Đến sáng thứ Sáu thì Alix tin rằng *đã* có một người phụ nữ trong đời Gerald – một chuyện bí mật mà anh cất lực giấu cô. Con ghen từ từ trỗi dậy và giờ đây đã tràn đầy.

Có phải người anh định đi gặp lúc 9 giờ tối qua là một phụ nữ không nhỉ? Có phải chuyện tráng ảnh là một lời nói dối anh bịa ra do tình thế thúc bách?

Ba ngày trước cô có thể thề rằng cô hiểu chồng mình rất rõ. Giờ đây dường như đối với cô anh là một kẻ xa lạ mà cô không hề hiểu thấu. Cô nhớ đến cơn giận vô cớ của anh với ông George, quá khác biệt so với thái độ thuần hậu thường ngày của anh. Có lẽ chỉ là một chuyện nhỏ nhưng nó khiến cô nhận ra cô không thật sự hiểu người đàn ông là chồng mình này.

Có vài việc lặt vặt trong làng vào thứ Sáu. Buổi chiều Alix đề nghị để cô đi lo việc còn Gerald thì ở lại vườn; nhưng cô hơi ngạc nhiên khi anh quyết liệt phản đối kế hoạch này và khẳng khái đòi tự mình đi còn cô thì ở nhà. Alix đành phải nhường chồng, nhưng sự cương quyết của anh làm cô ngạc nhiên và sợ hãi. Sao anh lại nóng lòng ngăn cản cô đi vào làng thế nhỉ?

Đột nhiên cô nghĩ ra lời giải thích khiến toàn bộ sự việc được sáng tỏ. Chẳng phải dù không nói gì với cô nhưng Gerald thật ra đã gặp Dick Windyford? Con ghen của riêng cô hoàn toàn nằm yên khi họ cưới nhau và sau này mới bùng lên. Có thể nào Gerald lại không như vậy? Có thể nào

anh không mong muốn cô gặp lại Dick Windyford? Lời giải thích này quá phù hợp với các sự việc, và làm đầu óc lo lắng của Alix được khuây khỏa, đến nỗi cô hăm hở chấp nhận nó.

Tuy vậy khi giờ uống trà đã đến và qua rồi thì cô cảm thấy bồn chồn và lo lắng. Cô đánh vật với một sự cảm dỗ tấn công cô kể từ khi Gerald đi vắng. Cuối cùng, cô vờ về suy nghĩ của mình bằng cách khẳng định rằng phải dọn dẹp thật kỹ căn phòng, khi cô đi lên phòng thay đồ của chồng ở tầng trên. Cô mang theo một cái giẻ lau để giả vờ làm công việc nội trợ.

“Giá mà mình biết chắc,” cô lặp lại một mình. “Giá mà mình *biết chắc*. ”

Trong cơn tuyệt vọng cô thầm nhủ nếu có vụ gì đó bê bối thì đã bị thủ tiêu lâu rồi. Dù vậy cô biện minh đôi khi đàn ông giữ lại cái chứng cứ bất lợi nhất do tính đa cảm quá mức.

Cuối cùng Alix chịu thua. Má cô nóng bừng vì xấu hổ với hành động của mình, cô lùng sục mấy hộp thư và tài liệu, dọn sạch các ngăn kéo, thậm chí lục soát túi áo túi quần chồng. Chỉ có hai ngăn kéo thoát được tay cô; ngăn dưới thấp của tủ ngăn kéo và một ngăn nhỏ bên tay phải của bàn làm việc đều khóa kín. Nhưng đến nước này Alix chẳng còn biết xấu hổ gì nữa. Cô tin rằng ở một trong các ngăn kéo đó cô sẽ tìm ra chứng cứ về người phụ nữ dĩ vãng trong tưởng tượng đang ám ảnh cô.

Cô nhớ ra Gerald để chùm chìa khóa nằm hờ hênh trên tủ bát đĩa ở tầng dưới. Cô xuống lấy và thử từng chìa một. Chìa thứ ba khớp với ngăn kéo bàn làm việc. Alix háo hức kéo ra. Có một quyển séc và một cái ví nhét đầy tiền giấy, và cuối ngăn kéo là một chồng thư cột bằng băng keo dán.

Hơi thở của cô trở nên gấp gáp khi Alix mở băng keo dán ra. Rồi mặt cô đỏ chín và cô thả mấy lá thư trở vào ngăn kéo, đóng vào rồi khóa nó lại. Bởi những thứ đó là thư của cô viết cho Gerald Martin trước khi họ cưới nhau.

Giờ cô quay qua tủ ngăn kéo, chỉ muốn cảm thấy mình không bỏ dở việc đang làm chứ chẳng trông đợi thứ mình tìm kiếm.

Bực mình là không có chìa khóa nào trong chùm chìa khóa của Gerald khớp với ngăn kéo ấy. Không chịu thua, Alix đi qua các phòng khác và mang về một số chìa khóa. Cô bằng lòng khi thấy cái chìa của tủ áo quần ở phòng trống cũng khớp với tủ ngăn kéo. Cô mở khóa ngăn kéo và kéo nó ra. Nhưng chẳng có gì trong đó ngoại trừ một cuộn các mẫu báo bị cắt ra đã phủ bụi và phai màu vì thời gian.

Alix thở phào nhẹ nhõm. Tuy nhiên cô cũng liếc nhìn mấy mẫu báo và tò mò không biết chủ đề gì mà Gerald quan tâm đến độ phải mất công giữ mấy cuộn giấy bụi bặm đó. Hầu hết đều là báo Mỹ, ngày tháng cách nay chừng bảy năm trước, và đề cập tới phiên tòa xử Charles Lemaitre, một tay lừa đảo và là kẻ phạm tội giết vợ khét tiếng. Lemaitre bị tình nghi thủ tiêu các nạn nhân nữ của hắn. Một bộ xương đã tìm thấy bên dưới sàn một ngôi nhà hắn ta thuê, và hầu hết những người phụ nữ hắn ta “cưới” thì không bao giờ được nhắc đến nữa.

Hắn ta tự bào chữa cho mình trước những lời buộc tội bằng một kỹ thuật hoàn hảo, được hỗ trợ bởi những nhân tài pháp luật tốt nhất ở Mỹ. Phán quyết “Không đủ chứng cứ” của Scotland có lẽ sẽ giải thích về vụ án đó tốt nhất. Vì không có chứng cứ, hắn được chứng minh vô tội, thoát khỏi mức án cao nhất, dù vậy vẫn bị kết án dài hạn vì những vụ phạm tội khác.

Alix còn nhớ hồi ấy vụ án đã gây kích động đến thế nào, và vụ tẩu thoát của Lemaitre ba năm sau đó gây rúng động ra sao. Hắn chưa bao giờ bị bắt lại. Tính cách của gã đàn ông này và năng lực quyến rũ phụ nữ tài tình của hắn đã được bàn tán rất lâu trên các báo Anh thời đó, cộng với chuyện hắn rất dễ bị kích động ở tòa, và chuyện thỉnh thoảng hắn bị suy sụp vì yếu tim, mặc dù những kẻ không biết gì cho rằng đó chỉ là tài đóng kịch của hắn.

Có một bức ảnh của hắn trên mẫu báo Alix cầm và cô thích thú ngắm soi – một quý ông râu dài có dáng vẻ nho nhã.

Khuôn mặt đó nhắc cô nhớ đến ai nhỉ? Đột nhiên, cô thất kinh nhận ra đó chính là Gerald. Đôi mắt và cặp lông mày rất đỏ rất giống anh. Có lẽ vì thế mà anh cứ tia tới nó mãi. Mắt cô lướt qua đoạn viết bên cạnh ảnh. Có vẻ như những ngày tháng nào đó được ghi vào cuốn sổ tay của bị cáo, người ta khẳng định rằng đó là những ngày hắn thủ tiêu nạn nhân của mình. Rồi một người phụ nữ đưa ra chứng cứ và xác nhận người tù một cách chắc chắn nhờ chi tiết hắn có một nốt ruồi ở cổ tay trái, ngay sát lòng bàn tay.

Alix buông rơi mấy mẫu báo và loạng choạng đứng dậy. *Ở bên cổ tay trái, ngay sát lòng bàn tay, chồng cô có một cái sẹo nhỏ...*

Căn phòng xoay mòng mòng quanh cô. Sau đó, kỳ lạ là cô biết chắc chắn ngay tức thì. Gerald Martin chính là Charles Lemaitre! Cô biết điều đó và chấp nhận nó ngay lập tức. Những mẫu vụn vặt quay cuồng trong trí óc cô, như những miếng ghép hình đang lắp vào đúng chỗ.

Tiền trả cho ngôi nhà – tiền của cô – tiền của chỉ riêng cô; trái phiếu cô đã tin tưởng nhờ hắn giữ. Ngay cả giấc chiêm bao của cô cũng sắp thành sự thật. Sâu thẳm trong tâm mình, tiềm thức của cô luôn sợ hãi Gerald Martin và mong thoát khỏi hắn. Còn chính Dick Windyford là người tiềm thức này của cô tìm đến nhờ giúp đỡ. Đó cũng là lý do tại sao cô có thể dễ dàng chấp nhận sự thật, mà không nghi ngờ hay lưỡng lự. Cô chuẩn bị là một trong những nạn nhân tiếp theo của Lemaitre. Có lẽ sẽ sớm thôi...

Suýt khóc thét lên thì cô nhớ ra điều gì đó. *Thứ Tư, lúc 9 giờ tối.* Căn hầm, với những phiến đá phẳng rất dễ cạy lên! Trước đây hắn đã một lần chôn nạn nhân trong hầm. Tất cả mọi thứ đã được lên kế hoạch cho tối thứ Tư rồi. Nhưng để viết ra trước ngắn gọn như thế – thật là điên khùng! Không, nó hoàn toàn logic. Gerald luôn ghi chú những cuộc hẹn của mình;

đối với hắn chuyện giết người cũng như một phần công việc như bao công việc khác thôi.

Nhưng cái gì đã cứu được cô? Cái gì có thể cứu cô chứ? Chẳng lẽ hắn do dự vào phút chót? Không. Ngay tức khắc cô có câu trả là luôn – *ông già George*.

Giờ cô đã hiểu cơn giận không kìm nén được của chồng mình. Không còn nghi ngờ gì nữa hắn đã mở đường bằng cách kể với tất cả mọi người hắn gặp rằng ngày mai hai vợ chồng đi London. Rồi bất ngờ ông George đến làm việc, đề cập chuyện đi London với cô, và cô phủ nhận chuyện đó. Thủ tiêu cô tội đó quá mạo hiểm vì ông George sẽ nhớ về cuộc tranh cãi đó. Nhưng thật là hú hồn! Nếu cô không tình cờ nhắc chuyện vặt vãnh đó... Alix rùng mình.

Và rồi cô ngồi bất động như bị hóa đá. Cô đã nghe tiếng cổng ngoài ngõ kêu cọt két. *Chồng cô đã về tới.*

Alix ngồi như chết điếng một hồi, rồi cô nhón gót rón rén đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài từ sau tấm rèm che.

Ừ, chồng cô thật. Hắn đang mỉm cười một mình và ngâm nga một giai điệu nhỏ. Trong tay hắn cầm một vật khiến cho cô gái đang hoảng sợ suýt nữa thì đứng tim. Đó là một cái chuông mới toanh.

Nhờ bản năng Alix hiểu ngay. *Sẽ là tối nay...*

Nhưng vẫn còn một cơ hội. Gerald, vẫn ngâm nga giai điệu nhỏ, đi vòng ra sau nhà.

Không một phút do dự, cô chạy xuống cầu thang rồi ủa ra khỏi nhà. Nhưng ngay khi cô mới thò đầu ra cửa thì chồng cô đã vòng qua tới bên kia của ngôi nhà rồi.

“Chào em,” hắn bảo, “em chạy đi đâu mà vội thế?”

Alix cố gắng một cách tuyệt vọng để tỏ ra bình tĩnh và như bình thường. Giờ cô đã mất cơ hội nhưng nếu cô cẩn thận không để hấn nghi ngờ thì cơ hội sẽ đến lại lần nữa. Ngay cả bây giờ, có lẽ thế...

“Em định đi bộ xuống cuối đường rồi về,” cô trả lời bằng một giọng nói mà chính cô nghe có vẻ yếu ớt và ngập ngừng.

“Ừ,” Gerald đáp. “Anh sẽ đi cùng em.”

“Đừng... xin anh, Gerald. Em cảm thấy... bức bối, đau đầu... Em thích đi một mình hơn.”

Hấn chăm chú nhìn cô. Cô cảm giác có một thoáng nghi ngờ lóe lên trong mắt hấn.

“Em sao thế, Alix? Em xanh xao... run rẩy nữa.”

“Không có gì đâu.” Cô cố tỏ ra thô lỗ... rồi mỉm cười. “Em bị đau đầu, chỉ có vậy thôi. Đi bộ sẽ khiến em khỏe ra.”

“Ồ, em nói không cần anh cũng chẳng ích gì,” Gerald tuyên bố, với một nụ cười dễ dãi. “Anh sẽ đi cùng dù em có muốn thế hay không.”

Cô không dám kháng cự thêm. Nếu hấn nghi ngờ rằng cô đã biết...

Cô cố gắng xoay xở để giữ thái độ bình thường một chút. Tuy vậy cô có cảm giác khó chịu khi thỉnh thoảng hấn nhìn có vẻ nghi ngờ như thể chưa vừa lòng. Cô có cảm giác nỗi nghi ngờ của hấn chưa giảm hẳn.

Khi họ về nhà, hấn khăng khăng bắt cô nằm nghỉ và mang một ít nước hoa xoa vào hai bên thái dương cho cô. Lúc nào hấn cũng là người chông tộn tụy. Alix tự thấy mình bất lực như thể tay chân bị trói trong cái bẫy.

Hấn không để có một mình dù chỉ một phút. Hấn đi cùng cô vào bếp và giúp cô mang mấy đĩa thức ăn nguội đơn sơ cô đã chuẩn bị vào. Bữa ăn tối làm cô mắc nghẹn nhưng cô cố ép mình phải ăn và tỏ ra vui vẻ và tự nhiên. Cô biết giờ đây cô đang chiến đấu vì sự sống còn của mình. Cô ở một mình

với người đàn ông này, cách biệt hẳn với sự trợ giúp, hoàn toàn phó mặc cho hắn. Cơ hội duy nhất của cô là xoa dịu sự nghi ngờ của hắn để hắn để cô một mình trong chốc lát... đủ lâu để cô đến cái điện thoại ở hành lang và gọi người đến giúp. Giờ đó là hy vọng duy nhất của cô.

Một tia hy vọng tức thời thoáng qua khi cô nhớ lại lần trước hắn đã từ bỏ ý định ra tay như thế nào. Giả sử cô nói với hắn rằng Dick Windyford sẽ đến thăm họ vào tối đó thì thế nào nhỉ?

Những từ đó run rẩy trên môi cô... rồi cô vội vàng gạt chúng đi. Người đàn ông này sẽ không dễ bị ngăn cản lần thứ hai đâu. Có một vẻ quyết tâm và phần chân dưới thái độ bình thản của hắn khiến cô ghê tởm. Cô chỉ càng thôi thúc hắn gây án mà thôi. Hắn sẽ giết cô ngay và rồi bình tĩnh gọi cho Dick Windyford và bịa là đột nhiên bị ai đó gọi đi. Ôi! Giá mà tối nay Dick Windyford đến nhà nhỉ! Nếu Dick...

Một ý tưởng đột ngột lóe lên trong đầu cô. Cô lén liếc nhìn chồng vì sợ hắn đọc được ý nghĩ trong đầu mình. Lập kế hoạch xong, lòng can đảm của cô được củng cố thêm. Thái độ của cô trở nên tự nhiên đến nỗi cô tự thấy kinh ngạc.

Cô pha cà phê và mang ra hiên nơi họ thường ngồi vào những tối đẹp trời.

“Em này,” Gerald đột nhiên nói, “chốc nữa chúng ta sẽ tráng mấy tấm ảnh đó nhé.”

Alix cảm thấy rợn người nhưng cô bình thản đáp, “Anh không làm một mình được sao ạ? Tối nay em hơi mệt.”

“Không mất nhiều thời gian đâu em.” Hắn cười thầm. “Và anh hứa là làm xong em sẽ không thấy mệt đâu.”

Những lời nói đó khiến hắn thích thú. Alix rùng mình. Cơ hội thực hiện kế hoạch nghìn năm có một đã đến.

Cô đứng dậy.

“Em gọi điện cho ông hàng thịt đã,” cô bình thản bảo. “Anh không cần đứng dậy đâu.”

“Gọi cho ông hàng thịt? Vào cái giờ khuya khoắt này sao?”

“Đương nhiên là cửa hàng của ông ấy đóng rồi, chàng ngốc ạ. Nhưng giờ ông ấy đã ở nhà. Mà ngày mai là thứ Bảy, và em muốn ông ấy mang sang cho em một ít cốt-lết bê thật sớm, trước khi người ta giành mất. Ông già đáng mến ấy sẽ làm bất kỳ thứ gì cho em.”

Cô vội vàng đi vào nhà, đóng cửa lại. Cô nghe Gerald bảo, “Đừng đóng cửa,” nên cô nhanh nhẩu và nhẹ nhàng trả lời, “Để ngăn bọn bướm đêm ấy mà. Em ghét bướm đêm lắm. Anh sợ em sẽ làm tình với ông hàng thịt sao, anh ngốc?”

Khi đã vào trong nhà, cô vội lấy ống nghe điện thoại và cung cấp số điện thoại quán Traveller’s Arms. Cô được nối máy ngay.

“Anh Windyford? Anh ấy vẫn ở đó chứ ạ? Tôi có thể nói chuyện với anh ấy được không?”

Rồi trái tim cô đập mạnh kinh khủng. Cánh cửa bật mở và chồng cô bước vào hành lang.

“Đi đi mà, anh Gerald,” cô cáu kỉnh nói. “Em ghét có người nghe lỏm khi em đang gọi điện lắm.”

Hắn chỉ cười và thả mình xuống ghế.

“Có chắc là em thật sự đang gọi cho ông hàng thịt không đây?” hắn căn vặn.

Alix thấy tuyệt vọng. Kế hoạch của cô đã thất bại. Một lát nữa Dick Windyford sẽ đến nghe điện thoại. Cô có nên liều mình và gào thét cầu cứu không?

Và rồi, khi cô căng thẳng ấn một nút bấm nhỏ trên ống nghe cô đang cầm rồi thả ra, nó cho phép người đầu dây bên kia nghe được hoặc không nghe được tiếng nói, một kế hoạch lóe lên trong đầu cô.

“Sẽ khó đây,” cô thầm nghĩ. “Có nghĩa là mình phải giữ bình tĩnh, và nghĩ cho đúng từ, và không được áp ứng dù chỉ một lát, nhưng mình tin mình có thể làm được. Mình *phải* làm được.”

Và ngay giây phút đó cô nghe tiếng Dick Windyford ở đầu dây bên kia.

Alix hít một hơi thật sâu. Rồi cô ấn nút đó thật chắc và nói.

“Bà Martin đây... từ Philomel Cottage. Xin vui lòng đến. (cô thả nút đó ra) sáng mai mang cho tôi sáu miếng cốt-lết bê (cô ấn nút đó lại). Quan trọng lắm (cô thả nút đó ra). Cảm ơn ông rất nhiều, ông Hexworthy. Hy vọng ông không phiền khi tôi gọi trễ thế này nhưng những miếng cốt-lết bê đó thật sự là vấn đề (cô ấn nút đó lại) sinh tử (cô thả ra). Tốt quá... sáng mai (cô ấn nút) càng sớm càng tốt nhé.”

Cô gác ống lên móc trở lại, quay mặt sang nhìn chồng và thở mạnh.

“Thế ra đó là cách em nói chuyện với ông hàng thịt của em đây à?” Gerald hỏi.

“Kiểu phụ nữ mà anh,” Alix nhẹ nhàng đáp.

Cô ngập tràn hứng khởi. Hẳn chẳng mấy may nghi ngờ. Dick, dù anh ấy không hiểu cũng sẽ đến.

Cô đi qua phòng khách và bật đèn điện lên. Gerald đi theo cô.

“Bây giờ em có vẻ rất phấn khởi?” anh bảo, nhìn cô với vẻ tò mò.

“Vâng.” Alix đáp. “Em hết đau đầu rồi.”

Cô ngồi xuống chỗ ngồi thường lệ của mình và mỉm cười với chồng khi hắn ngồi xuống ghế đối diện cô. Cô được cứu rồi. Giờ mới 8 giờ 25 thôi. Dick sẽ đến trước 9 giờ.

“Anh không thích loại cà phê em pha cho anh lắm,” Gerald than. “Nó đắng quá.”

“Đó là loại mới em đang thử. Vợ chồng mình sẽ không uống nữa nếu anh không thích, anh yêu à.”

Alix cầm một món đồ may vá lên rồi bắt đầu khâu. Gerald đọc vài trang sách. Rồi hần liếc lên nhìn đồng hồ và quăng cuốn sách sang một bên.

“8 giờ rưỡi rồi. Đi xuống hầm và bắt đầu làm thôi.”

Đồ may vá tuột khỏi tay Alix.

“Ôi, chưa mà. Hãy đợi đến 9 giờ anh nhé.”

“Không được, cô gái ơi... 8 giờ rưỡi. Đó là giờ anh ấn định mà. Em sẽ được đi ngủ sớm hơn.”

“Nhưng em thích đợi tới 9 giờ hơn.”

“Em biết là một khi anh đã ấn định thời gian, anh luôn làm theo. Đi nào, Alix. Anh không đợi thêm một phút nào nữa đâu.”

Alix ngược lên nhìn hần, dù không muốn nhưng cô có cảm giác một cơn sợ hãi đang lướt qua. Mặt nạ đã lật. Hai bàn tay Gerald đang co giật, mắt hần đang sáng lên vì kích động, hần liên tục đưa lưỡi liếm đôi môi khô của mình. Hần không còn quan tâm mình đang để lộ sự hưng phấn nữa.

Alix nghĩ, “Đúng rồi – *hần không đợi được nữa* – hần như một thằng điên.”

Hần sai bước đến bên cô, đặt tay lên vai cô và xóc cô đứng dậy.

“Đi nào, cô gái... nếu không anh sẽ bế em xuống đó đây.”

Giọng điệu hần vui vẻ nhưng có một vẻ hung tợn không hề giấu giếm đằng sau khiến cô phát hoảng. Lấy hết sức bình sinh cô vùng dậy và lùi lại bám vào tường. Cô đành bất lực. Cô không trốn được... cô chẳng thể làm được gì... hần đang tiến về phía cô.

“Nào, Alix...”

“Đừng... đừng mà.”

Cô hét lên, vung tay gạt hấn ra một cách yếu ớt. “Gerald... dừng lại... Em có chuyện muốn kể anh nghe, có tội cần thú nhận...”

Hấn dừng lại.

“Thú nhận ư?” hấn tò mò hỏi.

“Vâng, thú nhận.” Cô chỉ tình cờ dùng những từ đó thôi, nhưng cô vẫn tiếp tục một cách tuyệt vọng, tìm cách để giữ sự chú ý đã thu hút được.

Một vẻ khinh miệt thoáng qua mặt hấn.

“Anh đoán là một người tình cũ chứ gì,” hấn cười nhếch mép.

“Không phải,” Alix đáp. “Một chuyện khác. Anh sẽ gọi nó, em nghĩ là... Ờ, anh sẽ gọi nó là một vụ phạm tội.”

Và ngay lập tức cô biết mình đã rã trúng đài. Cô đã bắt giữ được sự chú ý của hấn. Thấy thế, cô bình tĩnh lại. Cô thấy mình một lần nữa làm chủ tình thế.

“Tốt nhất là anh ngồi xuống đi đã,” cô bình thản nói.

Còn cô cũng đi băng qua căn phòng trở về cái ghế của mình và ngồi xuống. Thậm chí cô còn cúi nhặt đồ may vá lên. Đằng sau vẻ bình tĩnh ấy cô đang động não dữ dội và bịa chuyện: vì câu chuyện cô bịa ra phải khiến hấn quan tâm cho tới khi có người đến giúp.

“Em đã từng kể với anh,” cô chậm rãi nói, “rằng em làm thợ đánh máy tốc ký trong 15 năm. Chuyện đó không hoàn toàn đúng hết. Có hai khoảng nghỉ. Lần đầu tiên là khi em 22 tuổi. Em tình cờ gặp một người đàn ông, một người đàn ông lớn tuổi và có chút của cải. Ông ấy yêu em và hỏi cưới em. Em đồng ý. Chúng em cưới nhau.” Cô dừng lại. “Em xui ông ấy đóng bảo hiểm nhân thọ cho ông và em là người thụ hưởng.”

Cô thấy một sự thích thú đột ngột hiện lên trên khuôn mặt chồng nên vững tin kể tiếp.

“Hồi chiến tranh có thời gian em làm việc trong một bệnh xá. Ở đó em xử lý tất cả các loại thuốc và chất độc quý hiếm.”

Cô dừng lại ngẫm nghĩ. Giờ đây hẳn rất thích thú, không còn nghi ngờ gì nữa. Kẻ sát nhân chắc chắn thích chuyện giết người. Cô đã đánh cược vào đó và đã thành công. Cô lén liếc nhìn đồng hồ. Đã 8 giờ 35.

“Có một loại thuốc độc... nó là một loại bột hơi trắng. Một nhúm nhỏ thôi là chết chắc. Anh có biết chút ít về các loại thuốc độc phải không?”

Cô đặt câu hỏi mà có chút lo sợ. Nếu hẳn có biết thì có phải cẩn thận.

“Không,” Gerald đáp. “Anh chẳng biết gì về chúng.”

Cô thở phào nhẹ nhõm.

“Chắc là anh từng nghe về hyoscine? Loại thuốc này cũng có tác dụng như thế nhưng hoàn toàn không để lại dấu vết gì. Bác sĩ nào cũng sẽ cho chúng nhận suy tim. Em lấy cắp một ít thuốc đó và giữ nó bên mình.”

Cô dừng lại, vận hết sức lực.

“Em kể tiếp đi,” Gerald bảo.

“Thôi. Em sợ. Em không thể kể tiếp nữa. Lúc khác đi.”

“Bây giờ thôi,” hẳn nôn nóng bảo. “Anh muốn nghe.”

“Chúng em cưới nhau được một tháng. Em rất tốt với ông chồng lớn tuổi của mình, rất tử tế và chung thủy. Ông ấy khen em với tất cả hàng xóm. Mọi người đều biết em là người vợ chung thủy đến nhường nào. Mỗi tối em đều tự tay pha cà phê cho ông. Một tối nọ, khi chỉ còn hai vợ chồng với nhau, em bỏ một nhúm alkaloid chết người vào cốc của ông ấy...”

Alix ngừng kể, và thận trọng xâu lại kim. Chưa từng diễn xuất trong đời mình nhưng giờ đây cô cạnh tranh được với cả diễn viên xuất sắc nhất thế

giới. Thật vậy cô đang sắm vai một kẻ đầu độc máu lạnh.

“Rất bình yên. Em ngồi nhìn chồng. Khi ông ấy thở dốc một chút và cần không khí. Em mở cửa sổ. Rồi ông bảo ông không đứng lên khỏi ghế được. *Chẳng mấy chốc ông ấy chết.*”

Cô dừng lại, mỉm cười. Đã 9 giờ kém 15. Chắc chắn là họ sắp đến.

“Số tiền bảo hiểm là bao nhiêu?” Gerald hỏi.

“Khoảng 2.000 bảng Anh. Em đầu cơ và mất sạch. Em quay lại công việc văn phòng. Nhưng em không định làm ở đó lâu. Rồi em gặp một người đàn ông khác. Ở văn phòng, em vẫn giữ cái tên thời con gái. Anh ta không biết em đã từng kết hôn. Anh ta trẻ hơn, khá bảnh trai, và rất giàu. Chúng em bí mật cưới nhau ở Sussex. Anh ta không muốn đóng bảo hiểm nhân thọ cho mình, nhưng đương nhiên anh ta làm di chúc để lại cho em. Cũng như người chồng trước, anh ta thích em tự tay pha cà phê cho anh ta.”

Alix mỉm cười vẻ nghĩ ngợi, rồi thản nhiên nói thêm, “Em pha cà phê rất ngon.”

Rồi cô kể tiếp.

“Em có một vài người bạn trong làng nơi chúng em sống. Họ rất buồn cho em khi chồng em đột nhiên qua đời vì suy tim vào một buổi tối sau bữa ăn. Em không thích bác sĩ lắm. Em không nghĩ ông ta nghi ngờ em nhưng chắc chắn ông ta rất ngạc nhiên trước cái chết đột ngột của chồng em. Em không hiểu sao em lại quay lại văn phòng lần nữa. Do thói quen, em đoán thế. Người chồng thứ hai để lại cho em khoảng 4.000 bảng Anh. Lần này em không đầu cơ mà đầu tư nó. Và rồi, anh thấy đấy...”

Nhưng cô bị cắt ngang. Gerald Martin, máu tràn lên mặt, gần như nghẹt thở, đang run rẩy chỉ ngón trỏ vào cô.

“Cà phê! Chúa ôi! Cà phê!”

Cô chăm chăm nhìn hấn.

“Giờ tôi hiểu vì sao nó đáng rồi. Đồ ác quỷ! Mà lại giờ cái trò đó.”

Hai bàn tay hấn bầu chặt vào thành ghế. Hấn chuẩn bị nhảy xổ vào cô.

“Mày đã đầu độc tao.”

Alix lúi tránh hấn và chạy đến bên lò sưởi. Giờ đây, quá sợ hãi, Cô mở miệng để chối... nhưng rồi dừng lại. Hấn sẽ nhảy xổ vào cô ngay thôi. Cô thu hết sức lực. Mắt cô nhìn hấn không chớp, vẻ kích động.

“Đúng,” cô bảo. “Tôi đầu độc anh đấy. Chết độc đã phát tác rồi. Ngay bây giờ anh không thể rời khỏi ghế được đâu... anh không nhúc nhích được đâu...”

Nếu cô có thể giữ hấn lại đó – dù chỉ vài phút.

A! Gì thế nhỉ? Tiếng bước chân trên đường. Tiếng cổng kêu cọt két. Tiếng bước chân trên lối vào nhà. Cửa ngoài đang mở ra.

“Anh không cử động được đâu,” cô lặp lại.

Sau đó cô lên qua người hấn và chuồn nhanh khỏi phòng rồi ngã xuống xủ trong vòng tay của Dick Windyford.

“Chúa ơi! Alix,” anh la lên.

Rồi anh quay sang người đàn ông đi cùng, một người cao lớn vạm vỡ mặc đồng phục cảnh sát.

“Anh đi xem chuyện gì xảy ra trong phòng đó đi ạ.”

Anh cẩn thận đặt Alix xuống ghế bành và cúi nhìn cô.

“Cô gái bé bỏng của anh,” anh lầm nhảm. “Cô gái bé bỏng tội nghiệp của anh. Người ta đã làm gì em thế?”

Mi mắt cô nhấp nháy và môi cô chỉ thì thầm gọi tên anh.

Dick giật mình khi anh cảnh sát chạm vào tay anh. “Phòng kia chẳng có gì cả, thưa anh, chỉ có một người đàn ông ngồi trên ghế. Có vẻ như anh ta kinh hãi ghê lắm, và...”

“Vâng?”

“Ồ, thưa anh, anh ta đã... chết.”

Họ kinh ngạc khi nghe giọng Alix. Cô nói như thể đang ngủ mơ, mắt cô vẫn nhắm.

“*Và chẳng mấy chốc,*” cô nói, như thể đang trích dẫn từ đâu đó, “*thì hẳn chết...*”

TAI NẠN

Tai nạn được xuất bản lần đầu với tựa *Con đường không ngăn lối* trên *The Sunday Dispatch*, ngày 22 tháng 9 năm 1929.

“Và tôi cam đoan với ông điều này – chính là người phụ nữ ấy — không còn nghi ngờ gì nữa!”

Thuyền trưởng Haydock nhìn vào khuôn mặt hào hứng và quyết liệt của người bạn rồi thở dài. Ông ước giá Evans đừng quá chắc chắn và vui sướng đến thế. Trong suốt sự nghiệp đi biển của mình, vị thuyền trưởng già đã học cách để yên những thứ chẳng liên quan gì đến mình. Ông bạn Evans của ông, một thanh tra CID về hưu, có triết lý sống khác. Hồi xưa, “làm theo thông tin nhận được...” là khẩu hiệu của ông, và ông còn làm tốt đến độ điều tra ra được thông tin cho riêng mình. Thanh tra Evans là một người rất thông minh và tinh táo, và đã được thăng chức như ông đáng được hưởng. Dù giờ đây đã nghỉ hưu và an cư trong một căn nhà nhỏ ở miền quê như ông mơ ước nhưng bản năng nghề nghiệp của ông vẫn còn rất nhạy.

“Ít khi quên nét mặt lắm,” ông lặp lại về tự mãn. “Bà Anthony... ờ, đó chắc chắn là bà Anthony. Khi ông nói là Merrowdene... Tôi nhận ra bà ta ngay.”

Thuyền trưởng Haydock cựa mình vẻ khó chịu. Ngoại trừ Evans thì gia đình Merrowdene là láng giềng gần gũi nhất của ông và chuyện nhận ra bà Merrowdene là nhân vật nữ chính trước đây trong *cause célèbre* khiến ông cảm thấy buồn phiền.

“Chuyện lâu lắm rồi mà,” ông nói hơi yếu ớt.

“Chín năm rồi,” Evans đáp, vẫn chính xác như ngày nào. “Chín năm ba tháng. Ông có nhớ vụ án đó không?”

“Có nhớ lò mờ.”

“Anthony hóa ra là người hay uống arsen,” Evans bảo, “thế là họ tha bổng cho bà ta.”

“Ồ, tại sao không chứ?”

“Chẳng vì lý do gì rõ ràng cả. Chỉ là phán quyết họ dựa trên bằng chứng. Hoàn toàn chính xác.”

“Thế thì đúng rồi,” Haydock bảo. “Và tôi thấy chẳng dính líu gì đến chúng ta cả.”

“Ai mà bận tâm chứ?”

“Tôi nghĩ ông bận tâm mà.”

“Làm gì có.”

“Chuyện đã qua và xong xuôi cả rồi,” vị thuyền trưởng kết luận. “Nếu bà Merrowdene có một lần trong đời xui xẻo bị xét xử và được tha tội sát nhân...”

“Hiếm khi chuyện được tha bổng bị xem là bất hạnh.” Evans xen vào.

“Ông hiểu ý tôi mà,” thuyền trưởng Haydock đáp về câu kính. “Nếu người phụ nữ tội nghiệp ấy phải trải qua nỗi đau khổ lớn lao đó rồi thì việc gì chúng ta phải khơi lại chuyện cũ nữa nhỉ?”

Evans không đáp.

“Thôi nào, Evans. Người phụ nữ ấy vô tội – ông vừa mới nói thế còn gì.”

“Tôi đâu có nói bà ta vô tội. Tôi bảo là bà ta được tha mà.”

“Thì cũng như nhau thôi.”

“Không phải lúc nào cũng thế.”

Thuyền trưởng Haydock, nãy giờ đã bắt đầu gõ tàu thuốc lên một bên tay ghế bên dừng lại, và ngồi thẳng dậy về hết sức cảnh giác.

“Này... này... này,” ông bảo. “Chẳng phải thế sao? Ông nghĩ bà ấy không vô tội à?”

“Tôi đâu có nói thế. Tôi chỉ... không biết. Anthony có thói quen dùng arsen. Bà vợ lấy cho ông uống. Một ngày nọ, do nhầm lẫn, ông ấy uống quá liều. Đó là lỗi của ông hay của bà vợ? Không ai biết được, và bồi thẩm đoàn đành chấp nhận bà ta vô tội vì không có bằng chứng buộc tội hợp lý. Tất cả đều đúng hết và tôi chẳng tìm thấy sai sót ở đâu cả. Dù sao đi nữa... tôi muốn *biết*.”

Thuyền trưởng Haydock quay lại với cái tàu thuốc.

“Ồ,” ông nói về thoải mái. “Có phải là việc của chúng ta đâu.”

“Tôi cũng không chắc nữa...”

“Nhưng chắc chắn thế...”

“Hãy nghe tôi một lát. Người đàn ông này, ông Merrowdene... chiều nay ở trong phòng thí nghiệm, đùa vớ vẩn với mấy cái thí nghiệm... ông nhớ...”

“Vâng. Ông ấy có nhắc đến thí nghiệm của Marsh với arsen. Ông ấy bảo ông *biết* hết rồi – nó thuộc lĩnh vực *của ông* mà – rồi cười thâm. Nếu suy nghĩ một chút ông ấy sẽ không nói thế...”

Evans ngắt lời bạn.

“Ý ông là ông ấy sẽ không nói thế nếu ông ấy *biết*. Họ đã cưới nhau bao lâu – ông nói với tôi là sáu năm phải không? Tôi dám cá với ông rằng ông ấy không hề biết vợ ông ấy là bà Anthony tai tiếng một thời.”

“Và đương nhiên là tôi sẽ không nói cho ông ấy biết đâu,” thuyền trưởng Haydock nói với vẻ không mấy tự nhiên.

Evans chẳng màng để ý, ông nói tiếp. “Ông vừa mới ngắt lời tôi. Sau thí nghiệm Marsh, Merrowdene nung nóng một chất trong ống nghiệm, cặn kim loại thì ông hòa trong nước và rồi làm nó kết tủa bằng cách thêm bạc nitrat. Đó là thí nghiệm tạo clorat. Một thí nghiệm nhỏ đơn giản và gọn ghẽ. Nhưng tôi tình cờ đọc được những từ này trong một quyển sách đang để mở trên bàn.

H₂SO₄, phản ứng với Cl₄O₂, phân tách ra clorat. Nếu nung nóng, sẽ gây nổ lớn; thế nên hỗn hợp phải được giữ mát và chỉ được dùng với một lượng rất nhỏ.

Haydock nhìn bạn mình chăm chăm.

“Ồ, thế thì sao?”

“Là thế này. Trong nghề của tôi, chúng tôi cũng làm thí nghiệm – thí nghiệm dành cho những vụ giết người. Đó là cộng lại các dữ kiện – cân đo chúng, phân tích chất cặn khi ông tính cả định kiến và những sự không chính xác chung chung của các nhân chứng. Nhưng còn có một kiểu thí nghiệm khác dành cho những vụ giết người – loại này khá chính xác nhưng hơi... nguy hiểm! *Kẻ sát nhân hiếm khi bằng lòng với một vụ án mà thôi.* Cho hấn thời gian, và thiếu sự nghi ngờ thì hấn sẽ gây ra một vụ khác. Ông bắt một gã – liệu gã có từng giết vợ chưa? – có lẽ vụ án không quá bất lợi cho anh ta. Nhìn vào quá khứ của anh ta – nếu ông nhận thấy anh ta đã có một vài đời vợ – và giả sử tất cả họ đều chết – khá kỳ lạ đúng không? – thì ông *biết* ngay! Tôi không nói về mặt *pháp lý*, ông ạ. Tôi đang nói về sự chắc chắn *tuyệt đối*. Một khi ông *biết* thế, ông chỉ việc bắt tay vào tìm bằng chứng thôi.”

“Ừ?”

“Tôi đi vào vấn đề chính. Mọi chuyện sẽ ổn nếu có một quá khứ để chúng ta điều tra. Nhưng giả sử ông bắt một tên sát nhân phạm tội lần đầu thì sao? Thế thì thí nghiệm đó ông chẳng thấy được phản ứng gì. Nhưng giả sử tù nhân được tha bắt đầu cuộc đời bằng một cái tên khác. Liệu tên sát nhân có lại gây án hay không?”

“Thật là một suy nghĩ khủng khiếp!”

“Ông vẫn còn bảo đó không phải là việc của chúng ta sao?”

“Vâng, tôi vẫn bảo thế. Ông chẳng có lý do gì để nghĩ rằng bà Merrowdene không phải là người hoàn toàn vô tội.”

Cụm thanh tra im lặng một lát. Rồi ông chậm rãi đáp. “Tôi đã bảo với ông rằng chúng tôi đã điều tra quá khứ của bà ta và chẳng tìm thấy gì cả. Nhưng không hoàn toàn đúng là vậy. Có một ông cha dượng. Khi cô gái 18 tuổi, cô thích một chàng trai nào đó và cha dượng của cô áp đặt quyền của mình để chia rẽ họ. Cô và cha dượng đi dạo dọc một vách núi khá nguy hiểm. Tai nạn xảy ra – cha dượng đến quá gần bờ vực – nó sạt lở, rồi ông bước đến đó và bị thiệt mạng.”

“Ông không cho rằng...”

“Đó là một tai nạn. *Tai nạn!* Chuyện Anthony dùng arsen quá liều là tai nạn. Bà ta không bao giờ bị xét xử nếu không lộ ra rằng có một người đàn ông khác – nhân tiện ông ta đã bỏ đi. Có vẻ như ông ta không thỏa mãn cho dù bồi thẩm đoàn có thỏa mãn đi nữa. Tôi cam đoan, Haydock, người phụ nữ đó dính tới chỗ nào thì tôi e là chỗ đó lại có một... tai nạn khác!”

Vị thuyền trưởng già so vai.

“Đã chín năm rồi kể từ vụ đó. Giờ sao lại có một ‘tai nạn’ khác, theo như cách anh nói?”

“Tôi không nói bây giờ. Tôi bảo một ngày nào đó. Nếu động cơ cần thiết xuất hiện.”

Thuyền trưởng Haydock lại so vai.

“Ừ, tôi không biết làm cách nào anh đề phòng được chuyện đó.”

“Tôi cũng chịu,” Evans đáp vẻ thảm thương.

“Tôi sẽ mặc kệ nó thôi,” thuyền trưởng Haydock đáp. “Hay ho gì chuyện xía mũi vào việc của người khác.”

Nhưng lời khuyên đó không mấy dễ chịu với ông cự thanh tra. Ông là người kiên nhẫn nhưng cương quyết. Chia tay bạn rồi ông đi tản bộ xuống làng, những khả năng hành động thành công cứ lớn vồn trong đầu ông.

Rẽ vào bưu điện để mua vài con tem, ông tình cờ va vào đối tượng khiến ông đang lo nghĩ, George Merrowdene. Vị cựu giáo sư hóa học này là một người đàn ông nhỏ thó, mơ mộng, dịu dàng, tốt bụng, và thường rất đáng trí. Ông nhận ra người kia và chào với vẻ rất thân tình, cúi xuống để lấy mấy bức thư rơi trên sàn do cuộc va chạm gây ra. Evans cũng cúi xuống và động tác của ông nhanh nhẹn hơn người kia nên đã nhặt được trước, và trả chúng lại cho chủ nhân kèm theo một lời xin lỗi.

Lúc nhặt lên, ông liếc xuống mấy bức thư và địa chỉ của cái trên cùng đột nhiên khiến tất cả sự nghi ngờ của ông lại trỗi dậy. Nó có tên một công ty bảo hiểm nổi tiếng.

Trong tích tắc ông đi đến một quyết định. Ông George Merrowdene ngây thơ không hề nhận ra làm sao mà ông và ông cự thanh tra lại đi bộ vào làng cùng nhau, và ông ta khó mà biết được sao cuộc nói chuyện lại xoay quanh chủ đề bảo hiểm nhân thọ.

Evans chẳng gặp khó khăn gì trong việc đạt được mục đích của mình. Merrowdene tự nguyện đưa ra thông tin rằng ông mới đăng ký bảo hiểm nhân thọ cho mình và đề vợ là người thụ hưởng, rồi hỏi ý kiến Evans về công ty nói trên.

“Tôi đã làm một vài vụ đầu tư thiếu sáng suốt,” ông giải thích. “Kết quả là thu nhập của tôi giảm xuống. Nếu có chuyện gì xảy ra cho tôi thì vợ tôi chẳng còn mấy tiền cả. Cái bảo hiểm này sẽ thu xếp mọi chuyện ổn thỏa.”

“Bà ấy không phản đối ý tưởng đó sao?” Evans tình cờ hỏi. “Ông biết đấy, một số phụ nữ sẽ phản đối. Cảm giác như điều đó mang lại rủi ro – đại loại thế.”

“Ôi dào, Margaret rất thực tế,” Merrowdene vừa cười vừa nói. “Chẳng mê tín chút nào đâu. Thật ra, tôi nghĩ đó là ý kiến của bà ấy. Bà không muốn tôi lo lắng quá.”

Evans đã lấy được thông tin mình muốn. Chia tay người kia ngay sau đó, và môi ông nở một nụ cười. Ông Anthony quá cố đã bảo hiểm sinh mạng mình và để bà vợ là người thụ hưởng một vài tuần trước khi ông ta chết.

Quen với việc dựa vào bản năng, ông hoàn toàn tin tưởng vào trí óc mình. Nhưng hành động thế nào lại là một việc khác. Ông muốn, không phải bắt tại trận tên tội phạm, mà ngăn ngừa một vụ phạm tội xảy ra, và chuyện đó rất khác và khó khăn hơn nhiều.

Cả ngày ông trầm tư suy ngẫm. Chiều hôm đó có cuộc hội hè của Primrose League§ tổ chức trong sân vườn của một địa chủ ở địa phương, và ông đến tham gia, say sưa với trò penny dip§, đoán cân nặng của một con lợn và ném dĩa, ông chơi tất cả với một vẻ mặt lơ đãng như nhau. Ông thậm chí còn mê mẩn trò nửa đồng crown§ với Zara, bà thầy bói quả cầu pha lê, và mỉm cười một mình khi ông chơi các trò đó, nhớ lại các hoạt động chống lại những người xem bói của mình vào thời ông còn đương chức.

Ông chẳng mấy để tâm đến cái giọng ê a đều đều của bà thầy bói – cho tới đoạn cuối của một câu khiến ông chú ý.

“...Và ông sẽ sớm – thật ra là rất sớm – tham gia vào một chuyện sinh tử... Chuyện sinh tử của một người.”

“Ồ... gì thế nhỉ?” ông đột ngột hỏi.

“Một quyết định... ông có một quyết định phải thực hiện. Ông phải rất cẩn thận... rất, rất cẩn thận... Nếu ông mắc sai lầm... dù là sai lầm nhỏ nhất...”

“Vâng?”

Bà thầy bói rung mình. Thanh tra Evans biết toàn là chuyện vớ vẩn, nhưng dù sao ông cũng ấn tượng lắm.

“Tôi cảnh báo ông – ông *không được mắc sai lầm*. Nếu ông mắc sai lầm, tôi thấy cái kết rất rõ ràng – một cái chết...”

Kỳ quặc, kỳ quặc thật. Một cái chết. Chuyện bà ta tiên đoán quả là lạ thật!

“Nếu tôi mắc sai lầm, hậu quả sẽ là cái chết sao? Đúng thế không?”

“Vâng.”

“Vậy thì,” Evans vừa nói vừa đứng dậy và đưa đồng nửa crown, “tôi không được phép mắc sai lầm, nhỉ?”

Ông nói với giọng điệu nhẹ nhàng, nhưng khi bước ra khỏi lều, mặt ông lộ vẻ quyết tâm. Nói thì dễ... còn làm chắc chắn không dễ chút nào. Ông không được sơ suất. Một sinh mạng, một mạng người mỏng manh phụ thuộc vào đó.

Và chẳng có ai giúp ông cả. Ông nhìn sang bóng dáng ông bạn Haydock của mình ở đằng xa. Chẳng trông mong có sự trợ giúp nào ở đó cả. “Cứ đề yên mọi chuyện,” là khẩu hiệu của Haydock. Và khẩu hiệu đó không thể áp dụng ở đây được.

Haydock đang nói chuyện với một người phụ nữ. Bà ta rời đi, tiến về phía thanh tra Evans và ông nhận ra bà ta. Chính là bà Merrowdene. Bất giác ông cố ý đi vào lối của bà.

Bà Merrowdene là một phụ nữ khá xinh đẹp. Cặp lông mày rộng bình thản, đôi mắt nâu rất đẹp và một vẻ mặt an yên. Vốn có nét giống Đức Mẹ Maria của Ý, bà càng nhấn thêm bằng cách rẽ tóc ngôi giữa và vắn tóc qua tai. Bà có chất giọng trầm khá buồn ngủ.

Bà nhìn Evans cười, một nụ cười chào đón đầy mãn nguyện.

“Tôi tưởng là bà, bà Anthony – ý tôi là bà Merrowdene,” ông liền thoáng nói.

Ông cố tình sơ suất, quan sát bà mà giả vờ như không. Ông thấy mắt bà trợn tròn và nghe bà gấp gấp hít một hơi. Nhưng mắt bà không hề nhấp nháy. Bà chăm chăm nhìn ông vẻ kiên định và tự đắc.

“Tôi đang tìm chồng tôi,” bà bình thản nói. “Ông có thấy ông ấy ở đâu không?”

“Hồi này, khi tôi gặp thì ông ấy ở hướng đằng kia.”

Họ đi cạnh nhau tiến về hướng vừa chỉ, nói chuyện khẽ khàng và dễ chịu. Ông thanh tra cảm thấy lòng ngưỡng mộ tăng lên. Đúng là người đàn bà phi thường! Thật tự chủ biết bao. Tư thế đĩnh đạc biết bao. Một người đàn bà khác thường... và rất nguy hiểm. Ông tin chắc – một người rất nguy hiểm.

Ông vẫn cảm thấy hết sức khó chịu mặc dù hài lòng với bước đầu tiên của mình. Ông đã để bà biết ông đã nhận ra bà. Điều đó sẽ khiến bà đề phòng. Bà sẽ không dám hấp tấp đâu. Vấn đề là ông Merrowdene. Nếu ông ấy được cảnh báo...

Họ thấy người đàn ông nhỏ thó đang thần thờ ngắm một con búp bê bằng sứ mà ông thắng được trong trò chơi penny dip. Bà vợ đề nghị đi về

nhà và ông hồ hởi đồng ý. Bà Merrowdene quay sang ông thanh tra.

“Mời ông về nhà cùng chúng tôi và thưởng thức một tách trà nhẹ nhàng, ông Evans.”

Trong giọng bà hình như có vẻ gì đấy hơi thách thức thì phải? Ông nghĩ là có.

“Cảm ơn bà Merrowdene. Tôi rất sẵn lòng.”

Họ đi bộ về đó, cùng nói những chuyện bình thường dễ chịu. Mặt trời đang tỏa sáng, gió thổi nhẹ, mọi thứ xung quanh họ thật dễ chịu và bình thường.

Cô hầu gái của họ vẫn đang ở cuộc hội hè, bà Merrowdene giải thích, khi họ về đến ngôi nhà kiểu cổ điển quyến rũ. Bà đi vào phòng mình để bỏ mũ ra rồi quay lại bày trà và đun một ấm nước sôi trên cây đèn nhỏ bằng bạc. Bà lấy ba chiếc chén kèm đĩa từ cái kệ cạnh lò sưởi.

“Vợ chồng tôi có một ít trà Trung Hoa rất đặc biệt,” bà giải thích. “Và chúng tôi luôn uống theo phong cách Trung Hoa... bằng chén chứ không phải tách.”

Bà ngừng lại, nhìn kỹ vào trong một chiếc chén rồi thay nó bằng một chiếc khác và bực mình than thở.

“George – anh hư quá. Anh lại lấy mấy cái chén này nữa rồi.”

“Anh xin lỗi mình,” ông giáo sư đáp về hồi lỗi. “Kích cỡ chúng tiện quá. Những chiếc anh đặt mua chưa đến.”

“Có ngày anh sẽ đầu độc tất cả chúng ta mất thôi,” vợ ông nói và cười vẻ thông cảm, “Mary thấy chúng trong phòng thí nghiệm và mang chúng về lại đây, và không bao giờ để ý rửa trừ khi thấy có cái gì đó rất rõ trong chén. Nay, hôm trước anh dùng một cái để đựng kali xyanua. Thật đấy, George, nguy hiểm khủng khiếp.”

Ông Merrowdene có vẻ hơi bức mình.

“Mary không việc gì phải lấy đồ đạc trong phòng thí nghiệm ra cả. Con bé không được động vào bất kỳ thứ gì đó.”

“Nhưng chúng ta thường để tách của mình ở đó sau buổi uống trà. Làm sao con bé biết được chứ? Có lý xem nào, anh yêu.”

Ông giáo sư đi vào phòng thí nghiệm, lẩm bẩm một mình, và vừa nở một nụ cười bà Merrowdene vừa rót nước sôi vào trà và thổi tắt ngọn lửa trên chiếc đèn nhỏ bằng bạc.

Evans thấy hoang mang. Tuy vậy, một tia sáng lóe lên trong ông. Vì một lý do nào đó, bà Merrowdene để lộ ra. Liệu đây có phải là “tai nạn”? Bà ta nói ra hết những điều này để cố tình chuẩn bị trước chứng cứ ngoại phạm cho mình chẳng? Để mà khi, một ngày nào đó, “tai nạn” xảy ra, ông sẽ bị ép đưa ra chứng cứ có lợi cho bà ta. Nếu thế thì bà ta ngốc quá, bởi vì trước đó...

Đột nhiên ông hít một hơi. Bà ta đã rót trà ra ba chiếc chén. Một chén bà đặt trước mặt ông, một trước mặt bà, và một chén khác bà đặt lên cái bàn nhỏ cạnh lò sưởi gần chiếc ghế mà chồng bà thường ngồi, và như thể khi bà đặt chén cuối cùng này lên cái bàn đó thì một nụ cười hơi kỳ lạ hiện lên trên khuôn mặt bà. Chính nụ cười đó đã làm lộ chuyện.

Ông biết mà!

Một người đàn bà kỳ lạ – một kẻ nguy hiểm. Không chờ đợi nữa – không chuẩn bị gì hết. Chiều nay – chính ngay chiều nay – có ông ở đây làm chứng rồi. Sự táo bạo đó khiến ông kinh ngạc.

Kế hoạch quá thông minh – thông minh khủng khiếp. Ông sẽ chẳng thể chứng minh được gì. Bà tin rằng ông không nghi ngờ – đơn giản vì nó “chóng vánh quá”. Một người đàn bà có đầu óc suy nghĩ và hành động nhanh như chớp.

Ông hít thật sâu và rướn người về phía trước.

“Bà Merrowdene này, tôi là người có những ý thích kỳ quặc. Bà có sẵn lòng chiều theo ý tôi không?”

Trông bà có vẻ thắc mắc nhưng không nghi ngờ gì.

Ông đứng dậy, lấy cái chén trước mặt bà và đi qua chiếc bàn nhỏ ở đó ông thay chén này với chén kia. Chén kia ông mang về lại và đặt nó trước mặt bà, “Tôi muốn xem bà uống chén này.”

Mắt họ nhìn nhau. Chúng kiên định và khó hiểu thấu được. Mặt bà ta dần tái đi.

Bà đưa tay ra, nâng chén lên. Ông nín thở. Mong rằng ông đã mắc sai lầm.

Bà đưa nó lên môi – vào phút chót, với một cái rùng mình, bà rướn người về phía trước và vội vàng đổ nó vào cái chậu trồng cây dương xỉ. Rồi bà ngồi xuống lại và chăm chăm nhìn ông vẻ thách thức.

Ông thở phào nhẹ nhõm, và ngồi xuống.

“Sao nào?” bà hỏi.

Giọng bà đã thay đổi. Vẻ hơi giễu cợt – thách thức.

Ông trả lời bà với vẻ nghiêm nghị và nhỏ nhẹ.

“Bà là một người rất thông minh, bà Merrowdene ạ. Tôi nghĩ bà hiểu tôi. Không được phép... lặp lại. Bà hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hiểu ý ông.”

Giọng bà trơn tuột, vô cảm. Ông gật đầu, hài lòng. Bà ta là một người thông minh, và bà không muốn bị treo cổ đầu.

“Xin chúc bà và chồng bà bách niên giai lão,” ông nói đầy ẩn ý, và nâng chén trà lên môi.

Rồi sắc mặt ông thay đổi. Nó nhăn nhúm khủng khiếp... ông gượng đứng dậy – cố gắng la lên... Cơ thể ông cứng đờ – mặt ông trở nên tím tái. Ông rơi trở xuống ghế, người duỗi ra – tứ chi co giật.

Bà Merrowdene chồm tới trước nhìn ông. Một nụ cười khê nở trên môi bà. Bà nói với ông – rất nhỏ nhẹ.

“Ông đã phạm sai lầm rồi, ông Evans ạ. Ông nghĩ tôi muốn giết George... Ông đúng là đồ ngốc – đúng là quá ngốc.”

Bà ngồi nán lại đó thêm một lát nữa nhìn người đàn ông đã chết, người thứ ba đã đe dọa cản lối bà và chia rẽ bà với người đàn ông bà yêu thương.

Bà nhoẻn miệng cười. Trông bà càng giống Đức Mẹ Maria hơn. Rồi bà cao giọng gọi.

“George, George ơi...! Ôi, anh đến đây đi! Em e là có một tai nạn khủng khiếp mới xảy ra... Tội nghiệp ông Evans...”

TIẾNG CỒNG THỨ HAI

Tiếng cồng thứ hai được xuất bản lần đầu ở Mỹ trên *Ladies' Home Journal* vào tháng 6 năm 1932, và tiếp đó là trên *Strand Magazine* vào tháng 7 năm 1932, Sau đó nó được triển khai thành truyện *Tám gương của người quá cố* trong cuốn *Án mạng trong chuồng ngựa* (Collins, tháng 3 năm 1937).

Joan Ashby bước ra khỏi phòng và đứng một lát ở đầu cầu thang bên ngoài cửa phòng mình. Cô đang xoay người như thể định trở vào phòng thì dường như có một tiếng cồng vang lên dưới chân cô.

Ngay lập tức Joan bắt đầu chạy tới trước. Cô vội vã đến độ đâm sầm vào chàng trai đi từ phía đối diện ngay đầu cầu thang lớn.

“Chào Joan! Em làm gì mà hấp ta hấp tấp thế?”

“Xin lỗi anh Harry. Em không nhìn thấy anh.”

“Anh cũng nghĩ vậy,” Harry Dalehouse đáp vẻ không mấy hào hứng.

“Nhưng như anh hỏi, sao lại cuống cuống thế?”

“Có tiếng cồng.”

“Anh biết. Nhưng mới là tiếng cồng đầu tiên chứ mấy.”

“Không, tiếng thứ hai rồi.”

“Đầu tiên.”

“Thứ hai.”

Thế là họ vừa cãi nhau vừa đi xuống cầu thang. Giờ họ đã ở trong hành lang, người quản gia vừa đặt dùi đánh cồng vào chỗ cũ và đang tiến về phía

họ với vẻ long trọng và trang nghiêm.

“Tiếng thứ hai rồi,” Joan khẳng khẳng. “Em biết thế mà. Ồ, trước hết là, anh xem giờ đi.”

Harry Dalehouse liếc lên nhìn tháp đồng hồ quả lắc.

“Mới 8 giờ 12 phút,” anh nhận xét. “Anh nghĩ em nói đúng, Joan ạ, nhưng anh đâu có nghe tiếng đầu tiên đâu. Digby,” anh gọi người quản gia, “đây là tiếng cồng đầu tiên hay thứ hai?”

“Đầu tiên, thưa cậu.”

“Vào lúc 8 giờ 12 phút sao? Digby, có người sẽ bị đuổi việc vì vụ này cho mà xem.”

Một nụ cười yếu ớt thoáng hiện lên trên gương mặt người quản gia. “Bữa ăn tối nay sẽ được phục vụ trễ 10 phút, thưa cậu. Lệnh của ông chủ.”

“Kỳ lạ thật!” Harry Dalehouse la lên. “Chắc, chắc! Chu cha, tình hình có vẻ gay cấn đây! Hay quá nhỉ. Ông cậu đáng kính của tôi đau ốm gì sao?”

“Chuyến tàu 7 giờ bị trễ nửa tiếng, thưa ông, và thế là...” Người quản gia ngừng lại, khi một âm thanh nghe như tiếng roi da vút lên.

“Cái quái gì...” Harry bảo. “Tại sao, nghe y chang tiếng – súng thế.”

Một người đàn ông 35 tuổi đẹp trai và ngăm đen bước ra khỏi phòng khách phía bên trái họ.

“Gì thế nhỉ?” anh ta hỏi. “Nghe như là tiếng súng.”

“Chắc là tiếng xe hơi nổ chậm, thưa cậu,” người quản gia đáp. “Phía này của ngôi nhà rất gần đường lộ và các cửa sổ tầng trên lại để mở.”

“Có lẽ thế,” Joan đáp vẻ nghi ngại. “Nhưng như vậy thì nó phải phát ra từ phía kia.” Cô vẫy tay về bên phải. “Nhưng tôi nghĩ tiếng động phát ra từ đây này.” Cô chỉ tay về bên trái.

Người đàn ông da ngăm đen lắc đầu.

“Tôi không nghĩ thế. Tôi ở trong phòng khách. Tôi ra đây vì nghĩ tiếng động phát ra từ phía này.” Anh ta gật đầu chỉ về hướng chiếc cổng và cửa trước.

“Đông, tây, và nam, hử?” không nén được, Harry bảo. “Ồ, để tôi làm cho đủ bộ luôn, Keene. Tôi cho là hướng bắc. Tôi nghĩ nó phát ra từ phía sau chúng ta. Có ai nêu ra lời giải thích nào không?”

“Ồ, luôn là án mạng,” Geoffrey Keene vừa cười vừa đáp. “Cô bảo sao cơ, cô Ashby?”

“Thật rùng mình,” Joan đáp. “Chẳng có gì cả. Điều-anh-nói khiến tôi rợn người.”

“Án mạng – cũng là ý hay,” Harry đáp. “Nhưng, trời ạ! Không có tiếng rên rĩ hay máu me gì cả. Tôi e lời giải thích là một người săn trộm đuổi bắt một con thỏ.”

“Nghe có vẻ vô vị nhưng tôi cũng nghĩ thế,” người kia đáp. “Nhưng nghe rất gần. Tuy nhiên, chúng ta hãy đi vào phòng khách nào.”

“Cảm ơn trời, chúng ta chưa trễ,” Joan hào hứng nói. “Chỉ là em ba chân bốn cẳng chạy xuống cầu thang vì nghĩ đó là tiếng cổng thứ hai.

Mọi người cười ồ lên rồi đi vào phòng khách lớn.

Lytcham Close là một trong những ngôi nhà cổ nổi tiếng nhất nước Anh. Chủ của nó, Hubert Lyncham Roche, là người cuối cùng của một dòng họ lâu đời, và những người bà con xa của ông hay nhận xét rằng. “Lão Hubert ấy, ông ạ, thật sự phải được chứng nhận là bị bệnh tâm thần. Điên ghê lắm, tội nghiệp thằng cha già.”

Công nhận là bạn bè và bà con nói quá thật nhưng có vài phần đúng. Hubert Lytcham Roche rõ ràng kỳ quặc. Dù là một nhạc sĩ rất có tài, ông là người tính khí hung dữ và suy nghĩ gần như không bình thường về tầm

quan trọng của mình. Người ở lại nhà ông phải tôn trọng định kiến của ông nếu không họ sẽ không bao giờ được mời đến nữa.

Một trong những định kiến đó là âm nhạc của ông. Khi ông chơi cho khách nghe, như ông vẫn thường làm vào buổi tối, thì phải tuyệt đối im lặng. Dù là một lời thì thầm nhận xét, một tiếng váy áo sột soạt, hay thậm chí là một cử động – ông sẽ quay ngoắt lại cau có khó chịu, và người khách không may đó sẽ mất cơ hội được mời lần nữa.

Một điều nữa là phải có mặt thật đúng giờ ở bữa ăn quan trọng nhất trong ngày. Bữa ăn sáng không quan trọng – khách có thể xuống vào giữa trưa nếu họ muốn. Ăn trưa cũng vậy – chỉ là một bữa ăn đơn giản với các món thịt nguội và trái cây ninh nhừ. Nhưng bữa ăn tối là một nghi lễ, một lễ hội, được chuẩn bị bởi *cordon bleu* của một khách sạn lớn được kéo về nhờ khoản tiền lương hậu hĩnh.

Tiếng cồng đầu tiên sẽ vang lên vào lúc 8 giờ 5 phút. Tiếng cồng thứ hai sẽ được nghe vào lúc 8 giờ 15, và ngay sau khi cửa bật mở, bữa tối được thông báo đến các vị khách đã tập hợp, một đoàn người nghiêm trang chậm rãi đi vào phòng ăn. Người nào dám đánh liều đến trễ sau tiếng cồng thứ hai thì từ đó trở đi sẽ bị loại trừ – và Lytcham Close sẽ mãi mãi không chào đón thực khách không may mắn đó nữa.

Đó là nguyên nhân Joan Ashby lo lắng, và cũng là nguyên nhân khiến Harry Dalehouse kinh ngạc khi nghe tin buổi lễ linh thiêng tối nay bị lùi lại 10 phút. Dù không thân thiết với ông cậu lắm nhưng anh vẫn đến Lytcham Close thường xuyên nên biết sự việc lần này rất bất thường.

Geoffrey Keene, thư ký của Lytcham Roche, cũng rất ngạc nhiên.

“Kỳ lạ thật,” anh ta nhận xét. “Tôi chưa từng thấy chuyện này xảy ra. Anh chắc không?”

“Digby bảo thế.”

“Ông ta nói gì đó về một chuyến tàu,” Joan Ashby bảo. “Ít nhất là tôi nghĩ thế.”

“Quái lạ,” Keene đáp về nghĩ ngợi. “Tôi nghĩ vào thời điểm thích hợp chúng ta sẽ được nghe toàn bộ câu chuyện thôi. Nhưng kỳ lạ quá.”

Hai người đàn ông im lặng nhìn cô gái một lát. Joan Ashby là một cô nàng quyến rũ, mắt xanh da trời và tóc vàng óng với cái liếc mắt ma quái. Đây là lần đầu tiên cô đến Lytcham Close và cô được mời là nhờ có sự thúc giục của Harry.

Cửa lớn mở ra và Diana Cleaves, con gái nuôi của gia đình Lytcham Roche, bước vào phòng.

Diana có một vẻ quyến rũ táo bạo, vẻ mê hoặc trong đôi mắt đen láy và giọng lưỡi hay chế nhạo. Hầu hết bọn đàn ông đều phải lòng Diana và cô ta thích thú với những cú chinh phục của mình. Một cô nàng kỳ quặc, vừa có đôi chút âm áp quyến rũ vừa lạnh lùng hết sức.

“Thắng được Lão Gia một lần rồi nhé,” cô nhận xét. “Mấy tuần nay đây là lần đầu tiên ông không đến đây trước, nhìn đồng hồ của mình rồi giậm chân tới lui như con hổ vào giờ cho ăn.”

Mấy chàng trai lao đến. Cô mỉm cười duyên dáng với cả hai người – rồi quay sang Harry. Đôi gò má ngăm đen của Geoffrey Keene ửng đỏ khi anh ngồi trở xuống.

Tuy vậy, một lúc sau, anh lấy lại bình tĩnh khi bà Lytcham Roche bước vào. Bà ấy cao ráo, vẻ u sầu và thái độ lơ đãng vốn có, khoác lên mình mấy tấm khăn choàng bông bành có sắc điệp lục lơ mờ. Đi cùng bà là một người đàn ông trung niên có cái mũi khoằm và chiếc cằm kiên quyết – Gregory Barling. Ông ta có vẻ là nhân vật lỗi lạc trong giới tài chính còn gia đình bên ngoài ông lại có gia thế, ông là bạn thân với Hubert Lytcham Roche một vài năm rồi.

Boong!

Tiếng cồng lại oai nghiêm vang lên. Khi nó tắt dần, cánh cửa mở tung và Digby hô.

“Bữa tối đã sẵn sàng.”

Rồi, dù là một người phục vụ được đào tạo bài bản thế mà khuôn mặt bình thản của ông hiện lên vẻ kinh ngạc tốt độ. Theo ông nhớ thì đây là lần đầu tiên ông chủ của ông không có trong phòng!

Rõ ràng mọi người cũng cảm thấy kinh ngạc như ông.

Bà Lytcham Roche bật lên một tiếng cười ngập ngừng.

“Kỳ lạ thật. Thật đấy... tôi chẳng biết làm sao.”

Mọi người đều chung hứng. Toàn bộ truyền thống của Lytcham Close đã bị xem nhẹ. Đã xảy ra chuyện gì thế nhỉ? Mọi người ngừng nói chuyện. Cảm giác chờ đợi căng thẳng.

Cuối cùng, cánh cửa bật mở lần nữa; cơn thở phào bật ra chỉ đủ làm dịu bớt bởi một chút băn khoăn là phải xử lý tình huống thế nào đây. Không cần phải nói gì để nhấn mạnh sự thật rằng chủ nhà đã vi phạm nguyên tắc nghiêm ngặt của ngôi nhà.

Nhưng người mới đến không phải là Lytcham Roche. Thay vì nhân vật cao to, râu ria và có dáng vẻ của một chiến binh thì bước vào phòng khách dài là một người đàn ông nhỏ thó, rõ ràng là người nước ngoài, đầu giống quả trứng, ria mép điệu đà, và bộ cánh dạ tiệc không chệ vào đâu được.

Người mới đến, có đôi mắt lấp lánh, tiến về phía bà Lytcham Roche.

“Xin bà thứ lỗi, thưa bà,” ông bảo. “Tôi e là mình đến trễ vài phút.”

“Ồ, không sao đâu!” bà Lytcham Roche lẩm bẩm vẻ ngờ ngợ. “Không sao đâu, thưa ông...” bà ngừng lại.

“Poirot, thưa bà, Hercule Poirot.”

Ông nghe phía sau mình tiếng “ồ” lên rất khẽ – một tiếng há hốc chứ không phải là một từ phát âm rõ ràng – tiếng thốt lên của một người phụ nữ. Có lẽ ông đang cảm thấy được tăng bốc.

“Bà biết trước tôi sẽ đến chứ?” ông nhỏ nhẹ thì thầm. “Chồng bà đã báo với bà. *N’est ce pas, madame?* “§

“Ồ – ồ, vâng,” bà Lytcham Roche đáp nhưng thái độ thì hoàn toàn không có sức thuyết phục cho lắm. “Ý tôi là, tôi nghĩ thế. Tôi thật sự chẳng được tích sự gì, ông Poirot ạ. Tôi chẳng bao giờ nhớ chuyện gì. Nhưng may có Digby lo hết mọi chuyện.”

“Tôi rất tiếc là chuyến tàu của tôi đã đến trễ,” ông Poirot đáp, “Có một vụ tai nạn trên đường ray phía trước tàu chúng tôi.”

“Ồ,” Joan nói lớn, “thế hóa ra đó là lý do bữa ăn tối bị lùi lại.”

Ông nhanh chóng quay lại nhìn cô – ánh nhìn thận trọng đến kỳ lạ.

“Đó là điều khác thường – hả?”

“Thật sự tôi không thể nghĩ...” bà Lytcham Roche lên tiếng nhưng rồi dừng lại. “Ý tôi là,” rồi bà tiếp tục vẽ bối rối, “kỳ lạ quá. Hubert chưa bao giờ...”

Poirot đưa mắt liếc nhóm người một lượt thật nhanh.

“Ông Lytcham Roche chưa xuống sao?”

“Chưa, kỳ lạ quá...” Bà ấy nhìn Geoffrey Keene đầy vẻ tội nghiệp.

“Ông Lytcham Roche là một người cực kỳ đúng giờ,” Keene giải thích. “Ông chưa bao giờ đến bữa ăn tối trễ đâu... ờ, tôi không biết trước đây ông đã từng trễ lần nào chưa nữa.”

Đối với một người lạ, tình thế hẳn rất lố bịch – những khuôn mặt lo lắng và nói chung là khiếp đảm.

“Tôi biết rồi,” bà Lytcham Roche đáp với vẻ của người đang giải quyết vấn đề. “Tôi sẽ gọi Digby.”

Bà nói sao là làm vậy.

Người quản gia đến ngay.

“Digby,” bà Lytcham Roche bảo, “ông chủ của ông. Ông ấy có...” Như một thói quen, bà không nói hết câu. Rõ ràng người quản gia cũng chẳng đợi bà làm thế. Ông trả lời ngay ra vẻ hiểu ý.

“Ông Lytcham Roche đã xuống lúc 8 giờ kém 5 và đi vào phòng làm việc, thưa bà.”

“Ôi!” Bà dừng lại. “Ông không nghĩ rằng... ý tôi là... ông ấy nghe tiếng cồng chứ?”

“Tôi nghĩ ông ấy hẳn đã nghe rồi... cái cồng nằm ngay bên ngoài cửa phòng làm việc cơ mà.”

“Ừ, đương nhiên rồi, đương nhiên rồi,” bà Lytcham Roche đáp vẻ ngờ ngợ hơn bao giờ hết.

“Chúng ta báo với ông bữa ăn tối đã sẵn sàng nhé, thưa bà?”

“Ôi, cảm ơn, Digby. Ừ, tôi nghĩ... ừ, ừ... tôi nên thế.”

Khi người quản gia rút lui rồi, bà Lytcham Roche nói với các khách khứa. “Tôi không biết liệu mình phải làm sao nếu không có Digby!”

Rồi có một khoảng dừng.

Sau đó Digby trở vào phòng. Với một người có dáng vẻ khỏe khoắn như ông quản gia, hơi thở của ông trở nên gấp gáp hơn một chút là chuyện đáng kể.

“Xin lỗi, thưa bà... cửa phòng làm việc đã khóa rồi ạ.”

Đến nước này thì Hercule Poirot nắm quyền chỉ huy tình hình.

“Tôi nghĩ,” ông bảo, “tốt hơn là chúng ta nên đi vào phòng làm việc.”

Ông dẫn đầu và mọi người đi theo. Chuyện ông đảm nhận quyền hành đó có vẻ như hoàn toàn tự nhiên, ông không còn là vị khách có ngoại hình khô hời nữa. Ông là một nhân vật và là người chỉ huy tình huống.

Ông dẫn đường đi ra hành lang, ngang qua cầu thang, tháp đồng hồ quả lắc lớn, và hốc tường có chiếc cổng. Ngay đối diện hốc tường đó là một cánh cửa đóng kín mít.

Ông gõ cửa, lúc đầu nhẹ nhàng rồi mạnh dần lên. Nhưng không có ai trả lời. Rất nhanh, ông quỳ xuống và áp mắt vào lỗ khóa. Ông đứng dậy và nhìn quanh.

“Thưa quý vị,” ông bảo, “chúng ta phải phá cánh cửa này ra. Ngay lập tức!”

Chẳng ai kịp thắc mắc gì về quyền hạn của ông. Geoffrey Keene và Gregory Barling là hai người đàn ông to con nhất. Họ xử lý cánh cửa dưới sự hướng dẫn của Poirot. Không phải chuyện dễ. Những cánh cửa nhà Lytcham Close đều rắn chắc – không hề có kiểu xây dựng cầu thả hiện đại ở đây. Nó can đảm chống chọi với sự công phá đó nhưng cuối cùng đành chịu thua trước đợt hợp sức của những người đàn ông và đổ sụp vào trong.

Những vị khách dự tiệc trong nhà ngập ngừng ở ngưỡng cửa. Họ thấy những gì tiềm thức họ đã sợ phải thấy. Đối diện họ là khung cửa sổ. Bên trái, giữa cửa ra vào và cửa sổ là một cái bàn làm việc lớn. Trên ghế, ngồi không phải ngay ngắn vào bàn, mà một bên bàn, là một người đàn ông – một người đàn ông to lớn – đang buông thõng xuống phía trước. Lưng ông quay về phía họ còn mặt hướng ra cửa sổ, nhưng tư thế của ông đã nói lên hết mọi chuyện. Bàn tay phải rủ xuống và bên dưới nó, trên tấm thảm, là một khẩu súng lục nhỏ sáng bóng.

Poirot gật bảo Gregory Barling.

“Nhờ ông đưa bà Lytham Roche đi chỗ khác – và cả hai quý cô nữa.”

Người kia gật đầu tỏ ra hiểu ý. Ông đặt bàn tay mình lên cánh tay của bà chủ nhà. Bà ta run rẩy.

“Ông ấy đã tự bắn mình,” bà lầm bầm. “Khủng khiếp quá!” Bà run lên lần nữa rồi cho phép ông Barling đưa bà đi. Hai cô gái kia theo sau.

Poirot tiến vào phòng, hai người đàn ông trẻ đi theo sau.

Ông quỳ xuống bên cạnh thi thể, ra dấu cho họ lùi lại một chút.

Ông tìm thấy lỗ đạn ngay bên phải đầu. Nó xuyên thủng qua bên kia và rõ ràng là đập trúng chiếc gương đang treo trên tường bên trái vì tấm gương bị vỡ vụn. Trên bàn làm việc là một tờ giấy, dành hết chỗ trống cho từ *Xin lỗi* viết nguệch ngoạc ở giữa với nét chữ run rẩy, ngập ngừng.

Poirot phóng tầm mắt trở lại phía cánh cửa ra vào.

“Chìa khóa không nằm trong ổ,” ông bảo. “Tôi tự hỏi...”

Ông chuôi tay vào túi của người đàn ông đã chết.

“Đây rồi,” ông bảo. “Chỉ ít là tôi nghĩ thế. Anh vui lòng mở giúp tôi được không, thưa anh?”

Geoffrey Keene đón lấy cái chìa và thử vào ổ khóa.

“Chính nó, đúng rồi.”

“Còn cửa sổ thì sao?”

Harry Dalehouse bước tới cửa sổ.

“Đóng.”

“Anh cho phép chứ?” Rất nhanh nhẹn, Poirot đứng bật dậy và đến cạnh người kia bên cửa sổ. Đó là một ô cửa sổ dài kiểu Pháp. Poirot mở cửa ra, đứng xem xét bãi cỏ ngay bên ngoài một lát, rồi đóng cửa lại.

“Các bạn ạ,” ông bảo, “chúng ta phải gọi cảnh sát. Cho tới khi họ đến và chính họ tin rằng đó đúng là một vụ tự sát thì không được đụng vào thứ gì cả. Cái chết xảy ra chừng 15 phút trước.”

“Tôi biết rồi,” Harry nói giọng khàn khàn. “Chúng tôi nghe tiếng súng.”

—“Comment?§_ Anh nói gì cơ?”

Harry giải thích với sự trợ giúp của Geoffrey Keene. Khi anh ta nói xong, Barling xuất hiện trở lại.

Poirot nhắc lại những gì ông đã nói trước đó và khi Keene đi gọi điện thoại, Poirot yêu cầu Barling cho mình hỏi chuyện ông vài phút.

Họ đi vào phòng ăn sáng nhỏ, để Digby đứng canh ngoài cửa phòng làm việc trong khi Harry đi tìm mấy người phụ nữ.

“Theo tôi hiểu thì ông là bạn thân của ông Lytcham Roche,” Poirot mở lời, “Vì lý do đó mà tôi xin giới thiệu mình với ông trước tiên. Theo phép xã giao, có lẽ, tôi nên nói chuyện với chủ nhà trước, nhưng lúc này tôi nghĩ chuyện đó không *pratique*§.” Ông ngừng lại.

“Ông biết đấy, tôi bị rơi vào một tình huống nhạy cảm. Tôi sẽ trình bày các sự việc thật rõ ràng cho ông. Tôi làm nghề thám tử tư.”

Nhà tài phiệt hơi mỉm cười.

“Không cần phải giới thiệu đâu, ông Poirot. Giờ đây, tên của ông đã thành từ cửa miệng rồi.”

“Thật hân hạnh quá,” Poirot vừa đáp vừa cúi chào. “Thế thì, chúng ta tiếp tục thôi. Tôi nhận được thư ông Lytcham Roche gửi tới địa chỉ của tôi ở London. Trong thư ông ấy bảo ông ấy có lý do để tin rằng mình đang bị lừa mất những khoản tiền lớn. Theo như ông ấy nói thì vì lý do gia đình, ông không muốn gọi cảnh sát nhưng mong tôi đến và điều tra giúp. Ồ, thế là tôi đồng ý. Tôi đến. Không đến sớm như ông Lytcham Roche mong muốn – vì nói cho cùng tôi còn những vụ khác nữa, và ông Lytcham Roche, ông ấy có phải là vua nước Anh đâu, dù dường như ông ấy nghĩ thế.”

Barling nhăn nhó cười.

“Đúng là ông ấy có nghĩ thế thật.”

“Chính xác.Ồ, ông biết đấy – rõ ràng lá thư của ông ấy chỉ ra rằng ông ấy là kiểu người mà người ta gọi là lập dị. Ông ấy không điên nhưng hơi bất bình thường, *n'est ce pas?*”

“Những gì ông ấy mới làm hẳn đã chứng minh điều đó.”

“Ồ, thưa ông, nhưng tự tử không phải lúc nào cũng là hành động của người bất bình thường. Bồi thẩm đoàn của những án mạng bất thường, họ bảo thế, nhưng đó là để tránh làm tổn thương những người còn lại.”

“Hubert không phải là một nhân vật bình thường,” Barling quả quyết bảo. “Ông ấy hay nổi trận lôi đình, là một người bị chứng độc tưởng về chuyện gia thế, và hay bị ám ảnh hơn người khác. Nhưng ngoại trừ những điều đó thì ông ta là một người khôn ngoan.”

“Chính xác. Ông ấy đủ khôn ngoan để nhận ra mình đang bị cướp.”

“Người ta có tự tử vì bị cướp không?” Barling hỏi.

“Đúng như ông nói, thưa ông. Kỳ quặc thật. Và điều đó buộc tôi phải nhanh tay trong vụ này. Vì lý do gia đình – đó là cụm từ ông ấy dùng trong thư. *Eh bien*,§ thưa ông, ông là người sành sỏi, ông biết rằng chính xác là vì lý do đó – lý do gia đình – khiến người ta tự sát.”

“Ý ông là?”

“Là nhìn bề ngoài thì có vẻ là quý ông *ce pauvre*§ này đã khám phá thêm được điều gì đó – và không thể đối mặt với những gì ông ấy phát hiện. Nhưng ông thấy đấy, tôi có một nhiệm vụ. Tôi đã được thuê – được giao nhiệm vụ – tôi đã nhận công việc đó. Cái ‘lý do gia đình’ này, người đàn ông quá cố không muốn nó đến tị cảnh sát. Thế nên tôi phải hành động nhanh. Tôi phải tìm cho ra sự thật.”

“Và khi ông tìm ra rồi thì?”

“Thì – tôi phải tự quyết định. Tôi phải làm hết mình.”

“Tôi hiểu,” Barling đáp. Ông im lặng hút thuốc một lát rồi bảo, “dù sao tôi e rằng mình không thể giúp được gì ông cả. Hubert chẳng tâm sự với tôi điều gì. Tôi chẳng biết gì hết.”

“Nhưng, thưa ông, hãy nói cho tôi biết, theo ông, ai có khả năng cướp tiền của quý ông tội nghiệp này?”

“Khó nói lắm. Đương nhiên, có một người làm đại diện cho điền trang này. Anh ta là một người mới.”

“Đại diện ư?”

“Vâng. Marshall. Đại úy Marshall. Một gã rất tốt bụng, cụt một tay vì chiến tranh. Anh ta đến đây năm ngoái. Nhưng tôi biết Hubert thích anh ta và cũng tin tưởng anh ta nữa.”

“Nếu đại úy Marshall đang phản bội ông ấy thì chẳng có lý do gia đình gì mà phải im lặng cả.”

“Khô-ông.”

Sự ngập ngừng đó không qua mắt được Poirot.

“Ông nói đi, thưa ông. Xin hãy nói rõ, tôi năn nỉ ông đấy.”

“Có thể chỉ là chuyện tầm phào thôi.”

“Tôi van ông đấy, xin hãy nói đi.”

“Được rồi, thế thì, tôi sẽ nói. Ông có để ý cô gái rất quyến rũ ở trong phòng khách không?”

“Tôi để ý thấy hai cô gái rất quyến rũ.”

“Ồ, vâng, cô Ashby. Một cô bé dễ thương. Đến đây lần đầu. Harry Dalehouse nhờ bà Lytcham Roche mời cô ấy. Không, ý tôi là cô gái ngăm đen cơ – Diana Cleves.”

“Tôi có đề ý cô ấy,” Poirot bảo. “Tôi nghĩ cô ta là người mà tất cả đàn ông đều chú ý.”

“Cô ta là một con quỷ nhỏ,” Barling thốt lên, “Cô ta đang chơi trò hai mặt với từng người đàn ông trong vòng bán kính 20 dặm. Sớm muộn gì cũng sẽ có người ám sát cô ta thôi.”

Barling lấy khăn tay lau lông mày, rõ ràng là rất quan tâm đến chuyện người kia đánh giá mình.

“Và cô gái này là...”

“Cô ta là con gái nuôi của Lyncham Roche. Thật vô cùng đáng tiếc khi ông ấy và vợ không có con cái gì. Họ nhận nuôi Diana Cleves – cô ấy hình như là cháu họ. Hubert rất hết lòng với cô ấy, hoàn toàn tôn sùng cô ấy.”

“Không nghi ngờ gì nữa ông ta hẳn sẽ ghét chuyện cô ấy kết hôn nhỉ?” Poirot ướm hỏi.

“Không đâu nếu cô ấy cưới đúng người.”

“Và người phù hợp đó là... ông phải không, thưa ông?”

Barling giật mình và đỏ mặt. “Tôi không hề nói...”

— “Mais, non, mais, non!§_ Ông không nói gì cả. Nhưng đúng thế, phải không nào?”

“Tôi đã yêu cô ấy... đúng thế. Lytcham Roche rất hài lòng về chuyện đó. Hợp với ý muốn của ông dành cho cô ấy.”

“Còn phía quý cô thì sao?”

“Tôi đã nói với ông rồi – cô ta là quỷ đội lốt người.”

“Tôi hiểu rồi. Cô ta có cách tiêu khiển riêng, chẳng phải thế sao? Nhưng đại úy Marshall, anh ta thì liên quan gì ở đây?”

“Ồ, cô ấy hay gặp gỡ anh ta. Thiên hạ đồn thế. Không phải tôi nghĩ có chuyện gì mắc mớ trong đó cả. Chỉ là một người thua cuộc khác, thế thôi.”

Poirot gật đầu. “Nhưng giả sử có uẩn khúc gì trong đó thì sao – ờ, thế thì có thể giải thích tại sao ông Lytcham Roche muốn tiến hành thật thận trọng.”

“Ông hiểu rằng không thể có lý do để nghi ngờ Marshall biến thủ, đúng không?”

“Ồ, *parfaitement, parfaitement*§! Có thể là một vụ tởn séc giả mạo dính líu đến ai đấy trong gia đình. Anh chàng Dalehouse này là ai thế?”

“Một người cháu trai.”

“Anh ta sẽ được thừa kế, chứ?”

“Anh ta là con trai của em gái ông ấy. Đương nhiên anh ta sẽ đổi họ – còn ai mang họ Lytcham Roche nữa đâu.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Thật ra nơi này không được kế thừa theo thứ tự dù nó luôn được truyền từ cha đến con trai. Tôi luôn nghĩ rằng ông ấy sẽ để lại nơi này cho vợ ông sống cả đời rồi có lẽ là đến Diana nếu ông ấy chấp thuận hôn sự của cô. Ông thấy đấy, chồng cô ấy phải mang họ đó.”

“Tôi hiểu rồi,” Poirot bảo. “Ông thật tốt bụng và đã giúp đỡ tôi rất nhiều, thưa ông. Tôi có thể nhờ ông giúp tôi thêm một việc nữa được không – đó là xin bà Lyncham Roche cho tôi một phút để giải thích với bà tất cả những gì tôi vừa nói với ông?”

Nhanh hơn ông mong đợi, cánh cửa mở ra và bà Lytcham Roche bước vào. Bà lững thững tiến đến một cái ghế.

“Ông Barling đã giải thích mọi chuyện với tôi,” bà bảo. “Đương nhiên chúng ta không được làm rùm beng lên. Mặc dù thật sự tôi nghĩ đó là định mệnh, đúng không nào? Ý tôi là cái gương và những thứ khác.”

— “Comment_ – cái gương ư?”

“Ngay lúc tôi nhìn thấy nó – dường như nó là một cái điềm. Của Hubert! Một lời nguyên, ông ạ. Tôi nghĩ những gia tộc lâu đời hay bị nguyên rửa lắm. Hubert lúc nào cũng hành xử kỳ lạ. Gần đây, ông ấy còn kỳ lạ hơn trước.”

“Thưa bà, bà thứ lỗi cho nếu tôi hỏi liệu bà có đang túng tiền vì một nguyên nhân nào đó không?”

“Tiền ư? Tôi chưa bao giờ nghĩ đến tiền.”

“Thưa bà, bà có nghe người ta thường nói gì không? Những ai không bao giờ nghĩ đến tiền thì lại rất cần nó.”

Poirot đánh bạo cất tiếng cười khẽ. Bà ấy không đáp. Mắt bà nhìn xa xăm.

“Xin cảm ơn bà,” ông bảo, cuộc nói chuyện đến đó là kết thúc.

Poirot gọi và Digby trả lời.

“Tôi sẽ yêu cầu ông trả lời một số câu hỏi,” Poirot bảo. “Tôi là thám tử tư được ông chủ của ông mời đến trước khi ông ấy qua đời.”

“Thám tử!” ông quản gia há hốc mồm. “Tại sao ạ?”

“Ông vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi. Về tiếng súng bây giờ...”

Poirot lắng nghe chuyện ông quản gia thuật lại. “Thế là có bốn người các ông ở hành lang à?”

“Vâng, thưa ông, cậu Dalehouse, cô Ashby và cậu Keene đi từ phòng khách ra.”

“Còn những người khác ở đâu?”

“Những người khác ư, thưa ông?”

“Vâng, bà Lytcham Roche, cô Cleves và ông Barling.”

“Bà Lytcham Roche và ông Barling xuống sau, thưa ông.”

“Thế còn cô Cleves?”

“Thưa ông, tôi nghĩ cô Cleves ở trong phòng khách.”

Poirot hỏi thêm một vài câu nữa, rồi cho ông quản gia lui ra kèm mệnh lệnh yêu cầu cô Cleves đến gặp ông.

Cô Cleves đến ngay lập tức, và ông chăm chú dò xét cô vì những gì Barling đã tiết lộ. Rõ ràng cô thật xinh đẹp trong chiếc đầm satin dài màu trắng có gắn một nụ hồng trên vai.

Ông giải thích hoàn cảnh đã đưa ông đến Lytcham Close, mắt ông dò xét cô rất kỹ, nhưng cô chỉ tỏ ra ngạc nhiên rất chân thành, không có vẻ gì là khó chịu cả. Cô hồ hững nói về Marshall với vẻ có chút đồng tình. Chỉ khi nhắc đến Barling thì cô mới tỏ ra sôi nổi.

“Lão ta là đồ lừa đảo,” cô lạnh lùng nói. “Tôi đã nói với Lão Gia như thế, nhưng ông không nghe – cứ tiếp tục đổ tiền vào những mối quan tâm vô giá trị đó.”

“Thưa cô, cô có thấy thương tiếc khi – cha cô qua đời?”

Cô trở mắt nhìn ông.

“Đương nhiên rồi. Ông biết đấy, tôi là người hiện đại, ông Poirot ạ. Tôi không đắm chìm trong chuyện ủy mị. Nhưng tôi rất yêu quý Lão Gia. Song, đương nhiên, thế là tốt nhất cho ông ấy.”

“Tốt nhất cho ông ấy sao?”

“Vâng. Gần đây đáng lẽ ông phải bị nhốt lại. Càng ngày càng nghiêm trọng hơn – cái niềm tin rằng Lytcham Roche cuối cùng của Lytcham Close có quyền năng vô hạn.”

Poirot gật đầu về nghĩ ngợi.

“Tôi hiểu, tôi hiểu rồi – vâng, nó quyết định dấu hiệu của vấn đề thần kinh. Nhân tiện, cô cho phép tôi kiểm tra cái xác nhỏ của cô chứ? Xinh quá

– tất cả những nụ hồng bằng lụa này. Tôi đang nói gì ấy nhỉ? Ồ, vâng, cô có nghe tiếng súng không?”

“Ồ, có chứ ạ! Nhưng tôi nghĩ đó là xe hơi, hay kẻ săn trộm hay cái gì đấy.”

“Cô đang ở phòng khách sao?”

“Không ạ. Tôi ở ngoài vườn.”

“Tôi hiểu rồi. Cảm ơn cô. Tiếp theo tôi muốn gặp anh Keene được không?”

“Geoffrey? Tôi sẽ bảo anh ấy đến.”

Keene bước vào, vẽ cảnh giác và tò mò.

“Ông Barling đã giải thích với tôi lý do ông đến đây. Tôi không biết mình có chuyện gì để kể cho ông không, nhưng nếu tôi có thể...”

Poirot chen vào. “Tôi chỉ muốn biết một điều, thưa anh Keene. Tôi nay ngay trước khi chúng ta đến gần cửa phòng làm việc anh cúi xuống nhặt gì thế?”

“Tôi...” Keene nhồm bật dậy khỏi ghế rồi ngồi xuống lại. “Tôi chưa hiểu ý ông là gì,” anh ta nhẹ nhàng đáp.

“Ồ, tôi nghĩ là anh biết đấy, thưa anh. Tôi biết anh ở đằng sau tôi nhưng một người bạn của tôi hay bảo rằng tôi có mắt sau gáy. Anh nhặt cái gì đó lên và bỏ nó vào túi áo khoác bên phải.”

Một thoáng chững lại. Vẻ lưỡng lự hiện lên rõ trên khuôn mặt đẹp trai của Keene. Cuối cùng, anh ta quyết định.

“Mời ông chọn, ông Poirot,” anh ta bảo, rồi rướn người về phía trước và lộn túi áo ra. Có một hộp đựng thuốc lá, một chiếc khăn tay, một nụ hồng bằng lụa nhỏ xíu, và một hộp diêm nhỏ bằng vàng.

Một thoáng im lặng rồi Keene bảo. “Thật ra, nó là cái này.” Anh ta lấy hộp diêm. “Hẳn là tôi đã đánh rơi nó đầu buổi tối nay.”

“Tôi nghĩ không phải,” Poirot đáp.

“Ý ông là sao?”

“Ý tôi là. Anh ạ, tôi là một người gọn gàng, có phương pháp và trật tự. Một hộp diêm trên sàn nhà, tôi sẽ thấy nó và nhặt lên – một hộp diêm cỡ này, chắc chắn tôi sẽ thấy! Không, anh ạ, tôi nghĩ cái đó nhỏ hơn rất nhiều – chẳng hạn như cái này, có lẽ thế.”

Ông cầm nụ hồng nhỏ bằng lụa lên.

“Tôi đoán là từ túi xách của cô Cleve, nhỉ?”

Có chút ngập ngừng, rồi Keene cười lớn thừa nhận. “Vâng, đúng thế. Cô ấy... tặng nó cho tôi tối qua.”

“Tôi hiểu rồi,” Poirot đáp, và đúng lúc đó cửa bật mở và một người đàn ông cao ráo tóc sáng màu trong bộ đồ thường phục sải bước vào phòng.

“Keene – tất cả chuyện này là sao? Ông Lytcham Roche tự bắn mình sao? Trời ơi, tôi không tin được. Kỳ lạ quá.”

“Để tôi giới thiệu anh với ông Hercule Poirot,” Keen bảo. Người kia giật mình. “Ông ấy sẽ kể hết mọi chuyện với anh.” Rồi anh ta rời phòng, đóng sầm cửa lại.

“Ông Poirot...” John Marshall hào hứng vô cùng, “... tôi rất vui mừng được gặp ông. Thật may mắn vì ông đã xuống đây. Ông Lytcham Roche chưa bao giờ kể tôi nghe chuyện ông sẽ đến. Tôi vô cùng ngưỡng mộ ông, thưa ông.”

Chàng trai trẻ làm tiêu tan nghi ngờ, Poirot nghĩ – cũng không trẻ lắm vì tóc ở hai bên thái dương và đường viền trên trán đã ngả bạc. Chỉ có giọng nói và cử chỉ tạo ra cảm giác trẻ con.

“Cảnh sát...”

“Họ đã ở đây rồi, thưa ông. Tôi đến cùng họ khi hay tin. Đường như họ không mấy ngạc nhiên. Đương nhiên, ông ấy khủng lắm, nhưng dù thế thì...”

“Dù thế thì anh vẫn ngạc nhiên khi biết ông ấy tự sát sao?”

“Nói thẳng là thế. Tôi nghĩ rằng, ở, ông Lytcham Roche làm sao mà tưởng tượng nổi thế giới vẫn tiếp tục được khi thiếu vắng ông ấy.”

“Tôi nghĩ gần đây ông ấy có vấn đề về tiền bạc nhỉ?”

Marshall gật đầu. “Ông ấy đầu cơ. Máy cái kế hoạch liều lĩnh của Barling.”

Poirot nói khẽ, “Tôi sẽ rất thẳng thắn. Anh có lý do nào để giả sử rằng ông Lytcham Roche nghi ngờ anh can thiệp vào các sổ sách kế toán không?”

Marshall trở mắt nhìn Poirot vẻ hoang mang một cách lộ bịch.

Quá lộ bịch đến độ Poirot phải cố nặn ra một nụ cười.

“Tôi thấy là anh vô cùng kinh ngạc, đại úy Marshall ạ.”

“Vâng, đúng thế. Suy nghĩ đó thật kỳ quặc.”

“À! Một câu hỏi khác. Ông ấy không nghi ngờ anh cướp cô con gái nuôi của ông ấy đấy chứ?”

“Ồ, thế ra ông biết chuyện tôi và Di rồi ạ?” Anh ta cười lớn vẻ bối rối.

“Vậy là có thật à?”

Marshall gật đầu.

“Nhưng ông già không hề biết chuyện đó. Di không nói với ông ấy đâu. Tôi nghĩ cô ấy đã đúng. Ông ấy sẽ phụt lên như một... một chùm tên lửa ấy chứ. Tôi sẽ bị đuổi việc ngay, và thế là hết.”

“Vậy thì thay vào đó kế hoạch của anh là gì?”

“Ồ, chu cha, thưa ông, tôi làm sao biết được. Tôi để Di tự quyết định. Cô bảo cô sẽ lo vụ đó. Thật ra tôi đang tìm việc khác. Nếu tìm được tôi sẽ bỏ việc này.”

“Và quý cô sẽ kết hôn với anh chứ? Nhưng ông Lytcham Roche có thể sẽ cắt trợ cấp của cô ấy. Tôi đoán, cô Diana mê tiền.”

Marshall trông có vẻ không được thoải mái.

“Tôi sẽ cố gắng bù đắp cho cô ấy, thưa ông.”

Geoffrey Keene bước vào phòng. “Cảnh sát chuẩn bị về và họ muốn gặp ông, thưa ông Poirot.”

—“Merci.§_ Tôi đến đây.”

Một viên thanh tra vạm vỡ và một bác sĩ pháp y đang ở trong phòng làm việc.

“Ông Poirot phải không?” viên thanh tra hỏi. “Tôi vừa mới nghe về ông, thưa ông. Tôi là thanh tra Reeves.”

“Rất hân hạnh,” ông Poirot vừa bắt tay vừa đáp. “Các anh không cần sự cộng tác của tôi đâu nhỉ?” Ông bật cười.

“Lần này thì không, thưa ông. Tất cả đều êm xuôi.”

“Vậy là vụ này rõ ràng quá rồi à?” Poirot hỏi.

“Dứt khoát rồi. Cửa ra vào và cửa sổ đã khóa, chìa khóa cửa ra vào nằm trong túi người chết. Mấy hôm nay thái độ rất lạ. Không còn nghi ngờ gì nữa.”

“Mọi thứ hoàn toàn... tự nhiên?”

Anh bác sĩ càu nhàu.

“Hắn là ngôi cái thế kỳ quặc lắm thì viên đạn mới bắn trúng cái gương kia được. Nhưng tự tử là chuyện kỳ quặc mà.”

“Các anh đã tìm ra viên đạn chưa?”

“Rồi, đây ạ.” Anh bác sĩ đưa ra. “Gần bức tường bên dưới tấm gương. Súng lục là của chính ông Roche. Lúc nào cũng nằm trong ngăn kéo bàn làm việc. Tôi dám chắc đằng sau vụ này có cái gì đó nhưng là cái gì thì chúng ta sẽ không bao giờ biết được.”

Poirot gật đầu.

Thi thể được đưa vào phòng ngủ. Bây giờ cảnh sát ra về. Poirot đứng ở cửa trước nhìn theo họ. Có tiếng động khiến ông quay lại. Harry Dalehouse đứng ngay sau lưng ông.

“Liệu anh có cái đèn pin nào thật sáng không, anh bạn?” Poirot hỏi.

“Có ạ, để tôi đi lấy.”

Khi anh ta quay lại mang theo cái đèn pin thì Joan Ashby cũng đi cùng.

“Nếu hai người muốn thì cứ đi theo tôi,” Poirot lịch thiệp bảo. Ông bước ra cửa trước và rẽ phải rồi dừng lại trước cửa sổ phòng làm việc. Thảm cỏ rộng khoảng 6 feet§ ngăn cách với lối đi. Poirot cúi xuống, rọi đèn lên cỏ. Ông đứng thẳng dậy và lắc đầu.

“Không,” ông bảo, “không có ở đó.”

Rồi ông dừng lại và người ông dần dần thẳng đơ. Hai bên vạt cỏ là một luống hoa khá sâu. Poirot tập trung chú ý vào vào luống hoa bên phải, ngập tràn hoa thạch thảo và thược dược. Ông chiếu đèn thẳng vào phía trước vạt hoa. Trên lớp đất mùn mềm là những dấu chân rất rõ.

“Bốn dấu,” Poirot lầm bầm. Hai dấu đi về phía cửa sổ, hai dấu đi ngược lại.”

“Người làm vườn,” Joan gợi ý.

“Nhưng không phải, cô ạ, không phải đâu. Hãy quan sát nhé, Những đôi giày này nhỏ nhắn, dễ thương, cao gót, giày của phụ nữ. Cô Diana có bảo là

đã đi ra vườn. Cô có biết liệu cô ấy có đi xuống cầu thang trước cô không, thưa cô?”

Joan lắc đầu.

“Tôi không nhớ nổi. Tôi vội quá vì tiếng cồng cất lên, và tôi nghĩ mình đã nghe tiếng cồng đầu tiên. Tôi nhớ hình như cửa phòng của cô ấy mở khi tôi đi ngang qua, nhưng tôi không chắc lắm. Tôi biết chắc phòng bà Lytcham Roche thì đóng.”

“Tôi hiểu,” Poirot đáp.

Có điều gì đó trong giọng nói của ông khiến Harry vội nhìn lên, nhưng Poirot chỉ nhăn nhó một mình.

Ở cửa ra vào họ gặp Diana Cleves.

“Cảnh sát đi rồi,” cô bảo, “Mọi chuyện... thế là xong.”

Cô thở dài thườn thượt.

“Tôi có thể nói chuyện với cô một chút được không, thưa cô?”

Cô Cleves dẫn đường vào phòng ăn sáng, và Poirot đi theo, rồi đóng cửa lại.

“Sao ạ?” Cô có vẻ hơi ngạc nhiên.

“Chỉ một câu hỏi nho nhỏ thôi, thưa cô. Tối nay có lúc nào cô ở ngoài luống hoa bên ngoài cửa sổ phòng làm việc không?”

“Có ạ.” Cô gật đầu, “Khoảng 7 giờ đúng và thêm một lần nữa ngay trước giờ ăn tối.”

“Tôi không hiểu,” ông bảo.

“Tôi không thấy có cái gì để ‘hiểu’ như ông nói cả,” cô lạnh lùng đáp. “Tôi hái hoa thạch thảo... để trang trí bàn ăn. Tôi luôn cắm hoa. Lúc đó cỡ 7 giờ đúng.”

“Và tiếp theo...sau đó?”

“Ồ, chuyện đó! Sự thật là tôi làm rơi một giọt dầu dưỡng tóc lên áo đầm – ngay trên vai đây ạ. Ngay lúc tôi đã sẵn sàng đi xuống nhà. Tôi không muốn thay cái đầm khác. Tôi nhớ mình thấy một nụ hồng muộn trên luống hoa. Tôi chạy ra hái và ghim lên đây. Ông xem này...” Cô đến cạnh ông và nhắc đầu hoa hồng lên. Poirot thấy một chấm dầu nhỏ xíu. Cô vẫn đứng gần ông, vai cô gần chạm vào vai ông.

“Và lúc đó là mấy giờ?”

“Ồ, tôi nghĩ là khoảng 8 giờ 10 phút.”

“Cô không... thử cửa sổ sao?”

“Tôi nghĩ mình có thử. Vâng, tôi nghĩ vào lối đó nhanh hơn. Nhưng nó đã bị chốt rồi.”

“Tôi hiểu.” Poirot hít một hơi thật sâu. “Còn tiếng súng,” ông bảo, “cô đang ở đâu thì nghe tiếng đó? Vẫn còn ở chỗ luống hoa à?”

“Ồ, không; phải hai hay ba phút sau, ngay trước khi tôi đi vào bằng cửa hông.”

“Cô có biết đây là cái gì không, thưa cô?”

Trong lòng bàn tay ông xò ra một nụ hoa hồng nhỏ xíu bằng lụa. Cô lạnh lùng xem xét nó.

“Nó trông giống như nụ hồng từ cái xác dạ tiệc nhỏ của tôi. Ông tìm thấy ở đâu thế?”

“Nó nằm trong túi của anh Keene,” Poirot lạnh lùng đáp. “Cô đã đưa nó cho anh ta à, thưa cô?”

“Anh ta bảo ông tôi đưa nó cho anh ta à?”

Poirot mỉm cười.

“Cô đưa nó cho anh ta khi nào, thưa cô?”

“Tối qua.”

“Anh ta có cảnh báo cô phải nói như thế không, thưa cô?”

“Ý ông là sao?” cô ta giận dữ hỏi lại.

Nhưng Poirot không đáp. Ông bước ra khỏi phòng và đi vào phòng khách. Barling, Keene, và Marshall đang ở đó. Ông đi thẳng về phía họ.

“Thưa quý vị,” ông nói cộc lốc, “mời theo tôi vào phòng làm việc.”

Ông đi qua hành lang và gọi Joan và Harry.

“Cả hai người nữa, xin mời. Và nhờ ai đó đi mời bà chủ đến được không? Tôi xin cảm ơn. À! ông Digby xuất sắc đây rồi. Ông Digby, một câu hỏi nhỏ, một câu hỏi nhỏ rất quan trọng. Cô Cleves có cắm hoa thạch thảo trước giờ ăn tối không?”

Ông quản gia có vẻ hoang mang.

“Vâng, thưa ông, có ạ.”

“Ông chắc chứ?”

“Hoàn toàn chắc, thưa ông.”

— “Très bien. §_ Giờ – mời tất cả mọi người đến đây.”

Ông đối diện với họ trong phòng làm việc.

“Tôi gọi mọi người đến đây vì một lý do. Vụ việc đã giải quyết xong, cảnh sát đến và đi rồi. Họ bảo ông Lytcham Roche tự bắn mình. Tất cả đã kết thúc.” Ông dừng lại. “Nhưng tôi, Hercule Poirot, bảo rằng chuyện vẫn chưa Xong.”

Khi những cặp mắt hoảng hốt hướng về ông thì cửa phòng bật mở và bà Lytcham Roche lững thững bước vào phòng.

“Thưa bà, tôi đang bảo rằng vụ án này chưa kết thúc. Đó là vấn đề tâm lý học. Ông Lytcham Roche, ông ấy mắc chứng *manie de grandeur* §, ông là một ông hoàng. Người như ông ấy sẽ không đời nào tự sát. Không, không,

ông ấy có thể nổi điên nhưng không tự sát. Ông Lytham Roche không tự sát đâu.” Ông dừng lại. “Ông ấy đã bị giết.”

“Bị giết ư?” Marshall bật cười. “Một mình trong căn phòng đã khóa chặt cửa ra vào và cửa sổ sao?”

“Dù thế,” Poirot bướng bỉnh đáp, “ông ấy đã bị giết.”

“Tôi đoán, rồi sau đó đứng dậy và khóa cửa ra vào hay đóng cửa sổ,” Diana nói giọng mỉa mai.

“Tôi sẽ chỉ cho cô cái này,” Poirot vừa nói vừa bước đến cửa sổ. Ông xoay tay cầm trên hai cánh cửa sổ kiểu Pháp và rồi nhẹ nhàng kéo ra.

“Thấy chưa, chúng mở ra này. Giờ tôi đóng chúng lại mà không cần xoay tay cầm. Giờ cửa sổ đã đóng nhưng chưa được chốt lại. Giờ thì...”

Ông ấy đập một tiếng ken két và thế là tay cầm xoay, đẩy chốt rơi xuống ổ chốt.

“Cô thấy chứ?” Poirot nhẹ nhàng bảo. “Nó rất lỏng lẻo, cái loại cơ cấu này. Có thể chốt nó từ bên ngoài khá dễ dàng.”

Ông quay lại, thái độ của ông trở nên nghiêm nghị.

“Khi tiếng súng đó nổ vào lúc 8 giờ 12 phút, có bốn người ở hành lang. Bốn người này có chứng cứ ngoại phạm. Thế ba người kia ở đâu? Bà, thưa bà? Ở trong phòng. Còn ông, thưa ông Barling. Ông cũng ở trong phòng của mình à?”

“Đúng thế.”

“Thế còn cô ở trong vườn, thưa cô. Cô đã khai thế.”

“Tôi chẳng thấy...” Diana mở lời.

“Đợi một chút nào.” Poirot quay sang bà Lytham Roche. “Thưa bà, vui lòng nói cho tôi liệu bà có biết chồng bà để lại tiền như thế nào không?”

“Hubert đọc chúc thư của ông ấy cho tôi nghe. Ông bảo tôi cần phải biết. Ông ấy để lại cho tôi 3.000 mỗi năm tính vào điền trang này, kèm với hoặc nhà thừa kế hoặc nhà ở phố, tùy tôi chọn. Tất cả những thứ còn lại ông để dành cho Diana với điều kiện là nếu con bé kết hôn thì người chồng phải đôi họ.”

“À!”

“Nhưng rồi ông ấy làm thêm khoản bổ sung di chúc – cách đây chừng vài tuần.”

“Thế ư, thưa bà?”

“Ông vẫn để lại tất cả mọi thứ cho Diana nhưng với điều kiện là nó phải cưới ông Barling. Nếu nó cưới người khác, thì tất cả sẽ chuyển sang cho đứa cháu trai là Harry Dalehouse.”

“Nhưng điều khoản bổ sung di chúc chỉ mới làm cách đây vài tuần thôi,” Poirot rên rừ...rừ... “Có lẽ cô chưa biết chuyện đó.” Ông bước tới trước với vẻ như tố cáo. “Cô Diana, cô muốn cưới đại úy Marshall, phải không? Hay là anh Keene?”

Diana băng qua căn phòng và khoác tay mình vào cánh tay còn lạnh lặn của Marshall.

“Xin nói tiếp đi ạ,” cô bảo.

“Tôi cáo buộc cô gây ra vụ này, thưa cô. Cô yêu đại úy Marshall. Cô cũng yêu tiền. Cha nuôi của cô sẽ không đời nào đồng ý để cô cưới đại úy Marshall nhưng nếu ông ấy chết chắc chắn cô sẽ được mọi thứ. Thế là cô đi ra ngoài, cô giẫm lên luống hoa gần cửa sổ đang mở, cô mang theo khẩu súng lục mà cô đã lấy từ ngăn kéo bàn làm việc. Cô đến gần nạn nhân và nói chuyện thân mật. Cô nổ súng. Cô thả khẩu súng lục xuống bằng tay của ông ấy, cô chùi sạch sẽ và rồi ấn các ngón tay của ông lên đấy. Cô đi ra lại,

lắc cửa sổ cho tới khi chốt cài rơi xuống. Cô đi vào nhà. Có phải đó là cách vụ việc diễn ra không? Tôi đang hỏi cô đấy, thưa cô?”

“Không phải,” Diana thét lên. “Không... không?”

Ông nhìn cô rồi mỉm cười.

“Không phải,” ông đáp, “không phải thế. Đáng lẽ đã thế – thật hợp lý – có thể lắm chứ – nhưng không thế vì hai lý do. Lý do đầu tiên là cô hái hoa thạch thảo lúc 7 giờ đúng, lý do thứ hai đến từ điều quý cô đây kể cho tôi.” Ông quay sang Joan, đang trân trối nhìn ông vẻ bàng hoàng. Ông gật đầu động viên.

“Nhưng đúng thế, cô gái ạ. Cô kể với tôi rằng cô vội vàng đi xuống cầu thang vì cô nghĩ đó là tiếng cồng thứ hai vang lên, cô cũng đã nghe tiếng cồng thứ nhất rồi.”

Ông liếc thật nhanh quanh phòng.

“Cô chưa nhận ra điều đó nghĩa là gì sao?” ông nói lớn. “Cô chẳng nhận ra điều gì cả. Nhìn này! Nhìn này?” Ông nhảy tới chiếc ghế nạn nhân ngồi. “Cô có để ý thấy điều gì ở thi thể không? Không ngồi ngay ngắn vào bàn... không, mà ngồi một bên bàn, quay mặt ra cửa sổ. Cách tự tử như thế có tự nhiên không? *Jamais, jamais!*§ Ông ta viết lời biện hộ ‘xin lỗi’ lên một tờ giấy – ông ta mở ngăn kéo ra, lấy khẩu súng lục, ông ta đưa lên đầu và thế là ông ta bóp cò. Đó là cách người ta tự tử. Nhưng giờ hãy xem xét vụ ám sát! Nạn nhân ngồi ở bàn, kẻ sát nhân đứng bên cạnh – nói chuyện. Và vẫn nói – nổ súng. Vậy viên đạn đi đâu rồi?” Ông dừng lại, “Xuyên qua đầu, xuyên qua cửa ra vào nếu lúc đó cửa mở, và thế là – va trúng cái cồng.

“A! mọi người đã bắt đầu hiểu chưa? Đó là tiếng cồng đầu tiên – chỉ có quý cô này nghe, vì phòng của cô ấy ở ngay phía trên.

“Tên sát nhân của chúng ta làm gì tiếp theo? Khép cửa lại, khóa cửa, bỏ chìa khóa vào túi người quá cố, rồi xoay cả người và ghế sang bên, ấn máy

ngón tay của nạn nhân lên khẩu súng lục rồi làm rơi nó bên cạnh ông ta, đập vỡ gương trên tường như là chi tiết ngoạn mục cuối cùng – nói ngắn gọn, ‘sắp đặt’ việc tự sát của ông ấy. Sau đó từ ngoài cửa sổ, chốt cửa được lắc cho vào trúng ổ chốt, kẻ giết người không bước lên bãi cỏ nơi dấu chân sẽ lộ ra mà bước lên luống hoa nơi chúng được phủ lại phía sau lưng, không để lại dấu vết nào cả. Rồi đi trở vào nhà và đến 8 giờ 12 phút khi hắn đang ở một mình trong phòng khách, hắn bắn một khẩu súng lục chuyên dụng ra khỏi cửa sổ phòng khách rồi chạy ù ra hành lang. Đó là cách anh thực hiện vụ án phải không, anh Geoffrey Keene?”

Quá ấn tượng, viên thư ký trên trời nhìn người tố cáo tiến lại gần hắn hơn. Rồi, với một tiếng la òng ộc, hắn ngã xuống sàn nhà.

“Tôi nghĩ tôi đã tìm ra câu trả lời,” Poirot bảo. “Đại úy Marshall, anh giúp tôi gọi điện cho cảnh sát nhé?” Ông cúi xuống cái dáng người đang phủ phục, “Tôi nghĩ hắn sẽ vẫn bất tỉnh như thế cho tới khi họ đến.”

“Geoffrey Keene,” Diana lầm bầm. “Nhưng động cơ của hắn là gì?”

“Tôi nghĩ là thư ký hắn có một vài cơ hội – các sổ sách – các tờ séc. Có điều gì đó đánh động sự nghi ngờ của ông Lytcham Roche. Ông ấy mời tôi đến.”

“Sao lại là ông? Sao không phải là cảnh sát?”

“Thưa cô, tôi nghĩ cô có thể trả lời câu hỏi đó. Ông ấy nghi ngờ rằng giữa cô và anh chàng kia có chuyện gì đó. Để đánh lạc hướng suy nghĩ của ông già ra khỏi đại úy Marshall, cô trơ tráo tán tỉnh Keene. Nhưng đúng thế, cô không thể chối cãi! Keene đánh hơi thấy tôi đến nên liền hành động ngay. Cốt yếu của kế hoạch là vụ phạm tội phải trông có vẻ như xảy ra vào lúc 8 giờ 12 phút khi hắn có bằng chứng ngoại phạm. Mối nguy hiểm duy nhất của hắn là viên đạn mà hắn là đang nằm đâu đó gần cái cống và hắn không đủ thời gian để thu lại. Khi chúng ta trên đường đi đến phòng làm

việc thì hấn nhặt nó lên. Vào thời điểm căng thẳng đó hấn nghĩ không ai để ý. Nhưng tôi, tôi để ý đến mọi thứ! Tôi chất vấn hấn ta. Hấn suy nghĩ một lát rồi giở trò hề! Hấn ám chỉ rằng cái mình nhặt lên là nụ hồng bằng lụa, hấn đóng vai một chàng trai đang yêu che giấu cho người phụ nữ mình thương.Ồ, thông minh lắm, và nếu cô không hái hoa thạch thảo...”

“Tôi không hiểu nó có liên quan gì đến chuyện này.”

“Không ư? Nghe này... chỉ có bốn dấu chân trên luống hoa, nhưng khi cô hái hoa, cô phải giẫm nhiều dấu chân hơn thế chứ. Thế là trong khoảng thời gian từ lúc cô hái hoa đến khi lấy nụ hồng đó, có người đã vuột lại luống hoa. Không phải là người làm vườn – chẳng có người làm vườn nào làm việc sau 7 giờ tối cả. Thế thì hấn là ai đó có tội – hấn là tên giết người – tên giết người đã ra tay trước khi tiếng súng vang lên.”

“Tại sao không ai nghe thấy tiếng súng thật cả?” Harry hỏi lại.

“Nòng giảm thanh. Họ sẽ tìm ra nó và cả khẩu súng lục bị quăng vào bụi cây nữa.”

“Liều lĩnh thật!”

“Sao lại liều lĩnh? Mọi người đang ở trên gác thay áo quần chuẩn bị cho bữa ăn tối mà. Thời điểm đó rất thích hợp. Viên đạn là điều rắc rối duy nhất, và ngay cả thế, mọi chuyện diễn ra êm xuôi như hấn nghĩ.”

Poirot nhặt nó lên. “Hấn quăng nó vào dưới tấm gương khi tôi kiểm tra cửa sổ với anh Dalehouse.”

“Ồ!” Diana kéo Marshall. “Cưới em đi John và hãy đưa em đi.”

Barling đằng hắng. “Diana yêu quý à, theo như các điều khoản trong di chúc của bạn tôi...”

“Tôi không quan tâm,” cô gái gào lên. “Chúng tôi có thể vẽ tranh trên vỉa hè.”

“Không cần phải làm thế đâu,” Harry bảo. “Chúng ta sẽ chia đôi, Di à. Tôi không lấy hết tài sản chỉ vì cậu tôi bị chúng ám ảnh đâu.”

Đột nhiên, có một tiếng la. Bà Lytcham Roche nhảy dựng lên.

“Ông Poirot... cái gương... hửn ta... hửn là hửn đã cố ý đập vỡ nó.”

“Đúng thế, thưa bà.”

“Ồ!” Bà chăm chăm nhìn ông. “Nhưng làm vỡ gương sẽ xui xẻo lắm.”

“Nó đã chứng minh Geoffrey Keene gặp xui xẻo rồi đấy,” Poirot vui vẻ đáp.